Nhiều sự lựa chọn hơn, chăm sóc tốt hơn. **Đó là Advantage của chúng tôi.**

2027

Danh Sách Thuốc
(Danh Mục Thuốc)

CareOregon Advantage **Plus**
(HMO D-SNP)

Đối với các quận sau của tiểu bang Oregon: Clackamas, Columbia, Jackson, Multnomah và Washington

CareOregon® Advantage

English
You can get this document in other languages, large print, braille or a format you prefer. You have the right to an interpreter. You can get help from a certified or qualified health care interpreter. This help is free. Call 888-712-3258, TTY 711, or tell your provider. We accept relay calls.

Spanish
Puede obtener este documento en otros idiomas, en letra grande, en braille o en el formato que prefiera. También tiene derecho a solicitar un intérprete. Puede obtener ayuda de un intérprete de atención médica certificado o calificado. Esta ayuda es gratuita. Llame al 888-712-3258, TTY 711 o infórmeselo a su proveedor. Aceptamos llamadas de retransmisión.

Vietnamese
Quý vị có thể tải xuống tài liệu này bằng ngôn ngữ khác, chữ in lớn, chữ nổi hoặc với định dạng mong muốn. Quý vị cũng có quyền yêu cầu một thông dịch viên. Quý vị có thể nhận được sự trợ giúp từ một thông dịch viên chăm sóc sức khỏe có trình độ hoặc có chứng nhận. Dịch vụ này là miễn phí. Gọi tới số 888-712-3258, TTY 711 hoặc thông báo với nhà cung cấp của quý vị. Chúng tôi chấp nhận các cuộc gọi chuyển tiếp.

Arabic
يمكنك الحصول على هذه الوثيقة بلغات أخرى أو بخطٍ كبير أو بطريقة برايل أو بأي تنسيق تفضله. لديك أيضًا الحق في الحصول على مترجم. يمكنك الحصول على مساعدة مترجم فوري معتمَد أو مؤهل في مجال خدمات الرعاية الصحية. يمكنك الحصول على هذه المساعدات مجانًا. اتصل بالرقم 888-712-3258 أو عبر خدمة الهاتف النصي على 711، أو أخبر مقدم الخدمة الخاص بك. نقبل المكالمات الواردة عبر خدمة الترحيل.

Dari - Afghan Persian

شما میتوانید این سند را به زبان های دیگر، چاپ بزرگ، خط بریل یا فارمتی که شما ترجیح میدهید بدست بیاورید. شما همچنان حق دارید که یک ترجمان شفاهی داشته باشید. شما میتوانید از یک ترجمان شفاهی تصدیق شده مراقبت صحی یا واجد شرایط کمک بگیرید. این کمک رایگان است. با شماره 888-712-3258، TTY 711 تماس بگیرید، یا به ارائه کننده خود بگوئید. ما تماس های انتقالی (Relay Calls) را می پذیریم.

Russian

Этот документ можно получить на других языках, крупным шрифтом, шрифтом Брайля или в другом предпочитаемом формате. Кроме того, вы имеете право запросить услуги устного переводчика. Вы можете получить помощь дипломированного или квалифицированного устного переводчика, специализирующегося в области медицины. Эти услуги предоставляются бесплатно. Позвоните по номеру 888-712-3258 (TTY: 711) или обратитесь к своему врачу. Мы принимаем ретранслируемые звонки.

Somali

Waxaad dukumiintigan ku heli kartaa luuqadaha kale, farta waawayn, farta indhoolaha ama nooca aad rabto. Waxaad sidoo kale xaq u leedahay inaad hesho turjubaan. Waxaad caawimaad ka heli kartaa turjubaan daryeelka caafimaadka qaabilsan oo xirfad u leh ama shahaado u haysta. Caawimadani waa bilaash. Wac 888-712-3258, TTY 711, ama u sheeg adeeg bixiyahaaga. Waanu aqbalaynaa wicitaanada dadka maqalka culus.

Traditional Chinese (Cantonese)

您可以獲得以其他語言、大字體、盲文或您喜歡的格式提供的該文件。您還有權獲得由口譯員提供的翻譯協助。您可以從經認證或合格的醫療保健口譯員那裡獲得幫助。這項幫助是免費的。請致電 888-712-3258，聽障或語言障礙人士請撥打 TTY 711 進行諮詢，或告知您的服務提供方。我們接受中繼呼叫。

Simplified Chinese (Mandarin)

您可以获得以其他语言、大字体、盲文或您喜欢的格式提供的该文件。您还有权获得由口译员提供的翻译协助。您可以从经认证或合格的医疗保健口译员那里获得帮助。这项帮助是免费的。请致电 888-712-3258，听障或语言障碍人士请拨打 TTY 711 进行咨询，或告知您的服务提供方。我们接受中继呼叫。

Korean

본 문서는 다른 언어, 큰 활자, 점자 또는 귀하가 선호하는 형식으로 제공될 수 있습니다. 또한 통역사를 요청할 권리가 있습니다. 자격증을 소지하였거나 자격을 갖춘 의료 전문 통역사의 도움을 받을 수 있습니다. 이 지원은 무료로 제공됩니다. 전화 888-712-3258(TTY 711)번 또는 담당 제공자에게 문의하십시오. 중계 전화도 받고 있습니다.

Chuukese

Ka tongeni nounou ei taropwe non pwan foosun ekkoch fonu, epwe mesemong makkan, epwe ussun noun mei chuun ika non ew sokkun nikinik ke mochen kopwe nounou. Mei pwan wor omw pwuung omw kopwe nounou chon chiaku ngonuk. Mei pwan tongeni an epwe kawor ngonuk aninis ren peekin chiaku seni ekkewe ir ra kan tufichin chiaku ika ir mei tongeni chiaku ren peekin aninsin health care. Ei sokkun aninis ese pwan kamo. Kokori nampa 888-712-3258, TTY 711, ika pworous ngeni noumw we tokter ren. Kich mei pwan etiwa kokkon an emon epwe wisen atoura.

Ukrainian

Цей документ можна отримати в перекладі іншою мовою, надрукованим великим шрифтом, шрифтом Брайля або в іншому зручному для вас форматі. Крім того, ви маєте право на послуги усного перекладача. Ви можете скористатися послугами дипломованого або кваліфікованого усного перекладача, який спеціалізується в галузі охорони здоров’я. Такі послуги надаються безкоштовно. Зателефонуйте за номером 888-712-3258 TTY711 або зверніться до свого лікаря. Ми приймаємо виклики в режимі ретрансляції.

Farsi

شما می‌توانید این سند را به زبان‌های دیگر، نسخه چاپی درشت، خط بریل، یا در قالب دلخواه خود دریافت کنید. همچنین، شما حق دارید از یک مترجم کمک بگیرید. می‌توانید از یک مترجم شفاهی مراقبت‌های بهداشتی دارای گواهی‌نامه یا واجد صلاحیت کمک بگیرید. این کمک رایگان است. با شماره 888-712-3258 تماس بگیرید، از طریق دستگاه تله‌تایپ (TTY) با شماره 711 تماس حاصل کنید، یا موضوع را به ارائه‌دهنده خدمات درمانی خود اطلاع دهید. ما از تماس‌های رله پشتیبانی می‌کنیم.

Amharic
ይህንን ሰነድ በሌሎች ቋንቋዎች፣ በትላልቅ ህትመቶች፣ በብሬይል ወይም በሚመርጡት ቅርጸት ማግኘት ይችላሉ። በተጨማሪም አስተርጓሚ የማግኘት መብት አለዎት። እውቅና ካለው ወይም ብቃት ካለው የጤና እንክብካቤ አስተርጓሚ እርዳታ ማግኘት ይችላሉ። ይህ እርዳታ ነጻ ነው። ወደ 888-712-3258፣ TTY 711 ይደውሉ ወይም ለአቅራቢዎ ይንገሩ። የሪሌይ ስልክ ጥሪዎችን እንቀበላለን።

Romanian
Puteți obține acest document în alte limbi, tipărit cu font mare, în braille sau în formatul preferat. De asemenea, aveți dreptul la un interpret. Puteți obține asistență de la un interpret aprobat sau calificat în domeniul medical. Asistența este gratuită. Sunați la 888-712-3258, TTY 711 sau contactați furnizorul. Acceptăm apeluri prin centrală.

Khmer/Cambodian
អ្នកអាចទទួលបានឯកសារនេះជាភាសាផ្សេងទៀត អក្សរធំៗ អក្សរស្ទាប ឬទម្រង់ដែលអ្នកចង់បាន។
អ្នកក៏មានសិទ្ធិទទួលបានអ្នកបកប្រែផ្ទាល់មាត់ផងដែរ។
អ្នកអាចទទួលបានជំនួយពីអ្នកបកប្រែផ្ទាល់មាត់ផ្នែកថែទាំសុខភាពដែលមានលក្ខណសម្បត្តិគ្រប់គ្រាន់ ឬមានវិញ្ញាបនបត្របញ្ជាក់។
ជំនួយនេះផ្តល់ជូនឥតគិតថ្លៃ។ សូមហៅទូរសព្ទទៅលេខ 888-712-3258, TTY 711 ឬប្រាប់ស្ថាប័នផ្តល់សេវារបស់អ្នក។
យើងទទួលយកការហៅទូរសព្ទបញ្ជូនបន្ត។

Burmese

ဤစာရွက်စာတမ်းကို အခြားဘာသာစကားများ၊ စာလုံးကြီးဖြင့် ပုံနှိပ်ထားခြင်း၊ မျက်မမြင်စာ သို့မဟုတ် သင်နှစ်သက်သော ဖောမက်တစ်ခုဖြင့် ရရှိနိုင်ပါသည်။ သင့်တွင် စကားပြန်တစ်ဦးရပိုင်ခွင့်လည်း ရှိပါသည်။ အသိအမှတ်ပြုထားသော သို့မဟုတ် အရည်အချင်းပြည့်မီသော ကျန်းမာရေး စောင့်ရှောက်မှုဆိုင်ရာ စကားပြန်တစ်ဦး၏ အကူအညီကို သင်ရရှိနိုင်ပါသည်။ ဤအကူအညီသည် အခမဲ့ ဖြစ်ပါသည်။ 888-712-3258, TTY 711 သို့ ခေါ်ဆိုပါ သို့မဟုတ် သင့်အား စောင့်ရှောက်မှုပေးသူကို ပြောပါ။ ကြားလူအကူအညီဖြင့် ဖုန်းခေါ်ဆိုမှုများကို ကျွန်ုပ်တို့ လက်ခံပါသည်။

Swahili

Unaweza kupata hati hii katika lugha nyingine, machapisho makubwa, maandiko ya nukta nundu au katika muundo unaoupenda. Una haki ya kupata mkalimani. Unaweza kupata msaada kutoka kwa mkalimani wa huduma za afya aliyeidhinishwa au anayestahiki. Msaada huu haulipishwi. Piga simu kwa 888-712-3258, TTY 711, au mweleze mtoa huduma wako. Tunapokea simu za kupitia mfasiri wa mawasiliano.

CareOregon Advantage Plus (HMO D-SNP)

Danh mục thuốc năm 2027

(Danh sách thuốc được bảo hiểm hoặc “Danh sách thuốc”)

XIN VUI LÒNG ĐỌC: TÀI LIỆU NÀY CHỨA THÔNG TIN VỀ CÁC LOẠI THUỐC ĐƯỢC BẢO HIỂM BAO TRONG GÓI BẢO HIỂM NÀY

Danh mục thuốc ID 27429, Phiên bản 13

Danh mục thuốc này đã được cập nhật vào tháng 9 năm 2026. Để biết thông tin mới nhất hoặc nếu có thắc mắc khác, vui lòng liên lạc Bộ phận Dịch vụ Khách hàng Dược phẩm của CareOregon Advantage theo số 866-325-7344 (người dùng TTY vui lòng gọi số 711), từ 8 giờ sáng đến 8 giờ tối, bảy ngày một tuần, từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 31 tháng 3, và từ 8 giờ sáng đến 8 giờ tối, từ Thứ Hai đến Thứ Sáu, từ ngày 1 tháng 4 đến ngày 30 tháng 9.

H5859_CO2027_CFO_C

Lưu ý dành cho các thành viên hiện tại: Danh mục thuốc này đã thay đổi so với năm ngoái. Vui lòng xem xét tài liệu này để bảo đảm rằng danh mục vẫn bao gồm các loại thuốc mà quý vị đang sử dụng.

Khi Danh mục Thuốc này đề cập đến “chúng tôi”, "chúng mình", hay "chúng ta" điều đó có nghĩa là CareOregon Advantage. Khi đề cập đến “chương trình” hoặc “chương trình của chúng tôi”, điều đó có nghĩa là CareOregon Advantage Plus.

Tài liệu này bao gồm Danh mục Thuốc (formulary) áp dụng cho chương trình của chúng tôi, có hiệu lực tính đến tháng 9 năm 2026. Vui lòng liên lạc với chúng tôi để biết Danh mục Thuốc đã được cập nhật. Thông tin liên lạc của chúng tôi, cùng với ngày cập nhật Danh mục Thuốc gần nhất, được ghi trên trang bìa trước và bìa sau.

Thông thường, quý vị cần sử dụng các tiệm thuốc tây thuộc mạng lưới để hưởng quyền lợi về thuốc kê đơn. Các quyền lợi, danh mục thuốc, mạng lưới tiệm thuốc tây và/hoặc các khoản đồng thanh toán/đồng bảo hiểm có thể thay đổi vào ngày 1 tháng 1 năm 2027 và vào những thời điểm khác trong năm.

Danh mục thuốc của CareOregon Advantage Plus là gì?

Trong tài liệu này, các thuật ngữ "Danh sách thuốc" (Drug List) và "danh mục thuốc" được dùng cho cùng một khái niệm. Danh mục thuốc là danh sách các loại thuốc được CareOregon Advantage Plus chi trả, do chương trình lựa chọn sau khi tham khảo với đội ngũ chuyên gia y tế; danh sách này bao gồm các liệu pháp dùng thuốc được coi là thành phần thiết yếu của một chương trình điều trị chất lượng. Thông thường, CareOregon Advantage Plus sẽ chi trả cho các loại thuốc có trong danh mục nếu thuốc đó cần thiết về mặt y tế, đơn thuốc được cấp tại tiệm thuốc tây thuộc mạng lưới

của CareOregon Advantage Plus, và các quy định khác của chương trình được tuân thủ. Để biết thêm thông tin về quy trình cấp thuốc được kê đơn, vui lòng xem tài liệu "Bằng chứng về phạm vi chi trả" (Evidence of Coverage) của quý vị.

Danh mục thuốc có thể thay đổi không?

Hầu hết các thay đổi về phạm vi chi trả thuốc đều diễn ra vào ngày 1 tháng 1, nhưng chúng tôi có thể thêm hoặc loại bỏ thuốc khỏi danh mục trong năm, chuyển thuốc sang các mức chia sẻ chi phí khác nhau hoặc áp dụng thêm các hạn chế mới. Chúng tôi phải tuân thủ các quy định của Medicare khi thực hiện những thay đổi này. Các cập nhật về danh mục thuốc được đăng tải hàng tháng trên trang mạng của chúng tôi tại *careoregonadvantage.org/druglist*

Những thay đổi có thể ảnh hưởng đến quý vị trong năm nay*:* Quý vị sẽ bị ảnh hưởng bởi các thay đổi về phạm vi chi trả trong năm đối với những trường hợp như sau:

- **Thay thế ngay lập tức bằng một số phiên bản mới của thuốc có tên thương hiệu và sản phẩm sinh học gốc.** Chúng tôi có thể loại bỏ ngay một loại thuốc khỏi danh mục thuốc nếu thay thế bằng một phiên bản mới của chính loại thuốc đó, với điều kiện phiên bản mới này nằm ở cùng mức hoặc mức chia sẻ chi phí thấp hơn và có các hạn chế tương đương hoặc ít hơn. Khi bổ sung phiên bản mới của một loại thuốc vào danh mục, chúng tôi có thể quyết định giữ lại thuốc có tên thương hiệu hoặc sản phẩm sinh học gốc trong danh mục, nhưng sẽ chuyển ngay sang mức chia sẻ chi phí khác hoặc áp dụng các hạn chế mới.

Chúng tôi chỉ thực hiện các thay đổi tức thì này khi bổ sung phiên bản thuốc gốc tương đương mới của một loại thuốc có tên thương hiệu, hoặc bổ sung một số phiên bản thuốc sinh học tương tự (biosimilar) mới của một sản phẩm sinh học gốc đã có trong danh mục (ví dụ: bổ sung thuốc sinh học tương tự có thể thay thế cho sản phẩm sinh học gốc tại tiệm thuốc tây mà không cần đơn thuốc mới).

Nếu quý vị đang sử dụng thuốc có tên thương hiệu hoặc sản phẩm sinh học gốc, chúng tôi có thể không thông báo trước khi thực hiện thay đổi tức thì, nhưng sau đó sẽ cung cấp thông tin về (các) thay đổi cụ thể mà chúng tôi đã thực hiện.

Nếu chúng tôi thực hiện thay đổi như vậy, quý vị hoặc bác sĩ kê đơn có thể yêu cầu chúng tôi áp dụng ngoại lệ và tiếp tục chi trả cho loại thuốc đang bị thay đổi. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem phần có tiêu đề “Làm thế nào để yêu cầu áp dụng ngoại lệ đối với danh mục thuốc của CareOregon Advantage Plus?” ở trang x.

Một số loại thuốc này có thể còn mới lạ đối với quý vị. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem phần có tiêu đề “Sản phẩm sinh học gốc là gì và chúng có mối liên hệ như thế nào với thuốc sinh học tương tự?” ở trang viii.

- **Các loại thuốc bị rút khỏi thị trường.** Nếu một loại thuốc bị nhà sản xuất rút khỏi thị trường hoặc bị Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm (FDA) yêu cầu rút khỏi thị trường vì lý do an toàn hoặc hiệu quả, chúng tôi có thể loại bỏ ngay loại thuốc đó khỏi danh mục và sau đó thông báo cho các thành viên đang sử dụng thuốc.

- **Các thay đổi khác.** Chúng tôi có thể thực hiện các thay đổi khác ảnh hưởng đến những thành viên đang sử dụng thuốc. Ví dụ, chúng tôi có thể loại bỏ thuốc có tên thương hiệu khỏi danh mục khi bổ sung thuốc gốc tương đương tương đương, hoặc loại bỏ sản phẩm sinh học gốc khi bổ sung thuốc sinh học tương tự. Chúng tôi cũng có thể áp dụng các hạn chế mới đối với thuốc có tên thương hiệu hoặc sản phẩm sinh học gốc, chuyển sang mức chia sẻ chi phí khác, hoặc thực hiện cả hai. Chúng tôi có thể thực hiện thay đổi dựa trên các hướng dẫn lâm sàng mới. Nếu chúng tôi loại bỏ thuốc khỏi danh mục thuốc, áp dụng quy định phê duyệt trước, giới hạn số lượng và/hoặc hạn chế theo liệu pháp từng bước đối với một loại thuốc, hay chuyển thuốc sang nhóm chi phí chia sẻ cao hơn, chúng tôi phải thông báo cho các thành viên bị ảnh hưởng về sự thay đổi này ít nhất 30 ngày trước khi thay đổi có hiệu lực. Ngoài ra, khi yêu cầu cấp lại thuốc, thành viên có thể nhận được lượng thuốc đủ dùng trong 30 ngày kèm theo thông báo về sự thay đổi này.

Nếu chúng tôi thực hiện các thay đổi khác này, quý vị hoặc bác sĩ kê đơn có thể yêu cầu chúng tôi áp dụng ngoại lệ cho quý vị và tiếp tục chi trả cho loại thuốc mà quý vị đang sử dụng. Thông báo mà chúng tôi gửi đến quý vị cũng sẽ bao gồm hướng dẫn về cách yêu cầu áp dụng ngoại lệ; quý vị cũng có thể tìm thấy thông tin này trong phần có tiêu đề “Làm thế nào để yêu cầu áp dụng ngoại lệ đối với danh mục thuốc của CareOregon Advantage Plus?” ở trang x.

Những thay đổi sẽ không ảnh hưởng đến bạn nếu bạn đang dùng thuốc.

Nói chung, nếu quý vị đang sử dụng một loại thuốc có trong danh mục thuốc năm 2027 của chúng tôi và thuốc đó đã được đài thọ vào đầu năm, chúng tôi sẽ không ngừng hoặc cắt giảm phạm vi đài thọ cho loại thuốc này trong suốt năm đài thọ 2027, trừ các trường hợp đã nêu ở trên. Điều này có nghĩa là các loại thuốc này vẫn sẽ được cung cấp với cùng mức chia sẻ chi phí và không có thêm hạn chế mới nào đối với những thành viên đang sử dụng chúng trong phần còn lại của năm đài thọ. Quý vị sẽ không nhận được thông báo trực tiếp trong năm nay về những thay đổi không ảnh hưởng đến mình. Tuy nhiên, vào ngày 1 tháng 1 của năm tiếp theo, những thay đổi đó có thể sẽ ảnh hưởng đến quý vị; do đó, điều quan trọng là quý vị cần kiểm tra danh mục thuốc của năm quyền lợi mới để biết về bất kỳ thay đổi nào đối với các loại thuốc.

Danh mục thuốc kèm theo đây có hiệu lực tính đến tháng 9 năm 2026. Vui lòng liên lạc với chúng tôi để biết thông tin cập nhật về các loại thuốc được CareOregon Advantage Plus đài thọ. Thông tin liên lạc của chúng tôi có ở trang bìa trước và bìa sau. Nếu chúng tôi thực hiện bất kỳ thay đổi nào đối với danh mục thuốc giữa năm, không phải là thay đổi mang tính duy trì mà có ảnh hưởng đến quý vị, các thay đổi đó sẽ được cập nhật trong danh mục thuốc trực tuyến của chúng tôi; danh mục này được cập nhật vào ngày đầu tiên của mỗi tháng trong suốt cả năm.

Làm thế nào để sử dụng danh mục thuốc?

Có hai cách để tìm loại thuốc của quý vị trong danh mục thuốc:

Tình trạng bệnh lý

Danh mục thuốc bắt đầu từ trang 1. Các loại thuốc trong danh mục này được phân nhóm dựa trên loại bệnh lý mà chúng được sử dụng để điều trị. Ví dụ, các loại thuốc dùng để điều trị bệnh tim được liệt kê trong nhóm Thuốc Tim mạch. Nếu bạn biết công dụng của thuốc, hãy tìm tên nhóm thuốc trong danh sách bắt đầu từ trang 1. Sau đó, tìm tên thuốc của bạn trong nhóm đó.

Danh sách theo thứ tự bảng chữ cái

Nếu bạn không chắc chắn nên tìm trong nhóm nào, hãy tra cứu thuốc của bạn trong phần Mục lục bắt đầu từ trang 193. Mục lục cung cấp danh sách tất cả các loại thuốc có trong tài liệu này theo thứ tự bảng chữ cái. Cả thuốc có tên thương hiệu và thuốc gốc (generic) đều được liệt kê trong Mục lục. Hãy tra cứu Mục lục để tìm thuốc của bạn. Bên cạnh tên thuốc, bạn sẽ thấy số trang chứa thông tin về phạm vi chi trả bảo hiểm. Hãy mở đến trang được liệt kê trong Mục lục và tìm tên thuốc của quý vị ở cột đầu tiên của danh sách.

Thuốc gốc là gì?

CareOregon Advantage Plus chi trả cho cả thuốc có tên thương hiệu và thuốc gốc. Thuốc gốc tương đương là loại thuốc được FDA chấp thuận vì có cùng hoạt chất với thuốc có tên thương hiệu. Nói chung, thuốc gốc tương đương có hiệu quả tương đương và thường có giá thấp hơn thuốc có tên thương hiệu. Hiện có sẵn các loại thuốc gốc tương đương thay thế cho nhiều loại thuốc có tên thương hiệu. Tùy thuộc vào luật pháp của từng tiểu bang, thuốc gốc tương đương thường có thể được dùng thay thế cho thuốc có tên thương hiệu tại tiệm thuốc tây mà không cần đơn thuốc mới.

Sản phẩm sinh học gốc là gì và chúng có mối liên hệ thế nào với thuốc sinh học tương tự?

Trong danh mục thuốc, khi chúng tôi đề cập đến "thuốc", thuật ngữ này có thể bao gồm cả thuốc thông thường hoặc sản phẩm sinh học. Sản phẩm sinh học là những loại thuốc có cấu trúc phức tạp hơn so với các loại thuốc thông thường. Do các sản phẩm sinh học có cấu trúc phức tạp hơn so với các loại thuốc thông thường, thay vì có phiên bản thuốc gốc chúng có các sản phẩm thay thế được gọi là thuốc sinh học tương tự. Nói chung, thuốc sinh học tương tự có hiệu quả tương đương với thuốc sinh học gốc và có thể có chi phí thấp hơn. Hiện đã có các loại thuốc sinh học tương tự thay thế cho một số loại thuốc sinh học gốc. Một số loại thuốc sinh học tương tự được xếp vào nhóm có thể thay thế trực tiếp; tùy thuộc vào quy định của từng tiểu bang, các loại thuốc này có thể được dùng thay thế cho thuốc sinh học gốc ngay tại tiệm thuốc tây mà không cần đơn thuốc mới, tương tự như cách thuốc gốc tương đương được dùng thay thế cho thuốc có tên thương hiệu.

Để biết thông tin thảo luận về các loại thuốc, vui lòng xem Tài liệu Phạm vi Bảo hiểm Chương 5, Mục 3.1: “Danh mục Thuốc cho biết những loại thuốc thuộc Phần D nào được đài thọ."

Phạm vi bảo hiểm được đài thọ của tôi có bị hạn chế gì không?

Một số loại thuốc được đài thọ có thể có thêm các yêu cầu hoặc giới hạn về phạm vi đài thọ. Các yêu cầu và giới hạn này có thể bao gồm:

- **Phê duyệt trước: CareOregon Advantage Plus yêu cầu bạn hoặc người kê đơn thuốc phải xin phê duyệt trước đối với một số loại thuốc nhất định. Điều này có nghĩa là bạn cần nhận được sự chấp thuận từ CareOregon Advantage Plus**

dựa trên các tiêu chí cụ thể trước khi lấy thuốc theo đơn. Nếu không có sự chấp thuận, CareOregon Advantage Plus có thể sẽ không đài thọ chi phí cho loại thuốc đó.

- **Giới hạn số lượng***:* Đối với một số loại thuốc nhất định, CareOregon Advantage Plus giới hạn số lượng thuốc mà chúng tôi sẽ chi trả. Ví dụ, CareOregon Advantage Plus cung cấp 9 viên cho mỗi đơn thuốc đối với loại thuốc sumatriptan. Số lượng này có thể được cấp thêm bên cạnh lượng thuốc tiêu chuẩn dùng trong một tháng hoặc ba tháng.
- **Liệu pháp theo từng bước (Step Therapy)***:* Trong một số trường hợp, CareOregon Advantage Plus yêu cầu bạn phải thử dùng một số loại thuốc nhất định để điều trị tình trạng bệnh của mình trước khi chúng tôi chi trả cho một loại thuốc khác cho cùng tình trạng đó. Ví dụ, nếu cả Thuốc A và Thuốc B đều có thể điều trị tình trạng bệnh của bạn, CareOregon Advantage Plus có thể sẽ không chi trả cho Thuốc B trừ khi bạn đã thử dùng Thuốc A trước. Nếu Thuốc A không mang lại hiệu quả cho bạn, khi đó CareOregon Advantage Plus sẽ chi trả cho Thuốc B.

Quý vị có thể kiểm tra xem thuốc của mình có các yêu cầu hoặc giới hạn bổ sung nào không bằng cách xem danh mục thuốc bắt đầu từ trang 1. Quý vị cũng có thể tìm hiểu thêm thông tin về các hạn chế áp dụng cho những loại thuốc cụ thể được đài thọ bằng cách truy cập trang mạng của chúng tôi. Chúng tôi đã đăng tải các tài liệu trực tuyến giải thích về quy định phê duyệt trước và liệu pháp theo từng bước. Quý vị cũng có thể yêu cầu chúng tôi gửi bản sao các tài liệu này. Thông tin liên lạc của chúng tôi, cùng với ngày cập nhật danh mục thuốc gần nhất, được ghi ở trang bìa trước và bìa sau.

Quý vị có thể yêu cầu CareOregon Advantage Plus áp dụng ngoại lệ đối với các hạn chế hoặc giới hạn này, hoặc yêu cầu danh sách các loại thuốc tương tự có thể điều trị tình trạng sức khỏe của mình. Vui lòng xem phần "Làm thế nào để yêu cầu áp dụng ngoại lệ đối với danh mục thuốc của CareOregon Advantage Plus?" ở dưới đây để biết thông tin về cách thức yêu cầu.

Nếu thuốc của tôi không có trong danh mục thuốc thì sao?

Nếu thuốc của quý vị không có trong danh mục thuốc này (danh sách các loại thuốc được đài thọ), trước tiên quý vị nên liên lạc với Bộ phận Dịch vụ Khách hàng về Dược phẩm để hỏi xem thuốc đó có được đài thọ hay không.

Nếu biết rằng CareOregon Advantage Plus không đài thọ loại thuốc của mình, quý vị có hai lựa chọn:

- Quý vị có thể yêu cầu Bộ phận Dịch vụ Khách hàng về Dược phẩm cung cấp danh sách các loại thuốc tương tự được CareOregon Advantage Plus đài thọ. Khi nhận được danh sách này, hãy đưa cho bác sĩ xem và đề nghị bác sĩ kê đơn một loại thuốc tương tự nằm trong danh mục được CareOregon Advantage Plus đài thọ.
- Quý vị có thể yêu cầu CareOregon Advantage Plus thực hiện ngoại lệ và chi trả cho loại thuốc của mình. Vui lòng xem thông tin bên dưới về cách thức yêu cầu ngoại lệ.

Làm thế nào để yêu cầu áp dụng ngoại lệ đối với danh mục thuốc của CareOregon Advantage Plus?

Quý vị có thể yêu cầu CareOregon Advantage Plus thực hiện ngoại lệ đối với các quy tắc chi trả của chúng tôi. Có một số loại ngoại lệ mà quý vị có thể yêu cầu chúng tôi thực hiện.

- Quý vị có thể yêu cầu chúng tôi chi trả cho một loại thuốc ngay cả khi thuốc đó không có trong danh mục thuốc của chúng tôi. Nếu được chấp thuận, loại thuốc này sẽ được chi trả ở mức chia sẻ chi phí đã định trước, và quý vị sẽ không thể yêu cầu chúng tôi cung cấp thuốc ở mức chia sẻ chi phí thấp hơn.

- Quý vị có thể yêu cầu chúng tôi miễn áp dụng một hạn chế chi trả, bao gồm quy định về phê duyệt trước, liệu pháp theo bước hoặc giới hạn số lượng đối với thuốc của mình. Ví dụ: đối với một số loại thuốc nhất định, CareOregon Advantage Plus giới hạn số lượng thuốc mà chúng tôi sẽ chi trả. Nếu thuốc của quý vị có giới hạn về số lượng, quý vị có thể yêu cầu chúng tôi bỏ giới hạn này và chi trả cho số lượng lớn hơn.

Thông thường, CareOregon Advantage Plus sẽ chỉ chấp thuận yêu cầu ngoại lệ của quý vị nếu các loại thuốc thay thế có trong danh mục thuốc của chương trình, loại thuốc có mức chia sẻ chi phí thấp hơn, hoặc việc áp dụng hạn chế đó không mang lại hiệu quả tương đương cho quý vị và/hoặc có thể gây ra tác dụng phụ.

Quý vị hoặc bác sĩ kê đơn nên liên lạc với chúng tôi để yêu cầu ngoại lệ đối với danh mục thuốc, bao gồm cả ngoại lệ đối với hạn chế chi trả.

Khi bạn yêu cầu một trường hợp ngoại lệ, bác sĩ kê đơn của bạn sẽ cần giải thích các lý do y tế khiến bạn cần trường hợp ngoại lệ đó. Thông thường, chúng tôi phải đưa ra quyết định trong vòng 72 giờ kể từ khi nhận được văn bản xác nhận từ bác sĩ kê đơn của bạn. Bạn có thể yêu cầu quy trình ra quyết định khẩn cấp (nhanh) nếu bạn tin rằng—và chúng tôi cũng đồng ý—việc chờ đợi tới 72 giờ để có quyết định có thể gây tổn hại nghiêm trọng đến sức khỏe của bạn. Nếu chúng tôi đồng ý, hoặc nếu bác sĩ kê đơn yêu cầu quy trình nhanh, chúng tôi phải thông báo quyết định cho bạn

không quá 24 giờ sau khi nhận được văn bản xác nhận từ bác sĩ kê đơn.

Tôi có thể làm gì nếu thuốc của tôi không nằm trong danh mục thuốc được chấp thuận hoặc bị hạn chế?

Là thành viên mới hoặc thành viên tiếp tục tham gia chương trình của chúng tôi, có thể bạn đang sử dụng các loại thuốc không nằm trong danh mục thuốc được chấp thuận của chúng tôi. Hoặc bạn có thể đang sử dụng một loại thuốc có trong danh mục nhưng lại bị hạn chế về phạm vi chi trả, chẳng hạn như yêu cầu phê duyệt trước. Bạn nên trao đổi với bác sĩ kê đơn về việc yêu cầu quyết định chi trả để chứng minh rằng bạn đáp ứng các tiêu chí phê duyệt, chuyển sang dùng một loại thuốc thay thế được chúng tôi chi trả, hoặc yêu cầu một trường hợp ngoại lệ đối với danh mục thuốc để chúng tôi chi trả cho loại thuốc bạn đang sử dụng. Trong thời gian bạn và bác sĩ xác định phương án điều trị phù hợp, chúng tôi có thể chi trả cho thuốc của bạn trong một số trường hợp nhất định trong vòng 108 ngày đầu tiên bạn tham gia chương trình của chúng tôi.

Đối với mỗi loại thuốc không nằm trong danh mục thuốc được chấp thuận của chúng tôi hoặc có quy định hạn chế về phạm vi chi trả, chúng tôi sẽ chi trả cho lượng thuốc đủ dùng trong 30 ngày cấp tạm thời. Nếu đơn thuốc của bạn được kê với thời hạn ngắn hơn, chúng tôi sẽ cho phép cấp lại thuốc để bảo đảm tổng lượng thuốc được cung cấp tối đa là 30 ngày. Nếu việc chi trả không được phê duyệt, sau khi kết thúc đợt cấp 30 ngày đầu tiên, chúng tôi sẽ không thanh toán cho các loại thuốc này nữa, ngay cả khi bạn đã tham gia chương trình chưa đầy 108 ngày.

Nếu bạn đang cư trú tại cơ sở chăm sóc dài hạn và cần một loại thuốc không nằm trong danh mục thuốc của chúng tôi, hoặc nếu khả năng tiếp cận thuốc của bạn bị hạn chế—ngay cả khi đã qua

thời hạn 108 ngày đầu tiên tham gia chương trình—chúng tôi vẫn sẽ chi trả cho lượng thuốc đủ dùng trong 31 ngày cấp cho khẩn cấp trong khi bạn thực hiện thủ tục xin ngoại lệ đối với danh mục thuốc.

Để biết thêm thông tin

Để biết thông tin chi tiết về phạm vi bảo hiểm thuốc kê đơn của chương trình CareOregon Advantage Plus, vui lòng xem tài liệu "Phạm vi Bảo hiểm" và các tài liệu khác của chương trình.

Nếu quý vị có thắc mắc về CareOregon Advantage Plus, vui lòng liên lạc với chúng tôi. Thông tin liên lạc của chúng tôi, cùng với ngày cập nhật danh mục thuốc gần nhất, được ghi ở trang bìa trước và bìa sau.

Nếu quý vị có các câu hỏi chung về phạm vi bảo hiểm thuốc kê đơn của Medicare, vui lòng gọi cho Medicare theo số 800-MEDICARE (800-633-4227), 24 giờ một ngày/7 ngày một tuần. Người dùng TTY vui lòng gọi số 877-486-2048. Hoặc truy cập *medicare.gov*

Danh mục Thuốc của CareOregon Advantage Plus

Danh mục thuốc bắt đầu từ trang 1 cung cấp thông tin về phạm vi chi trả cho các loại thuốc được CareOregon Advantage Plus đài thọ. Nếu bạn gặp khó khăn khi tìm thuốc của mình trong danh sách, hãy tham khảo phần Mục lục bắt đầu từ trang 193.

Cột đầu tiên của bảng liệt kê tên thuốc. Các loại thuốc có tên thương hiệu được viết in hoa (ví dụ: OZEMPIC), còn thuốc gốc tương đương (thuốc gốc) được viết bằng chữ thường và in nghiêng (ví dụ: *etodolac*).

Thông tin trong cột "Yêu cầu/Giới hạn" cho biết liệu CareOregon Advantage Plus có bất kỳ yêu cầu đặc biệt nào đối với việc chi trả cho loại thuốc của bạn hay không.

Danh mục các từ viết tắt

B/D: Thuốc kê đơn này có yêu cầu về thủ tục hành chính xin phê duyệt trước để xác định xem thuốc thuộc phạm vi chi trả của Medicare Phần B hay Phần D. Tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể, thuốc có thể được chi trả theo Medicare Phần B hoặc Phần D. Có thể cần cung cấp thông tin mô tả mục đích sử dụng và bối cảnh sử dụng thuốc để đưa ra quyết định này.

ED: Loại thuốc kê đơn này thường không nằm trong phạm vi chi trả của Chương trình Thuốc kê đơn Medicare. Số tiền bạn chi trả khi mua loại thuốc này sẽ không được tính vào tổng chi phí thuốc của bạn (nghĩa là khoản thanh toán này không giúp bạn đạt điều kiện hưởng chế độ bảo hiểm cho thảm khốc - ("catastrophic coverage"). Ngoài ra, nếu bạn đang nhận được hỗ trợ bổ sung để chi trả tiền thuốc, bạn sẽ không nhận được khoản hỗ trợ nào cho loại thuốc này.

LA: Khả năng cung cấp hạn chế. Thuốc theo toa này có thể chỉ có sẵn tại một số tiệm thuốc tây nhất định. Để biết thêm thông tin, vui lòng tham khảo Danh bạ tiệm thuốc tây hoặc gọi cho Dịch vụ Khách hàng tiệm thuốc tây theo số 866-325-7344 hoặc, số 711 dành cho người dùng TTY vào các khung giờ sau: từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 31 tháng 3, 8 giờ sáng đến 8 giờ tối, tất cả các ngày trong tuần, và từ ngày 1 tháng 4 đến ngày 30 tháng 9, 8 giờ sáng đến 8 giờ tối, từ Thứ Hai đến Thứ Sáu.

MO: Thuốc đặt mua qua đường bưu điện. Loại thuốc kê đơn này có thể mua thông qua dịch vụ đặt hàng qua đường bưu điện.

PA: Phê duyệt Trước. CareOregon Advantage Plus yêu cầu bạn hoặc bác sĩ của bạn phải xin phê duyệt trước đối với một số loại thuốc nhất định. Điều này có nghĩa là bạn cần nhận được sự chấp thuận từ chúng tôi trước khi mua thuốc theo đơn. Nếu không có sự chấp thuận, chúng tôi có thể sẽ không chi trả cho loại thuốc đó.

QL: Giới hạn số lượng. Thuốc có giới hạn số lượng tối đa cho mỗi đơn thuốc.

Danh sách các nhóm thuốc

<table>
<tr><th>Nhóm</th><th>Số tiền bạn phải trả</th></tr>
<tr><td>Nhóm 1 – Thuốc Gốc tương đương Ưu tiên</td><td>$0 cho mỗi đơn thuốc</td></tr>
<tr><td>Nhóm 2 – Thuốc Gốc tương đương</td><td rowspan="4">Đối với thuốc gốc tương đương hoặc thuốc có tên thương hiệu (brand-name) được xếp vào nhóm thuốc gốc tương đương, quý vị trả: $0/$1.65/$5.80 cho mỗi đơn thuốc

Đối với tất cả các loại thuốc khác, quý vị trả: $0/$5.00/$14.40 cho mỗi đơn thuốc</td></tr>
<tr><td>Nhóm 3 – Thuốc có tên thương hiệu Ưu tiên</td></tr>
<tr><td>Nhóm 4 – Thuốc Không ưu tiên (Các trường hợp ngoại lệ trong Danh mục thuốc)</td></tr>
<tr><td>Nhóm 5 – Thuốc Đặc trị</td></tr>
<tr><td>Nhóm 6 – Thuốc Chăm sóc Đặc biệt (Select Care Drugs)</td><td>$0 cho mỗi đơn thuốc</td></tr>
<tr><td>Nhóm 2 – Thuốc Gốc tương đương Bị loại trừ</td><td>25% đồng bảo hiểm, sau khi đã đáp ứng mức khấu trừ</td></tr>
</table>

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
Các thuốc chống nhiễm khuẩn		
Thuốc trị giun sán		
albendazole tabs 200mg	4	
EMVERM CHEW 100MG	4	PA
ivermectin tabs 3mg	2	
praziquantel tabs 600mg	4	
Thuốc kháng khuẩn		
amikacin sulfate inj 1gm/4ml	4	
amikacin sulfate inj 500mg/2ml	4	
AMOXICILLIN/CLAVULANATE POTASSIUM ER TB12 1000MG; 62.5MG	4	
amoxicillin/clavulanate potassium susr 200mg/5ml; 28.5mg/5ml	1	
amoxicillin/clavulanate potassium susr 250mg/5ml; 62.5mg/5ml	1	
amoxicillin/clavulanate potassium susr 400mg/5ml; 57mg/5ml	1	
amoxicillin/clavulanate potassium susr 600mg/5ml; 42.9mg/5ml	1	
amoxicillin/clavulanate potassium tabs 250mg; 125mg	1	
amoxicillin/clavulanate potassium tabs 500mg; 125mg	1	
amoxicillin/clavulanate potassium tabs 875mg; 125mg	1	
amoxicillin caps 250mg	1	
amoxicillin caps 500mg	1	
amoxicillin chew 125mg	1	
AMOXICILLIN CHEW 250MG	4	

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
amoxicillin susr 125mg/5ml	1	
amoxicillin susr 200mg/5ml	1	
amoxicillin susr 250mg/5ml	1	
amoxicillin susr 400mg/5ml	1	
amoxicillin tabs 500mg	1	
amoxicillin tabs 875mg	1	
ampicillin sodium inj 10gm	4	
AMPICILLIN SODIUM INJ 125MG	4	
ampicillin sodium inj 1gm	4	
ampicillin sodium inj 1gm	4	
ampicillin sodium inj 250mg	4	
ampicillin sodium inj 2gm	4	
ampicillin sodium inj 2gm	4	
ampicillin sodium inj 500mg	4	
ampicillin-sulbactam inj 10gm; 5gm	4	
ampicillin-sulbactam inj 1gm; 0.5gm	4	
ampicillin/sulbactam inj 1gm; 0.5gm	4	
ampicillin/sulbactam inj 2gm; 1gm	4	
ampicillin caps 500mg	1	
ARIKAYCE SUSP 590MG/8.4ML	5	QL (8.4 ML mỗi 1 ngày) PA
azithromycin inj 500mg	4	
azithromycin susr 100mg/5ml	1	
azithromycin susr 200mg/5ml	1	
azithromycin tabs 250mg	1	
azithromycin tabs 250mg	1	
azithromycin tabs 500mg	1	
azithromycin tabs 500mg	1	
azithromycin tabs 600mg	1	

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
aztreonam inj 1gm	4	
aztreonam inj 2gm	4	
BICILLIN L-A INJ 1200000UNIT/2ML	4	
BICILLIN L-A INJ 2400000UNIT/4ML	4	
BICILLIN L-A INJ 600000UNIT/ML	4	
CAYSTON SOLR 75MG	5	QL (84 ML mỗi 28 ngày) PA LA
CEFACLOR CAPS 250MG	1	
CEFACLOR CAPS 500MG	1	
CEFACLOR SUSR 250MG/5ML	4	
cefadroxil caps 500mg	1	
cefadroxil susr 250mg/5ml	1	
cefadroxil susr 500mg/5ml	1	
cefadroxil tabs 1gm	1	
CEFAZOLIN SODIUM/DEXTROSE INJ 1GM; 4%	4	
CEFAZOLIN SODIUM/DEXTROSE INJ 2GM; 3%	4	
cefazolin sodium/dextrose inj 3gm; 2%	4	
cefazolin sodium inj 100gm	4	
cefazolin sodium inj 10gm	4	
CEFAZOLIN SODIUM INJ 1GM/50ML; 4%	4	
cefazolin sodium inj 1gm	4	
cefazolin sodium inj 1gm	4	
cefazolin sodium inj 300gm	4	
cefazolin sodium inj 500mg	4	
CEFAZOLIN/DEXTROSE INJ 3GM/150ML; 4%	4	

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
cefazolin inj 2gm/100ml; 4%	4	
cefazolin inj 2gm	4	
cefazolin inj 2gm	4	
CEFAZOLIN INJ 3GM	4	
cefazolin inj 3gm	4	
cefdinir caps 300mg	1	
cefdinir susr 125mg/5ml	1	
cefdinir susr 250mg/5ml	1	
cefepime hydrochloride inj 1gm	4	
cefepime hydrochloride inj 2gm	4	
CEFEPIME/DEXTROSE INJ 1GM/50ML; 5%	4	
CEFEPIME/DEXTROSE INJ 2GM/50ML; 5%	4	
CEFEPIME INJ 1GM/50ML	4	
cefepime inj 1gm	4	
CEFEPIME INJ 2GM/100ML	4	
cefepime inj 2gm	4	
cefixime caps 400mg	1	
cefixime susr 100mg/5ml	1	
cefixime susr 200mg/5ml	1	
CEFOTAXIME SODIUM INJ 1GM	4	
cefoxitin sodium inj 10gm	4	
cefoxitin sodium inj 1gm	4	
CEFOXITIN SODIUM INJ 1GM; 4%	4	
cefoxitin sodium inj 2gm	4	
CEFOXITIN SODIUM INJ 2GM; 2.2%	4	
CEFPODOXIME PROXETIL SUSR 100MG/5ML	1	

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
CEFPODOXIME PROXETIL SUSR 50MG/5ML	1	
cefpodoxime proxetil tabs 100mg	1	
cefpodoxime proxetil tabs 200mg	1	
cefprozil susr 125mg/5ml	1	
cefprozil susr 250mg/5ml	1	
cefprozil tabs 250mg	1	
cefprozil tabs 500mg	1	
CEFTAROLINE FOSAMIL INJ 400MG	5	
CEFTAROLINE FOSAMIL INJ 600MG	5	
ceftazidime inj 1gm	4	
ceftazidime inj 2gm	4	
CEFTAZIDIME INJ 6GM	4	
CEFTRIAXONE IN ISO-OSMOTIC DEXTROSE INJ 20MG/ML; 0	4	
CEFTRIAXONE IN ISO-OSMOTIC DEXTROSE INJ 40MG/ML; 0	4	
ceftriaxone sodium inj 10gm	4	
ceftriaxone sodium inj 1gm	4	
ceftriaxone sodium inj 1gm	4	
ceftriaxone sodium inj 250mg	4	
ceftriaxone sodium inj 2gm	4	
ceftriaxone sodium inj 2gm	4	
ceftriaxone sodium inj 500mg	4	
CEFTRIAXONE/DEXTROSE INJ 1GM; 3.74%	4	
CEFTRIAXONE/DEXTROSE INJ 2GM; 2.22%	4	
cefuroxime axetil tabs 250mg	1	

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
cefuroxime axetil tabs 500mg	1	
cefuroxime sodium inj 1.5gm	4	
cefuroxime sodium inj 750mg	4	
cephalexin caps 250mg	1	
cephalexin caps 500mg	1	
cephalexin caps 750mg	1	
cephalexin susr 125mg/5ml	1	
cephalexin susr 250mg/5ml	1	
CHLORAMPHENICOL SODIUM SUCCINATE INJ 1GM	4	
ciprofloxacin hcl tabs 750mg	1	
ciprofloxacin hydrochloride tabs 250mg	1	
ciprofloxacin hydrochloride tabs 500mg	1	
ciprofloxacin hydrochloride tabs 750mg	1	
CIPROFLOXACIN I.V.-IN D5W INJ 200MG/100ML; 5%	4	
CIPROFLOXACIN I.V.-IN D5W INJ 400MG/200ML; 5%	4	
clarithromycin er tb24 500mg	1	
CLARITHROMYCIN SUSR 125MG/5ML	1	
CLARITHROMYCIN SUSR 250MG/5ML	1	
clarithromycin tabs 250mg	1	
clarithromycin tabs 500mg	1	
clindamycin hcl caps 300mg	2	
clindamycin hydrochloride caps 150mg	2	
clindamycin hydrochloride caps 300mg	2	
clindamycin hydrochloride caps 75mg	2	

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
clindamycin palmitate hydrochloride solr 75mg/5ml	4	
clindamycin phosphate in d5w inj 300mg/50ml; 5%	4	
clindamycin phosphate in d5w inj 600mg/50ml; 5%	4	
clindamycin phosphate in d5w inj 900mg/50ml; 5%	4	
clindamycin phosphate/dextrose inj 300mg/50ml; 5%	4	
clindamycin phosphate/dextrose inj 600mg/50ml; 5%	4	
clindamycin phosphate/dextrose inj 900mg/50ml; 5%	4	
clindamycin phosphate inj 300mg/2ml	4	
clindamycin phosphate inj 600mg/4ml	4	
clindamycin phosphate inj 900mg/6ml	4	
colistimethate sodium inj 150mg	4	
DAPTOMYCIN INJ 350MG	4	
daptomycin inj 500mg	4	
dicloxacillin sodium caps 250mg	2	
dicloxacillin sodium caps 500mg	2	
DIFICID SUSR 40MG/ML	5	QL (10 ML mỗi 1 ngày) PA
doxycycline hyclate caps 100mg	1	
doxycycline hyclate caps 50mg	1	
doxycycline hyclate inj 100mg	2	
doxycycline hyclate tabs 100mg	1	
doxycycline hyclate tabs 20mg	1	
doxycycline monohydrate caps 100mg	1	

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
doxycycline monohydrate caps 50mg	1	
doxycycline monohydrate tabs 100mg	1	
doxycycline monohydrate tabs 50mg	1	
doxycycline monohydrate tabs 75mg	1	
doxycycline susr 25mg/5ml	1	
E.E.S. 400 TABS 400MG	4	
ertapenem sodium inj 1gm	4	
ERYTHROCIN LACTOBIONATE INJ 500MG	5	
erythromycin base tabs 250mg	4	
erythromycin base tabs 500mg	4	
ERYTHROMYCIN DR CPEP 250MG	4	
erythromycin dr tbec 250mg	4	
erythromycin dr tbec 333mg	4	
erythromycin dr tbec 500mg	4	
erythromycin ethylsuccinate susr 200mg/5ml	4	
erythromycin ethylsuccinate susr 400mg/5ml	4	
erythromycin lactobionate inj 500mg	5	
fidaxomicin tabs 200mg	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
gentamicin sulfate pediatric inj 10mg/ml	4	
gentamicin sulfate/0.9% sodium chloride inj 1.2mg/ml; 0.9%	4	
gentamicin sulfate/0.9% sodium chloride inj 1.6mg/ml; 0.9%	4	
gentamicin sulfate/0.9% sodium chloride inj 1mg/ml; 0.9%	4	

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
gentamicin sulfate/0.9% sodium chloride inj 2mg/ml; 0.9%	4	
gentamicin sulfate inj 40mg/ml	4	
IMIPENEM/CILASTATIN INJ 250MG; 250MG	4	
imipenem/cilastatin inj 500mg; 500mg	4	
isotonic gentamicin inj 0.8mg/ml; 0.9%	4	
levofloxacin in d5w inj 5%; 250mg/50ml	4	
levofloxacin in d5w inj 5%; 500mg/100ml	4	
levofloxacin in d5w inj 5%; 750mg/150ml	4	
LEVOFLOXACIN INJ 25MG/ML	4	
levofloxacin soln 25mg/ml	2	
levofloxacin tabs 250mg	1	
levofloxacin tabs 500mg	1	
levofloxacin tabs 750mg	1	
lincomycin hydrochloride inj 300mg/ml	4	
linezolid inj 600mg/300ml	4	
linezolid susr 100mg/5ml	5	
linezolid tabs 600mg	4	
MEROPENEM/SODIUM CHLORIDE INJ 1GM/50ML; 0.9%	4	
MEROPENEM/SODIUM CHLORIDE INJ 500MG; 0.9%	4	
meropenem inj 1gm	2	
meropenem inj 2gm	4	
meropenem inj 500mg	2	
minocycline hcl caps 75mg	2	
minocycline hcl tabs 100mg	2	

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
minocycline hcl tabs 75mg	2	
minocycline hydrochloride caps 100mg	2	
minocycline hydrochloride caps 50mg	2	
minocycline hydrochloride tabs 100mg	2	
minocycline hydrochloride tabs 50mg	2	
minocycline hydrochloride tabs 75mg	2	
MOXIFLOXACIN HYDROCHLORIDE/SODIUM HYDROCHLORIDE INJ 400MG/250ML; 0.8%	4	
MOXIFLOXACIN HYDROCHLORIDE INJ 400MG/250ML	4	
moxifloxacin hydrochloride tabs 400mg	2	
nafcillin sodium inj 10gm	4	
nafcillin sodium inj 1gm	4	
nafcillin sodium inj 2gm	4	
NAFCILLIN INJ 5%; 2GM/100ML	5	
neomycin sulfate tabs 500mg	2	
oxacillin sodium inj 10gm	4	
oxacillin sodium inj 1gm	4	
oxacillin sodium inj 2gm	4	
OXACILLIN SODIUM INJ 300MG/50ML; 2GM/50ML	4	
PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO-OSMOTIC DEXTROSE INJ 0; 40000UNIT/ML	4	
PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO-OSMOTIC DEXTROSE INJ 0; 60000UNIT/ML	4	
penicillin g potassium inj 20000000unit	4	

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
penicillin g potassium inj 5000000unit	4	
PENICILLIN G SODIUM INJ 5000000UNIT	5	
penicillin v potassium solr 125mg/5ml	1	
penicillin v potassium solr 250mg/5ml	1	
penicillin v potassium tabs 250mg	1	
penicillin v potassium tabs 500mg	1	
piperacillin sodium/tazobactam sodium/nacl inj 2gm/50ml; 0.45%; 0.25gm/50ml	4	
piperacillin sodium/tazobactam sodium inj 12gm; 1.5gm	4	
piperacillin sodium/tazobactam sodium inj 2gm; 0.25gm	4	
piperacillin sodium/tazobactam sodium inj 36gm; 4.5gm	4	
piperacillin sodium/tazobactam sodium inj 3gm; 0.375gm	4	
piperacillin sodium/tazobactam sodium inj 4gm; 0.5gm	4	
SIVEXTRO INJ 200MG	5	
SIVEXTRO TABS 200MG	5	
STREPTOMYCIN SULFATE INJ 1GM	5	
sulfadiazine tabs 500mg	4	
sulfamethoxazole/trimethoprim ds tabs 800mg; 160mg	1	
sulfamethoxazole/trimethoprim inj 400mg/5ml; 80mg/5ml	4	
sulfamethoxazole/trimethoprim susp 200mg/5ml; 40mg/5ml	2	

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
sulfamethoxazole/trimethoprim tabs 400mg; 80mg	1	
sulfasalazine tabs 500mg	2	MO
sulfasalazine tbec 500mg	2	MO
tazicef inj 1gm	4	
TAZICEF INJ 1GM	4	
tazicef inj 2gm	4	
TAZICEF INJ 6GM	4	
tetracycline hydrochloride caps 250mg	2	
tetracycline hydrochloride caps 500mg	2	
tigecycline inj 50mg	4	PA
TOBI PODHALER CAPS 28MG	5	QL (224 EA mỗi 56 ngày) PA
tobramycin sulfate inj 1.2gm/30ml	4	
tobramycin sulfate inj 1.2gm	4	
TOBRAMYCIN SULFATE INJ 10MG/ML	4	
tobramycin sulfate inj 80mg/2ml	4	
tobramycin nebu 300mg/5ml	5	QL (280 ML mỗi 56 ngày) B/D
VANCOMYCIN HCL INJ 0.9%; 1GM/200ML	4	
vancomycin hcl inj 10gm	4	
VANCOMYCIN HYDROCHLORIDE/DEXTROSE INJ 5%; 1GM/200ML	4	
VANCOMYCIN HYDROCHLORIDE/DEXTROSE INJ 5%; 500MG/100ML	4	

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
VANCOMYCIN HYDROCHLORIDE/DEXTROSE INJ 5%; 750MG/150ML	4	
vancomycin hydrochloride caps 125mg	4	QL (120 EA mỗi 30 ngày)
vancomycin hydrochloride caps 250mg	4	QL (240 EA mỗi 30 ngày)
VANCOMYCIN HYDROCHLORIDE INJ 1.75GM	4	
VANCOMYCIN HYDROCHLORIDE INJ 1000MG/200ML	4	
vancomycin hydrochloride inj 10gm	4	
VANCOMYCIN HYDROCHLORIDE INJ 1250MG/250ML	4	
VANCOMYCIN HYDROCHLORIDE INJ 1500MG/300ML	4	
VANCOMYCIN HYDROCHLORIDE INJ 1750MG/350ML	4	
vancomycin hydrochloride inj 1gm	4	
VANCOMYCIN HYDROCHLORIDE INJ 2000MG/400ML	4	
VANCOMYCIN HYDROCHLORIDE INJ 2GM	4	
VANCOMYCIN HYDROCHLORIDE INJ 500MG/100ML	4	
vancomycin hydrochloride inj 500mg	4	
vancomycin hydrochloride inj 5gm	4	
VANCOMYCIN HYDROCHLORIDE INJ 750MG/150ML	4	
vancomycin hydrochloride inj 750mg	4	

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
vancomycin hydrochloride solr 250mg/5ml	4	
vancomycin hydrochloride solr 25mg/ml	4	
VANCOMYCIN INJ 0.9%; 500MG/100ML	4	
VANCOMYCIN INJ 0.9%; 750MG/150ML	4	
VOQUEZNA DUAL PAK THPK 500MG; 20MG	4	QL (112 EA mỗi 14 ngày) PA
VOQUEZNA TRIPLE PAK THPK 500MG; 500MG; 20MG	4	QL (112 EA mỗi 14 ngày) PA
xifaxan tabs 200mg	2	
xifaxan tabs 550mg	2	MO
ZERBAXA INJ 1GM; 0.5GM	5	
ZOSYN INJ 1GM/50ML; 2GM/50ML; 0.25GM/50ML	4	
ZOSYN INJ 2GM/100ML; 4GM/100ML; 0.5GM/100ML	4	
ZOSYN INJ 350MG/50ML; 3GM/50ML; 0.375GM/50ML	4	
Thuốc kháng nấm		
amphotericin b liposome inj 50mg	5	B/D
AMPHOTERICIN B INJ 50MG	4	B/D
caspofungin acetate inj 50mg	4	
caspofungin acetate inj 70mg	4	
CRESEMBA CAPS 186MG	5	PA
CRESEMBA CAPS 74.5MG	5	PA
CRESEMBA INJ 372MG	5	PA
ERAXIS INJ 100MG	4	
ERAXIS INJ 50MG	4	

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
fluconazole in nacl inj 200mg/100ml; 0.9%	4	
fluconazole in nacl inj 400mg/200ml; 0.9%	4	
fluconazole in sodium chloride inj 200mg/100ml; 0.9%	4	
fluconazole in sodium chloride inj 400mg/200ml; 0.9%	4	
fluconazole susr 10mg/ml	2	
fluconazole susr 40mg/ml	2	
fluconazole tabs 100mg	1	
fluconazole tabs 150mg	1	
fluconazole tabs 200mg	1	
fluconazole tabs 50mg	1	
flucytosine caps 250mg	5	
flucytosine caps 500mg	5	
griseofulvin microsize susp 125mg/5ml	2	
griseofulvin microsize tabs 500mg	4	
griseofulvin ultramicrosize tabs 125mg	2	
griseofulvin ultramicrosize tabs 250mg	2	
itraconazole caps 100mg	2	
ketoconazole tabs 200mg	2	
micafungin sodium/sodium chloride inj 150mg/150ml; 0.9%	4	
MICAFUNGIN/SODIUM CHLORIDE INJ 100MG/100ML; 0.9%	4	
MICAFUNGIN/SODIUM CHLORIDE INJ 50MG/50ML; 0.9%	4	
micafungin inj 100mg	4	
micafungin inj 50mg	4	

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
NOXAFIL PACK 300MG	5	PA
nystatin susp 100000unit/ml	2	
nystatin tabs 500000unit	2	
posaconazole dr tbec 100mg	5	PA MO
posaconazole inj 300mg/16.7ml	5	PA MO
posaconazole susp 40mg/ml	5	PA MO
terbinafine hcl tabs 250mg	2	
terbinafine hydrochloride tabs 250mg	2	
voriconazole inj 200mg	4	PA
voriconazole susr 40mg/ml	5	
voriconazole tabs 200mg	4	
voriconazole tabs 50mg	2	
Thuốc kháng vi khuẩn mycobacterium		
CYCLOSERINE CAPS 250MG	5	
dapsone tabs 100mg	2	MO
dapsone tabs 25mg	2	MO
ethambutol hydrochloride tabs 100mg	2	
ethambutol hydrochloride tabs 400mg	2	
ISONIAZID INJ 100MG/ML	4	
isoniazid syrp 50mg/5ml	2	MO
isoniazid tabs 100mg	1	MO
isoniazid tabs 300mg	1	MO
PRETOMANID TABS 200MG	3	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
pyrazinamide tabs 500mg	4	
rifabutin caps 150mg	4	
rifampin caps 150mg	2	
rifampin caps 300mg	2	
rifampin inj 600mg	4	

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
rifapentine tabs 150mg	4	
SIRTURO TABS 100MG	5	PA
SIRTURO TABS 20MG	5	PA
Thuốc trị động vật nguyên sinh		
atovaquone/proguanil hcl tabs 62.5mg; 25mg	2	
atovaquone/proguanil hydrochloride tabs 250mg; 100mg	4	
atovaquone susp 750mg/5ml	4	
BENZNIDAZOLE TABS 100MG	3	PA
BENZNIDAZOLE TABS 12.5MG	3	PA
chloroquine phosphate tabs 250mg	2	MO
chloroquine phosphate tabs 500mg	2	MO
COARTEM TABS 20MG; 120MG	4	
hydroxychloroquine sulfate tabs 200mg	2	MO
IMPAVIDO CAPS 50MG	5	QL (3 EA mỗi 1 ngày) PA
KRINTAFEL TABS 150MG	4	QL (4 EA mỗi 180 ngày)
LAMPIT TABS 120MG	4	PA
LAMPIT TABS 30MG	4	PA
mefloquine hydrochloride tabs 250mg	2	MO
metronidazole inj 500mg/100ml	4	
metronidazole tabs 250mg	1	
metronidazole tabs 500mg	1	
nitazoxanide tabs 500mg	5	PA
pentamidine isethionate inj 300mg	4	PA
PRIMAQUINE PHOSPHATE TABS 26.3MG	4	

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
pyrimethamine tabs 25mg	5	
quinine sulfate caps 324mg	2	QL (42 EA mỗi 30 ngày) PA
tinidazole tabs 250mg	2	
tinidazole tabs 500mg	2	
Thuốc kháng virus		
abacavir sulfate/lamivudine tabs 600mg; 300mg	2	MO
abacavir sulfate tabs 300mg	2	MO
abacavir soln 20mg/ml	2	MO
abacavir tabs 300mg	2	MO
acyclovir sodium inj 50mg/ml	4	B/D
acyclovir caps 200mg	1	
acyclovir susp 200mg/5ml	4	
acyclovir tabs 400mg	1	
acyclovir tabs 800mg	1	
adefovir dipivoxil tabs 10mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
APTIVUS CAPS 250MG	5	MO
atazanavir sulfate caps 150mg	2	MO
atazanavir sulfate caps 200mg	2	MO
atazanavir sulfate caps 300mg	2	MO
atazanavir caps 150mg	2	MO
atazanavir caps 200mg	2	MO
BARACLUDE SOLN 0.05MG/ML	4	MO
BEYFORTUS INJ 100MG/ML	3	QL (1 ML mỗi 365 ngày)
BEYFORTUS INJ 50MG/0.5ML	3	QL (2 ML mỗi 365 ngày)

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
BIKTARVY TABS 30MG; 120MG; 15MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày)
BIKTARVY TABS 50MG; 200MG; 25MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
CABENUVA INJ 400MG/2ML; 600MG/2ML	5	
CABENUVA INJ 600MG/3ML; 900MG/3ML	5	
cidofovir inj 75mg/ml	5	
CIMDUO TABS 300MG; 300MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
darunavir tabs 600mg	4	MO
darunavir tabs 800mg	5	MO
DELSTRIGO TABS 100MG; 300MG; 300MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
DESCOVY TABS 120MG; 15MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
DESCOVY TABS 200MG; 25MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
DOVATO TABS 50MG; 300MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
EDURANT PED TBSO 2.5MG	5	QL (6 EA mỗi 1 ngày) MO
efavirenz/emtricitabine/tenofovir disoproxil fumarate tabs 600mg; 200mg; 300mg	2	MO
efavirenz/lamivudine/tenofovir disoproxil fumarate tabs 400mg; 300mg; 300mg	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày)
efavirenz/lamivudine/tenofovir disoproxil fumarate tabs 600mg; 300mg; 300mg	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
efavirenz tabs 600mg	2	MO
emtricitabine/rilpivirine/tenofovir disoproxil fumarate tabs 200mg; 25mg; 300mg	5	MO
emtricitabine/tenofovir disoproxil fumarate tabs 100mg; 150mg	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
emtricitabine/tenofovir disoproxil fumarate tabs 133mg; 200mg	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
emtricitabine/tenofovir disoproxil fumarate tabs 200mg; 300mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
emtricitabine/tenofovir disoproxil tabs 167mg; 250mg	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
emtricitabine caps 200mg	2	MO
EMTRIVA SOLN 10MG/ML	4	MO
entecavir tabs 0.5mg	2	MO
entecavir tabs 1mg	2	MO
EPCLUSA PACK 150MG; 37.5MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày)
EPCLUSA PACK 200MG; 50MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày)
EPCLUSA TABS 200MG; 50MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày)
etravirine tabs 100mg	4	MO
etravirine tabs 200mg	5	MO
EVOTAZ TABS 300MG; 150MG	5	MO
famciclovir tabs 125mg	2	
famciclovir tabs 250mg	2	
famciclovir tabs 500mg	2	
fosamprenavir calcium tabs 700mg	5	
ganciclovir inj 500mg	4	B/D
GENVOYA TABS 150MG; 150MG; 200MG; 10MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
IDVYNSO TABS 100MG; 0.25MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày)

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
INTELENCE TABS 25MG	4	MO
ISENTRESS HD TABS 600MG	5	MO
ISENTRESS CHEW 100MG	5	MO
ISENTRESS CHEW 25MG	3	MO
ISENTRESS PACK 100MG	5	MO
ISENTRESS TABS 400MG	5	MO
JULUCA TABS 50MG; 25MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
KALETRA SOLN 400MG/5ML; 100MG/5ML	4	MO
LAGEVRIO CAPS 200MG	3	QL (40 EA mỗi 5 ngày)
lamivudine/zidovudine tabs 150mg; 300mg	2	MO
lamivudine soln 10mg/ml	2	MO
lamivudine tabs 100mg	2	MO
lamivudine tabs 150mg	2	MO
lamivudine tabs 300mg	2	MO
LIVTENCITY TABS 200MG	5	QL (12 EA mỗi 1 ngày) PA
lopinavir/ritonavir tabs 100mg; 25mg	2	MO
lopinavir/ritonavir tabs 200mg; 50mg	2	MO
maraviroc tabs 150mg	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
maraviroc tabs 300mg	5	QL (4 EA mỗi 1 ngày) MO
MAVYRET PACK 50MG; 20MG	5	QL (6 EA mỗi 1 ngày)
MAVYRET TABS 100MG; 40MG	5	QL (3 EA mỗi 1 ngày)
nevirapine er tb24 400mg	2	MO
NEVIRAPINE SUSP 50MG/5ML	4	MO
nevirapine tabs 200mg	2	MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
NORVIR PACK 100MG	4	MO
ODEFSEY TABS 200MG; 25MG; 25MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
oseltamivir phosphate caps 30mg	2	
oseltamivir phosphate caps 45mg	2	
oseltamivir phosphate caps 75mg	2	
oseltamivir phosphate susr 6mg/ml	2	
PAXLOVID TBPK 150MG; 100MG	3	QL (20 EA mỗi 5 ngày)
PAXLOVID TBPK 150MG; 100MG	3	QL (30 EA mỗi 5 ngày)
PAXLOVID TBPK 150MG; 100MG	5	QL (11 EA mỗi 5 ngày)
PEGASYS INJ 180MCG/0.5ML	5	QL (4 ML mỗi 28 ngày) PA
PEGASYS INJ 180MCG/ML	5	QL (4 ML mỗi 28 ngày) PA
PIFELTRO TABS 100MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
PREVYMIS INJ 240MG/12ML	5	PA
PREVYMIS INJ 480MG/24ML	5	PA
PREVYMIS TABS 240MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
PREVYMIS TABS 480MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
PREZCOBIX TABS 150MG; 675MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
PREZCOBIX TABS 150MG; 800MG	5	MO
PREZISTA SUSP 100MG/ML	5	MO
PREZISTA TABS 150MG	5	MO
PREZISTA TABS 75MG	4	MO
RELENZA DISKHALER AEPB 5MG/BLISTER	4	QL (120 EA mỗi 365 ngày)

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
RETROVIR IV INFUSION INJ 10MG/ML	4	
REYATAZ PACK 50MG	5	MO
ribavirin caps 200mg	4	PA
ribavirin tabs 200mg	2	PA
rilpivirine hydrochloride tabs 25mg	5	MO
RIMANTADINE HYDROCHLORIDE TABS 100MG	4	
ritonavir tabs 100mg	2	MO
RUKOBIA TB12 600MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày)
SELZENTRY SOLN 20MG/ML	5	MO
SOFOSBUVIR/VELPATASVIR TABS 400MG; 100MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày)
STRIBILD TABS 150MG; 150MG; 200MG; 300MG	5	MO
SUNLENCA INJ 463.5MG/1.5ML	5	QL (3 ML mỗi 180 ngày)
SUNLENCA TABS 300MG	5	QL (29 EA mỗi 180 ngày)
SUNLENCA TBPK 300MG	5	QL (4 EA mỗi 180 ngày)
SUNLENCA TBPK 300MG	5	QL (5 EA mỗi 180 ngày)
SYMTUZA TABS 150MG; 800MG; 200MG; 10MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
tenofovir disoproxil fumarate tabs 300mg	2	MO
TIVICAY PD TBSO 5MG	4	QL (6 EA mỗi 1 ngày) MO
TIVICAY TABS 50MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
TRIUMEQ PD TBSO 60MG; 5MG; 30MG	5	QL (6 EA mỗi 1 ngày) MO
TRIUMEQ TABS 600MG; 50MG; 300MG	5	MO
valacyclovir hydrochloride tabs 1gm	2	
valacyclovir hydrochloride tabs 500mg	2	
valganciclovir hydrochloride solr 50mg/ml	5	MO
valganciclovir tabs 450mg	2	MO
VIRACEPT TABS 250MG	5	MO
VIRACEPT TABS 625MG	5	MO
VIREAD POWD 40MG/GM	5	MO
VIREAD TABS 150MG	5	MO
VIREAD TABS 200MG	5	MO
VIREAD TABS 250MG	5	MO
VOSEVI TABS 400MG; 100MG; 100MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
zidovudine caps 100mg	2	MO
zidovudine syrp 50mg/5ml	2	MO
zidovudine tabs 300mg	2	MO
Thuốc chống nhiễm khuẩn đường tiết niệu		
fosfomycin tromethamine pack 3gm	4	
methenamine hippurate tabs 1gm	4	
nitrofurantoin macrocrystals caps 100mg	2	
nitrofurantoin macrocrystals caps 25mg	2	
nitrofurantoin macrocrystals caps 50mg	2	
nitrofurantoin monohydrate/macrocrystals caps 100mg	2	
nitrofurantoin monohydrate caps 100mg	2	

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
trimethoprim tabs 100mg	4	
Thuốc giải độc		
Thuốc ngăn ngừa sử dụng rượu		
acamprosate calcium dr tbec 333mg	2	MO
disulfiram tabs 250mg	2	MO
disulfiram tabs 500mg	2	MO
Thuốc giải độc		
acetylcysteine soln 10%	2	B/D
acetylcysteine soln 20%	2	B/D
dexrazoxane hydrochloride inj 250mg	5	
dexrazoxane hydrochloride inj 500mg	5	
dexrazoxane inj 250mg	5	
dexrazoxane inj 500mg	5	
leucovorin calcium inj 100mg	4	
leucovorin calcium inj 200mg	4	
leucovorin calcium inj 350mg	4	
leucovorin calcium inj 500mg	4	
leucovorin calcium inj 50mg	4	
leucovorin calcium tabs 10mg	4	
leucovorin calcium tabs 15mg	4	
leucovorin calcium tabs 25mg	4	
leucovorin calcium tabs 5mg	4	
levoleucovorin calcium inj 175mg/17.5ml	4	PA
LEVOLEUCOVORIN CALCIUM INJ 250MG/25ML	4	PA
LEVOLEUCOVORIN INJ 50MG	5	PA
XURIDEN PACK 2GM	5	QL (8 EA mỗi 1 ngày) PA
Thuốc kháng histamine		

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
Thuốc kháng histamine thế hệ thứ nhất		
CLEMASTINE FUMARATE TABS 2.68MG	4	
diphenhydramine hydrochloride inj 50mg/ml	4	
promethazine hcl inj 25mg/ml	4	
promethazine hcl inj 50mg/ml	4	
promethazine hcl tabs 50mg	4	PA
promethazine hydrochloride plain soln 6.25mg/5ml	4	PA
PROMETHAZINE HYDROCHLORIDE/PHENYLEPHRINE HYDROCHLORIDE SYRP 5MG/5ML; 6.25MG/5ML	4	
promethazine hydrochloride inj 25mg/ml	4	
promethazine hydrochloride soln 6.25mg/5ml	4	PA
promethazine hydrochloride tabs 12.5mg	4	PA
promethazine hydrochloride tabs 25mg	4	PA
promethazine hydrochloride tabs 50mg	4	PA
Thuốc kháng histamine thế hệ thứ hai		
desloratadine tabs 5mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày)
levocetirizine dihydrochloride tabs 5mg	1	QL (1 EA mỗi 1 ngày)
Thuốc chống ung thư		
Thuốc chống ung thư		
abiraterone acetate tabs 250mg	4	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA
abiraterone acetate tabs 500mg	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
abirtega tabs 250mg	2	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA
ABRAXANE INJ 900MG; 100MG	5	PA
AKEEGA TABS 500MG; 100MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
AKEEGA TABS 500MG; 50MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
ALECENSA CAPS 150MG	5	QL (8 EA mỗi 1 ngày) PA
ALUNBRIG TABS 180MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
ALUNBRIG TABS 30MG	5	QL (6 EA mỗi 1 ngày) PA
ALUNBRIG TABS 90MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
ALUNBRIG TBPK 0	5	QL (30 EA mỗi 180 ngày) PA
arsenic trioxide inj 10mg/10ml	4	
arsenic trioxide inj 12mg/6ml	5	
AUGTYRO CAPS 160MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
AUGTYRO CAPS 40MG	5	QL (8 EA mỗi 1 ngày) PA
AVASTIN INJ 100MG/4ML	5	PA
AVASTIN INJ 400MG/16ML	5	PA
AVMAPKI FAKZYNJA CO-PACK THPK 0.8MG; 200MG	5	QL (66 EA mỗi 28 ngày) PA
AYVAKIT TABS 100MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
AYVAKIT TABS 200MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
AYVAKIT TABS 25MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
AYVAKIT TABS 300MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
AYVAKIT TABS 50MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
azacitidine inj 100mg	5	
BALVERSA TABS 3MG	5	QL (3 EA mỗi 1 ngày) PA
BALVERSA TABS 4MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
BALVERSA TABS 5MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
BAVENCIO INJ 200MG/10ML	5	PA
BELEODAQ INJ 500MG	5	PA
bendamustine hydrochloride inj 100mg	5	PA
bendamustine hydrochloride inj 25mg	5	PA
BESREMI PEN INJ 500MCG/0.5ML	5	QL (2 ML mỗi 28 ngày) PA
BESREMI INJ 500MCG/ML	5	QL (2 ML mỗi 28 ngày) PA
bexarotene caps 75mg	5	PA
bicalutamide tabs 50mg	2	
bleomycin sulfate inj 15unit	4	
bleomycin sulfate inj 30unit	4	
bortezomib inj 3.5mg	5	PA
BOSULIF CAPS 100MG	5	PA
BOSULIF CAPS 50MG	5	PA

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
BOSULIF TABS 100MG	5	PA
BOSULIF TABS 500MG	5	PA
bosutinib tabs 100mg	5	PA
bosutinib tabs 400mg	5	PA
bosutinib tabs 500mg	5	PA
BRAFTOVI CAPS 75MG	5	QL (6 EA mỗi 1 ngày) PA
BRUKINSA CAPS 80MG	5	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA
brukinsa tabs 160mg	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
busulfan inj 6mg/ml	5	PA
CABOMETYX TABS 20MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA LA
CABOMETYX TABS 40MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA LA
CABOMETYX TABS 60MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA LA
CALQUENCE TABS 100MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
CAPRELSA TABS 100MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA LA
CAPRELSA TABS 300MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA LA
carboplatin inj 150mg/15ml	4	
carboplatin inj 450mg/45ml	4	
carboplatin inj 50mg/5ml	4	
carboplatin inj 600mg/60ml	4	
carmustine inj 100mg	5	PA

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
cavhanza tbdp 60mg	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
cavhanza tbdp 80mg	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
cisplatin inj 100mg/100ml	4	
CISPLATIN INJ 200MG/200ML	4	
cisplatin inj 50mg/50ml	4	
cladribine inj 10mg/10ml	5	B/D
clofarabine inj 1mg/ml	5	PA
COMETRIQ KIT 0	5	PA
COMETRIQ KIT 0	5	PA
COMETRIQ KIT 20MG	5	PA
COPIKTRA CAPS 15MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
COPIKTRA CAPS 25MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
COTELLIC TABS 20MG	5	QL (63 EA mỗi 28 ngày) PA
cyclophosphamide caps 25mg	2	B/D
cyclophosphamide caps 50mg	2	B/D
CYCLOPHOSPHAMIDE TABS 25MG	4	B/D
CYCLOPHOSPHAMIDE TABS 50MG	4	B/D
CYRAMZA INJ 100MG/10ML	5	PA
CYRAMZA INJ 500MG/50ML	5	PA
cytarabine aqueous inj 20mg/ml	4	B/D
cytarabine aqueous inj 20mg/ml	4	B/D
cytarabine inj 100mg/ml	4	B/D
cytarabine inj 20mg/ml	4	B/D
dacarbazine inj 100mg	4	

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
dacarbazine inj 200mg	4	
dactinomycin inj 0.5mg	5	PA
DANZITEN TABS 71MG	5	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA
DANZITEN TABS 95MG	5	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA
DARZALEX FASPRO INJ 1800MG/15ML; 30000UNIT/15ML	5	PA
DARZALEX INJ 100MG/5ML	5	PA
DARZALEX INJ 400MG/20ML	5	PA
dasatinib tabs 100mg	5	PA
dasatinib tabs 140mg	5	PA
dasatinib tabs 20mg	5	PA
dasatinib tabs 50mg	5	PA
dasatinib tabs 70mg	5	PA
dasatinib tabs 80mg	5	PA
DAURISMO TABS 100MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
DAURISMO TABS 25MG	5	QL (3 EA mỗi 1 ngày) PA
decitabine inj 50mg	5	
DOCETAXEL INJ 160MG/16ML	4	PA
docetaxel inj 160mg/8ml	4	PA
DOCETAXEL INJ 20MG/2ML	4	PA
docetaxel inj 20mg/ml	4	PA
DOCETAXEL INJ 80MG/4ML	4	PA
DOCETAXEL INJ 80MG/8ML	4	PA
DROXIA CAPS 200MG	4	MO
DROXIA CAPS 300MG	4	MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
DROXIA CAPS 400MG	4	MO
EMPLICITI INJ 300MG	5	PA
EMPLICITI INJ 400MG	5	PA
ENSACOVE CAPS 100MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
ENSACOVE CAPS 25MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
ERBITUX INJ 100MG/50ML	5	PA
ERBITUX INJ 200MG/100ML	5	PA
eribulin mesylate inj 1mg/2ml	5	PA
ERIVEDGE CAPS 150MG	5	PA LA
ERLEADA TABS 240MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
ERLEADA TABS 60MG	5	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA
erlotinib hydrochloride tabs 100mg	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
erlotinib hydrochloride tabs 150mg	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
erlotinib hydrochloride tabs 25mg	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
EULEXIN CAPS 125MG	3	
everolimus tabs 10mg	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
everolimus tabs 2.5mg	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
everolimus tabs 5mg	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
everolimus tabs 7.5mg	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
everolimus tbso 2mg	5	PA MO
everolimus tbso 3mg	5	PA MO
everolimus tbso 5mg	5	PA MO
FLUDARABINE PHOSPHATE INJ 50MG	4	
fluorouracil inj 1gm/20ml	4	PA
fluorouracil inj 2.5gm/50ml	4	PA
fluorouracil inj 500mg/10ml	4	PA
fluorouracil inj 5gm/100ml	4	PA
FOLOTYN INJ 20MG/ML	5	PA
FOLOTYN INJ 40MG/2ML	5	PA
FOTIVDA CAPS 0.89MG	5	QL (21 EA mỗi 28 ngày) PA
FOTIVDA CAPS 1.34MG	5	QL (21 EA mỗi 28 ngày) PA
FRUZAQLA CAPS 1MG	5	QL (84 EA mỗi 28 ngày) PA
FRUZAQLA CAPS 5MG	5	QL (21 EA mỗi 28 ngày) PA
fulvestrant inj 250mg/5ml	5	PA
GAVRETO CAPS 100MG	5	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA
gefitinib tabs 250mg	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA MO
gemcitabine hcl inj 1gm	4	
gemcitabine hcl inj 200mg	4	
gemcitabine hcl inj 2gm	4	
gemcitabine hydrochloride inj 1gm/26.3ml	4	
gemcitabine hydrochloride inj 1gm	4	

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
GEMCITABINE HYDROCHLORIDE INJ 200MG/2ML	4	
gemcitabine hydrochloride inj 200mg/5.26ml	4	
gemcitabine hydrochloride inj 200mg	4	
gemcitabine hydrochloride inj 2gm/52.6ml	4	
GILOTRIF TABS 20MG	5	PA LA
GILOTRIF TABS 30MG	5	PA LA
GILOTRIF TABS 40MG	5	PA LA
GOMEKLI CAPS 1MG	5	QL (126 EA mỗi 28 ngày) PA
GOMEKLI CAPS 2MG	5	QL (84 EA mỗi 28 ngày) PA
GOMEKLI TBSO 1MG	5	QL (168 EA mỗi 28 ngày) PA
HERNEXEOS TABS 60MG	5	QL (3 EA mỗi 1 ngày) PA
hydroxyurea caps 500mg	2	
HYRNUO TABS 10MG	5	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA
IBRANCE CAPS 100MG	5	QL (21 EA mỗi 28 ngày) PA
IBRANCE CAPS 125MG	5	QL (21 EA mỗi 28 ngày) PA
IBRANCE CAPS 75MG	5	QL (21 EA mỗi 28 ngày) PA
IBRANCE TABS 100MG	5	QL (21 EA mỗi 28 ngày) PA

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
IBRANCE TABS 125MG	5	QL (21 EA mỗi 28 ngày) PA
IBRANCE TABS 75MG	5	QL (21 EA mỗi 28 ngày) PA
IBTROZI CAPS 200MG	5	QL (3 EA mỗi 1 ngày) PA
ICLUSIG TABS 10MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
ICLUSIG TABS 15MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA LA
ICLUSIG TABS 30MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
ICLUSIG TABS 45MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA LA
idarubicin hcl inj 10mg/10ml	4	PA
idarubicin hcl inj 20mg/20ml	4	PA
idarubicin hcl inj 5mg/5ml	4	PA
idarubicin hydrochloride inj 10mg/10ml	4	PA
idarubicin hydrochloride inj 20mg/20ml	4	PA
idarubicin hydrochloride inj 5mg/5ml	4	PA
IDHIFA TABS 100MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
IDHIFA TABS 50MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
ifosfamide inj 1gm	4	
imatinib mesylate tabs 100mg	2	PA
imatinib mesylate tabs 400mg	2	PA
IMBRUVICA CAPS 140MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA LA

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
IMBRUVICA CAPS 70MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA LA
IMBRUVICA SUSP 70MG/ML	5	QL (8 ML mỗi 1 ngày) PA
IMBRUVICA TABS 140MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA LA
IMBRUVICA TABS 280MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA LA
IMBRUVICA TABS 420MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA LA
IMFINZI INJ 120MG/2.4ML	5	PA
IMFINZI INJ 500MG/10ML	5	PA
IMKELDI SOLN 80MG/ML	5	PA
INLURIYO TABS 200MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
INLYTA TABS 1MG	5	PA LA
INLYTA TABS 5MG	5	PA LA
INQOVI TABS 100MG; 35MG	5	QL (5 EA mỗi 28 ngày) PA
INREBIC CAPS 100MG	5	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA
ITOVEBI TABS 3MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
ITOVEBI TABS 9MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
IWILFIN TABS 192MG	5	QL (8 EA mỗi 1 ngày) PA
JAKAFI XR TB24 11MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
JAKAFI XR TB24 22MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
JAKAFI XR TB24 33MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
JAKAFI XR TB24 44MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
JAKAFI XR TB24 55MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
JAKAFI TABS 10MG	5	PA
JAKAFI TABS 15MG	5	PA
JAKAFI TABS 20MG	5	PA
JAKAFI TABS 25MG	5	PA
JAKAFI TABS 5MG	5	PA
JAYPIRCA TABS 100MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
JAYPIRCA TABS 50MG	5	QL (3 EA mỗi 1 ngày) PA
JIDEYTRO TABS 100MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
JIDEYTRO TABS 25MG	5	QL (3 EA mỗi 1 ngày) PA
JYLAMVO SOLN 2MG/ML	4	PA
KEYTRUDA INJ 100MG/4ML	5	PA
KISQALI TBPK 200MG	5	QL (21 EA mỗi 28 ngày) PA
KISQALI TBPK 200MG	5	QL (42 EA mỗi 28 ngày) PA
KISQALI TBPK 200MG	5	QL (63 EA mỗi 28 ngày) PA

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
KOMZIFTI CAPS 200MG	5	QL (3 EA mỗi 1 ngày) PA
KOSELUGO CAPS 10MG	5	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA
KOSELUGO CAPS 25MG	5	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA
KOSELUGO CPSP 5MG	5	PA
KOSELUGO CPSP 7.5MG	5	PA
KRAZATI TABS 200MG	5	QL (6 EA mỗi 1 ngày) PA
KYPROLIS INJ 10MG	5	PA
KYPROLIS INJ 30MG	5	PA
KYPROLIS INJ 60MG	5	PA
lapatinib ditosylate tabs 250mg	5	QL (6 EA mỗi 1 ngày) PA
LAZCLUZE TABS 240MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
LAZCLUZE TABS 80MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
lenalidomide caps 10mg	5	PA LA
lenalidomide caps 15mg	5	PA LA
lenalidomide caps 2.5mg	5	PA MO
lenalidomide caps 20mg	5	PA MO
lenalidomide caps 25mg	5	PA LA
lenalidomide caps 5mg	5	PA LA
LENVIMA 10 MG DAILY DOSE CPPK 10MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
LENVIMA 12MG DAILY DOSE CPPK 4MG	5	QL (3 EA mỗi 1 ngày) PA

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
LENVIMA 14 MG DAILY DOSE CPPK 0	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
LENVIMA 18 MG DAILY DOSE CPPK 0	5	QL (3 EA mỗi 1 ngày) PA
LENVIMA 20 MG DAILY DOSE CPPK 10MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
LENVIMA 24 MG DAILY DOSE CPPK 0	5	QL (3 EA mỗi 1 ngày) PA
LENVIMA 4 MG DAILY DOSE CPPK 4MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
LENVIMA 8 MG DAILY DOSE CPPK 4MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
LEUKERAN TABS 2MG	5	
LIBTAYO INJ 350MG/7ML	5	PA
LIFYORLI CPPK 0	5	QL (18 EA mỗi 28 ngày) PA
LIFYORLI CPPK 0	5	QL (18 EA mỗi 28 ngày) PA
LIFYORLI CPPK 0	5	QL (18 EA mỗi 28 ngày) PA
LIFYORLI CPPK 0	5	QL (27 EA mỗi 28 ngày) PA
LIFYORLI CPPK 0	5	QL (27 EA mỗi 28 ngày) PA
LIFYORLI CPPK 0	5	QL (27 EA mỗi 28 ngày) PA
lomustine caps 100mg	5	
lomustine caps 10mg	4	
lomustine caps 40mg	4	

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
LONSURF TABS 6.14MG; 15MG	5	QL (8 EA mỗi 1 ngày) PA
LONSURF TABS 8.19MG; 20MG	5	QL (8 EA mỗi 1 ngày) PA
LORBRENA TABS 100MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
LORBRENA TABS 25MG	5	QL (3 EA mỗi 1 ngày) PA
LUMAKRAS TABS 120MG	5	QL (8 EA mỗi 1 ngày) PA
LUMAKRAS TABS 240MG	5	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA
LUMAKRAS TABS 320MG	5	QL (3 EA mỗi 1 ngày) PA
LYNPARZA TABS 100MG	5	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA
LYNPARZA TABS 150MG	5	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA
LYSODREN TABS 500MG	5	
LYTGOBI TBPK 4MG	5	QL (3 EA mỗi 1 ngày) PA
LYTGOBI TBPK 4MG	5	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA
LYTGOBI TBPK 4MG	5	QL (5 EA mỗi 1 ngày) PA
MATULANE CAPS 50MG	5	
MEKINIST SOLR 0.05MG/ML	5	PA
MEKINIST TABS 0.5MG	5	PA
MEKINIST TABS 2MG	5	PA

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
MEKTOVI TABS 15MG	5	QL (6 EA mỗi 1 ngày) PA
melphalan hydrochloride inj 50mg	4	PA
mercaptopurine susp 2000mg/100ml	5	PA
mercaptopurine tabs 50mg	2	
methotrexate sodium inj 1gm/40ml	4	B/D
methotrexate sodium inj 1gm	4	B/D
METHOTREXATE SODIUM INJ 250MG/10ML	4	B/D
methotrexate sodium inj 250mg/10ml	4	B/D
METHOTREXATE SODIUM INJ 50MG/2ML	4	B/D
methotrexate sodium inj 50mg/2ml	4	B/D
methotrexate sodium tabs 2.5mg	2	B/D
methotrexate inj 50mg/2ml	4	B/D
mitomycin inj 20mg	5	PA
mitomycin inj 40mg	5	PA
mitomycin inj 40mg	5	PA
mitomycin inj 5mg	5	PA
mitoxantrone hydrochloride inj 25mg/12.5ml	4	
mitoxantrone hydrochloride inj 2mg/ml	4	
mitoxantrone hydrochloride inj 2mg/ml	4	
MODEYSO CAPS 125MG	5	QL (20 EA mỗi 28 ngày) PA MO
mutamycin inj 40mg	5	PA
mutamycin inj 5mg	5	PA
MYLOTARG INJ 4.5MG	5	PA
nelarabine inj 5mg/ml	5	PA

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
NERLYNX TABS 40MG	5	QL (6 EA mỗi 1 ngày) PA
nilotinib hydrochloride caps 150mg	5	PA
nilotinib hydrochloride caps 200mg	5	PA
nilotinib hydrochloride caps 50mg	5	PA
nilutamide tabs 150mg	5	
NINLARO CAPS 2.3MG	5	QL (3 EA mỗi 28 ngày) PA
NINLARO CAPS 3MG	5	QL (3 EA mỗi 28 ngày) PA
NINLARO CAPS 4MG	5	QL (3 EA mỗi 28 ngày) PA
NIPENT INJ 10MG	5	PA
NUBEQA TABS 300MG	5	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA
ODOMZO CAPS 200MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
OGSIVEO TABS 100MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
OGSIVEO TABS 150MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
OJEMDA SUSR 25MG/ML	5	QL (96 ML mỗi 28 ngày) PA
OJEMDA TABS 100MG	5	QL (24 EA mỗi 28 ngày) PA
OJEMDA TABS 100MG	5	QL (24 EA mỗi 28 ngày) PA
OJEMDA TABS 100MG	5	QL (24 EA mỗi 28 ngày) PA

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
OJJAARA TABS 100MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
OJJAARA TABS 150MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
OJJAARA TABS 200MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
ONUREG TABS 200MG	5	QL (14 EA mỗi 28 ngày) PA
ONUREG TABS 300MG	5	QL (14 EA mỗi 28 ngày) PA
OPDIVO INJ 100MG/10ML	5	PA
OPDIVO INJ 120MG/12ML	5	PA
OPDIVO INJ 240MG/24ML	5	PA
OPDIVO INJ 40MG/4ML	5	PA
ORSERDU TABS 345MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
ORSERDU TABS 86MG	5	QL (3 EA mỗi 1 ngày) PA
PACLITAXEL PROTEIN-BOUND PARTICLES INJ 900MG; 100MG	5	PA
PACLITAXEL INJ 150MG/25ML	4	
paclitaxel inj 300mg/50ml	4	
paclitaxel inj 30mg/5ml	4	
paclitaxel inj 6mg/ml	4	
pazopanib hydrochloride tabs 200mg	5	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA
PAZOPANIB HYDROCHLORIDE TABS 400MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
PEMAZYRE TABS 13.5MG	5	QL (14 EA mỗi 21 ngày) PA

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
PEMAZYRE TABS 4.5MG	5	QL (14 EA mỗi 21 ngày) PA
PEMAZYRE TABS 9MG	5	QL (14 EA mỗi 21 ngày) PA
pemetrexed disodium inj 100mg	4	PA
pemetrexed disodium inj 500mg	5	PA
pemetrexed inj 100mg	4	PA
pemetrexed inj 500mg	5	PA
PERJETA INJ 420MG/14ML	5	PA
PIQRAY 200MG DAILY DOSE TBPK 200MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
PIQRAY 250MG DAILY DOSE TBPK 0	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
PIQRAY 300MG DAILY DOSE TBPK 150MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
pomalidomide caps 1mg	5	PA
pomalidomide caps 2mg	5	PA
pomalidomide caps 3mg	5	PA
pomalidomide caps 4mg	5	PA
POMALYST CAPS 1MG	5	
POMALYST CAPS 2MG	5	
POMALYST CAPS 3MG	5	
POMALYST CAPS 4MG	5	
pralatrexate inj 20mg/ml	5	PA
pralatrexate inj 40mg/2ml	5	PA
PROLEUKIN INJ 22000000UNIT	5	PA
QINLOCK TABS 50MG	5	QL (3 EA mỗi 1 ngày) PA
RETEVMO TABS 120MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
RETEVMO TABS 160MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
RETEVMO TABS 40MG	5	QL (3 EA mỗi 1 ngày) PA
RETEVMO TABS 80MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
REVUFORJ TABS 110MG	5	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA
REVUFORJ TABS 160MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
REVUFORJ TABS 25MG	5	QL (8 EA mỗi 1 ngày) PA
REZLIDHIA CAPS 150MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
RIABNI INJ 100MG/10ML	5	PA
RIABNI INJ 500MG/50ML	5	PA
RITUXAN INJ 100MG/10ML	5	PA
RITUXAN INJ 500MG/50ML	5	PA
romidepsin inj 10mg	5	PA
ROMVIMZA CAPS 14MG	5	QL (8 EA mỗi 28 ngày) PA
ROMVIMZA CAPS 20MG	5	QL (8 EA mỗi 28 ngày) PA
ROMVIMZA CAPS 30MG	5	QL (8 EA mỗi 28 ngày) PA
ROZLYTREK CAPS 100MG	5	QL (5 EA mỗi 1 ngày) PA
ROZLYTREK CAPS 200MG	5	QL (3 EA mỗi 1 ngày) PA

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
ROZLYTREK PACK 50MG	5	QL (12 EA mỗi 1 ngày) PA
RUBRACA TABS 200MG	5	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA
RUBRACA TABS 250MG	5	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA
RUBRACA TABS 300MG	5	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA
RUXIENCE INJ 100MG/10ML	5	PA
RUXIENCE INJ 500MG/50ML	5	PA
RYDAPT CAPS 25MG	5	QL (8 EA mỗi 1 ngày) PA
SCEMBLIX TABS 100MG	5	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA
SCEMBLIX TABS 20MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
SCEMBLIX TABS 40MG	5	QL (8 EA mỗi 1 ngày) PA
SIKLOS TABS 1000MG	5	PA
SIKLOS TABS 100MG	4	PA
sorafenib tosylate tabs 200mg	5	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA
sorafenib tabs 200mg	5	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA LA
STIVARGA TABS 40MG	5	PA LA
sunitinib malate caps 12.5mg	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
sunitinib malate caps 25mg	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
sunitinib malate caps 37.5mg	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
sunitinib malate caps 50mg	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
TABLOID TABS 40MG	5	
TABRECTA TABS 150MG	5	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA
TABRECTA TABS 200MG	5	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA
TAFINLAR CAPS 50MG	5	PA
TAFINLAR CAPS 75MG	5	PA
TAFINLAR TBSO 10MG	5	PA
TAGRISSO TABS 40MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
TAGRISSO TABS 80MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
TALZENNA CAPS 0.1MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
TALZENNA CAPS 0.25MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
TALZENNA CAPS 0.35MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
TALZENNA CAPS 0.5MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
TALZENNA CAPS 0.75MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
TALZENNA CAPS 1MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
TAZVERIK TABS 200MG	5	QL (8 EA mỗi 1 ngày) PA

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
TECENTRIQ HYBREZA INJ 1875MG/15ML; 30000UNIT/15ML	5	PA
TECENTRIQ INJ 1200MG/20ML	5	PA
TECENTRIQ INJ 840MG/14ML	5	PA
temsirolimus inj 25mg/ml	5	PA
TEPMETKO TABS 225MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
TEVIMBRA INJ 100MG/10ML	5	PA
thiotepa inj 15mg	5	PA
TIBSOVO TABS 250MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
topotecan hcl inj 4mg	5	
topotecan hydrochloride inj 4mg/4ml	4	
tretinoin caps 10mg	5	PA
TRUQAP TABS 160MG	5	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA
TRUQAP TABS 200MG	5	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA
TRUQAP TBPK 160MG	5	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA
TRUQAP TBPK 200MG	5	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA
TRUXIMA INJ 100MG/10ML	5	PA
TRUXIMA INJ 500MG/50ML	5	PA
TUKYSA TABS 150MG	5	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA
TUKYSA TABS 50MG	5	QL (10 EA mỗi 1 ngày) PA
TURALIO CAPS 125MG	5	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
VANFLYTA TABS 17.7MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
VANFLYTA TABS 26.5MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
VECTIBIX INJ 100MG/5ML	5	PA
VECTIBIX INJ 400MG/20ML	5	PA
VENCLEXTA STARTING PACK TBPK 0	5	QL (42 EA mỗi 180 ngày) PA
VENCLEXTA TABS 100MG	5	QL (6 EA mỗi 1 ngày) PA
VENCLEXTA TABS 10MG	3	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA
VENCLEXTA TABS 50MG	5	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA
VEPPANU TABS 100MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
VEPPANU TABS 200MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
VERZENIO TABS 100MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
VERZENIO TABS 150MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
VERZENIO TABS 200MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
VERZENIO TABS 50MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
VINBLASTINE SULFATE INJ 1MG/ML	4	B/D
vinorelbine tartrate inj 10mg/ml	4	
vinorelbine tartrate inj 50mg/5ml	4	

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
VITRAKVI CAPS 100MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
VITRAKVI CAPS 25MG	5	QL (6 EA mỗi 1 ngày) PA
VITRAKVI SOLN 20MG/ML	5	QL (10 ML mỗi 1 ngày) PA
VIZIMPRO TABS 15MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
VIZIMPRO TABS 30MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
VIZIMPRO TABS 45MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
VONJO CAPS 100MG	5	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA
VORANIGO TABS 10MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
VORANIGO TABS 40MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
VYXEOS INJ 100MG; 44MG	5	PA
WELIREG TABS 40MG	5	QL (3 EA mỗi 1 ngày) PA
XALKORI CAPS 200MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA LA
XALKORI CAPS 250MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA LA
XALKORI CPSP 150MG	5	QL (6 EA mỗi 1 ngày) PA LA
XALKORI CPSP 20MG	5	PA LA
XALKORI CPSP 50MG	5	PA LA
XATMEP SOLN 2.5MG/ML	4	PA

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
XOSPATA TABS 40MG	5	QL (3 EA mỗi 1 ngày) PA
XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY TBPK 20MG	5	QL (24 EA mỗi 28 ngày) PA
XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY TBPK 20MG	5	QL (32 EA mỗi 28 ngày) PA
XPOVIO TBPK 10MG	5	QL (16 EA mỗi 28 ngày) PA
XPOVIO TBPK 40MG	5	QL (8 EA mỗi 28 ngày) PA
XPOVIO TBPK 40MG	5	QL (8 EA mỗi 28 ngày) PA
XPOVIO TBPK 40MG	5	QL (4 EA mỗi 28 ngày) PA
XPOVIO TBPK 50MG	5	QL (8 EA mỗi 28 ngày) PA
XPOVIO TBPK 60MG	5	QL (4 EA mỗi 28 ngày) PA
XPOVIO TBPK 80MG	5	QL (4 EA mỗi 28 ngày) PA
xromi soln 100mg/ml	4	PA
XTANDI CAPS 40MG	5	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA
XTANDI TABS 40MG	5	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA
XTANDI TABS 80MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
YERVOY INJ 200MG/40ML	5	PA
YERVOY INJ 50MG/10ML	5	PA
YONDELIS INJ 1MG	5	PA

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
YONSA TABS 125MG	5	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA
yulithira tabs 10mg	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
yulithira tabs 2.5mg	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
yulithira tabs 5mg	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
yulithira tabs 7.5mg	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
ZALTRAP INJ 100MG/4ML	5	PA
ZALTRAP INJ 200MG/8ML	5	PA
ZEJULA TABS 100MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
ZEJULA TABS 200MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
ZEJULA TABS 300MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
ZELBORAF TABS 240MG	5	PA LA
ZENBEXUS CAPS 0.75MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
ZENBEXUS CAPS 1MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
ZOLINZA CAPS 100MG	5	PA
ZYDELIG TABS 100MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
ZYDELIG TABS 150MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
ZYKADIA TABS 150MG	5	QL (3 EA mỗi 1 ngày) PA

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
Kháng độc tố, globulin miễn dịch, giải độc tố và vắc-xin		
Dịch chiết gây dị ứng		
GRASTEK SUBL 2800BAU	3	PA MO
ODACTRA SUBL 0; 0	3	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
Kháng độc tố và globulin miễn dịch		
BIVIGAM INJ 10%	5	PA
BIVIGAM INJ 5GM/50ML	5	PA
FLEBOGAMMA DIF INJ 10GM/200ML	5	PA
FLEBOGAMMA DIF INJ 20GM/400ML	5	PA
FLEBOGAMMA DIF INJ 5GM/100ML	5	PA
GAMASTAN INJ 0	4	PA
GAMMAGARD LIQUID ERC INJ 10GM/100ML	5	PA
GAMMAGARD LIQUID ERC INJ 5GM/50ML	5	PA
GAMMAGARD LIQUID INJ 10GM/100ML	5	PA
GAMMAGARD LIQUID INJ 1GM/10ML	5	PA
GAMMAGARD LIQUID INJ 2.5GM/25ML	5	PA
GAMMAGARD LIQUID INJ 20GM/200ML	5	PA
GAMMAGARD LIQUID INJ 30GM/300ML	5	PA

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
GAMMAGARD LIQUID INJ 5GM/50ML	5	PA
GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML INJ 10GM	5	PA
GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML INJ 5GM	5	PA
GAMMAKED INJ 10GM/100ML	5	PA
GAMMAKED INJ 1GM/10ML	5	PA
GAMMAKED INJ 20GM/200ML	5	PA
GAMMAKED INJ 5GM/50ML	5	PA
GAMMAPLEX INJ 10GM/100ML	5	PA
GAMMAPLEX INJ 10GM/200ML	5	PA
GAMMAPLEX INJ 20GM/200ML	5	PA
GAMMAPLEX INJ 20GM/400ML	5	PA
GAMMAPLEX INJ 5GM/100ML	5	PA
GAMMAPLEX INJ 5GM/50ML	5	PA
GAMUNEX-C INJ 10GM/100ML	5	PA
GAMUNEX-C INJ 1GM/10ML	5	PA
GAMUNEX-C INJ 2.5GM/25ML	5	PA
GAMUNEX-C INJ 20GM/200ML	5	PA
GAMUNEX-C INJ 40GM/400ML	5	PA
GAMUNEX-C INJ 5GM/50ML	5	PA
OCTAGAM INJ 10GM/100ML	5	PA
OCTAGAM INJ 10GM/200ML	5	PA
OCTAGAM INJ 1GM/20ML	4	PA
OCTAGAM INJ 2.5GM/50ML	5	PA
OCTAGAM INJ 20GM/200ML	5	PA
OCTAGAM INJ 2GM/20ML	5	PA
OCTAGAM INJ 30GM/300ML	5	PA

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
OCTAGAM INJ 5GM/100ML	5	PA
OCTAGAM INJ 5GM/50ML	5	PA
PRIVIGEN INJ 10GM/100ML	5	PA
PRIVIGEN INJ 20GM/200ML	5	PA
PRIVIGEN INJ 40GM/400ML	5	PA
PRIVIGEN INJ 5GM/50ML	5	PA
VARIZIG INJ 125UNIT/1.2ML	4	PA
ZINPLAVA INJ 1000MG/40ML	5	PA
Giải độc tố		
ADACEL INJ 2LF/0.5ML; 15.5MCG/0.5ML; 5LF/0.5ML	3	
ADACEL INJ 2LF/0.5ML; 15.5MCG/0.5ML; 5LF/0.5ML	3	
BOOSTRIX INJ 2.5LF/0.5ML; 18.5MCG/0.5ML; 5LF/0.5ML	3	
BOOSTRIX INJ 2.5LF/0.5ML; 18.5MCG/0.5ML; 5LF/0.5ML	3	
DAPTACEL INJ 15LF/0.5ML; 23MCG/0.5ML; 5LF/0.5ML	3	
INFANRIX INJ 25LFU/0.5ML; 58MCG/0.5ML; 10LFU/0.5ML	3	
KINRIX INJ 25LFU/0.5ML; 58MCG/0.5ML; 0; 10LFU/0.5ML	3	
QUADRACEL INJ 15LFU/0.5ML; 48MCG/0.5ML; 0; 5LFU/0.5ML	3	
QUADRACEL INJ 15LFU/0.5ML; 48MCG/0.5ML; 0; 5LFU/0.5ML	3	
TDVAX INJ 2LF/0.5ML; 2LF/0.5ML	3	
TENIVAC INJ 2LFU; 5LFU	3	
TENIVAC INJ 2LFU; 5LFU	3	

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
TETANUS/DIPHTHERIA TOXOIDS-ADSORBED ADULT INJ 2LF/0.5ML; 2LF/0.5ML	3	
Vắc-xin		
ABRYSVO INJ 120MCG/0.5ML	3	
ACTHIB INJ 0	3	
AREXVY INJ 120MCG/0.5ML	3	PA
BCG VACCINE INJ 50MG	3	
BEXSERO INJ 0.5ML	3	PA
DENGVAXIA INJ 0	3	PA
ENGERIX-B INJ 10MCG/0.5ML	3	B/D
ENGERIX-B INJ 20MCG/ML	3	B/D
ENGERIX-B INJ 20MCG/ML	3	B/D
GARDASIL 9 INJ 0.5ML	3	PA
GARDASIL 9 INJ 0.5ML	3	PA
HAVRIX INJ 1440UNIT/ML	3	
HAVRIX INJ 720ELU/0.5ML	3	
HEPLISAV-B INJ 20MCG/0.5ML	3	B/D
HIBERIX INJ 10MCG	3	
IMOVAX RABIES (H.D.C.V.) INJ 2.5UNIT/ML	3	B/D
IPOL INACTIVATED IPV INJ 0	3	
IXIARO INJ 0	3	
JYNNEOS INJ 0.5ML	3	
M-M-R II INJ 0; 0; 0	3	
MENQUADFI INJ 0.5ML	3	
MENVEO INJ 0	3	
MENVEO INJ 0	3	
MRESVIA INJ 50MCG/0.5ML	3	

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
PEDIARIX INJ 25LFU/0.5ML; 10MCG/0.5ML; 58MCG/0.5ML; 0; 10LFU/0.5ML	3	
PEDVAXHIB INJ 7.5MCG/0.5ML	3	
PENBRAYA INJ 0; 0	3	PA
PENMENVY INJ 0; 0	3	PA
PENTACEL INJ 15LFU/0.5ML; 0; 48MCG/0.5ML; 0; 5LFU/0.5ML	3	
PREHEVBRIO INJ 10MCG/ML	3	B/D
PRIORIX INJ 0; 0; 0	3	
PROQUAD INJ 0; 0; 0; 0	3	
RABAVERT INJ 0	3	B/D
RECOMBIVAX HB INJ 10MCG/ML	3	B/D
RECOMBIVAX HB INJ 10MCG/ML	3	B/D
RECOMBIVAX HB INJ 40MCG/ML	3	B/D
RECOMBIVAX HB INJ 5MCG/0.5ML	3	B/D
RECOMBIVAX HB INJ 5MCG/0.5ML	3	B/D
ROTARIX SUSP 0	3	
ROTATEQ SOLN 0	3	
SHINGRIX INJ 50MCG/0.5ML	3	
SHINGRIX INJ 50MCG/0.5ML	3	
TICOVAC INJ 1.2MCG/0.25ML	3	PA
TICOVAC INJ 2.4MCG/0.5ML	3	PA
TRUMENBA INJ 0.5ML	3	PA
TWINRIX INJ 720ELU/ML; 20MCG/ML	3	
TYPHIM VI INJ 25MCG/0.5ML	3	
TYPHIM VI INJ 25MCG/0.5ML	3	
VAQTA INJ 25UNIT/0.5ML	3	

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
VAQTA INJ 25UNIT/0.5ML	3	
VAQTA INJ 50UNIT/ML	3	
VAQTA INJ 50UNIT/ML	3	
VARIVAX INJ 1350PFU/0.5ML	3	
VAXCHORA SUSR 0	3	PA
VIMKUNYA INJ 40MCG/0.8ML	3	
VIVOTIF CPDR 0	3	QL (4 EA mỗi 365 ngày)
YF-VAX INJ 0	3	
Thuốc tác động lên hệ thần kinh tự chủ		
Thuốc kháng cholinergic		
ANORO ELLIPTA AEPB 62.5MCG/ACT; 25MCG/ACT	3	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
ATROPINE SULFATE INJ 0.25MG/5ML	4	
dicyclomine hcl soln 10mg/5ml	4	
dicyclomine hydrochloride caps 10mg	4	
dicyclomine hydrochloride soln 10mg/5ml	4	
dicyclomine hydrochloride tabs 20mg	4	
glycopyrrolate tabs 1mg	2	
glycopyrrolate tabs 2mg	2	
INCRUSE ELLIPTA AEPB 62.5MCG/INH	3	QL (30 EA mỗi 30 ngày) MO
ipratropium bromide hfa aers 17mcg/act	4	MO
ipratropium bromide soln 0.02%	1	B/D MO
ipratropium bromide soln 0.03%	2	MO
ipratropium bromide soln 0.06%	2	MO
scopolamine pt72 1mg/3days	4	PA

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
SPIRIVA RESPIMAT AERS 1.25MCG/ACT	3	QL (4 EA mỗi 30 ngày) MO
SPIRIVA RESPIMAT AERS 2.5MCG/ACT	3	QL (4 EA mỗi 30 ngày) MO
STIOLTO RESPIMAT AERS 2.5MCG/ACT; 2.5MCG/ACT	3	QL (4 EA mỗi 30 ngày) MO
tiotropium bromide caps 18mcg	2	QL (30 EA mỗi 30 ngày) MO
Các thuốc khác tác động lên hệ thần kinh tự chủ		
nicotrol ns soln 10mg/ml	4	QL (360 ML mỗi 365 ngày)
varenicline starting month tbpk 0	2	QL (53 EA mỗi 84 ngày)
varenicline tartrate tabs 0.5mg	2	QL (730 EA mỗi 365 ngày)
varenicline tartrate tabs 1mg	2	QL (730 EA mỗi 365 ngày)
Thuốc kích thích hệ phó giao cảm (thuốc cholinergic)		
bethanechol chloride tabs 10mg	2	
bethanechol chloride tabs 25mg	2	
bethanechol chloride tabs 50mg	2	
bethanechol chloride tabs 5mg	2	
cevimeline hydrochloride caps 30mg	4	MO
donepezil hcl tabs 10mg	1	MO
donepezil hcl tabs 23mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
donepezil hcl tbdp 10mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
donepezil hcl tbdp 5mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
donepezil hydrochloride odt tbdp 10mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
donepezil hydrochloride odt tbdp 5mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
donepezil hydrochloride tabs 10mg	1	MO
donepezil hydrochloride tabs 23mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
donepezil hydrochloride tabs 5mg	1	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
FIRDAPSE TABS 10MG	5	QL (8 EA mỗi 1 ngày) PA
galantamine hydrobromide er cp24 16mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
galantamine hydrobromide er cp24 24mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
galantamine hydrobromide er cp24 8mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
GALANTAMINE HYDROBROMIDE SOLN 4MG/ML	4	MO
galantamine hydrobromide tabs 12mg	2	MO
galantamine hydrobromide tabs 4mg	2	MO
galantamine hydrobromide tabs 8mg	2	MO
pilocarpine hydrochloride tabs 5mg	2	MO
pilocarpine hydrochloride tabs 7.5mg	2	MO
pyridostigmine bromide er tbcr 180mg	4	
pyridostigmine bromide soln 60mg/5ml	4	
pyridostigmine bromide tabs 60mg	2	
REGONOL INJ 10MG/2ML	4	

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
rivastigmine tartrate caps 1.5mg	2	MO
rivastigmine tartrate caps 3mg	2	MO
rivastigmine tartrate caps 4.5mg	2	MO
rivastigmine tartrate caps 6mg	2	MO
rivastigmine transdermal system pt24 13.3mg/24hr	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
rivastigmine transdermal system pt24 4.6mg/24hr	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
rivastigmine transdermal system pt24 9.5mg/24hr	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
Thuốc giãn cơ vân		
baclofen tabs 10mg	2	MO
baclofen tabs 20mg	2	MO
baclofen tabs 5mg	2	
chlorzoxazone tabs 500mg	2	
cyclobenzaprine hydrochloride tabs 10mg	4	
cyclobenzaprine hydrochloride tabs 5mg	4	
methocarbamol tabs 500mg	2	
methocarbamol tabs 750mg	2	
tizanidine hcl tabs 2mg	2	MO
tizanidine hydrochloride caps 2mg	2	
tizanidine hydrochloride caps 4mg	2	
tizanidine hydrochloride caps 6mg	2	
tizanidine hydrochloride tabs 2mg	2	
tizanidine hydrochloride tabs 4mg	2	MO
Thuốc hỗ trợ cai thuốc lá		
bupropion hydrochloride er (sr) tb12 150mg	1	

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
varenicline tartrate continuing month tabs 1mg	2	QL (730 EA mỗi 365 ngày)
Thuốc ức chế hệ giao cảm (thuốc chẹn adrenergic)		
alfuzosin hcl er tb24 10mg	2	MO
dihydroergotamine mesylate inj 1mg/ml	4	
dihydroergotamine mesylate soln 4mg/ml	2	QL (8 ML mỗi 28 ngày)
tamsulosin hydrochloride caps 0.4mg	1	MO
Các thuốc cường giao cảm (adrenergic)		
ADVAIR HFA AERO 115MCG/ACT; 21MCG/ACT	3	QL (12 GM mỗi 30 ngày) MO
ADVAIR HFA AERO 230MCG/ACT; 21MCG/ACT	3	QL (12 GM mỗi 30 ngày) MO
ADVAIR HFA AERO 45MCG/ACT; 21MCG/ACT	3	QL (12 GM mỗi 30 ngày) MO
albuterol sulfate hfa aers 108mcg/act	1	QL (17 GM mỗi 30 ngày) MO
albuterol sulfate hfa aers 108mcg/act	1	QL (36 GM mỗi 30 ngày) MO
albuterol sulfate hfa aers 108mcg/act	1	QL (13.4 GM mỗi 30 ngày) MO
albuterol sulfate nebu 0.083%	1	B/D MO
albuterol sulfate nebu 0.63mg/3ml	1	B/D MO
albuterol sulfate nebu 1.25mg/3ml	1	B/D MO
albuterol sulfate nebu 2.5mg/0.5ml	1	B/D MO
albuterol sulfate syrp 2mg/5ml	2	MO
albuterol sulfate tabs 2mg	4	MO
albuterol sulfate tabs 4mg	4	MO
arformoterol tartrate nebu 15mcg/2ml	2	B/D MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
COMBIVENT RESPIMAT AERS 100MCG/ACT; 20MCG/ACT	3	QL (8 GM mỗi 30 ngày) MO
droxidopa caps 100mg	4	QL (15 EA mỗi 1 ngày) PA
droxidopa caps 200mg	5	QL (6 EA mỗi 1 ngày) PA
droxidopa caps 300mg	5	QL (6 EA mỗi 1 ngày) PA
epinephrine inj 0.15mg/0.15ml	1	
epinephrine inj 0.15mg/0.3ml	1	
epinephrine inj 0.3mg/0.3ml	1	
epinephrine inj 0.3mg/0.3ml	1	
fluticasone propionate/salmeterol diskus aepb 100mcg/act; 50mcg/act	1	QL (60 EA mỗi 30 ngày) MO
fluticasone propionate/salmeterol diskus aepb 250mcg/act; 50mcg/act	1	QL (60 EA mỗi 30 ngày) MO
fluticasone propionate/salmeterol diskus aepb 500mcg/act; 50mcg/act	1	QL (60 EA mỗi 30 ngày) MO
fluticasone propionate/salmeterol aepb 100mcg/act; 50mcg/act	1	QL (60 EA mỗi 30 ngày) MO
fluticasone propionate/salmeterol aepb 250mcg/act; 50mcg/act	1	QL (60 EA mỗi 30 ngày) MO
fluticasone propionate/salmeterol aepb 500mcg/act; 50mcg/act	1	QL (60 EA mỗi 30 ngày) MO
ipratropium bromide/albuterol sulfate soln 2.5mg/3ml; 0.5mg/3ml	1	B/D MO
levalbuterol hcl nebu 0.31mg/3ml	2	B/D MO
levalbuterol hcl nebu 0.63mg/3ml	2	B/D MO
levalbuterol hcl nebu 1.25mg/3ml	2	B/D MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
levalbuterol hydrochloride nebu 0.31mg/3ml	2	B/D MO
levalbuterol hydrochloride nebu 0.63mg/3ml	2	B/D MO
levalbuterol hydrochloride nebu 1.25mg/3ml	2	B/D MO
LEVALBUTEROL TARTRATE HFA AERO 45MCG/ACT	4	QL (30 GM mỗi 30 ngày) MO
levalbuterol nebu 1.25mg/0.5ml	2	B/D MO
lofexidine hydrochloride tabs 0.18mg	5	QL (16 EA mỗi 1 ngày) PA
midodrine hydrochloride tabs 10mg	2	
midodrine hydrochloride tabs 2.5mg	2	
midodrine hydrochloride tabs 5mg	2	
SEREVENT DISKUS AEPB 50MCG/DOSE	3	QL (60 EA mỗi 30 ngày) MO
terbutaline sulfate inj 1mg/ml	4	
terbutaline sulfate tabs 2.5mg	2	
terbutaline sulfate tabs 5mg	2	MO
wixela inhub aepb 100mcg/act; 50mcg/act	1	QL (60 EA mỗi 30 ngày) MO
wixela inhub aepb 250mcg/act; 50mcg/act	1	QL (60 EA mỗi 30 ngày) MO
wixela inhub aepb 500mcg/act; 50mcg/act	1	QL (60 EA mỗi 30 ngày) MO
Các chế phẩm từ máu		
Các chế phẩm từ máu		
ARALAST NP INJ 1000MG	5	PA LA
ARALAST NP INJ 500MG	4	PA LA
PROLASTIN-C INJ 1000MG/20ML	5	PA LA

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
ZEMAIRA INJ 1000MG	5	PA LA
ZEMAIRA INJ 4000MG	5	PA LA
ZEMAIRA INJ 5000MG	5	PA LA
Thuốc tác động đến quá trình tạo máu, đông máu và huyết khối		
Thuốc cầm máu		
tranexamic acid inj 1000mg/10ml	4	
tranexamic acid tabs 650mg	2	
Thuốc chống huyết khối		
anagrelide hydrochloride caps 0.5mg	2	MO
anagrelide hydrochloride caps 1mg	4	MO
argatroban inj 250mg/2.5ml	5	
aspirin/dipyridamole er cp12 25mg; 200mg	2	MO
aspirin/dipyridamole cp12 25mg; 200mg	2	MO
CABLIVI INJ 11MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
cilostazol tabs 100mg	2	MO
cilostazol tabs 50mg	2	MO
clopidogrel tabs 75mg	1	MO
dabigatran etexilate caps 110mg	2	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
dabigatran etexilate caps 150mg	2	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
dabigatran etexilate caps 75mg	2	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
dipyridamole tabs 25mg	2	MO
dipyridamole tabs 50mg	2	MO
dipyridamole tabs 75mg	2	MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
ELIQUIS STARTER PACK TBPK 5MG	3	QL (74 EA mỗi 180 ngày) MO
ELIQUIS CPSP 0.15MG	3	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA MO
ELIQUIS TABS 2.5MG	3	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
ELIQUIS TABS 5MG	3	MO
ELIQUIS TBSO 0.5MG	3	PA MO
ELIQUIS TBSO 0.5MG	3	QL (20 EA mỗi 1 ngày) PA MO
ELIQUIS TBSO 0.5MG	3	PA MO
enoxaparin sodium inj 100mg/ml	1	
enoxaparin sodium inj 120mg/0.8ml	1	
enoxaparin sodium inj 150mg/ml	1	
enoxaparin sodium inj 300mg/3ml	1	
enoxaparin sodium inj 30mg/0.3ml	1	
enoxaparin sodium inj 40mg/0.4ml	1	
enoxaparin sodium inj 60mg/0.6ml	1	
enoxaparin sodium inj 80mg/0.8ml	1	
fondaparinux sodium inj 10mg/0.8ml	5	QL (0.8 ML mỗi 1 ngày)
fondaparinux sodium inj 2.5mg/0.5ml	1	QL (0.5 ML mỗi 1 ngày)
fondaparinux sodium inj 5mg/0.4ml	5	QL (0.4 ML mỗi 1 ngày)
fondaparinux sodium inj 7.5mg/0.6ml	5	QL (0.6 ML mỗi 1 ngày)
HEPARIN SODIUM/D5W INJ 5%; 100UNIT/ML	4	

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
HEPARIN SODIUM/D5W INJ 5%; 25000UNIT/500ML	4	
HEPARIN SODIUM/D5W INJ 5%; 40UNIT/ML	4	
HEPARIN SODIUM/DEXTROSE INJ 5%; 25000UNIT/250ML	4	
HEPARIN SODIUM/DEXTROSE INJ 5%; 25000UNIT/500ML	4	
HEPARIN SODIUM/NACL 0.45% INJ 12500UNIT/250ML; 0.45%	4	
HEPARIN SODIUM/NACL 0.45% INJ 25000UNIT/250ML; 0.45%	4	
heparin sodium/sodium chloride 0.9% premix inj 1000unit/500ml; 0.9%	4	
heparin sodium/sodium chloride 0.9% premix inj 2000unit/l; 0.9%	4	
heparin sodium/sodium chloride 0.9% inj 1000unit/500ml; 0.9%	4	
heparin sodium/sodium chloride 0.9% inj 2000unit/l; 0.9%	4	
HEPARIN SODIUM/SODIUM CHLORIDE INJ 25000UNIT/250ML; 0.45%	4	
HEPARIN SODIUM/SODIUM CHLORIDE INJ 25000UNIT/500ML; 0.45%	4	
heparin sodium inj 10000unit/ml	2	
heparin sodium inj 1000unit/ml	2	
heparin sodium inj 1000unit/ml	2	
heparin sodium inj 20000unit/ml	2	

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
heparin sodium inj 5000unit/0.5ml	2	
heparin sodium inj 5000unit/ml	2	
heparin sodium inj 5000unit/ml	2	
jantoven tabs 10mg	1	MO
jantoven tabs 1mg	1	MO
jantoven tabs 2.5mg	1	MO
jantoven tabs 2mg	1	MO
jantoven tabs 3mg	1	MO
jantoven tabs 4mg	1	MO
jantoven tabs 5mg	1	MO
jantoven tabs 6mg	1	MO
jantoven tabs 7.5mg	1	MO
prasugrel hydrochloride tabs 10mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
prasugrel hydrochloride tabs 5mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
rivaroxaban susr 1mg/ml	2	PA MO
rivaroxaban tabs 2.5mg	2	
ticagrelor tabs 60mg	4	QL (2 EA mỗi 1 ngày)
ticagrelor tabs 90mg	4	QL (2 EA mỗi 1 ngày)
warfarin sodium tabs 10mg	1	MO
warfarin sodium tabs 1mg	1	MO
warfarin sodium tabs 2.5mg	1	MO
warfarin sodium tabs 2mg	1	MO
warfarin sodium tabs 3mg	1	MO
warfarin sodium tabs 4mg	1	MO
warfarin sodium tabs 5mg	1	MO
warfarin sodium tabs 6mg	1	MO
warfarin sodium tabs 7.5mg	1	MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
XARELTO STARTER PACK TBPK 0	3	QL (51 EA mỗi 180 ngày)
XARELTO TABS 10MG	3	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
XARELTO TABS 15MG	3	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
XARELTO TABS 20MG	3	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
Các thuốc khác tác động đến quá trình tạo máu, đông máu và huyết khối		
AQVESME TABS 100MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
PYRUKYND TAPER PACK TBPK 0	5	QL (14 EA mỗi 180 ngày) PA
PYRUKYND TAPER PACK TBPK 0	5	QL (14 EA mỗi 180 ngày) PA
PYRUKYND TAPER PACK TBPK 5MG	5	QL (7 EA mỗi 180 ngày) PA
PYRUKYND TABS 20MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
PYRUKYND TABS 50MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
PYRUKYND TABS 5MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
TAVALISSE TABS 100MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA MO
TAVALISSE TABS 150MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA MO
WAYRILZ TABS 400MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
Thuốc kích thích tạo máu		
DOPTELET SPRINKLE CPSP 10MG	5	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA
DOPTELET TABS 20MG	5	QL (3 EA mỗi 1 ngày) PA
DOPTELET TABS 20MG	5	QL (3 EA mỗi 1 ngày) PA
DOPTELET TABS 20MG	5	QL (3 EA mỗi 1 ngày) PA
eltrombopag olamine pack 12.5mg	5	QL (6 EA mỗi 1 ngày) PA MO
eltrombopag olamine pack 25mg	5	QL (6 EA mỗi 1 ngày) PA MO
eltrombopag olamine tabs 12.5mg	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
eltrombopag olamine tabs 25mg	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
eltrombopag olamine tabs 50mg	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA MO
eltrombopag olamine tabs 75mg	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA MO
FULPHILA INJ 6MG/0.6ML	5	PA
GRANIX INJ 300MCG/0.5ML	4	PA
GRANIX INJ 300MCG/ML	4	PA
GRANIX INJ 480MCG/0.8ML	4	PA
LEUKINE INJ 250MCG	5	PA
MULPLETA TABS 3MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
NEULASTA INJ 4MG/0.4ML	5	PA
NEULASTA INJ 6MG/0.6ML	5	PA

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
plerixafor inj 24mg/1.2ml	5	PA
PROCRIT INJ 10000UNIT/ML	4	PA
PROCRIT INJ 20000UNIT/ML	5	PA
PROCRIT INJ 2000UNIT/ML	4	PA
PROCRIT INJ 3000UNIT/ML	4	PA
PROCRIT INJ 40000UNIT/ML	5	PA
PROCRIT INJ 4000UNIT/ML	4	PA
RETACRIT INJ 10000UNIT/ML	4	PA
RETACRIT INJ 20000UNIT/2ML	4	PA
RETACRIT INJ 20000UNIT/ML	4	PA
RETACRIT INJ 2000UNIT/ML	4	PA
RETACRIT INJ 3000UNIT/ML	4	PA
RETACRIT INJ 40000UNIT/ML	5	PA
RETACRIT INJ 4000UNIT/ML	4	PA
STIMUFEND INJ 6MG/0.6ML	5	PA
UDENYCA ONBODY INJ 6MG/0.6ML	5	PA
UDENYCA INJ 6MG/0.6ML	5	PA
UDENYCA INJ 6MG/0.6ML	5	PA
XOLREMDI CAPS 100MG	5	QL (120 EA mỗi 30 ngày) PA
ZARXIO INJ 300MCG/0.5ML	5	PA
ZARXIO INJ 480MCG/0.8ML	5	PA
Thuốc điều chỉnh lưu biến máu		
pentoxifylline er tbcr 400mg	2	MO
Thuốc tim mạch		
Thuốc chẹn thụ thể alpha-adrenergic		
doxazosin mesylate tabs 1mg	2	MO
doxazosin mesylate tabs 2mg	2	MO
doxazosin mesylate tabs 4mg	2	MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
doxazosin mesylate tabs 8mg	2	MO
doxazosin tabs 2mg	2	MO
prazosin hydrochloride caps 1mg	2	MO
prazosin hydrochloride caps 2mg	2	MO
prazosin hydrochloride caps 5mg	2	MO
terazosin hcl caps 10mg	2	MO
terazosin hcl caps 1mg	2	MO
terazosin hcl caps 5mg	2	MO
terazosin hydrochloride caps 10mg	2	MO
terazosin hydrochloride caps 1mg	2	MO
terazosin hydrochloride caps 2mg	2	MO
terazosin hydrochloride caps 5mg	2	MO
Thuốc điều trị rối loạn lipid máu		
atorvastatin calcium tabs 10mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
atorvastatin calcium tabs 20mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
atorvastatin calcium tabs 40mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
atorvastatin calcium tabs 80mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
cholestyramine light pack 4gm	4	MO
cholestyramine light powd 4gm/dose	4	MO
cholestyramine pack 4gm	2	MO
cholestyramine powd 4gm/dose	2	MO
colesevelam hydrochloride pack 3.75gm	2	MO
colesevelam hydrochloride tabs 625mg	2	MO
colestipol hydrochloride gran 5gm	2	MO
colestipol hydrochloride pack 5gm	2	MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
colestipol hydrochloride tabs 1gm	2	MO
ezetimibe/simvastatin tabs 10mg; 10mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
ezetimibe/simvastatin tabs 10mg; 20mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
ezetimibe/simvastatin tabs 10mg; 40mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
ezetimibe/simvastatin tabs 10mg; 80mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
ezetimibe tabs 10mg	1	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
fenofibrate micronized caps 134mg	2	MO
fenofibrate micronized caps 200mg	2	MO
fenofibrate micronized caps 67mg	2	MO
fenofibrate caps 130mg	2	MO
fenofibrate caps 134mg	2	MO
fenofibrate caps 200mg	2	MO
fenofibrate caps 43mg	2	MO
fenofibrate caps 67mg	2	MO
fenofibrate tabs 145mg	2	MO
fenofibrate tabs 160mg	2	MO
fenofibrate tabs 48mg	2	MO
fenofibrate tabs 54mg	2	MO
fenofibric acid dr cpdr 135mg	2	MO
fenofibric acid dr cpdr 45mg	2	MO
gemfibrozil tabs 600mg	1	MO
icosapent ethyl caps 0.5gm	2	QL (8 EA mỗi 1 ngày) MO
icosapent ethyl caps 1gm	4	QL (4 EA mỗi 1 ngày) MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
JUXTAPID CAPS 10MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA MO
JUXTAPID CAPS 20MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA MO
JUXTAPID CAPS 30MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA MO
JUXTAPID CAPS 5MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA MO
lovastatin tabs 10mg	6	MO
lovastatin tabs 20mg	6	MO
lovastatin tabs 40mg	6	MO
NEXLETOL TABS 180MG	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
NEXLIZET TABS 180MG; 10MG	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
niacin er tbcr 1000mg	2	MO
niacin er tbcr 500mg	2	MO
niacin er tbcr 750mg	2	MO
omega-3-acid ethyl esters caps 375mg; 465mg; 1gm	2	MO
PRALUENT INJ 150MG/ML	3	QL (2 ML mỗi 28 ngày) PA MO
PRALUENT INJ 75MG/ML	3	QL (2 ML mỗi 28 ngày) PA MO
pravastatin sodium tabs 10mg	6	MO
pravastatin sodium tabs 20mg	6	MO
pravastatin sodium tabs 40mg	6	MO
pravastatin sodium tabs 80mg	6	MO
prevalite pack 4gm	4	MO
prevalite powd 4gm/dose	4	MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
REDEMPLO INJ 25MG/0.5ML	5	QL (0.5 ML mỗi 84 ngày) PA
REPATHA SURECLICK INJ 140MG/ML	3	QL (3 ML mỗi 30 ngày) PA MO
REPATHA INJ 140MG/ML	3	QL (3 ML mỗi 30 ngày) PA MO
rosuvastatin calcium tabs 10mg	6	MO
rosuvastatin calcium tabs 20mg	6	MO
rosuvastatin calcium tabs 40mg	6	MO
rosuvastatin calcium tabs 5mg	6	MO
simvastatin tabs 10mg	6	MO
simvastatin tabs 20mg	6	MO
simvastatin tabs 40mg	6	MO
simvastatin tabs 5mg	6	MO
simvastatin tabs 80mg	6	MO
TRYNGOLZA INJ 50MG/0.8ML	5	QL (0.8 ML mỗi 28 ngày) PA
TRYNGOLZA INJ 80MG/0.8ML	5	QL (0.8 ML mỗi 28 ngày) PA
Thuốc chẹn thụ thể beta-adrenergic		
acebutolol hydrochloride caps 200mg	2	MO
acebutolol hydrochloride caps 400mg	2	MO
atenolol/chlorthalidone tabs 100mg; 25mg	1	MO
atenolol/chlorthalidone tabs 50mg; 25mg	1	MO
atenolol tabs 100mg	1	MO
atenolol tabs 25mg	1	MO
atenolol tabs 50mg	1	MO
bisoprolol fumarate/hydrochlorothiazide tabs 10mg; 6.25mg	1	MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
bisoprolol fumarate/hydrochlorothiazide tabs 2.5mg; 6.25mg	1	MO
bisoprolol fumarate/hydrochlorothiazide tabs 5mg; 6.25mg	1	MO
bisoprolol fumarate tabs 10mg	1	MO
bisoprolol fumarate tabs 5mg	1	MO
carvedilol tabs 12.5mg	1	MO
carvedilol tabs 25mg	1	MO
carvedilol tabs 3.125mg	1	MO
carvedilol tabs 6.25mg	1	MO
LABETALOL HYDROCHLORIDE INJ 10MG/2ML	4	
labetalol hydrochloride inj 5mg/ml	4	
labetalol hydrochloride tabs 100mg	2	MO
labetalol hydrochloride tabs 200mg	2	MO
labetalol hydrochloride tabs 300mg	2	MO
metoprolol succinate er tb24 100mg	1	MO
metoprolol succinate er tb24 200mg	1	MO
metoprolol succinate er tb24 25mg	1	MO
metoprolol succinate er tb24 50mg	1	MO
metoprolol tartrate inj 5mg/5ml	4	
metoprolol tartrate tabs 100mg	1	MO
metoprolol tartrate tabs 25mg	1	MO
metoprolol tartrate tabs 37.5mg	1	MO
metoprolol tartrate tabs 50mg	1	MO
metoprolol tartrate tabs 75mg	1	MO
metoprolol/hydrochlorothiazide tabs 25mg; 100mg	1	MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
metoprolol/hydrochlorothiazide tabs 25mg; 50mg	1	MO
metoprolol/hydrochlorothiazide tabs 50mg; 100mg	1	MO
nadolol tabs 20mg	1	MO
nadolol tabs 40mg	1	MO
nadolol tabs 80mg	1	MO
nebivolol hydrochloride tabs 10mg	2	QL (3 EA mỗi 1 ngày) MO
nebivolol hydrochloride tabs 2.5mg	2	QL (5 EA mỗi 1 ngày) MO
nebivolol hydrochloride tabs 20mg	2	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
nebivolol hydrochloride tabs 5mg	2	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
pindolol tabs 10mg	2	MO
pindolol tabs 5mg	2	MO
PROPRANOLOL HCL SOLN 40MG/5ML	1	MO
propranolol hcl tabs 40mg	1	MO
propranolol hcl tabs 60mg	1	MO
propranolol hydrochloride er cp24 120mg	2	MO
propranolol hydrochloride er cp24 160mg	2	MO
propranolol hydrochloride er cp24 60mg	2	MO
propranolol hydrochloride er cp24 80mg	2	MO
PROPRANOLOL HYDROCHLORIDE SOLN 20MG/5ML	1	MO
propranolol hydrochloride tabs 10mg	1	MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
propranolol hydrochloride tabs 20mg	1	MO
propranolol hydrochloride tabs 40mg	1	MO
propranolol hydrochloride tabs 60mg	1	MO
propranolol hydrochloride tabs 80mg	1	MO
sotalol hcl (af) tabs 120mg	2	MO
sotalol hcl (af) tabs 80mg	2	MO
sotalol hcl af tabs 160mg	2	MO
sotalol hcl tabs 120mg	1	MO
sotalol hcl tabs 160mg	1	MO
sotalol hcl tabs 240mg	1	MO
sotalol hydrochloride (af) tabs 120mg	2	MO
sotalol hydrochloride (af) tabs 160mg	2	MO
sotalol hydrochloride (af) tabs 80mg	2	MO
sotalol hydrochloride af tabs 160mg	2	MO
sotalol hydrochloride tabs 120mg	1	MO
sotalol hydrochloride tabs 160mg	1	MO
sotalol hydrochloride tabs 240mg	1	MO
sotalol hydrochloride tabs 80mg	1	MO
SOTYLIZE SOLN 5MG/ML	4	PA MO
timolol maleate tabs 10mg	2	MO
timolol maleate tabs 20mg	2	MO
timolol maleate tabs 5mg	2	MO
Thuốc chẹn kênh canxi		
amlodipine besylate/atorvastatin calcium tabs 10mg; 10mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
amlodipine besylate/atorvastatin calcium tabs 10mg; 20mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
amlodipine besylate/atorvastatin calcium tabs 10mg; 40mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
amlodipine besylate/atorvastatin calcium tabs 10mg; 80mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
amlodipine besylate/atorvastatin calcium tabs 2.5mg; 10mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
amlodipine besylate/atorvastatin calcium tabs 2.5mg; 20mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
amlodipine besylate/atorvastatin calcium tabs 2.5mg; 40mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
amlodipine besylate/atorvastatin calcium tabs 5mg; 10mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
amlodipine besylate/atorvastatin calcium tabs 5mg; 20mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
amlodipine besylate/atorvastatin calcium tabs 5mg; 40mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
amlodipine besylate/atorvastatin calcium tabs 5mg; 80mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
amlodipine besylate/benazepril hcl caps 10mg; 40mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
amlodipine besylate/benazepril hcl caps 5mg; 40mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
amlodipine besylate/benazepril hydrochloride caps 10mg; 20mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
amlodipine besylate/benazepril hydrochloride caps 10mg; 40mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
amlodipine besylate/benazepril hydrochloride caps 2.5mg; 10mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
amlodipine besylate/benazepril hydrochloride caps 5mg; 10mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
amlodipine besylate/benazepril hydrochloride caps 5mg; 20mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
amlodipine besylate/benazepril hydrochloride caps 5mg; 40mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
amlodipine besylate/valsartan tabs 10mg; 160mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
amlodipine besylate/valsartan tabs 10mg; 320mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
amlodipine besylate/valsartan tabs 5mg; 160mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
amlodipine besylate/valsartan tabs 5mg; 320mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
amlodipine besylate tabs 10mg	1	MO
amlodipine besylate tabs 2.5mg	1	MO
amlodipine besylate tabs 5mg	1	MO
amlodipine/olmesartan medoxomil tabs 10mg; 20mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
amlodipine/olmesartan medoxomil tabs 10mg; 40mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
amlodipine/olmesartan medoxomil tabs 5mg; 20mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
amlodipine/olmesartan medoxomil tabs 5mg; 40mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
amlodipine/valsartan/hydrochlorothiazide tabs 10mg; 12.5mg; 160mg	6	MO
amlodipine/valsartan/hydrochlorothiazide tabs 10mg; 25mg; 160mg	6	MO
amlodipine/valsartan/hydrochlorothiazide tabs 10mg; 25mg; 320mg	6	MO
amlodipine/valsartan/hydrochlorothiazide tabs 5mg; 12.5mg; 160mg	6	MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
amlodipine/valsartan/hydrochlorothiazide tabs 5mg; 25mg; 160mg	6	MO
felodipine er tb24 10mg	2	MO
felodipine er tb24 2.5mg	2	MO
felodipine er tb24 5mg	2	MO
nicardipine hcl caps 20mg	2	MO
nicardipine hcl caps 30mg	2	MO
nicardipine hydrochloride caps 20mg	2	MO
nicardipine hydrochloride caps 30mg	2	MO
nicardipine hydrochloride inj 2.5mg/ml	4	
nifedipine er tb24 30mg	2	MO
nifedipine er tb24 30mg	2	MO
nifedipine er tb24 60mg	2	MO
nifedipine er tb24 60mg	2	MO
nifedipine er tb24 90mg	2	MO
nifedipine er tb24 90mg	2	MO
olmesartan medoxomil/amlodipine/hydrochlorothiazide tabs 10mg; 12.5mg; 40mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
olmesartan medoxomil/amlodipine/hydrochlorothiazide tabs 10mg; 25mg; 40mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
olmesartan medoxomil/amlodipine/hydrochlorothiazide tabs 5mg; 12.5mg; 20mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
olmesartan medoxomil/amlodipine/hydrochlorothiazide tabs 5mg; 12.5mg; 40mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
olmesartan medoxomil/amlodipine/hydrochlorothiazide tabs 5mg; 25mg; 40mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
telmisartan/amlodipine tabs 10mg; 40mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
telmisartan/amlodipine tabs 10mg; 80mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
telmisartan/amlodipine tabs 5mg; 40mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
telmisartan/amlodipine tabs 5mg; 80mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
Thuốc tim mạch		
amiodarone hcl tabs 400mg	2	MO
amiodarone hydrochloride inj 150mg/3ml	4	
amiodarone hydrochloride inj 50mg/ml	4	
amiodarone hydrochloride inj 900mg/18ml	4	
amiodarone hydrochloride tabs 100mg	2	MO
amiodarone hydrochloride tabs 200mg	2	MO
amiodarone hydrochloride tabs 400mg	2	MO
ATTRUBY TBPK 356MG	5	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA
CAMZYOS CAPS 10MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
CAMZYOS CAPS 15MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
CAMZYOS CAPS 2.5MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
CAMZYOS CAPS 5MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
CARDAMYST SOLN 70MG/DOSE	4	QL (4 EA mỗi 30 ngày) PA
cartia xt cp24 120mg	2	MO
cartia xt cp24 180mg	2	MO
cartia xt cp24 240mg	2	MO
cartia xt cp24 300mg	2	MO
CORLANOR SOLN 5MG/5ML	4	PA MO
digoxin inj 0.25mg/ml	4	
DIGOXIN SOLN 0.05MG/ML	4	MO
digoxin tabs 125mcg	2	MO
digoxin tabs 250mcg	2	MO
dilt-xr cp24 120mg	2	MO
dilt-xr cp24 180mg	2	MO
dilt-xr cp24 240mg	2	MO
diltiazem hcl er cp12 120mg	2	MO
diltiazem hcl er cp12 60mg	2	MO
diltiazem hcl er cp12 90mg	2	MO
diltiazem hcl er cp24 120mg	2	MO
diltiazem hcl er cp24 180mg	2	MO
diltiazem hcl er cp24 240mg	2	MO
diltiazem hcl er cp24 420mg	2	MO
diltiazem hcl er tb24 240mg	2	MO
diltiazem hcl er tb24 300mg	2	MO
diltiazem hcl er tb24 360mg	2	MO
diltiazem hcl er tb24 420mg	2	MO
DILTIAZEM HCL INJ 100MG	4	
diltiazem hcl inj 50mg/10ml	4	

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
diltiazem hcl tabs 30mg	2	MO
diltiazem hcl tabs 60mg	2	MO
diltiazem hydrochloride er cp12 120mg	2	MO
diltiazem hydrochloride er cp12 60mg	2	MO
diltiazem hydrochloride er cp12 90mg	2	MO
diltiazem hydrochloride er cp24 120mg	2	MO
diltiazem hydrochloride er cp24 120mg	2	MO
diltiazem hydrochloride er cp24 180mg	2	MO
diltiazem hydrochloride er cp24 180mg	2	MO
diltiazem hydrochloride er cp24 240mg	2	MO
diltiazem hydrochloride er cp24 240mg	2	MO
diltiazem hydrochloride er cp24 300mg	2	MO
diltiazem hydrochloride er cp24 300mg	2	MO
diltiazem hydrochloride er cp24 360mg	2	MO
diltiazem hydrochloride er cp24 360mg	2	MO
diltiazem hydrochloride er tb24 120mg	2	MO
diltiazem hydrochloride er tb24 180mg	2	MO
diltiazem hydrochloride er tb24 240mg	2	MO
diltiazem hydrochloride er tb24 300mg	2	MO
diltiazem hydrochloride er tb24 360mg	2	MO
diltiazem hydrochloride er tb24 420mg	2	MO
diltiazem hydrochloride inj 125mg/25ml	4	
diltiazem hydrochloride inj 25mg/5ml	4	
diltiazem hydrochloride inj 50mg/10ml	4	
diltiazem hydrochloride tabs 120mg	2	MO
diltiazem hydrochloride tabs 30mg	2	MO
diltiazem hydrochloride tabs 60mg	2	MO
diltiazem hydrochloride tabs 90mg	2	MO
disopyramide phosphate caps 100mg	2	MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
disopyramide phosphate caps 150mg	2	MO
dofetilide caps 125mcg	2	MO
dofetilide caps 250mcg	2	MO
dofetilide caps 500mcg	2	MO
flecainide acetate tabs 100mg	2	MO
flecainide acetate tabs 150mg	2	MO
flecainide acetate tabs 50mg	2	MO
ivabradine hydrochloride tabs 5mg	2	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
ivabradine hydrochloride tabs 7.5mg	2	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
lidocaine hcl in d5w inj 5%; 4mg/ml	4	
lidocaine hcl in d5w inj 5%; 8mg/ml	4	
lidocaine hcl/dextrose inj 5%; 4mg/ml	4	
lidocaine hcl/dextrose inj 5%; 8mg/ml	4	
matzim la tb24 180mg	2	MO
matzim la tb24 240mg	2	MO
matzim la tb24 300mg	2	MO
matzim la tb24 360mg	2	MO
matzim la tb24 420mg	2	MO
mexiletine hydrochloride caps 150mg	4	MO
mexiletine hydrochloride caps 200mg	4	MO
mexiletine hydrochloride caps 250mg	4	MO
MULTAQ TABS 400MG	3	PA MO
MYQORZO TABS 10MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
MYQORZO TABS 15MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
MYQORZO TABS 20MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
MYQORZO TABS 5MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
NORPACE CR CP12 100MG	4	MO
NORPACE CR CP12 150MG	4	MO
pacerone tabs 100mg	2	MO
pacerone tabs 200mg	2	MO
pacerone tabs 400mg	2	MO
procainamide hydrochloride inj 100mg/ml	4	
procainamide hydrochloride inj 500mg/ml	4	
propafenone hcl tabs 150mg	2	MO
propafenone hcl tabs 225mg	2	
propafenone hcl tabs 300mg	2	
propafenone hydrochloride tabs 150mg	2	MO
propafenone hydrochloride tabs 225mg	2	MO
propafenone hydrochloride tabs 300mg	2	MO
quinidine gluconate cr tbcr 324mg	2	MO
quinidine gluconate er tbcr 324mg	2	
QUINIDINE SULFATE TABS 200MG	4	MO
QUINIDINE SULFATE TABS 300MG	4	MO
ranolazine er tb12 1000mg	2	MO
ranolazine er tb12 500mg	2	MO
tiadylt er cp24 120mg	2	MO
tiadylt er cp24 180mg	2	MO
tiadylt er cp24 240mg	2	MO
tiadylt er cp24 300mg	2	MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
tiadylt er cp24 360mg	2	MO
tiadylt er cp24 420mg	2	MO
verapamil hcl er cp24 120mg	2	MO
verapamil hcl er cp24 180mg	2	MO
verapamil hcl er cp24 240mg	2	MO
verapamil hcl er tbcr 120mg	1	MO
verapamil hcl sr cp24 120mg	2	MO
verapamil hcl sr cp24 180mg	2	MO
verapamil hcl sr cp24 240mg	2	MO
verapamil hcl sr cp24 360mg	2	MO
verapamil hydrochloride er cp24 100mg	2	MO
verapamil hydrochloride er cp24 200mg	2	MO
verapamil hydrochloride er cp24 300mg	2	MO
verapamil hydrochloride er tbcr 180mg	1	MO
verapamil hydrochloride er tbcr 240mg	1	MO
verapamil hydrochloride sr cp24 240mg	2	MO
verapamil hydrochloride sr cp24 360mg	2	MO
verapamil hydrochloride inj 2.5mg/ml	4	
verapamil hydrochloride tabs 120mg	1	MO
verapamil hydrochloride tabs 40mg	1	MO
verapamil hydrochloride tabs 80mg	1	MO
VYNDAMAX CAPS 61MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
Thuốc chủ vận alpha tác dụng trung ương		
clonidine hydrochloride tabs 0.05mg	2	MO
clonidine hydrochloride tabs 0.1mg	1	MO
clonidine hydrochloride tabs 0.2mg	1	MO
clonidine hydrochloride tabs 0.3mg	1	MO
clonidine ptwk 0.1mg/24hr	4	MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
clonidine ptwk 0.2mg/24hr	4	MO
clonidine ptwk 0.3mg/24hr	4	MO
guanfacine hydrochloride tabs 1mg	2	MO
guanfacine hydrochloride tabs 2mg	2	MO
methyldopa tabs 250mg	4	MO
METHYLDOPA TABS 500MG	4	MO
Thuốc lợi tiểu		
amiloride hcl tabs 5mg	1	MO
amiloride hydrochloride tabs 5mg	1	MO
bumetanide inj 0.25mg/ml	4	
bumetanide tabs 0.5mg	2	MO
bumetanide tabs 1mg	2	MO
bumetanide tabs 2mg	2	MO
chlorothiazide sodium inj 500mg	4	
chlorthalidone tabs 25mg	1	MO
chlorthalidone tabs 50mg	1	MO
dichlorphenamide tabs 50mg	5	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA
furosemide inj 10mg/ml	4	
furosemide soln 10mg/ml	4	MO
FUROSEMIDE SOLN 40MG/5ML	4	MO
furosemide tabs 20mg	1	MO
furosemide tabs 40mg	1	MO
furosemide tabs 80mg	1	MO
hydrochlorothiazide caps 12.5mg	1	MO
hydrochlorothiazide tabs 12.5mg	1	MO
hydrochlorothiazide tabs 25mg	1	MO
hydrochlorothiazide tabs 50mg	1	MO
indapamide tabs 1.25mg	1	MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
indapamide tabs 2.5mg	1	MO
methazolamide tabs 25mg	4	MO
methazolamide tabs 50mg	4	MO
metolazone tabs 10mg	1	MO
metolazone tabs 2.5mg	1	MO
metolazone tabs 5mg	1	MO
Các chất ức chế hệ thống Kallikrein-Kinin		
DAWNZERA INJ 80MG/0.8ML	5	QL (0.8 ML mỗi 28 ngày) PA
EKTERLY TABS 300MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
icatibant acetate inj 30mg/3ml	5	PA
TAKHZYRO INJ 150MG/ML	5	QL (4 ML mỗi 28 ngày) PA
TAKHZYRO INJ 300MG/2ML	5	QL (4 ML mỗi 28 ngày) PA MO
TAKHZYRO INJ 300MG/2ML	5	QL (4 ML mỗi 28 ngày) PA MO
Thuốc ức chế hệ Renin-Angiotensin-Aldosterone		
aliskiren tabs 150mg	2	MO
aliskiren tabs 300mg	2	MO
benazepril hydrochloride/hydrochlorothiazide tabs 10mg; 12.5mg	6	MO
benazepril hydrochloride/hydrochlorothiazide tabs 20mg; 12.5mg	6	MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
benazepril hydrochloride/hydrochlorothiazide tabs 20mg; 25mg	6	MO
benazepril hydrochloride/hydrochlorothiazide tabs 5mg; 6.25mg	6	MO
benazepril hydrochloride tabs 10mg	6	MO
benazepril hydrochloride tabs 20mg	6	MO
benazepril hydrochloride tabs 40mg	6	MO
benazepril hydrochloride tabs 5mg	6	MO
candesartan cilexetil/hydrochlorothiazide tabs 16mg; 12.5mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
candesartan cilexetil/hydrochlorothiazide tabs 32mg; 12.5mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
candesartan cilexetil/hydrochlorothiazide tabs 32mg; 25mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
candesartan cilexetil tabs 16mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
candesartan cilexetil tabs 32mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
candesartan cilexetil tabs 4mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
candesartan cilexetil tabs 8mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
captopril tabs 100mg	6	MO
captopril tabs 12.5mg	6	MO
captopril tabs 25mg	6	MO
captopril tabs 50mg	6	MO
enalapril maleate/hydrochlorothiazide tabs 10mg; 25mg	6	MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
enalapril maleate/hydrochlorothiazide tabs 5mg; 12.5mg	6	MO
enalapril maleate tabs 10mg	6	MO
enalapril maleate tabs 2.5mg	6	MO
enalapril maleate tabs 20mg	6	MO
enalapril maleate tabs 5mg	6	MO
ENTRESTO CPSP 15MG; 16MG	3	
ENTRESTO CPSP 6MG; 6MG	3	
eplerenone tabs 25mg	2	MO
eplerenone tabs 50mg	2	MO
fosinopril sodium/hydrochlorothiazide tabs 10mg; 12.5mg	6	MO
fosinopril sodium/hydrochlorothiazide tabs 20mg; 12.5mg	6	MO
fosinopril sodium tabs 10mg	6	MO
fosinopril sodium tabs 20mg	6	MO
fosinopril sodium tabs 40mg	6	MO
irbesartan/hydrochlorothiazide tabs 12.5mg; 150mg	6	MO
irbesartan/hydrochlorothiazide tabs 12.5mg; 300mg	6	MO
irbesartan tabs 150mg	6	MO
irbesartan tabs 300mg	6	MO
irbesartan tabs 75mg	6	MO
KERENDIA TABS 10MG	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
KERENDIA TABS 20MG	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
KERENDIA TABS 40MG	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
lisinopril/hydrochlorothiazide tabs 12.5mg; 10mg	6	MO
lisinopril/hydrochlorothiazide tabs 12.5mg; 20mg	6	MO
lisinopril/hydrochlorothiazide tabs 25mg; 20mg	6	MO
lisinopril tabs 10mg	6	MO
lisinopril tabs 2.5mg	6	MO
lisinopril tabs 20mg	6	MO
lisinopril tabs 30mg	6	MO
lisinopril tabs 40mg	6	MO
lisinopril tabs 5mg	6	MO
losartan potassium/hydrochlorothiazide tabs 12.5mg; 100mg	6	MO
losartan potassium/hydrochlorothiazide tabs 12.5mg; 50mg	6	MO
losartan potassium/hydrochlorothiazide tabs 25mg; 100mg	6	MO
losartan potassium tabs 100mg	6	MO
losartan potassium tabs 25mg	6	MO
losartan potassium tabs 50mg	6	MO
moexipril hydrochloride tabs 15mg	6	MO
moexipril hydrochloride tabs 7.5mg	6	MO
olmesartan medoxomil/hydrochlorothiazide tabs 12.5mg; 20mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
olmesartan medoxomil/hydrochlorothiazide tabs 12.5mg; 40mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
olmesartan medoxomil/hydrochlorothiazide tabs 25mg; 40mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
olmesartan medoxomil tabs 20mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
olmesartan medoxomil tabs 40mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
olmesartan medoxomil tabs 5mg	6	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
perindopril erbumine tabs 2mg	6	MO
perindopril erbumine tabs 4mg	6	MO
perindopril erbumine tabs 8mg	6	MO
quinapril hydrochloride tabs 10mg	6	MO
quinapril hydrochloride tabs 20mg	6	MO
quinapril hydrochloride tabs 40mg	6	MO
quinapril hydrochloride tabs 5mg	6	MO
quinapril/hydrochlorothiazide tabs 12.5mg; 10mg	6	MO
quinapril/hydrochlorothiazide tabs 12.5mg; 20mg	6	MO
quinapril/hydrochlorothiazide tabs 25mg; 20mg	6	MO
ramipril caps 1.25mg	6	MO
ramipril caps 10mg	6	MO
ramipril caps 2.5mg	6	MO
ramipril caps 5mg	6	MO
sacubitril/valsartan tabs 24mg; 26mg	2	QL (6 EA mỗi 1 ngày) MO
sacubitril/valsartan tabs 49mg; 51mg	2	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
sacubitril/valsartan tabs 97mg; 103mg	2	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
spironolactone/hydrochlorothiazide tabs 25mg; 25mg	1	MO
spironolactone tabs 100mg	1	MO
spironolactone tabs 25mg	1	MO
spironolactone tabs 50mg	1	MO
telmisartan/hydrochlorothiazide tabs 12.5mg; 40mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
telmisartan/hydrochlorothiazide tabs 12.5mg; 80mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
telmisartan/hydrochlorothiazide tabs 25mg; 80mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
telmisartan tabs 20mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
telmisartan tabs 40mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
telmisartan tabs 80mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
trandolapril tabs 1mg	6	MO
trandolapril tabs 2mg	6	MO
trandolapril tabs 4mg	6	MO
valsartan/hydrochlorothiazide tabs 12.5mg; 160mg	6	MO
valsartan/hydrochlorothiazide tabs 12.5mg; 320mg	6	MO
valsartan/hydrochlorothiazide tabs 12.5mg; 80mg	6	MO
valsartan/hydrochlorothiazide tabs 25mg; 160mg	6	MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
valsartan/hydrochlorothiazide tabs 25mg; 320mg	6	MO
valsartan tabs 160mg	6	MO
valsartan tabs 320mg	6	MO
valsartan tabs 40mg	6	MO
valsartan tabs 80mg	6	MO
Thuốc giãn mạch		
hydralazine hydrochloride inj 20mg/ml	4	
hydralazine hydrochloride tabs 100mg	2	MO
hydralazine hydrochloride tabs 10mg	2	MO
hydralazine hydrochloride tabs 25mg	2	MO
hydralazine hydrochloride tabs 50mg	2	MO
isosorbide dinitrate tabs 10mg	1	MO
isosorbide dinitrate tabs 20mg	1	MO
isosorbide dinitrate tabs 30mg	1	MO
isosorbide dinitrate tabs 40mg	4	MO
isosorbide dinitrate tabs 5mg	1	MO
isosorbide mononitrate er tb24 120mg	1	MO
isosorbide mononitrate er tb24 30mg	1	MO
isosorbide mononitrate er tb24 60mg	1	MO
isosorbide mononitrate tabs 10mg	1	MO
isosorbide mononitrate tabs 20mg	1	MO
minoxidil tabs 10mg	2	MO
minoxidil tabs 2.5mg	2	MO
nitroglycerin transdermal pt24 0.1mg/hr	4	MO
nitroglycerin transdermal pt24 0.2mg/hr	4	MO
nitroglycerin transdermal pt24 0.4mg/hr	4	MO
nitroglycerin transdermal pt24 0.6mg/hr	4	MO
NITROGLYCERIN INJ 5MG/ML	4	

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
nitroglycerin soln 0.4mg/spray	4	MO
nitroglycerin subl 0.3mg	1	MO
nitroglycerin subl 0.4mg	1	MO
nitroglycerin subl 0.6mg	1	MO
sildenafil citrate tabs 100mg	2	QL (6 EA mỗi 30 ngày) ED
sildenafil citrate tabs 50mg	2	QL (6 EA mỗi 30 ngày) ED
sildenafil tabs 25mg	2	QL (6 EA mỗi 30 ngày) ED
tadalafil tabs 2.5mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
tadalafil tabs 5mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
VERQUVO TABS 10MG	3	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
VERQUVO TABS 2.5MG	3	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
VERQUVO TABS 5MG	3	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
Thuốc chủ vận alpha tác dụng trung ương		
Thuốc điều trị xơ cứng cột bên teo cơ (ALS)		
RADICAVA ORS STARTER KIT SUSP 105MG/5ML	5	QL (70 ML mỗi 180 ngày) PA
RADICAVA ORS SUSP 105MG/5ML	5	QL (50 ML mỗi 28 ngày) PA
riluzole tabs 50mg	2	MO
Thuốc giảm đau và hạ sốt		

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
acetaminophen/codeine phosphate tabs 300mg; 15mg	2	QL (13 EA mỗi 1 ngày)
acetaminophen/codeine phosphate tabs 300mg; 30mg	2	QL (13 EA mỗi 1 ngày)
acetaminophen/codeine phosphate tabs 300mg; 60mg	2	QL (13 EA mỗi 1 ngày)
ACETAMINOPHEN/CODEINE SOLN 120MG/5ML; 12MG/5ML	4	QL (166 ML mỗi 1 ngày)
acetaminophen/codeine tabs 300mg; 15mg	2	QL (13 EA mỗi 1 ngày)
acetaminophen/codeine tabs 300mg; 30mg	2	QL (13 EA mỗi 1 ngày)
acetaminophen/codeine tabs 300mg; 60mg	2	QL (13 EA mỗi 1 ngày)
ascomp/codeine caps 325mg; 50mg; 40mg; 30mg	2	
bac tabs 325mg; 50mg; 40mg	4	QL (12 EA mỗi 1 ngày)
BRIXADI INJ 128MG/0.36ML	5	QL (0.36 ML mỗi 28 ngày)
BRIXADI INJ 16MG/0.32ML	5	QL (1.28 ML mỗi 28 ngày)
BRIXADI INJ 24MG/0.48ML	5	QL (1.92 ML mỗi 28 ngày)
BRIXADI INJ 32MG/0.64ML	5	QL (2.56 ML mỗi 28 ngày)
BRIXADI INJ 64MG/0.18ML	5	QL (0.18 ML mỗi 28 ngày)
BRIXADI INJ 8MG/0.16ML	5	QL (0.64 ML mỗi 28 ngày)

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
BRIXADI INJ 96MG/0.27ML	5	QL (0.27 ML mỗi 28 ngày)
buprenorphine hcl/naloxone hcl subl 2mg; 0.5mg	1	QL (3 EA mỗi 1 ngày)
buprenorphine hcl/naloxone hcl subl 8mg; 2mg	1	QL (4 EA mỗi 1 ngày)
buprenorphine hcl subl 2mg	1	QL (3 EA mỗi 1 ngày)
buprenorphine hcl subl 8mg	1	QL (4 EA mỗi 1 ngày)
buprenorphine hydrochloride/naloxone hydrochloride film 12mg; 3mg	1	QL (3 EA mỗi 1 ngày)
buprenorphine hydrochloride/naloxone hydrochloride film 2mg; 0.5mg	1	QL (3 EA mỗi 1 ngày)
buprenorphine hydrochloride/naloxone hydrochloride film 4mg; 1mg	1	QL (3 EA mỗi 1 ngày)
buprenorphine hydrochloride/naloxone hydrochloride film 8mg; 2mg	1	QL (4 EA mỗi 1 ngày)
buprenorphine hydrochloride/naloxone hydrochloride subl 2mg; 0.5mg	1	QL (3 EA mỗi 1 ngày)
buprenorphine hydrochloride/naloxone hydrochloride subl 8mg; 2mg	1	QL (4 EA mỗi 1 ngày)
buprenorphine ptwk 10mcg/hr	4	QL (4 EA mỗi 28 ngày) PA
buprenorphine ptwk 15mcg/hr	4	QL (4 EA mỗi 28 ngày) PA
buprenorphine ptwk 20mcg/hr	4	QL (4 EA mỗi 28 ngày) PA
buprenorphine ptwk 5mcg/hr	4	QL (4 EA mỗi 28 ngày) PA
buprenorphine ptwk 7.5mcg/hr	4	QL (4 EA mỗi 28 ngày) PA

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
butalbital/acetaminophen/caffeine/codeine caps 300mg; 50mg; 40mg; 30mg	4	QL (13 EA mỗi 1 ngày)
butalbital/acetaminophen/caffeine/codeine caps 325mg; 50mg; 40mg; 30mg	4	QL (12 EA mỗi 1 ngày)
butalbital/acetaminophen/caffeine caps 300mg; 50mg; 40mg	4	QL (13 EA mỗi 1 ngày)
butalbital/acetaminophen/caffeine caps 325mg; 50mg; 40mg	4	QL (12 EA mỗi 1 ngày)
butalbital/acetaminophen/caffeine tabs 325mg; 50mg; 40mg	4	QL (12 EA mỗi 1 ngày)
butalbital/acetaminophen tabs 325mg; 50mg	4	QL (12 EA mỗi 1 ngày)
butalbital/aspirin/caffeine/codeine caps 325mg; 50mg; 40mg; 30mg	2	
celecoxib caps 100mg	1	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
celecoxib caps 200mg	1	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
celecoxib caps 400mg	1	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
celecoxib caps 50mg	1	
CODEINE SULFATE TABS 30MG	4	
CODEINE SULFATE TABS 60MG	4	
diclofenac potassium tabs 50mg	2	MO
diclofenac sodium dr tbec 25mg	2	MO
diclofenac sodium dr tbec 50mg	1	MO
diclofenac sodium dr tbec 75mg	1	MO
diclofenac sodium er tb24 100mg	4	MO
DURAMORPH INJ 0.5MG/ML	4	
DURAMORPH INJ 1MG/ML	4	

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
endocet tabs 325mg; 10mg	2	QL (12 EA mỗi 1 ngày)
endocet tabs 325mg; 2.5mg	2	QL (12 EA mỗi 1 ngày)
endocet tabs 325mg; 5mg	2	QL (12 EA mỗi 1 ngày)
endocet tabs 325mg; 7.5mg	2	QL (12 EA mỗi 1 ngày)
etodolac caps 200mg	2	MO
etodolac caps 300mg	2	MO
etodolac tabs 400mg	2	MO
etodolac tabs 500mg	2	MO
fentanyl pt72 100mcg/hr	4	QL (10 EA mỗi 30 ngày) ST
fentanyl pt72 12mcg/hr	4	QL (10 EA mỗi 30 ngày) ST
fentanyl pt72 25mcg/hr	4	QL (10 EA mỗi 30 ngày) ST
fentanyl pt72 50mcg/hr	4	QL (10 EA mỗi 30 ngày) ST
fentanyl pt72 75mcg/hr	4	QL (10 EA mỗi 30 ngày) ST
flurbiprofen tabs 100mg	2	MO
hydrocodone bitartrate/acetaminophen soln 325mg/15ml; 7.5mg/15ml	2	QL (184 ML mỗi 1 ngày)
hydrocodone bitartrate/acetaminophen tabs 325mg; 10mg	2	QL (12 EA mỗi 1 ngày)
hydrocodone bitartrate/acetaminophen tabs 325mg; 2.5mg	2	QL (12 EA mỗi 1 ngày)
hydrocodone bitartrate/acetaminophen tabs 325mg; 5mg	2	QL (12 EA mỗi 1 ngày)
hydrocodone bitartrate/acetaminophen tabs 325mg; 7.5mg	2	QL (12 EA mỗi 1 ngày)

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
hydrocodone/acetaminophen tabs 325mg; 7.5mg	2	QL (12 EA mỗi 1 ngày)
HYDROCODONE/IBUPROFEN TABS 10MG; 200MG	4	
HYDROCODONE/IBUPROFEN TABS 5MG; 200MG	4	
hydrocodone/ibuprofen tabs 7.5mg; 200mg	2	
hydromorphone hcl inj 10mg/ml	4	
hydromorphone hcl inj 1mg/ml	4	
HYDROMORPHONE HCL INJ 4MG/ML	4	
hydromorphone hcl tabs 2mg	2	
hydromorphone hcl tabs 4mg	2	
hydromorphone hcl tabs 8mg	2	
hydromorphone hydrochloride inj 0.2mg/ml	4	
HYDROMORPHONE HYDROCHLORIDE INJ 1MG/ML	4	
HYDROMORPHONE HYDROCHLORIDE INJ 1MG/ML	4	
hydromorphone hydrochloride inj 2mg/ml	4	
HYDROMORPHONE HYDROCHLORIDE INJ 2MG/ML	4	
HYDROMORPHONE HYDROCHLORIDE INJ 4MG/ML	4	
hydromorphone hydrochloride inj 50mg/5ml	4	
ibuprofen susp 100mg/5ml	2	

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
ibuprofen tabs 400mg	1	MO
ibuprofen tabs 600mg	1	MO
ibuprofen tabs 800mg	1	MO
ibu tabs 400mg	1	MO
ibu tabs 600mg	1	MO
ibu tabs 800mg	1	MO
JOURNAVX TABS 50MG	3	QL (30 EA mỗi 90 ngày) PA
meloxicam tabs 15mg	1	MO
meloxicam tabs 7.5mg	1	MO
METHADONE HCL SOLN 5MG/5ML	2	
methadone hcl tabs 10mg	2	
methadone hcl tabs 5mg	2	
methadone hydrochloride intensol conc 10mg/ml	4	
methadone hydrochloride conc 10mg/ml	4	
METHADONE HYDROCHLORIDE SOLN 10MG/5ML	4	
methadone hydrochloride soln 5mg/5ml	2	
methadone hydrochloride tabs 10mg	2	
methadone hydrochloride tabs 5mg	2	
METHADOSE SUGAR-FREE CONC 10MG/ML	3	
METHADOSE CONC 10MG/ML	3	
morphine sulfate er tbcr 100mg	2	QL (3 EA mỗi 1 ngày)
morphine sulfate er tbcr 15mg	2	QL (3 EA mỗi 1 ngày)
morphine sulfate er tbcr 200mg	2	QL (3 EA mỗi 1 ngày)
morphine sulfate er tbcr 30mg	2	QL (3 EA mỗi 1 ngày)
morphine sulfate er tbcr 60mg	2	QL (3 EA mỗi 1 ngày)

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
morphine sulfate inj 0.5mg/ml	4	
MORPHINE SULFATE INJ 10MG/ML	4	
MORPHINE SULFATE INJ 10MG/ML	4	
MORPHINE SULFATE INJ 10MG/ML	4	
morphine sulfate inj 1mg/ml	4	
MORPHINE SULFATE INJ 2MG/ML	4	
morphine sulfate inj 4mg/ml	4	
MORPHINE SULFATE INJ 4MG/ML	4	
MORPHINE SULFATE INJ 4MG/ML	4	
MORPHINE SULFATE INJ 50MG/ML	4	
MORPHINE SULFATE INJ 5MG/ML	4	
MORPHINE SULFATE INJ 8MG/ML	4	
morphine sulfate soln 100mg/5ml	2	
MORPHINE SULFATE SOLN 10MG/5ML	4	
MORPHINE SULFATE SOLN 20MG/5ML	4	
morphine sulfate tabs 15mg	2	
morphine sulfate tabs 30mg	2	
nabumetone tabs 500mg	1	
nabumetone tabs 750mg	1	MO
nalbuphine hydrochloride inj 10mg/ml	4	
nalbuphine hydrochloride inj 20mg/ml	4	
naproxen dr tbec 375mg	2	MO
naproxen dr tbec 500mg	4	MO
naproxen susp 125mg/5ml	4	MO
naproxen tabs 250mg	1	MO
naproxen tabs 375mg	1	MO
naproxen tabs 500mg	1	MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
opium tincture tinc 1%	4	QL (2.4 ML mỗi 1 ngày) PA
opium tinc 1%	4	QL (2.4 ML mỗi 1 ngày) PA
oxycodone hcl caps 5mg	2	
oxycodone hydrochloride caps 5mg	2	
oxycodone hydrochloride conc 100mg/5ml	4	
oxycodone hydrochloride soln 5mg/5ml	2	
oxycodone hydrochloride tabs 10mg	2	
oxycodone hydrochloride tabs 15mg	2	
oxycodone hydrochloride tabs 20mg	2	
oxycodone hydrochloride tabs 30mg	2	
oxycodone hydrochloride tabs 5mg	2	
oxycodone/acetaminophen tabs 325mg; 10mg	2	QL (12 EA mỗi 1 ngày)
oxycodone/acetaminophen tabs 325mg; 2.5mg	2	QL (12 EA mỗi 1 ngày)
oxycodone/acetaminophen tabs 325mg; 5mg	2	QL (12 EA mỗi 1 ngày)
oxycodone/acetaminophen tabs 325mg; 7.5mg	2	QL (12 EA mỗi 1 ngày)
OXYCONTIN T12A 10MG	4	QL (3 EA mỗi 1 ngày) PA
OXYCONTIN T12A 15MG	4	QL (3 EA mỗi 1 ngày) PA
OXYCONTIN T12A 20MG	4	QL (3 EA mỗi 1 ngày) PA
OXYCONTIN T12A 30MG	4	QL (3 EA mỗi 1 ngày) PA

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
OXYCONTIN T12A 40MG	4	QL (3 EA mỗi 1 ngày) PA
OXYCONTIN T12A 60MG	4	QL (3 EA mỗi 1 ngày) PA
OXYCONTIN T12A 80MG	5	QL (3 EA mỗi 1 ngày) PA
piroxicam caps 10mg	2	MO
piroxicam caps 20mg	2	MO
SUBLOCADE INJ 100MG/0.5ML	5	QL (0.5 ML mỗi 28 ngày)
SUBLOCADE INJ 300MG/1.5ML	5	QL (1.5 ML mỗi 28 ngày)
sulindac tabs 150mg	1	MO
sulindac tabs 200mg	1	MO
TENCON TABS 325MG; 50MG	4	QL (12 EA mỗi 1 ngày)
tramadol hydrochloride/acetaminophen tabs 325mg; 37.5mg	2	QL (8 EA mỗi 1 ngày)
tramadol hydrochloride tabs 50mg	2	QL (8 EA mỗi 1 ngày)
Thuốc giảm cảm giác thèm ăn và thuốc kích thích hô hấp, hệ thần kinh trung ương		
amphetamine/dextroamphetamine cp24 1.25mg; 1.25mg; 1.25mg; 1.25mg	2	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
amphetamine/dextroamphetamine cp24 2.5mg; 2.5mg; 2.5mg; 2.5mg	2	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
amphetamine/dextroamphetamine cp24 3.75mg; 3.75mg; 3.75mg; 3.75mg	2	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
amphetamine/dextroamphetamine cp24 5mg; 5mg; 5mg; 5mg	2	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
amphetamine/dextroamphetamine cp24 6.25mg; 6.25mg; 6.25mg; 6.25mg	2	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
amphetamine/dextroamphetamine cp24 7.5mg; 7.5mg; 7.5mg; 7.5mg	2	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
amphetamine/dextroamphetamine tabs 1.25mg; 1.25mg; 1.25mg; 1.25mg	2	MO
amphetamine/dextroamphetamine tabs 1.875mg; 1.875mg; 1.875mg; 1.875mg	2	MO
amphetamine/dextroamphetamine tabs 2.5mg; 2.5mg; 2.5mg; 2.5mg	2	MO
amphetamine/dextroamphetamine tabs 3.125mg; 3.125mg; 3.125mg; 3.125mg	2	MO
amphetamine/dextroamphetamine tabs 3.75mg; 3.75mg; 3.75mg; 3.75mg	2	MO
amphetamine/dextroamphetamine tabs 5mg; 5mg; 5mg; 5mg	2	MO
amphetamine/dextroamphetamine tabs 7.5mg; 7.5mg; 7.5mg; 7.5mg	2	MO
armodafinil tabs 150mg	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
armodafinil tabs 200mg	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
armodafinil tabs 250mg	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
armodafinil tabs 50mg	4	QL (3 EA mỗi 1 ngày) PA MO
atomoxetine hydrochloride caps 100mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
atomoxetine hydrochloride caps 10mg	2	QL (3 EA mỗi 1 ngày)
atomoxetine hydrochloride caps 18mg	2	QL (5 EA mỗi 1 ngày) MO
atomoxetine hydrochloride caps 25mg	2	QL (3 EA mỗi 1 ngày)

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
atomoxetine hydrochloride caps 40mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
atomoxetine hydrochloride caps 60mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
atomoxetine hydrochloride caps 80mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
atomoxetine caps 100mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
atomoxetine caps 10mg	2	QL (3 EA mỗi 1 ngày) MO
atomoxetine caps 18mg	2	QL (5 EA mỗi 1 ngày) MO
atomoxetine caps 25mg	2	QL (3 EA mỗi 1 ngày) MO
atomoxetine caps 40mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
atomoxetine caps 60mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
atomoxetine caps 80mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
dexmethylphenidate hcl tabs 10mg	2	MO
dexmethylphenidate hcl tabs 5mg	2	MO
dexmethylphenidate hydrochloride er cp24 10mg	2	QL (2 EA mỗi 1 ngày)
dexmethylphenidate hydrochloride er cp24 15mg	2	QL (2 EA mỗi 1 ngày)
dexmethylphenidate hydrochloride er cp24 20mg	2	QL (2 EA mỗi 1 ngày)
dexmethylphenidate hydrochloride er cp24 25mg	2	QL (2 EA mỗi 1 ngày)

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
dexmethylphenidate hydrochloride er cp24 30mg	2	QL (2 EA mỗi 1 ngày)
dexmethylphenidate hydrochloride er cp24 35mg	2	QL (2 EA mỗi 1 ngày)
dexmethylphenidate hydrochloride er cp24 40mg	2	QL (2 EA mỗi 1 ngày)
dexmethylphenidate hydrochloride er cp24 5mg	2	QL (2 EA mỗi 1 ngày)
dexmethylphenidate hydrochloride tabs 10mg	2	
dexmethylphenidate hydrochloride tabs 2.5mg	2	MO
dexmethylphenidate hydrochloride tabs 5mg	2	MO
dextroamphetamine sulfate er cp24 10mg	4	MO
dextroamphetamine sulfate er cp24 15mg	4	MO
dextroamphetamine sulfate er cp24 5mg	4	MO
dextroamphetamine sulfate tabs 10mg	2	MO
dextroamphetamine sulfate tabs 5mg	2	MO
lisdexamfetamine dimesylate caps 10mg	4	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
lisdexamfetamine dimesylate caps 20mg	4	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
lisdexamfetamine dimesylate caps 30mg	4	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
lisdexamfetamine dimesylate caps 40mg	4	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
lisdexamfetamine dimesylate caps 50mg	4	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
lisdexamfetamine dimesylate caps 60mg	4	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
lisdexamfetamine dimesylate caps 70mg	4	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
methylphenidate hydrochloride er (cd) cpcr 10mg	2	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
methylphenidate hydrochloride er (cd) cpcr 20mg	2	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
methylphenidate hydrochloride er (cd) cpcr 30mg	2	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
methylphenidate hydrochloride er (cd) cpcr 40mg	2	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
methylphenidate hydrochloride er (cd) cpcr 50mg	2	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
methylphenidate hydrochloride er (cd) cpcr 60mg	2	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
methylphenidate hydrochloride er (dif) tbcr 27mg	2	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
methylphenidate hydrochloride er (dif) tbcr 36mg	2	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
methylphenidate hydrochloride er (dif) tbcr 54mg	2	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
methylphenidate hydrochloride er (la) cp24 10mg	2	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
methylphenidate hydrochloride er (la) cp24 20mg	2	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
methylphenidate hydrochloride er (la) cp24 30mg	2	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
methylphenidate hydrochloride er (la) cp24 40mg	2	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
methylphenidate hydrochloride er (osm) tbcr 18mg	2	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
methylphenidate hydrochloride er (osm) tbcr 27mg	2	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
methylphenidate hydrochloride er (osm) tbcr 36mg	2	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
methylphenidate hydrochloride er (osm) tbcr 54mg	2	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
METHYLPHENIDATE HYDROCHLORIDE ER TB24 18MG	4	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
METHYLPHENIDATE HYDROCHLORIDE ER TB24 27MG	4	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
METHYLPHENIDATE HYDROCHLORIDE ER TB24 36MG	4	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
METHYLPHENIDATE HYDROCHLORIDE ER TB24 54MG	4	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
methylphenidate hydrochloride er tbcr 10mg	2	QL (3 EA mỗi 1 ngày) MO
methylphenidate hydrochloride er tbcr 20mg	2	QL (3 EA mỗi 1 ngày) MO
methylphenidate hydrochloride tabs 10mg	2	MO
methylphenidate hydrochloride tabs 20mg	2	MO
methylphenidate hydrochloride tabs 5mg	2	MO
modafinil tabs 100mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
modafinil tabs 200mg	2	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
SODIUM OXYBATE SOLN 500MG/ML	5	PA LA
WAKIX TABS 17.8MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
WAKIX TABS 4.45MG	5	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA
Thuốc chống co giật		
brivaracetam soln 10mg/ml	5	PA MO
brivaracetam tabs 100mg	5	PA MO
brivaracetam tabs 10mg	5	PA MO
brivaracetam tabs 25mg	5	PA MO
brivaracetam tabs 50mg	5	PA MO
brivaracetam tabs 75mg	5	PA MO
carbamazepine er cp12 100mg	2	MO
carbamazepine er cp12 200mg	2	MO
carbamazepine er cp12 300mg	2	MO
carbamazepine er tb12 100mg	2	MO
carbamazepine er tb12 200mg	2	MO
carbamazepine er tb12 400mg	2	MO
carbamazepine chew 100mg	2	MO
CARBAMAZEPINE CHEW 200MG	4	
carbamazepine susp 100mg/5ml	2	MO
carbamazepine tabs 200mg	1	MO
clobazam susp 2.5mg/ml	2	PA MO
clobazam tabs 10mg	2	MO
clobazam tabs 20mg	2	MO
clonazepam odt tbdp 0.125mg	4	MO
clonazepam odt tbdp 0.25mg	4	MO
clonazepam odt tbdp 0.5mg	4	MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
clonazepam odt tbdp 1mg	4	MO
clonazepam odt tbdp 2mg	4	MO
clonazepam tabs 0.5mg	2	MO
clonazepam tabs 1mg	2	MO
clonazepam tabs 2mg	2	MO
DIACOMIT CAPS 250MG	5	PA MO
DIACOMIT CAPS 500MG	5	PA MO
DIACOMIT PACK 250MG	5	PA MO
DIACOMIT PACK 500MG	5	PA MO
diazepam gel 10mg	4	
DIAZEPAM GEL 2.5MG	4	
diazepam gel 20mg	4	
dilantin infatabs chew 50mg	1	MO
dilantin-125 susp 125mg/5ml	1	MO
DILANTIN CAPS 100MG	3	MO
DILANTIN CAPS 30MG	3	MO
divalproex sodium dr csdr 125mg	4	MO
divalproex sodium dr tbec 125mg	1	MO
divalproex sodium dr tbec 250mg	1	MO
divalproex sodium dr tbec 500mg	1	MO
divalproex sodium er tb24 250mg	1	MO
divalproex sodium er tb24 500mg	1	MO
EPIDIOLEX SOLN 100MG/ML	5	PA MO
epitol tabs 200mg	1	MO
eslicarbazepine acetate tabs 200mg	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
eslicarbazepine acetate tabs 400mg	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
eslicarbazepine acetate tabs 600mg	4	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA MO
eslicarbazepine acetate tabs 800mg	4	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA MO
ethosuximide caps 250mg	2	MO
ethosuximide soln 250mg/5ml	2	MO
felbamate susp 600mg/5ml	4	MO
felbamate tabs 400mg	4	MO
felbamate tabs 600mg	4	MO
FINTEPLA SOLN 2.2MG/ML	5	QL (11.82 ML mỗi 1 ngày) PA
fosphenytoin sodium inj 100mg pe/2ml	4	
fosphenytoin sodium inj 500mg pe/10ml	4	
gabapentin caps 100mg	2	MO
gabapentin caps 300mg	2	MO
gabapentin caps 400mg	2	MO
gabapentin soln 250mg/5ml	2	MO
gabapentin tabs 600mg	2	MO
gabapentin tabs 800mg	2	MO
lacosamide inj 200mg/20ml	4	
lacosamide soln 10mg/ml	4	MO
lacosamide tabs 100mg	1	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
lacosamide tabs 150mg	1	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
lacosamide tabs 200mg	1	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
lacosamide tabs 50mg	1	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
lamotrigine er tb24 100mg	4	ST

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
lamotrigine er tb24 200mg	4	ST
lamotrigine er tb24 250mg	4	ST
lamotrigine er tb24 25mg	4	ST
lamotrigine er tb24 300mg	4	ST
lamotrigine er tb24 50mg	4	ST
lamotrigine odt tbdp 100mg	4	MO
lamotrigine odt tbdp 200mg	4	MO
lamotrigine odt tbdp 25mg	4	MO
lamotrigine odt tbdp 50mg	4	MO
lamotrigine starter kit/blue kit 25mg	2	QL (35 EA mỗi 180 ngày)
lamotrigine starter kit/green kit 0	2	QL (98 EA mỗi 180 ngày)
lamotrigine starter kit/orange kit 0	2	QL (49 EA mỗi 180 ngày)
lamotrigine chew 25mg	2	MO
lamotrigine chew 5mg	2	MO
lamotrigine tabs 100mg	1	MO
lamotrigine tabs 150mg	1	MO
lamotrigine tabs 200mg	1	MO
lamotrigine tabs 25mg	1	MO
levetiracetam er tb24 500mg	2	MO
levetiracetam er tb24 750mg	2	MO
levetiracetam/sodium chloride inj 1000mg/100ml; 750mg/100ml	4	
levetiracetam/sodium chloride inj 1000mg/100ml; 750mg/100ml	4	
levetiracetam/sodium chloride inj 1500mg/100ml; 540mg/100ml	4	

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
levetiracetam/sodium chloride inj 1500mg/100ml; 540mg/100ml	4	
levetiracetam/sodium chloride inj 500mg/100ml; 820mg/100ml	4	
levetiracetam/sodium chloride inj 500mg/100ml; 820mg/100ml	4	
levetiracetam inj 500mg/5ml	4	
levetiracetam soln 100mg/ml	2	MO
levetiracetam tabs 1000mg	1	MO
levetiracetam tabs 250mg	1	MO
levetiracetam tabs 500mg	1	MO
levetiracetam tabs 750mg	1	MO
levetiracetam tb3d 250mg	4	QL (5 EA mỗi 1 ngày) PA MO
LEVETIRACETAM TB3D 500MG	4	QL (6 EA mỗi 1 ngày) PA MO
magnesium sulfate inj 20gm/500ml	4	
magnesium sulfate inj 2gm/50ml	4	
magnesium sulfate inj 40gm/1000ml	4	
magnesium sulfate inj 4gm/100ml	4	
magnesium sulfate inj 50%	4	
magnesium sulfate inj 50%	4	
methsuximide caps 300mg	2	MO
NAYZILAM SOLN 5MG/0.1ML	4	QL (10 EA mỗi 30 ngày)
oxcarbazepine susp 300mg/5ml	4	MO
oxcarbazepine tabs 150mg	2	MO
oxcarbazepine tabs 300mg	2	MO
oxcarbazepine tabs 600mg	2	MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
perampanel susp 0.5mg/ml	5	QL (24 ML mỗi 1 ngày) PA MO
perampanel tabs 10mg	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
perampanel tabs 12mg	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
perampanel tabs 2mg	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
perampanel tabs 4mg	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
perampanel tabs 6mg	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
perampanel tabs 8mg	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
phenytek caps 200mg	1	
phenytek caps 300mg	1	
phenytoin infatabs chew 50mg	1	MO
phenytoin sodium extended caps 100mg	1	MO
phenytoin sodium extended caps 200mg	1	MO
phenytoin sodium extended caps 300mg	1	MO
phenytoin sodium inj 50mg/ml	4	
phenytoin chew 50mg	1	MO
phenytoin susp 125mg/5ml	1	MO
pregabalin caps 100mg	1	MO
pregabalin caps 150mg	1	MO
pregabalin caps 200mg	1	MO
pregabalin caps 225mg	1	MO
pregabalin caps 25mg	1	MO
pregabalin caps 300mg	1	MO
pregabalin caps 50mg	1	MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
pregabalin caps 75mg	1	MO
pregabalin soln 20mg/ml	2	MO
PRIMIDONE TABS 125MG	4	MO
primidone tabs 250mg	2	MO
primidone tabs 50mg	2	MO
roweepra tabs 500mg	1	MO
rufinamide susp 40mg/ml	5	PA MO
rufinamide tabs 200mg	4	MO
rufinamide tabs 400mg	5	MO
subvenite susp 10mg/ml	1	
subvenite tabs 100mg	1	MO
subvenite tabs 150mg	1	MO
subvenite tabs 200mg	1	MO
subvenite tabs 25mg	1	MO
SYMPAZAN FILM 10MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
SYMPAZAN FILM 20MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
SYMPAZAN FILM 5MG	4	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
tiagabine hydrochloride tabs 12mg	2	MO
tiagabine hydrochloride tabs 16mg	2	MO
tiagabine hydrochloride tabs 2mg	2	MO
tiagabine hydrochloride tabs 4mg	2	MO
topiramate cpsp 15mg	2	MO
topiramate cpsp 25mg	2	MO
TOPIRAMATE CPSP 50MG	4	MO
topiramate soln 25mg/ml	4	QL (16 ML mỗi 1 ngày) PA

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
topiramate tabs 100mg	1	MO
topiramate tabs 200mg	1	MO
topiramate tabs 25mg	1	MO
topiramate tabs 50mg	1	MO
valproate sodium inj 100mg/ml	4	
valproic acid caps 250mg	1	MO
valproic acid soln 250mg/5ml	1	MO
VALTOCO 10 MG DOSE LIQD 10MG/0.1ML	5	QL (10 EA mỗi 30 ngày)
VALTOCO 15 MG DOSE LQPK 7.5MG/0.1ML	5	QL (20 EA mỗi 30 ngày)
VALTOCO 20 MG DOSE LQPK 10MG/0.1ML	5	QL (20 EA mỗi 30 ngày)
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD 5MG/0.1ML	5	QL (10 EA mỗi 30 ngày)
vigabatrin pack 500mg	5	PA LA MO
vigabatrin tabs 500mg	5	PA LA MO
VIGAFYDE SOLN 100MG/ML	5	PA
XCOPRI TABS 100MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
XCOPRI TABS 150MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
XCOPRI TABS 200MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
XCOPRI TABS 25MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
XCOPRI TABS 50MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
XCOPRI TBPK 0	4	QL (28 EA mỗi 180 ngày) PA

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
XCOPRI TBPK 0	5	QL (28 EA mỗi 180 ngày) PA
XCOPRI TBPK 0	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
XCOPRI TBPK 0	5	QL (28 EA mỗi 180 ngày) PA
XCOPRI TBPK 0	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
ZONISADE SUSP 100MG/5ML	4	QL (20 ML mỗi 1 ngày) PA MO
zonisamide caps 100mg	1	MO
zonisamide caps 25mg	1	MO
zonisamide caps 50mg	1	MO
ZTALMY SUSP 50MG/ML	5	PA MO
Thuốc điều trị hưng cảm		
lithium carbonate er tbcr 300mg	2	MO
lithium carbonate er tbcr 450mg	2	MO
lithium carbonate caps 150mg	1	MO
lithium carbonate caps 300mg	1	MO
lithium carbonate caps 600mg	1	MO
lithium carbonate tabs 300mg	1	MO
LITHIUM SOLN 8MEQ/5ML	3	PA
Thuốc điều trị đau nửa đầu		
AIMOVIG INJ 140MG/ML	3	QL (1 ML mỗi 30 ngày) PA MO
AIMOVIG INJ 70MG/ML	3	QL (1 ML mỗi 28 ngày) PA MO
eletriptan hydrobromide tabs 20mg	4	QL (12 EA mỗi 30 ngày)

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
eletriptan hydrobromide tabs 40mg	4	QL (12 EA mỗi 30 ngày)
EMGALITY INJ 100MG/ML	5	PA
EMGALITY INJ 120MG/ML	3	PA
EMGALITY INJ 120MG/ML	3	PA
MIGERGOT SUPP 100MG; 2MG	5	
naratriptan hcl tabs 1mg	2	QL (9 EA mỗi 30 ngày)
naratriptan hcl tabs 2.5mg	2	QL (9 EA mỗi 30 ngày)
NURTEC TBDP 75MG	5	QL (18 EA mỗi 30 ngày) PA
rizatriptan benzoate odt tbdp 10mg	2	QL (12 EA mỗi 30 ngày)
rizatriptan benzoate odt tbdp 5mg	2	QL (12 EA mỗi 30 ngày)
rizatriptan benzoate tabs 10mg	1	QL (18 EA mỗi 30 ngày)
rizatriptan benzoate tabs 5mg	2	QL (18 EA mỗi 30 ngày)
sumatriptan succinate inj 4mg/0.5ml	4	QL (4 ML mỗi 30 ngày)
sumatriptan succinate inj 6mg/0.5ml	4	QL (4 ML mỗi 30 ngày)
sumatriptan succinate inj 6mg/0.5ml	4	QL (4 ML mỗi 30 ngày)
sumatriptan succinate tabs 100mg	1	QL (9 EA mỗi 30 ngày)
sumatriptan succinate tabs 25mg	1	QL (9 EA mỗi 30 ngày)
sumatriptan succinate tabs 50mg	1	QL (9 EA mỗi 30 ngày)
sumatriptan soln 20mg/act	4	QL (12 EA mỗi 30 ngày)
sumatriptan soln 5mg/act	4	QL (12 EA mỗi 30 ngày)
UBRELVY TABS 100MG	5	QL (16 EA mỗi 30 ngày) PA

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
UBRELVY TABS 50MG	5	QL (16 EA mỗi 30 ngày) PA
zolmitriptan odt tbdp 2.5mg	4	QL (12 EA mỗi 30 ngày)
zolmitriptan odt tbdp 5mg	4	QL (12 EA mỗi 30 ngày)
zolmitriptan tabs 2.5mg	2	QL (12 EA mỗi 30 ngày)
zolmitriptan tabs 5mg	2	QL (12 EA mỗi 30 ngày)
Thuốc điều trị bệnh Parkinson		
amantadine hcl caps 100mg	2	MO
amantadine hcl soln 50mg/5ml	2	MO
amantadine hcl tabs 100mg	2	MO
amantadine hydrochloride tabs 100mg	2	MO
apomorphine hydrochloride inj 30mg/3ml	5	PA
benztropine mesylate tabs 0.5mg	2	MO
benztropine mesylate tabs 1mg	2	MO
benztropine mesylate tabs 2mg	2	MO
bromocriptine mesylate caps 5mg	2	MO
bromocriptine mesylate tabs 2.5mg	4	MO
cabergoline tabs 0.5mg	4	
carbidopa/levodopa er tbcr 25mg; 100mg	1	MO
carbidopa/levodopa er tbcr 50mg; 200mg	1	MO
carbidopa/levodopa/entacapone tabs 12.5mg; 200mg; 50mg	2	MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
carbidopa/levodopa/entacapone tabs 18.75mg; 200mg; 75mg	2	MO
carbidopa/levodopa/entacapone tabs 25mg; 200mg; 100mg	2	MO
carbidopa/levodopa/entacapone tabs 31.25mg; 200mg; 125mg	2	MO
carbidopa/levodopa/entacapone tabs 37.5mg; 200mg; 150mg	2	MO
carbidopa/levodopa/entacapone tabs 50mg; 200mg; 200mg	2	MO
carbidopa/levodopa tabs 10mg; 100mg	1	MO
carbidopa/levodopa tabs 25mg; 100mg	1	MO
carbidopa/levodopa tabs 25mg; 250mg	1	MO
carbidopa tabs 25mg	4	MO
EMSAM PT24 12MG/24HR	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
EMSAM PT24 6MG/24HR	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
EMSAM PT24 9MG/24HR	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
entacapone tabs 200mg	2	MO
INBRIJA CAPS 42MG	5	PA
ONGENTYS CAPS 25MG	3	QL (1 EA mỗi 1 ngày) ST MO
ONGENTYS CAPS 50MG	3	QL (1 EA mỗi 1 ngày) ST MO
pramipexole dihydrochloride tabs 0.125mg	1	MO
pramipexole dihydrochloride tabs 0.25mg	1	MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
pramipexole dihydrochloride tabs 0.5mg	1	MO
pramipexole dihydrochloride tabs 0.75mg	1	MO
pramipexole dihydrochloride tabs 1.5mg	1	MO
pramipexole dihydrochloride tabs 1mg	1	MO
rasagiline mesylate tabs 0.5mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày) ST MO
rasagiline mesylate tabs 1mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày) ST MO
ropinirole hcl tabs 0.5mg	1	MO
ropinirole hcl tabs 1mg	1	MO
ropinirole hcl tabs 2mg	1	MO
ropinirole hcl tabs 4mg	1	MO
ropinirole hcl tabs 5mg	1	MO
ropinirole hydrochloride tabs 0.25mg	1	MO
ropinirole hydrochloride tabs 0.5mg	1	MO
ropinirole hydrochloride tabs 1mg	1	MO
ropinirole hydrochloride tabs 2mg	1	MO
ropinirole hydrochloride tabs 3mg	1	MO
ropinirole hydrochloride tabs 4mg	1	MO
ropinirole hydrochloride tabs 5mg	1	MO
RYTARY CPCR 23.75MG; 95MG	4	QL (12 EA mỗi 1 ngày) PA MO
RYTARY CPCR 36.25MG; 145MG	4	QL (9 viên cho 1 ngày) PA MO
RYTARY CPCR 48.75MG; 195MG	4	QL (12 EA mỗi 1 ngày) PA MO
RYTARY CPCR 61.25MG; 245MG	4	QL (10 EA mỗi 1 ngày) PA MO
selegiline hcl caps 5mg	2	MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
selegiline hcl tabs 5mg	2	MO
selegiline hydrochloride caps 5mg	2	MO
selegiline hydrochloride tabs 5mg	2	MO
TRIHEXYPHENIDYL HYDROCHLORIDE SOLN 0.4MG/ML	4	MO
trihexyphenidyl hydrochloride tabs 2mg	4	MO
trihexyphenidyl hydrochloride tabs 5mg	4	MO
Thuốc giải lo âu, thuốc an thần và thuốc ngủ		
ALPRAZOLAM INTENSOL CONC 1MG/ML	4	
alprazolam tabs 0.25mg	2	
alprazolam tabs 0.5mg	2	
alprazolam tabs 1mg	2	
alprazolam tabs 2mg	2	
buspirone hcl tabs 15mg	1	
buspirone hydrochloride tabs 10mg	1	
buspirone hydrochloride tabs 15mg	1	
buspirone hydrochloride tabs 30mg	1	
buspirone hydrochloride tabs 5mg	1	
buspirone hydrochloride tabs 7.5mg	1	
chlordiazepoxide hcl caps 10mg	4	
chlordiazepoxide hcl caps 5mg	4	
chlordiazepoxide hydrochloride caps 10mg	4	
chlordiazepoxide hydrochloride caps 25mg	4	
chlordiazepoxide hydrochloride caps 5mg	4	
clorazepate dipotassium tabs 15mg	4	

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
clorazepate dipotassium tabs 3.75mg	4	
clorazepate dipotassium tabs 7.5mg	4	
diazepam intensol conc 5mg/ml	4	
diazepam conc 5mg/ml	4	
diazepam inj 5mg/ml	4	
diazepam soln 5mg/5ml	4	
diazepam tabs 10mg	2	
diazepam tabs 2mg	2	
diazepam tabs 5mg	2	
eszopiclone tabs 1mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày)
eszopiclone tabs 2mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày)
eszopiclone tabs 3mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày)
HETLIOZ LQ SUSP 4MG/ML	5	QL (5 ML mỗi 1 ngày) PA
hydroxyzine hcl tabs 50mg	4	PA
HYDROXYZINE HYDROCHLORIDE INJ 25MG/ML	4	
HYDROXYZINE HYDROCHLORIDE INJ 50MG/ML	4	
hydroxyzine hydrochloride syrp 10mg/5ml	4	PA
hydroxyzine hydrochloride tabs 10mg	4	PA
hydroxyzine hydrochloride tabs 25mg	4	PA
hydroxyzine hydrochloride tabs 50mg	4	PA MO
HYDROXYZINE PAMOATE CAPS 100MG	4	PA
hydroxyzine pamoate caps 25mg	4	PA MO
hydroxyzine pamoate caps 50mg	4	PA MO
lorazepam intensol conc 2mg/ml	4	

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
lorazepam conc 2mg/ml	4	
lorazepam tabs 0.5mg	2	
lorazepam tabs 1mg	2	
lorazepam tabs 2mg	2	
midazolam hcl inj 10mg/10ml	4	
midazolam hcl inj 10mg/2ml	4	
midazolam hcl inj 50mg/10ml	4	
midazolam hcl inj 5mg/5ml	4	
midazolam hcl inj 5mg/ml	4	
midazolam hcl inj 5mg/ml	4	
midazolam hydrochloride +rfid inj 2mg/2ml	4	
midazolam hydrochloride inj 10mg/10ml	4	
midazolam hydrochloride inj 10mg/2ml	4	
midazolam hydrochloride inj 25mg/5ml	4	
midazolam hydrochloride inj 2mg/2ml	4	
midazolam hydrochloride inj 2mg/2ml	4	
midazolam hydrochloride inj 50mg/10ml	4	
midazolam hydrochloride inj 5mg/5ml	4	
midazolam hydrochloride inj 5mg/5ml	4	
midazolam hydrochloride inj 5mg/ml	4	
phenobarbital elix 20mg/5ml	2	MO
phenobarbital tabs 100mg	2	MO
phenobarbital tabs 15mg	2	MO
phenobarbital tabs 16.2mg	2	MO
phenobarbital tabs 30mg	2	MO
phenobarbital tabs 32.4mg	2	MO
phenobarbital tabs 60mg	2	MO
phenobarbital tabs 64.8mg	2	MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
phenobarbital tabs 97.2mg	2	MO
promethazine hcl supp 12.5mg	4	PA
promethazine hydrochloride supp 25mg	4	
ramelteon tabs 8mg	2	ST MO
tasimelteon caps 20mg	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
temazepam caps 15mg	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày)
temazepam caps 22.5mg	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày)
temazepam caps 30mg	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày)
temazepam caps 7.5mg	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày)
zaleplon caps 10mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày)
zaleplon caps 5mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày)
zolpidem tartrate tabs 10mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày)
zolpidem tartrate tabs 5mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày)
Các thuốc khác tác động lên hệ thần kinh trung ương		
DAYBUE STIX PACK 5000MG	5	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA
DAYBUE STIX PACK 6000MG	5	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA
DAYBUE STIX PACK 8000MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
DAYBUE SOLN 200MG/ML	5	QL (120 ML mỗi 1 ngày) PA
dextromethorphan hydrobromide/quinidine sulfate caps 20mg; 10mg	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA MO
guanfacine hydrochloride er tb24 1mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
guanfacine hydrochloride er tb24 2mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
guanfacine hydrochloride er tb24 3mg	2	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
guanfacine hydrochloride er tb24 4mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
memantine hcl titration pak tabs 0	1	
memantine hydrochloride soln 2mg/ml	2	MO
memantine hydrochloride tabs 10mg	1	MO
memantine hydrochloride tabs 5mg	1	MO
VEOZAH TABS 45MG	3	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
XYWAV SOLN 234MG/ML; 96MG/ML; 130MG/ML; 40MG/ML	5	QL (18 ML mỗi 1 ngày) PA
Thuốc điều trị đau cơ xơ hóa		
milnacipran hydrochloride titration pack misc 0	4	PA
milnacipran hydrochloride tabs 100mg	4	PA
milnacipran hydrochloride tabs 12.5mg	4	PA
milnacipran hydrochloride tabs 25mg	4	PA
milnacipran hydrochloride tabs 50mg	4	PA
TONMYA SUBL 2.8MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA MO
Thuốc đối kháng opioid		
KLOXXADO LIQD 8MG/0.1ML	3	
naloxone hcl inj 4mg/10ml	1	
naloxone hydrochloride inj 0.4mg/ml	1	
naloxone hydrochloride inj 0.4mg/ml	1	
naloxone hydrochloride inj 2mg/2ml	2	
naloxone hydrochloride inj 4mg/10ml	1	

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
naloxone hydrochloride liqd 4mg/0.1ml	1	
naltrexone hydrochloride tabs 50mg	2	
OPVEE SOLN 2.7MG/0.1ML	3	
REXTOVY LIQD 4MG/0.25ML	3	
VIVITROL INJ 380MG	5	QL (1 EA mỗi 28 ngày)
ZIMHI INJ 5MG/0.5ML	3	
ZURNAI INJ 1.5MG/0.5ML	3	
Thuốc điều trị tâm thần		
ABILIFY ASIMTUFII INJ 720MG/2.4ML	5	QL (2.4 ML mỗi 56 ngày)
ABILIFY ASIMTUFII INJ 960MG/3.2ML	5	QL (3.2 ML mỗi 56 ngày)
ABILIFY MAINTENA INJ 300MG	5	MO
ABILIFY MAINTENA INJ 300MG	5	MO
ABILIFY MAINTENA INJ 400MG	5	MO
ABILIFY MAINTENA INJ 400MG	5	MO
ABILIFY MYCITE MAINTENANCE KIT TBPK 10MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
ABILIFY MYCITE MAINTENANCE KIT TBPK 15MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
ABILIFY MYCITE MAINTENANCE KIT TBPK 20MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
ABILIFY MYCITE MAINTENANCE KIT TBPK 2MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
ABILIFY MYCITE MAINTENANCE KIT TBPK 30MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
ABILIFY MYCITE MAINTENANCE KIT TBPK 5MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
ABILIFY MYCITE STARTER KIT TBPK 10MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
ABILIFY MYCITE STARTER KIT TBPK 15MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
ABILIFY MYCITE STARTER KIT TBPK 20MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
ABILIFY MYCITE STARTER KIT TBPK 2MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
ABILIFY MYCITE STARTER KIT TBPK 30MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
ABILIFY MYCITE STARTER KIT TBPK 5MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
amitriptyline hcl tabs 100mg	2	MO
amitriptyline hcl tabs 150mg	2	MO
amitriptyline hcl tabs 25mg	2	MO
amitriptyline hcl tabs 75mg	2	MO
amitriptyline hydrochloride tabs 100mg	2	MO
amitriptyline hydrochloride tabs 10mg	2	MO
amitriptyline hydrochloride tabs 150mg	2	MO
amitriptyline hydrochloride tabs 25mg	2	MO
amitriptyline hydrochloride tabs 50mg	2	MO
amitriptyline hydrochloride tabs 75mg	2	MO
amoxapine tabs 100mg	2	MO
amoxapine tabs 150mg	2	MO
amoxapine tabs 25mg	2	MO
amoxapine tabs 50mg	2	MO
aripiprazole odt tbdp 10mg	2	MO
aripiprazole odt tbdp 15mg	2	MO
aripiprazole soln 1mg/ml	4	MO
aripiprazole tabs 10mg	1	MO
aripiprazole tabs 15mg	1	MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
aripiprazole tabs 20mg	1	MO
aripiprazole tabs 2mg	1	MO
aripiprazole tabs 30mg	1	MO
aripiprazole tabs 5mg	1	MO
ARISTADA INITIO INJ 675MG/2.4ML	5	QL (2.4 ML mỗi 180 ngày) PA
ARISTADA INJ 1064MG/3.9ML	5	QL (3.9 ML mỗi 60 ngày) PA MO
ARISTADA INJ 441MG/1.6ML	5	QL (1.6 ML mỗi 30 ngày) PA MO
ARISTADA INJ 662MG/2.4ML	5	QL (2.4 ML mỗi 30 ngày) PA MO
ARISTADA INJ 882MG/3.2ML	5	QL (3.2 ML mỗi 30 ngày) PA MO
asenapine maleate sl subl 10mg	4	ST MO
asenapine maleate sl subl 2.5mg	4	ST MO
asenapine maleate sl subl 5mg	4	ST MO
AUVELITY TITRATION PACK TEPK 0; 0	4	QL (102 EA mỗi 365 ngày) PA
AUVELITY TBCR 105MG; 45MG	4	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA MO
bupropion hydrochloride er (sr) tb12 100mg	1	MO
bupropion hydrochloride er (sr) tb12 150mg	1	MO
bupropion hydrochloride er (sr) tb12 200mg	1	MO
bupropion hydrochloride er (xl) tb24 150mg	1	MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
bupropion hydrochloride er (xl) tb24 300mg	1	MO
bupropion hydrochloride tabs 100mg	1	MO
bupropion hydrochloride tabs 75mg	1	MO
BYSANTI TITRATION PACK A TBPK 0	4	QL (16 EA mỗi 365 ngày) ST
BYSANTI TITRATION PACK B TBPK 0	4	QL (24 EA mỗi 365 ngày) ST
BYSANTI TITRATION PACK C TBPK 0	4	QL (16 EA mỗi 365 ngày) ST
BYSANTI TABS 10MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) ST
BYSANTI TABS 12MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) ST
BYSANTI TABS 1MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) ST
BYSANTI TABS 2MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) ST
BYSANTI TABS 4MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) ST
BYSANTI TABS 6MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) ST
BYSANTI TABS 8MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) ST
CAPLYTA CAPS 10.5MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
CAPLYTA CAPS 21MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
CAPLYTA CAPS 42MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
CHLORDIAZEPOXIDE/AMITRIPTYLINE TABS 12.5MG; 5MG	4	MO
CHLORDIAZEPOXIDE/AMITRIPTYLINE TABS 25MG; 10MG	4	MO
chlorpromazine hcl inj 25mg/ml	4	
chlorpromazine hcl inj 50mg/2ml	4	
chlorpromazine hydrochloride inj 25mg/ml	4	
chlorpromazine hydrochloride inj 50mg/2ml	4	
chlorpromazine hydrochloride tabs 100mg	4	MO
chlorpromazine hydrochloride tabs 10mg	2	MO
chlorpromazine hydrochloride tabs 200mg	4	MO
chlorpromazine hydrochloride tabs 25mg	4	MO
chlorpromazine hydrochloride tabs 50mg	4	MO
citalopram hydrobromide soln 10mg/5ml	4	MO
citalopram hydrobromide tabs 10mg	1	QL (1.5 EA mỗi 1 ngày) MO
citalopram hydrobromide tabs 20mg	1	QL (1.5 EA mỗi 1 ngày) MO
citalopram hydrobromide tabs 40mg	1	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
clomipramine hcl caps 25mg	4	
clomipramine hcl caps 50mg	4	
clomipramine hcl caps 75mg	4	
clomipramine hydrochloride caps 25mg	4	MO
clomipramine hydrochloride caps 50mg	4	MO
clomipramine hydrochloride caps 75mg	4	MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
clozapine odt tbdp 100mg	4	ST
CLOZAPINE ODT TBDP 12.5MG	4	ST
clozapine odt tbdp 150mg	4	ST
clozapine odt tbdp 200mg	4	ST
clozapine odt tbdp 25mg	4	ST
clozapine tabs 100mg	2	
clozapine tabs 200mg	2	
clozapine tabs 25mg	2	
clozapine tabs 50mg	2	
COBENFY STARTER PACK CPPK 20MG; 0	5	QL (56 EA mỗi 180 ngày) PA
COBENFY CAPS 20MG; 100MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA MO
COBENFY CAPS 20MG; 50MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA MO
COBENFY CAPS 30MG; 125MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA MO
compro supp 25mg	4	
desipramine hcl tabs 100mg	4	MO
desipramine hcl tabs 10mg	4	MO
desipramine hcl tabs 150mg	4	
desipramine hcl tabs 25mg	4	MO
desipramine hcl tabs 50mg	4	MO
desipramine hcl tabs 75mg	4	MO
desipramine hydrochloride tabs 100mg	4	MO
desipramine hydrochloride tabs 10mg	4	MO
desipramine hydrochloride tabs 150mg	4	MO
desipramine hydrochloride tabs 25mg	4	MO
desipramine hydrochloride tabs 50mg	4	MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
desipramine hydrochloride tabs 75mg	4	MO
desvenlafaxine er tb24 100mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
desvenlafaxine er tb24 25mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
desvenlafaxine er tb24 50mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
doxepin hcl caps 75mg	2	MO
doxepin hcl conc 10mg/ml	2	MO
doxepin hydrochloride caps 100mg	2	MO
doxepin hydrochloride caps 10mg	2	MO
doxepin hydrochloride caps 150mg	2	MO
doxepin hydrochloride caps 25mg	2	MO
doxepin hydrochloride caps 50mg	2	MO
doxepin hydrochloride tabs 3mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày) ST MO
doxepin hydrochloride tabs 6mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày) ST MO
DRIZALMA SPRINKLE CSDR 20MG	4	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA MO
DRIZALMA SPRINKLE CSDR 30MG	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
DRIZALMA SPRINKLE CSDR 40MG	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
DRIZALMA SPRINKLE CSDR 60MG	4	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA MO
duloxetine hydrochloride dr cpep 120mg	1	MO
duloxetine hydrochloride dr cpep 20mg	1	MO
duloxetine hydrochloride dr cpep 30mg	1	MO
duloxetine hydrochloride dr cpep 40mg	1	MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
duloxetine hydrochloride dr cpep 60mg	1	MO
duloxetine hydrochloride dr cpep 80mg	1	MO
duloxetine hydrochloride dr cpep 90mg	1	MO
escitalopram oxalate soln 5mg/5ml	4	MO
escitalopram oxalate tabs 10mg	1	MO
escitalopram oxalate tabs 20mg	1	MO
escitalopram oxalate tabs 5mg	1	MO
EXXUA TITRATION PACK TB24 18.2MG	5	QL (32 EA mỗi 180 ngày) PA MO
EXXUA TB24 18.2MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
EXXUA TB24 36.3MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
EXXUA TB24 54.5MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
EXXUA TB24 72.6MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
FANAPT TITRATION PACK A TABS 0	4	QL (8 EA mỗi 180 ngày) ST
FANAPT TITRATION PACK B TABS 0	4	QL (12 EA mỗi 180 ngày) ST
FANAPT TITRATION PACK C TABS 0	4	QL (8 EA mỗi 180 ngày) ST
FANAPT TABS 10MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) ST
FANAPT TABS 12MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) ST
FANAPT TABS 1MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) ST

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
FANAPT TABS 2MG	4	QL (2 EA mỗi 1 ngày) ST
FANAPT TABS 4MG	4	QL (2 EA mỗi 1 ngày) ST
FANAPT TABS 6MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) ST
FANAPT TABS 8MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) ST
FETZIMA TITRATION PACK C4PK 0	4	PA
FETZIMA CP24 120MG	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
FETZIMA CP24 20MG	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
FETZIMA CP24 40MG	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
FETZIMA CP24 80MG	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
FLUOXETINE DR CPDR 90MG	4	MO
fluoxetine hydrochloride caps 10mg	1	MO
fluoxetine hydrochloride caps 20mg	1	MO
fluoxetine hydrochloride caps 40mg	2	MO
fluoxetine hydrochloride soln 20mg/5ml	4	MO
fluoxetine hydrochloride tabs 10mg	2	MO
fluoxetine hydrochloride tabs 20mg	2	MO
fluoxetine hydrochloride tabs 60mg	2	MO
fluphenazine decanoate inj 25mg/ml	4	
FLUPHENAZINE HCL CONC 5MG/ML	4	MO
FLUPHENAZINE HYDROCHLORIDE ELIX 2.5MG/5ML	4	MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
FLUPHENAZINE HYDROCHLORIDE INJ 2.5MG/ML	4	
fluphenazine hydrochloride tabs 10mg	2	MO
fluphenazine hydrochloride tabs 1mg	2	MO
fluphenazine hydrochloride tabs 2.5mg	2	MO
fluphenazine hydrochloride tabs 5mg	2	MO
fluvoxamine maleate tabs 100mg	2	MO
fluvoxamine maleate tabs 25mg	2	MO
fluvoxamine maleate tabs 50mg	2	MO
haloperidol decanoate inj 100mg/ml	4	
haloperidol decanoate inj 100mg/ml	4	
haloperidol decanoate inj 50mg/ml	4	
haloperidol decanoate inj 50mg/ml	4	
haloperidol lactate inj 5mg/ml	4	
haloperidol conc 2mg/ml	2	MO
haloperidol tabs 0.5mg	2	MO
haloperidol tabs 10mg	2	MO
haloperidol tabs 1mg	2	MO
haloperidol tabs 20mg	2	MO
haloperidol tabs 2mg	2	MO
haloperidol tabs 5mg	2	MO
imipramine hcl tabs 10mg	4	MO
imipramine hcl tabs 25mg	4	MO
imipramine hcl tabs 50mg	4	MO
imipramine hydrochloride tabs 10mg	4	MO
imipramine hydrochloride tabs 25mg	4	MO
imipramine hydrochloride tabs 50mg	4	MO
INVEGA HAFYERA INJ 1092MG/3.5ML	5	QL (3.5 ML mỗi 180 ngày) PA

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
INVEGA HAFYERA INJ 1560MG/5ML	5	QL (5 ML mỗi 180 ngày) PA
INVEGA SUSTENNA INJ 117MG/0.75ML	5	
INVEGA SUSTENNA INJ 156MG/ML	5	
INVEGA SUSTENNA INJ 234MG/1.5ML	5	
INVEGA SUSTENNA INJ 39MG/0.25ML	4	
INVEGA SUSTENNA INJ 78MG/0.5ML	5	
INVEGA TRINZA INJ 273MG/0.88ML	5	PA
INVEGA TRINZA INJ 410MG/1.32ML	5	PA
INVEGA TRINZA INJ 546MG/1.75ML	5	PA
INVEGA TRINZA INJ 819MG/2.63ML	5	PA
loxapine succinate caps 10mg	4	MO
loxapine succinate caps 25mg	4	MO
loxapine succinate caps 50mg	4	MO
loxapine succinate caps 5mg	4	MO
loxapine caps 10mg	4	MO
loxapine caps 25mg	4	MO
loxapine caps 50mg	4	MO
loxapine caps 5mg	4	MO
lurasidone hydrochloride tabs 120mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
lurasidone hydrochloride tabs 20mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
lurasidone hydrochloride tabs 40mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
lurasidone hydrochloride tabs 60mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
lurasidone hydrochloride tabs 80mg	2	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
LYBALVI TABS 10MG; 10MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
LYBALVI TABS 15MG; 10MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
LYBALVI TABS 20MG; 10MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
LYBALVI TABS 5MG; 10MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
MARPLAN TABS 10MG	4	MO
mirtazapine odt tbdp 15mg	4	MO
mirtazapine odt tbdp 30mg	4	MO
mirtazapine odt tbdp 45mg	4	MO
mirtazapine tabs 15mg	2	MO
mirtazapine tabs 30mg	2	MO
mirtazapine tabs 45mg	2	MO
mirtazapine tabs 7.5mg	2	MO
MOLINDONE HYDROCHLORIDE TABS 10MG	4	MO
MOLINDONE HYDROCHLORIDE TABS 25MG	4	MO
MOLINDONE HYDROCHLORIDE TABS 5MG	4	MO
NEFAZODONE HYDROCHLORIDE TABS 100MG	4	MO
NEFAZODONE HYDROCHLORIDE TABS 150MG	4	MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
NEFAZODONE HYDROCHLORIDE TABS 200MG	4	MO
NEFAZODONE HYDROCHLORIDE TABS 250MG	4	MO
NEFAZODONE HYDROCHLORIDE TABS 50MG	4	MO
nortriptyline hcl caps 25mg	2	MO
nortriptyline hcl caps 75mg	2	MO
nortriptyline hcl soln 10mg/5ml	2	MO
nortriptyline hydrochloride caps 10mg	2	MO
nortriptyline hydrochloride caps 25mg	2	
nortriptyline hydrochloride caps 50mg	2	MO
nortriptyline hydrochloride caps 75mg	2	
NUPLAZID CAPS 34MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
NUPLAZID TABS 10MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
olanzapine odt tbdp 10mg	4	MO
olanzapine odt tbdp 15mg	4	MO
olanzapine odt tbdp 20mg	4	MO
olanzapine odt tbdp 5mg	4	MO
olanzapine/fluoxetine caps 25mg; 12mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
olanzapine/fluoxetine caps 25mg; 3mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
olanzapine/fluoxetine caps 25mg; 6mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
olanzapine/fluoxetine caps 50mg; 12mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
olanzapine/fluoxetine caps 50mg; 6mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
olanzapine inj 10mg	4	
olanzapine tabs 10mg	4	MO
olanzapine tabs 15mg	4	MO
olanzapine tabs 2.5mg	4	MO
olanzapine tabs 20mg	4	MO
olanzapine tabs 5mg	4	MO
olanzapine tabs 7.5mg	4	MO
OPIPZA FILM 10MG	5	QL (3 EA mỗi 1 ngày) PA
OPIPZA FILM 2MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
OPIPZA FILM 5MG	5	QL (3 EA mỗi 1 ngày) PA
paliperidone er tb24 1.5mg	4	ST MO
paliperidone er tb24 3mg	4	ST MO
paliperidone er tb24 6mg	4	ST MO
paliperidone er tb24 9mg	4	ST MO
paroxetine hcl tabs 30mg	1	MO
paroxetine hcl tabs 40mg	1	MO
paroxetine hydrochloride susp 10mg/5ml	2	PA MO
paroxetine hydrochloride tabs 10mg	1	MO
paroxetine hydrochloride tabs 20mg	1	MO
paroxetine hydrochloride tabs 30mg	1	MO
paroxetine hydrochloride tabs 40mg	1	MO
paroxetine caps 7.5mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
PERPHENAZINE/AMITRIPTYLINE TABS 10MG; 2MG	4	MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
PERPHENAZINE/AMITRIPTYLINE TABS 10MG; 4MG	4	MO
PERPHENAZINE/AMITRIPTYLINE TABS 25MG; 2MG	4	MO
PERPHENAZINE/AMITRIPTYLINE TABS 25MG; 4MG	4	MO
PERPHENAZINE/AMITRIPTYLINE TABS 50MG; 4MG	4	MO
perphenazine tabs 16mg	4	MO
perphenazine tabs 2mg	4	MO
perphenazine tabs 4mg	4	MO
perphenazine tabs 8mg	4	MO
PHENELZINE SULFATE TABS 15MG	4	MO
PIMOZIDE TABS 1MG	4	MO
PIMOZIDE TABS 2MG	4	MO
prochlorperazine edisylate inj 10mg/2ml	4	
prochlorperazine maleate tabs 10mg	4	MO
prochlorperazine maleate tabs 5mg	4	MO
prochlorperazine supp 25mg	4	
protriptyline hcl tabs 10mg	2	MO
protriptyline hcl tabs 5mg	2	MO
quetiapine fumarate er tb24 150mg	1	MO
quetiapine fumarate er tb24 200mg	1	MO
quetiapine fumarate er tb24 300mg	1	MO
quetiapine fumarate er tb24 400mg	1	MO
quetiapine fumarate er tb24 50mg	1	MO
quetiapine fumarate tabs 100mg	1	MO
quetiapine fumarate tabs 150mg	2	MO
quetiapine fumarate tabs 200mg	1	MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
quetiapine fumarate tabs 25mg	1	MO
quetiapine fumarate tabs 300mg	1	MO
quetiapine fumarate tabs 400mg	1	MO
quetiapine fumarate tabs 50mg	1	MO
RALDESY SOLN 10MG/ML	4	QL (40 ML mỗi 1 ngày) PA
REXULTI TABS 0.25MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
REXULTI TABS 0.5MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
REXULTI TABS 1MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
REXULTI TABS 2MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
REXULTI TABS 3MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
REXULTI TABS 4MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
risperidone er inj 12.5mg	4	
risperidone er inj 25mg	4	
risperidone er inj 37.5mg	4	
risperidone er inj 50mg	5	
risperidone odt tbdp 0.25mg	2	MO
risperidone odt tbdp 0.5mg	2	MO
risperidone odt tbdp 1mg	2	MO
risperidone odt tbdp 2mg	2	MO
risperidone odt tbdp 3mg	2	MO
risperidone odt tbdp 4mg	2	MO
risperidone soln 1mg/ml	2	MO
risperidone tabs 0.25mg	1	MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
risperidone tabs 0.5mg	1	MO
risperidone tabs 1mg	1	MO
risperidone tabs 2mg	1	MO
risperidone tabs 3mg	1	MO
risperidone tabs 4mg	1	MO
SECUADO PT24 3.8MG/24HR	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
SECUADO PT24 5.7MG/24HR	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
SECUADO PT24 7.6MG/24HR	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
sertraline hcl conc 20mg/ml	4	MO
sertraline hcl tabs 50mg	1	MO
sertraline hydrochloride conc 20mg/ml	4	MO
sertraline hydrochloride tabs 100mg	1	MO
sertraline hydrochloride tabs 25mg	1	MO
sertraline hydrochloride tabs 50mg	1	MO
SPRAVATO 56MG DOSE SOPK 28MG/DEVICE	5	PA
SPRAVATO 84MG DOSE SOPK 28MG/DEVICE	5	PA
thioridazine hydrochloride tabs 100mg	2	MO
thioridazine hydrochloride tabs 10mg	2	MO
thioridazine hydrochloride tabs 25mg	2	MO
thioridazine hydrochloride tabs 50mg	2	MO
thiothixene caps 10mg	2	MO
thiothixene caps 1mg	2	MO
thiothixene caps 2mg	2	MO
thiothixene caps 5mg	2	MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
tranylcypromine sulfate tabs 10mg	2	MO
trazodone hydrochloride tabs 100mg	1	MO
trazodone hydrochloride tabs 150mg	1	MO
trazodone hydrochloride tabs 300mg	2	MO
trazodone hydrochloride tabs 50mg	1	MO
trifluoperazine hcl tabs 10mg	2	MO
trifluoperazine hcl tabs 1mg	2	MO
trifluoperazine hcl tabs 2mg	2	MO
trifluoperazine hcl tabs 5mg	2	MO
trifluoperazine hydrochloride tabs 10mg	2	MO
trifluoperazine hydrochloride tabs 1mg	2	MO
trifluoperazine hydrochloride tabs 2mg	2	MO
trifluoperazine hydrochloride tabs 5mg	2	MO
trimipramine maleate caps 100mg	2	MO
trimipramine maleate caps 25mg	2	MO
trimipramine maleate caps 50mg	2	MO
TRINTELLIX TABS 10MG	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
TRINTELLIX TABS 20MG	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
TRINTELLIX TABS 5MG	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
UZEDY INJ 100MG/0.28ML	5	QL (0.28 ML mỗi 30 ngày) PA
UZEDY INJ 125MG/0.35ML	5	QL (0.35 ML mỗi 30 ngày) PA
UZEDY INJ 150MG/0.42ML	5	QL (0.42 ML mỗi 56 ngày) PA
UZEDY INJ 200MG/0.56ML	5	QL (0.56 ML mỗi 56 ngày) PA

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
UZEDY INJ 250MG/0.7ML	5	QL (0.7 ML mỗi 56 ngày) PA
UZEDY INJ 50MG/0.14ML	5	QL (0.14 ML mỗi 30 ngày) PA
UZEDY INJ 75MG/0.21ML	5	QL (0.21 ML mỗi 30 ngày) PA
VENLAFAXINE BESYLATE ER TB24 112.5MG	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
venlafaxine hydrochloride er cp24 150mg	1	MO
venlafaxine hydrochloride er cp24 37.5mg	1	MO
venlafaxine hydrochloride er cp24 75mg	1	MO
venlafaxine hydrochloride er tb24 225mg	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
venlafaxine hydrochloride tabs 100mg	1	MO
venlafaxine hydrochloride tabs 25mg	1	MO
venlafaxine hydrochloride tabs 37.5mg	1	MO
venlafaxine hydrochloride tabs 50mg	1	MO
venlafaxine hydrochloride tabs 75mg	1	MO
VERSACLOZ SUSP 50MG/ML	5	PA
vilazodone hydrochloride tabs 10mg	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
vilazodone hydrochloride tabs 20mg	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
vilazodone hydrochloride tabs 40mg	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
VRAYLAR CAPS 0.5MG	3	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
VRAYLAR CAPS 0.75MG	3	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
VRAYLAR CAPS 1.5MG	3	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
VRAYLAR CAPS 3MG	3	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
VRAYLAR CAPS 4.5MG	3	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
VRAYLAR CAPS 6MG	3	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
ziprasidone hcl caps 20mg	1	MO
ziprasidone hcl caps 40mg	1	MO
ziprasidone hcl caps 60mg	1	MO
ziprasidone hcl caps 80mg	1	MO
ziprasidone mesylate inj 20mg	4	
ZURZUVAE CAPS 20MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA MO
ZURZUVAE CAPS 25MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA MO
ZURZUVAE CAPS 30MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
ZYPREXA RELPREVV INJ 210MG	4	PA
ZYPREXA RELPREVV INJ 300MG	5	PA
ZYPREXA RELPREVV INJ 405MG	5	PA
Thuốc ức chế chất vận chuyển monoamine dạng túi 2 (VMAT2)		
AUSTEDO XR PATIENT TITRATION KIT TEPK 0	5	
AUSTEDO XR PATIENT TITRATION KIT TEPK 0	5	

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
AUSTEDO XR TB24 12MG	5	
AUSTEDO XR TB24 18MG	5	
AUSTEDO XR TB24 24MG	5	
AUSTEDO XR TB24 30MG	5	
AUSTEDO XR TB24 36MG	5	
AUSTEDO XR TB24 42MG	5	
AUSTEDO XR TB24 48MG	5	
AUSTEDO XR TB24 6MG	5	
AUSTEDO TABS 12MG	5	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA MO
AUSTEDO TABS 6MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA MO
AUSTEDO TABS 9MG	5	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA MO
INGREZZA CAPS 40MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
INGREZZA CAPS 60MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
INGREZZA CAPS 80MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
INGREZZA CPPK 0	5	QL (28 EA mỗi 180 ngày) PA MO
INGREZZA CPSP 40MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
INGREZZA CPSP 60MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
INGREZZA CPSP 80MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
tetrabenazine tabs 12.5mg	4	QL (8 EA mỗi 1 ngày) PA MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
tetrabenazine tabs 25mg	5	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA MO
Thuốc nha khoa		
Thực phẩm bổ sung dinh dưỡng		
fluoride chew 1mg	2	
sodium fluoride chew 1mg	2	MO
Thiết bị		
Thiết bị		
ALCOHOL PREP PADS PADS 70%	6	PA
B-D INSULIN SYRINGE ULTRAFINE II/0.3ML/31G X 5/16" MISC	6	QL (200 EA mỗi 30 ngày) PA
BD INSULIN SYRINGE SAFETYGLIDE/1ML/29G X 1/2" MISC	6	QL (200 EA mỗi 30 ngày) PA
BD INSULIN SYRINGE ULTRA-FINE/0.5ML/30G X 12.7MM MISC	6	QL (200 EA mỗi 30 ngày) PA
BD INSULIN SYRINGE ULTRA-FINE/1ML/31G X 8MM MISC	6	QL (200 EA mỗi 30 ngày) PA
BD PEN NEEDLE/ORIGINAL/ULTRA-FINE/29G X 12.7MM MISC	6	QL (200 EA mỗi 30 ngày) PA
CURITY GAUZE PADS 2"X2" 12 PLY PADS	6	PA
OMNIPOD 5 DEXCOM G7G6 INTRO KIT (GEN 5) KIT	6	QL (3 EA mỗi 365 ngày) PA
OMNIPOD 5 DEXCOM G7G6 PODS (GEN 5) MISC	6	QL (10 EA mỗi 30 ngày) PA
OMNIPOD 5 DEXCOM G7G6 PODS (GEN 5) MISC	6	QL (10 EA mỗi 30 ngày) PA
OMNIPOD 5 LIBRE INTRO KIT KIT	6	QL (3 EA mỗi 365 ngày) PA

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
OMNIPOD 5 LIBRE PODS MISC	6	QL (10 EA mỗi 30 ngày) PA
OMNIPOD CLASSIC PODS (GEN 3) MISC	6	QL (10 EA mỗi 30 ngày) PA
OMNIPOD DASH INTRO KIT (GEN 4) KIT	6	QL (3 EA mỗi 365 ngày) PA
OMNIPOD DASH PDM KIT (GEN 4) KIT	6	QL (3 EA mỗi 365 ngày) PA
OMNIPOD DASH PODS (GEN 4) MISC	6	QL (10 EA mỗi 30 ngày) PA
Tác nhân chẩn đoán		
U tủy thượng thận (Pheochromocytoma)		
metyrosine caps 250mg	5	PA
Cân bằng điện giải, năng lượng và nước		
Các chất kiềm hóa		
potassium citrate er tbcr 1080mg	2	
potassium citrate er tbcr 15meq	2	
potassium citrate er tbcr 540mg	2	
sodium bicarbonate inj 4.2%	4	
SODIUM BICARBONATE INJ 7.5%	4	
sodium bicarbonate inj 8.4%	4	
Thuốc giải độc amoniac		
carglumic acid tbso 200mg	5	PA LA MO
constulose soln 10gm/15ml	2	MO
enulose soln 10gm/15ml	2	MO
generlac soln 10gm/15ml	2	MO
glycerol phenylbutyrate liqd 1.1gm/ml	5	PA MO
lactulose soln 10gm/15ml	2	MO
lactulose soln 10gm/15ml	2	MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
sodium phenylbutyrate powd 3gm/tsp	5	PA MO
sodium phenylbutyrate tabs 500mg	5	PA MO
Chế phẩm cung cấp năng lượng		
aminosyn ii inj 107.6meq/l; 1490mg/100ml; 1527mg/100ml; 1050mg/100ml; 1107mg/100ml; 750mg/100ml; 450mg/100ml; 990mg/100ml; 1500mg/100ml; 1575mg/100ml; 258mg/100ml; 405mg/100ml; 447mg/100ml; 1083mg/100ml; 795mg/100ml; 50meq/l; 600mg/100ml; 300mg/100ml; 750mg/100ml	4	B/D
AMINOSYN II INJ 993MG/100ML; 1018MG/100ML; 700MG/100ML; 738MG/100ML; 500MG/100ML; 300MG/100ML; 660MG/100ML; 1000MG/100ML; 1050MG/100ML; 172MG/100ML; 270MG/100ML; 298MG/100ML; 722MG/100ML; 530MG/100ML; 400MG/100ML; 200MG/100ML; 500MG/100ML	4	B/D

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
AMINOSYN-PF 7% INJ 32.5MEQ/L; 490MG/100ML; 861MG/100ML; 370MG/100ML; 576MG/100ML; 270MG/100ML; 220MG/100ML; 534MG/100ML; 831MG/100ML; 475MG/100ML; 125MG/100ML; 300MG/100ML; 570MG/100ML; 347MG/100ML; 50MG/100ML; 360MG/100ML; 125MG/100ML; 44MG/100ML; 452MG/100ML	4	B/D
AMINOSYN-PF INJ 46MEQ/L; 698MG/100ML; 1227MG/100ML; 527MG/100ML; 820MG/100ML; 385MG/100ML; 312MG/100ML; 760MG/100ML; 1200MG/100ML; 677MG/100ML; 180MG/100ML; 427MG/100ML; 812MG/100ML; 495MG/100ML; 70MG/100ML; 512MG/100ML; 180MG/100ML; 44MG/100ML; 673MG/100ML	4	B/D
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10% INJ 37MEQ/L; 880MG/100ML; 489MG/100ML; 17MEQ/L; 10GM/100ML; 438MG/100ML; 204MG/100ML; 255MG/100ML; 311MG/100ML; 247MG/100ML; 170MG/100ML; 238MG/100ML; 289MG/100ML; 213MG/100ML; 179MG/100ML; 77MG/100ML; 17MG/100ML; 247MG/100ML	4	B/D

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5% INJ 37MEQ/L; 880MG/100ML; 489MG/100ML; 17MEQ/L; 5GM/100ML; 438MG/100ML; 204MG/100ML; 255MG/100ML; 311MG/100ML; 247MG/100ML; 170MG/100ML; 238MG/100ML; 289MG/100ML; 213MG/100ML; 179MG/100ML; 77MG/100ML; 17MG/100ML; 247MG/100ML	4	B/D
CLINIMIX 5%/DEXTROSE 15% INJ 42MEQ/1000ML; 1035MG/100ML; 575MG/100ML; 20MEQ/1000ML; 15GM/100ML; 515MG/100ML; 240MG/100ML; 300MG/100ML; 365MG/100ML; 290MG/100ML; 200MG/100ML; 280MG/100ML; 340MG/100ML; 250MG/100ML; 210MG/100ML; 90MG/100ML; 20MG/100ML; 290MG/100ML	4	B/D
CLINIMIX 5%/DEXTROSE 20% INJ 42MEQ/L; 1035MG/100ML; 575MG/100ML; 20MEQ/L; 20GM/100ML; 515MG/100ML; 240MG/100ML; 300MG/100ML; 365MG/100ML; 290MG/100ML; 200MG/100ML; 280MG/100ML; 340MG/100ML; 250MG/100ML; 210MG/100ML; 90MG/100ML; 20MG/100ML; 290MG/100ML	4	B/D

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
CLINIMIX E 2.75%/DEXTROSE 5% INJ 570MG/100ML; 316MG/100ML; 33MG/100ML; 5GM/100ML; 515MG/100ML; 132MG/100ML; 165MG/100ML; 201MG/100ML; 159MG/100ML; 51MG/100ML; 110MG/100ML; 454MG/100ML; 154MG/100ML; 261MG/100ML; 187MG/100ML; 138MG/100ML; 217MG/100ML; 112MG/100ML; 116MG/100ML; 50MG/100ML; 11MG/100ML; 160MG/100ML	4	B/D
CLINIMIX E 4.25%/DEXTROSE 10% INJ 880MG/100ML; 489MG/100ML; 33MG/100ML; 10GM/100ML; 438MG/100ML; 204MG/100ML; 255MG/100ML; 311MG/100ML; 247MG/100ML; 51MG/100ML; 170MG/100ML; 702MG/100ML; 238MG/100ML; 261MG/100ML; 289MG/100ML; 213MG/100ML; 297MG/100ML; 77MG/100ML; 179MG/100ML; 77MG/100ML; 17MG/100ML; 247MG/100ML	4	B/D

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
CLINIMIX E 4.25%/DEXTROSE 5% INJ 880MG/100ML; 489MG/100ML; 33MG/100ML; 5GM/100ML; 438MG/100ML; 204MG/100ML; 255MG/100ML; 311MG/100ML; 247MG/100ML; 51MG/100ML; 170MG/100ML; 702MG/100ML; 238MG/100ML; 261MG/100ML; 289MG/100ML; 213MG/100ML; 297MG/100ML; 77MG/100ML; 179MG/100ML; 77MG/100ML; 17MG/100ML; 247MG/100ML	4	B/D
CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 15% INJ 1035MG/100ML; 575MG/100ML; 33MG/100ML; 15GM/100ML; 515MG/100ML; 240MG/100ML; 300MG/100ML; 365MG/100ML; 290MG/100ML; 51MG/100ML; 200MG/100ML; 826MG/100ML; 280MG/100ML; 261MG/100ML; 340MG/100ML; 250MG/100ML; 340MG/100ML; 59MG/100ML; 210MG/100ML; 90MG/100ML; 20MG/100ML; 290MG/100ML	4	B/D

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20% INJ 1035MG/100ML; 575MG/100ML; 33MG/100ML; 20GM/100ML; 515MG/100ML; 240MG/100ML; 300MG/100ML; 365MG/100ML; 290MG/100ML; 51MG/100ML; 200MG/100ML; 826MG/100ML; 280MG/100ML; 261MG/100ML; 340MG/100ML; 250MG/100ML; 340MG/100ML; 59MG/100ML; 210MG/100ML; 90MG/100ML; 20MG/100ML; 290MG/100ML	4	B/D
clinisol sf 15% inj 151meq/l; 2170mg/100ml; 1470mg/100ml; 434mg/100ml; 749mg/100ml; 1040mg/100ml; 894mg/100ml; 749mg/100ml; 1040mg/100ml; 1180mg/100ml; 749mg/100ml; 1040mg/100ml; 894mg/100ml; 592mg/100ml; 749mg/100ml; 250mg/100ml; 39mg/100ml; 960mg/100ml	4	B/D
CLINOLIPID INJ 1.2GM/100ML; 2.25GM/100ML; 16GM/100ML; 4GM/100ML	4	B/D
DEXTROSE 10% INJ 10%	4	
DEXTROSE 25% INJ 250MG/ML	4	
DEXTROSE 30% INJ 30%	4	
dextrose 5% inj 5%	4	
DEXTROSE 50% INJ 50%	4	

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
DEXTROSE 70% INJ 70%	4	
DEXTROSE INJ 40%	4	
DOJOLVI LIQD 100%	5	PA
GLUCOSE (DEXTROSE) 50% INJ 50%	4	
INTRALIPID INJ 20GM/100ML	4	B/D
NUTRILIPID INJ 20GM/100ML	4	B/D
plenamine inj 147.4meq/l; 2.17gm/100ml; 1.47gm/100ml; 434mg/100ml; 749mg/100ml; 1.04gm/100ml; 894mg/100ml; 749mg/100ml; 1.04gm/100ml; 1.18gm/100ml; 749mg/100ml; 1.04gm/100ml; 894mg/100ml; 592mg/100ml; 749mg/100ml; 250mg/100ml; 39mg/100ml; 960mg/100ml	4	B/D
PREMASOL INJ 52MEQ/L; 1760MG/100ML; 880MG/100ML; 34MEQ/L; 1760MG/100ML; 372MG/100ML; 406MG/100ML; 526MG/100ML; 492MG/100ML; 492MG/100ML; 526MG/100ML; 356MG/100ML; 356MG/100ML; 390MG/100ML; 34MG/100ML; 152MG/100ML	4	B/D

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
PROSOL INJ 140MEQ/100ML; 2.76GM/100ML; 1.96GM/100ML; 600MG/100ML; 1.02GM/100ML; 2.06GM/100ML; 1.18GM/100ML; 1.08GM/100ML; 1.08GM/100ML; 1.35GM/100ML; 760MG/100ML; 1GM/100ML; 1.34GM/100ML; 1.02GM/100ML; 980MG/100ML; 320MG/100ML; 50MG/100ML; 1.44GM/100ML	4	B/D
TRAVASOL INJ 52MEQ/L; 1760MG/100ML; 880MG/100ML; 34MEQ/L; 1760MG/100ML; 372MG/100ML; 406MG/100ML; 526MG/100ML; 492MG/100ML; 492MG/100ML; 526MG/100ML; 356MG/100ML; 500MG/100ML; 356MG/100ML; 390MG/100ML; 34MG/100ML; 152MG/100ML	4	B/D
TROPHAMINE INJ 0.54GM/100ML; 1.2GM/100ML; 0.32GM/100ML; 0; 0; 0.5GM/100ML; 0.36GM/100ML; 0.48GM/100ML; 0.82GM/100ML; 1.4GM/100ML; 1.2GM/100ML; 0.34GM/100ML; 0.48GM/100ML; 0.68GM/100ML; 0.38GM/100ML; 5MEQ/L; 0.025GM/100ML; 0.42GM/100ML; 0.2GM/100ML; 0.24GM/100ML; 0.78GM/100ML	4	B/D
Thuốc lợi tiểu		

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
AMILORIDE/HYDROCHLOROTHIAZIDE TABS 5MG; 50MG	1	MO
tolvaptan tabs 15mg	5	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA
tolvaptan tabs 30mg	5	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA
tolvaptan tbpk 0	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
tolvaptan tbpk 0	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
tolvaptan tbpk 0	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
tolvaptan tbpk 0	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
tolvaptan tbpk 15mg	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA MO
torsemide tabs 100mg	1	MO
torsemide tabs 10mg	1	MO
torsemide tabs 20mg	1	MO
torsemide tabs 5mg	1	MO
triamterene/hydrochlorothiazide caps 25mg; 37.5mg	1	MO
triamterene/hydrochlorothiazide tabs 25mg; 37.5mg	1	MO
triamterene/hydrochlorothiazide tabs 50mg; 75mg	1	MO
Thuốc loại bỏ ion		
FOSRENOL PACK 1000MG	4	PA MO
FOSRENOL PACK 750MG	4	PA MO
kionex susp 15gm/60ml	2	

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
lanthanum carbonate chew 1000mg	4	PA MO
lanthanum carbonate chew 500mg	4	PA MO
lanthanum carbonate chew 750mg	4	PA MO
LOKELMA PACK 10GM	4	QL (3 EA mỗi 1 ngày) MO
LOKELMA PACK 5GM	4	QL (3 EA mỗi 1 ngày) MO
sevelamer carbonate tabs 800mg	2	MO
sodium polystyrene sulfonate powd 0	2	
sodium polystyrene sulfonate susp 15gm/60ml	2	
sps susp 15gm/60ml	2	
SPS SUSP 15GM/60ML	4	
VELTASSA PACK 16.8GM	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày)
VELTASSA PACK 1GM	4	QL (4 EA mỗi 1 ngày)
VELTASSA PACK 25.2GM	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày)
VELTASSA PACK 8.4GM	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày)
Dung dịch rửa		
RINGERS IRRIGATION SOLN 4.5MEQ/L; 156MEQ/L; 4MEQ/L; 147MEQ/L	4	
sodium chloride 0.9% soln 0.9%	2	
sterile water for irrigation soln 0	4	
tis-u-sol soln 4.5meq/l; 156meq/l; 4meq/l; 147meq/l	4	
Chế phẩm bù dịch/điện giải		
calcium acetate caps 667mg	2	MO
calcium acetate tabs 667mg	2	MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
DEXTROSE 5% /ELECTROLYTE #48 VIAFLEX INJ 24MEQ/L; 5%; 23MEQ/L; 3MEQ/L; 3MEQ/L; 20MEQ/L; 25MEQ/L	4	
DEXTROSE 10%/SODIUM CHLORIDE 0.2% INJ 10%; 0.2%	4	
DEXTROSE 10%/SODIUM CHLORIDE 0.45% INJ 10%; 0.45%	4	
DEXTROSE 2.5%/SODIUM CHLORIDE 0.45% INJ 2.5%; 0.45%	4	
dextrose 5%/lactated ringers inj 2.7meq/l; 109meq/l; 5%; 28meq/l; 4meq/l; 130meq/l	2	
DEXTROSE 5%/SODIUM CHLORIDE 0.2% INJ 5%; 0.2%	4	
DEXTROSE 5%/SODIUM CHLORIDE 0.33% INJ 5%; 0.33%	4	
DEXTROSE 5%/SODIUM CHLORIDE 0.45% INJ 5%; 0.45%	4	
dextrose 5%/sodium chloride 0.9% inj 5%; 0.9%	4	
dextrose/sodium chloride inj 5%; 0.225%	4	
ISOLYTE-P/DEXTROSE 5% INJ 23MEQ/L; 23MEQ/L; 5%; 3MEQ/L; 3MEQ/L; 20MEQ/L; 25MEQ/L	4	
ISOLYTE-S PH 7.4 INJ 27MEQ/1000ML; 98MEQ/1000ML; 23MEQ/1000ML; 3MEQ/1000ML; 1MEQ/1000ML; 5MEQ/1000ML; 141MEQ/1000ML	4	

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
ISOLYTE-S INJ 27MEQ/L; 98MEQ/L; 23MEQ/L; 3MEQ/L; 5MEQ/L; 140MEQ/L	4	
kcl 0.075%/d5w/nacl 0.45% inj 5%; 10meq/l; 0.45%	4	
kcl 0.15%/d5w/nacl 0.2% inj 5%; 20meq/l; 0.2%	4	
kcl 0.15%/d5w/nacl 0.225% inj 5%; 20meq/l; 0.225%	4	
kcl 0.15%/d5w/nacl 0.45% inj 5%; 20meq/l; 0.45%	4	
kcl 0.15%/d5w/nacl 0.9% inj 5%; 20meq/l; 0.9%	4	
kcl 0.3%/d5w/nacl 0.45% inj 5%; 40meq/l; 0.45%	4	
kcl 0.3%/d5w/nacl 0.9% inj 5%; 40meq/l; 0.9%	4	
klor-con 10 tbcr 10meq	2	MO
klor-con 8 tbcr 8meq	2	MO
klor-con m10 tbcr 10meq	2	MO
klor-con m15 tbcr 15meq	2	MO
klor-con m20 tbcr 20meq	2	MO
klor-con pack 20meq	2	
lactated ringers/dextrose 5% inj 20mg/100ml; 5%; 30mg/100ml; 600mg/100ml; 310mg/100ml	2	
LACTATED RINGERS INJ 3MEQ/L; 109MEQ/L; 28MEQ/L; 4MEQ/L; 130MEQ/L	4	

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
MULTIPLE ELECTROLYTES INJECTION TYPE 1 INJ 27MEQ/L; 98MEQ/L; 23MEQ/L; 3MEQ/L; 5MEQ/L; 140MEQ/L	4	
MULTIPLE ELECTROLYTES INJECTION TYPE 1 INJ 27MEQ/L; 98MEQ/L; 23MEQ/L; 3MEQ/L; 5MEQ/L; 140MEQ/L	4	
NORMOSOL -R INJ 27MEQ/L; 98MEQ/L; 23MEQ/L; 3MEQ/L; 5MEQ/L; 140MEQ/L	3	
NORMOSOL-M/D5W INJ 16MEQ/L; 40MEQ/L; 5%; 3MEQ/L; 13MEQ/L; 40MEQ/L	3	
NORMOSOL-R INJ 27MEQ/L; 98MEQ/L; 23MEQ/L; 3MEQ/L; 5MEQ/L; 140MEQ/L	3	
potassium chloride cr tbcr 10meq	2	MO
potassium chloride er cpcr 10meq	2	MO
potassium chloride er cpcr 8meq	2	MO
potassium chloride er tbcr 10meq	2	MO
potassium chloride er tbcr 10meq	2	MO
potassium chloride er tbcr 15meq	2	MO
potassium chloride er tbcr 15meq	2	
potassium chloride er tbcr 20meq	2	MO
potassium chloride er tbcr 20meq	2	MO
potassium chloride er tbcr 8meq	2	MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
POTASSIUM CHLORIDE/DEXTROSE/LACTATED RINGERS INJ 3MEQ/L; 149MEQ/L; 5%; 28MEQ/L; 24MEQ/L; 130MEQ/L	4	
potassium chloride/dextrose/sodium chloride inj 5%; 10meq/l; 0.45%	4	
potassium chloride/dextrose/sodium chloride inj 5%; 20meq/l; 0.225%	4	
potassium chloride/dextrose/sodium chloride inj 5%; 20meq/l; 0.45%	4	
potassium chloride/dextrose/sodium chloride inj 5%; 20meq/l; 0.9%	4	
potassium chloride/dextrose/sodium chloride inj 5%; 30meq/l; 0.45%	4	
potassium chloride/dextrose/sodium chloride inj 5%; 40meq/l; 0.45%	4	
potassium chloride/dextrose/sodium chloride inj 5%; 40meq/l; 0.9%	4	
potassium chloride/dextrose inj 5%; 20meq/l	4	
potassium chloride/sodium chloride inj 20meq/l; 0.45%	4	
potassium chloride/sodium chloride inj 20meq/l; 0.45%	4	
potassium chloride/sodium chloride inj 20meq/l; 0.9%	4	
potassium chloride/sodium chloride inj 20meq/l; 0.9%	4	
potassium chloride/sodium chloride inj 40meq/l; 0.9%	4	

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
potassium chloride/sodium chloride inj 40meq/l; 0.9%	4	
POTASSIUM CHLORIDE INJ 10MEQ/100ML	4	
POTASSIUM CHLORIDE INJ 20MEQ/100ML	4	
potassium chloride inj 2meq/ml	4	
potassium chloride inj 2meq/ml	4	
POTASSIUM CHLORIDE INJ 40MEQ/100ML	4	
potassium chloride pack 20meq	2	
potassium chloride soln 10%	2	
potassium chloride soln 20%	2	
ringers injection inj 4.5meq/l; 156meq/l; 4meq/l; 147meq/l	4	
sodium chloride 0.45% inj 0.45%	4	
sodium chloride inj 0.45%	4	
sodium chloride inj 0.9%	4	
sodium chloride inj 0.9%	4	
sodium chloride inj 2.5meq/ml	4	
sodium chloride inj 3%	4	
sodium chloride inj 5%	4	
TPN ELECTROLYTES INJ 29.5MEQ/20ML; 4.5MEQ/20ML; 35MEQ/20ML; 5MEQ/20ML; 20MEQ/20ML; 35MEQ/20ML	4	
ZYCUBO INJ 2.9MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
Thuốc tăng thải axit uric		

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
probenecid/colchicine tabs 0.5mg; 500mg	2	MO
probenecid tabs 500mg	2	MO
Enzymes		
Cofactor/Chaperone của enzyme		
GALAFOLD CAPS 123MG	5	QL (0.5 EA mỗi 1 ngày) PA MO
MIPLYFFA CAPS 124MG	5	QL (3 EA mỗi 1 ngày) PA
MIPLYFFA CAPS 47MG	5	QL (3 EA mỗi 1 ngày) PA
MIPLYFFA CAPS 62MG	5	QL (3 EA mỗi 1 ngày) PA
MIPLYFFA CAPS 93MG	5	QL (3 EA mỗi 1 ngày) PA
sapropterin dihydrochloride pack 100mg	5	PA MO
sapropterin dihydrochloride pack 500mg	5	PA MO
sapropterin dihydrochloride tabs 100mg	5	PA MO
SEPHIENCE PACK 1000MG	5	PA
SEPHIENCE PACK 250MG	5	PA
zelvysia pack 100mg	5	PA
zelvysia pack 500mg	5	PA
Chất ức chế enzyme		
CERDELGA CAPS 84MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA MO
miglustat caps 100mg	5	PA LA MO
nitisinone caps 10mg	5	PA MO
nitisinone caps 20mg	5	PA MO
nitisinone caps 2mg	5	PA MO
nitisinone caps 5mg	5	PA MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
NITYR TABS 10MG	5	PA LA
NITYR TABS 2MG	5	PA LA
NITYR TABS 5MG	5	PA LA
OPFOLDA CAPS 65MG	4	QL (8 EA mỗi 28 ngày) PA
ORFADIN SUSP 4MG/ML	5	PA MO
yargesa caps 100mg	5	PA MO
ZOKINVY CAPS 50MG	5	PA
ZOKINVY CAPS 75MG	5	PA
Enzymes		
ALDURAZYME INJ 2.9MG/5ML	5	PA LA
CEREZYME INJ 400UNIT	5	PA
ELAPRASE INJ 6MG/3ML	5	PA LA
FABRAZYME INJ 35MG	5	PA LA
FABRAZYME INJ 5MG	5	PA LA
LUMIZYME INJ 50MG	5	PA LA
NAGLAZYME INJ 1MG/ML	5	PA LA
PALYNZIQ INJ 10MG/0.5ML	5	QL (1 ML mỗi 1 ngày) PA MO
PALYNZIQ INJ 2.5MG/0.5ML	5	QL (1 ML mỗi 1 ngày) PA MO
PALYNZIQ INJ 20MG/ML	5	QL (2 ML mỗi 1 ngày) PA MO
REVCOVI INJ 2.4MG/1.5ML	5	PA
STRENSIQ INJ 18MG/0.45ML	5	PA MO
STRENSIQ INJ 28MG/0.7ML	5	PA MO
STRENSIQ INJ 40MG/ML	5	PA MO
STRENSIQ INJ 80MG/0.8ML	5	PA MO
SUCRAID SOLN 8500UNIT/ML	5	PA LA MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
VPRIV INJ 400UNIT	5	PA
Thuốc dùng cho Mắt, Tai, Mũi & Họng		
Thuốc chống nhiễm khuẩn		
bacitracin/polymyxin b oint 500unit/gm; 10000unit/gm	2	
BACITRACIN OINT 500UNIT/GM	4	
chlorhexidine gluconate soln 0.12%	1	
ciprofloxacin hydrochloride soln 0.3%	2	
ciprofloxacin hydrochloride soln 0.2%	2	
erythromycin oint 5mg/gm	2	
gatifloxacin soln 0.5%	2	
gentamicin sulfate soln 0.3%	2	
levofloxacin soln 0.5%	2	
moxifloxacin hydrochloride soln 0.5%	2	
NATACYN SUSP 5%	4	
neomycin/polymyxin/bacitracin oint 400unit/gm; 5mg/gm; 10000unit/gm	4	
NEOMYCIN/POLYMYXIN/GRAMICIDIN SOLN 0.025MG/ML; 1.75MG/ML; 10000UNIT/ML	4	
ofloxacin soln 0.3%	2	
ofloxacin soln 0.3%	2	
periogard soln 0.12%	1	
polymyxin b sulfate/trimethoprim sulfate soln 10000unit/ml; 0.1%	2	
sulfacetamide sodium soln 10%	2	
tobramycin soln 0.3%	2	
TRIFLURIDINE SOLN 1%	4	
XDEMVY SOLN 0.25%	5	QL (10 ML mỗi 30 ngày) PA

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
ZIRGAN GEL 0.15%	4	
Thuốc kháng viêm		
CEQUA SOLN 0.09%	3	QL (2 EA mỗi 1 ngày)
ciprofloxacin/dexamethasone susp 0.3%; 0.1%	4	
cyclosporine emul 0.05%	2	QL (60 EA mỗi 30 ngày) MO
DEXAMETHASONE SODIUM PHOSPHATE SOLN 0.1%	4	
diclofenac sodium soln 0.1%	2	
difluprednate emul 0.05%	4	ST
flac oil 0.01%	2	
flunisolide soln 0.025%	2	
fluocinolone acetonide ear drops oil 0.01%	2	
fluocinolone acetonide oil 0.01%	2	
fluorometholone susp 0.1%	4	
FLURBIPROFEN SODIUM SOLN 0.03%	4	
fluticasone propionate susp 50mcg/act	2	
FML FORTE SUSP 0.25%	4	
hydrocortisone/acetic acid soln 2%; 1%	4	
ketorolac tromethamine soln 0.4%	2	
ketorolac tromethamine soln 0.5%	2	
MAXIDEX SUSP 0.1%	4	
neomycin/polymyxin/bacitracin/hydrocortisone oint 400unit/gm; 1%; 0.5%; 10000unit/gm	2	
neomycin/polymyxin/dexamethasone oint 0.1%; 3.5mg/gm; 10000unit/gm	2	

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
neomycin/polymyxin/dexamethasone susp 0.1%; 3.5mg/ml; 10000unit/ml	2	
neomycin/polymyxin/hc soln 1%; 3.5mg/ml; 10000unit/ml	4	
neomycin/polymyxin/hydrocortisone soln 1%; 3.5mg/ml; 10000unit/ml	4	
NEOMYCIN/POLYMYXIN/HYDROCORTISONE SUSP 1%; 3.5MG/ML; 10000UNIT/ML	4	
neomycin/polymyxin/hydrocortisone susp 1%; 3.5mg/ml; 10000unit/ml	4	
OXERVATE SOLN 0.002%	5	QL (1 ML mỗi 1 ngày) PA
PRED MILD SUSP 0.12%	4	
prednisolone acetate susp 1%	2	
PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE SOLN 1%	4	
SULFACETAMIDE SODIUM/PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE SOLN 0.23%; 10%	4	
TOBRADEX ST SUSP 0.05%; 0.3%	4	
TOBRADEX OINT 0.1%; 0.3%	4	
tobramycin/dexamethasone susp 0.1%; 0.3%	2	
VERKAZIA EMUL 0.1%	5	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA
XIIDRA SOLN 5%	3	QL (2 EA mỗi 1 ngày)
Thuốc chống dị ứng		
azelastine hcl soln 0.05%	2	

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
azelastine hydrochloride soln 0.1%	2	QL (60 ML mỗi 30 ngày)
azelastine hydrochloride soln 0.05%	2	
cromolyn sodium soln 4%	2	
epinastine hcl soln 0.05%	4	
Thuốc điều trị tăng nhãn áp		
acetazolamide er cp12 500mg	2	MO
acetazolamide tabs 125mg	2	MO
acetazolamide tabs 250mg	2	MO
APRACLONIDINE SOLN 0.5%	4	
BETAXOLOL HCL SOLN 0.5%	4	MO
bimatoprost soln 0.01%	2	
brimonidine tartrate soln 0.15%	4	MO
brimonidine tartrate soln 0.2%	4	MO
brinzolamide susp 1%	4	MO
CARTEOLOL HCL SOLN 1%	4	MO
dorzolamide hcl/timolol maleate soln 20mg/ml; 5mg/ml	2	MO
dorzolamide hydrochloride soln 2%	2	MO
IOPIDINE SOLN 1%	4	
latanoprost soln 0.005%	2	MO
LEVOBUNOLOL HCL SOLN 0.5%	4	MO
LUMIGAN SOLN 0.01%	3	ST MO
pilocarpine hcl soln 1%	4	MO
pilocarpine hcl soln 2%	4	MO
pilocarpine hcl soln 4%	4	MO
pilocarpine hydrochloride soln 1%	4	MO
pilocarpine hydrochloride soln 1.25%	4	QL (0.09 ML mỗi 1 ngày)

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
pilocarpine hydrochloride soln 2%	4	MO
pilocarpine hydrochloride soln 4%	4	MO
RHOPRESSA SOLN 0.02%	3	ST MO
ROCKLATAN SOLN 0.005%; 0.02%	3	QL (5 ML mỗi 28 ngày) ST MO
timolol maleate ophthalmic gel forming solg 0.25%	2	MO
timolol maleate ophthalmic gel forming solg 0.5%	4	MO
timolol maleate soln 0.25%	2	MO
timolol maleate soln 0.5%	2	MO
travoprost soln 0.004%	4	ST MO
Thuốc dùng cho Mắt, Tai, Mũi, Họng (nhóm khác)		
acetic acid soln 2%	2	
TYRVAYA SOLN 0.03MG/ACT	4	QL (8.4 ML mỗi 30 ngày) ST
Thuốc gây tê tại chỗ		
lidocaine hydrochloride viscous soln 2%	2	
lidocaine viscous soln 2%	2	
proparacaine hcl soln 0.5%	2	
proparacaine hydrochloride soln 0.5%	2	
Thuốc điều trị thoái hóa điểm vàng		
CYSTADROPS SOLN 0.37%	5	QL (20 ML mỗi 28 ngày) PA MO
CYSTARAN SOLN 0.44%	5	PA MO
Thuốc làm giãn đồng tử		
atropine sulfate soln 1%	2	MO
cyclopentolate hcl soln 1%	2	
cyclopentolate hydrochloride soln 1%	2	

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
Thuốc đường tiêu hóa		
Thuốc kháng viêm		
alosetron hydrochloride tabs 0.5mg	2	PA MO
alosetron hydrochloride tabs 1mg	4	PA MO
balsalazide disodium caps 750mg	4	
DIPENTUM CAPS 250MG	5	MO
mesalamine dr cpdr 400mg	4	MO
mesalamine dr tbec 1.2gm	4	
mesalamine dr tbec 800mg	4	
mesalamine er cpcr 500mg	2	MO
mesalamine enem 4gm	4	
mesalamine kit 4gm	2	
mesalamine supp 1000mg	4	
Thuốc trị tiêu chảy		
diphenoxylate hydrochloride/atropine sulfate tabs 0.025mg; 2.5mg	2	
DIPHENOXYLATE/ATROPINE LIQD 0.025MG/5ML; 2.5MG/5ML	4	
loperamide hydrochloride caps 2mg	2	
VIBERZI TABS 100MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA MO
VIBERZI TABS 75MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA MO
XERMELO TABS 250MG	5	QL (3 EA mỗi 1 ngày) PA MO
Thuốc chống nôn		
aprepitant caps 125mg	2	QL (2 EA mỗi 30 ngày) PA
aprepitant caps 40mg	2	QL (1 EA mỗi 30 ngày) PA

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
aprepitant caps 80mg	2	QL (4 EA mỗi 30 ngày) PA
aprepitant cppk 0	2	QL (6 EA mỗi 30 ngày) PA
EMEND SUSR 125MG/5ML	4	QL (2 EA mỗi 30 ngày) PA
granisetron hcl inj 1mg/ml	4	PA
granisetron hydrochloride inj 1mg/ml	4	PA
granisetron hydrochloride tabs 1mg	2	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
meclizine hcl tabs 12.5mg	4	
meclizine hcl tabs 25mg	4	
meclizine hydrochloride tabs 12.5mg	4	
meclizine hydrochloride tabs 25mg	4	
ondansetron hcl soln 4mg/5ml	2	B/D
ONDANSETRON HCL TABS 24MG	4	B/D
ondansetron hydrochloride +rfid inj 4mg/2ml	4	
ondansetron hydrochloride +rfid inj 4mg/2ml	4	
ondansetron hydrochloride inj 40mg/20ml	4	
ondansetron hydrochloride inj 4mg/2ml	4	
ONDANSETRON HYDROCHLORIDE INJ 4MG/2ML	4	
ondansetron hydrochloride soln 4mg/5ml	2	B/D
ondansetron hydrochloride tabs 4mg	1	B/D
ondansetron hydrochloride tabs 8mg	1	B/D
ondansetron odt tbdp 4mg	2	B/D
ondansetron odt tbdp 8mg	2	B/D

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
Thuốc trị loét và thuốc ức chế tiết axit		
bismuth subcitrate pot/metronidazole/tetracycline hydrochlo caps 140mg; 125mg; 125mg	4	QL (12 EA mỗi 1 ngày)
cimetidine hydrochloride soln 300mg/5ml	4	MO
cimetidine tabs 200mg	4	
cimetidine tabs 300mg	4	MO
cimetidine tabs 400mg	4	MO
cimetidine tabs 800mg	4	MO
esomeprazole magnesium dr cpdr 20mg	2	
esomeprazole magnesium cpdr 20mg	2	MO
esomeprazole magnesium cpdr 40mg	2	MO
famotidine inj 200mg/20ml	4	
famotidine inj 20mg/2ml	4	
famotidine inj 40mg/4ml	4	
famotidine susr 40mg/5ml	2	
famotidine tabs 20mg	2	MO
famotidine tabs 40mg	2	MO
lansoprazole odt tbdd 15mg	4	
lansoprazole odt tbdd 30mg	4	MO
lansoprazole cpdr 15mg	1	MO
lansoprazole cpdr 30mg	1	MO
lansoprazole tbdd 15mg	4	MO
lansoprazole tbdd 30mg	4	MO
misoprostol tabs 100mcg	2	MO
misoprostol tabs 200mcg	2	MO
omeprazole dr cpdr 10mg	1	MO
omeprazole dr cpdr 40mg	1	
omeprazole cpdr 20mg	1	MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
omeprazole cpdr 40mg	1	MO
pantoprazole sodium inj 40mg	4	
pantoprazole sodium tbec 20mg	1	MO
pantoprazole sodium tbec 40mg	1	MO
rabeprazole sodium tbec 20mg	2	MO
sucralfate susp 1gm/10ml	4	MO
sucralfate tabs 1gm	4	MO
Thuốc nhuận tràng và thuốc xổ		
gavilyte-c solr 240gm; 2.98gm; 6.72gm; 5.84gm; 22.72gm	1	
gavilyte-g solr 236gm; 2.97gm; 6.74gm; 5.86gm; 22.74gm	1	
gavilyte-n/flavor pack solr 420gm; 1.48gm; 5.72gm; 11.2gm	1	
peg-3350/electrolytes solr 236gm; 2.97gm; 6.74gm; 5.86gm; 22.74gm	1	
peg-3350/nacl/na bicarbonate/kcl solr 420gm; 1.48gm; 5.72gm; 11.2gm	1	
sodium sulfate/potassium sulfate/magnesium sulfate soln 1.6gm/177ml; 3.13gm/177ml; 17.5gm/177ml	4	
sodium sulfate/potassium sulfate/magnesium sulfate soln 1.6gm/177ml; 3.13gm/177ml; 17.5gm/177ml	4	
Thuốc làm tan sỏi mật		
CHENODAL TABS 250MG	5	PA
CHOLBAM CAPS 250MG	5	PA MO
CHOLBAM CAPS 50MG	5	PA MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
CTEXLI TABS 250MG	5	QL (3 EA mỗi 1 ngày) PA
IQIRVO TABS 80MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
LIVDELZI CAPS 10MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
LIVMARLI SOLN 9.5MG/ML	5	QL (3 ML mỗi 1 ngày) PA
LIVMARLI TABS 10MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
LIVMARLI TABS 15MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
LIVMARLI TABS 20MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
LIVMARLI TABS 30MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
ursodiol caps 300mg	4	MO
ursodiol tabs 250mg	2	MO
ursodiol tabs 500mg	2	MO
Thuốc điều trị táo bón		
LINZESS CAPS 145MCG	3	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
LINZESS CAPS 290MCG	3	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
LINZESS CAPS 72MCG	3	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
lubiprostone caps 24mcg	4	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
lubiprostone caps 8mcg	4	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
MOVANTIK TABS 12.5MG	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
MOVANTIK TABS 25MG	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
RELISTOR INJ 12MG/0.6ML	5	PA
RELISTOR INJ 12MG/0.6ML	5	PA
RELISTOR INJ 8MG/0.4ML	5	PA
RELISTOR TABS 150MG	5	QL (3 EA mỗi 1 ngày) PA
SYMPROIC TABS 0.2MG	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
Thuốc hỗ trợ tiêu hóa		
CREON CPEP 120000UNIT; 24000UNIT; 76000UNIT	3	MO
CREON CPEP 15000UNIT; 3000UNIT; 9500UNIT	3	MO
CREON CPEP 180000UNIT; 36000UNIT; 114000UNIT	3	MO
CREON CPEP 30000UNIT; 6000UNIT; 19000UNIT	3	MO
CREON CPEP 60000UNIT; 12000UNIT; 38000UNIT	3	MO
GATTEX INJ 5MG	5	PA
ZENPEP CPEP 105000UNIT; 25000UNIT; 79000UNIT	3	MO
ZENPEP CPEP 14000UNIT; 3000UNIT; 10000UNIT	3	MO
ZENPEP CPEP 168000UNIT; 40000UNIT; 126000UNIT	3	MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
ZENPEP CPEP 24000UNIT; 5000UNIT; 17000UNIT	3	MO
ZENPEP CPEP 252600UNIT; 60000UNIT; 189600UNIT	5	
ZENPEP CPEP 42000UNIT; 10000UNIT; 32000UNIT	3	
ZENPEP CPEP 63000UNIT; 15000UNIT; 47000UNIT	3	MO
ZENPEP CPEP 84000UNIT; 20000UNIT; 63000UNIT	3	MO
Các thuốc tiêu hóa khác		
dronabinol caps 10mg	4	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA
dronabinol caps 2.5mg	4	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA
dronabinol caps 5mg	4	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA
LIVMARLI SOLN 19MG/ML	5	QL (2 ML mỗi 1 ngày) PA
prucalopride tabs 1mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
prucalopride tabs 2mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
SKYRIZI INJ 180MG/1.2ML	5	QL (1.2 ML mỗi 56 ngày) PA
SKYRIZI INJ 360MG/2.4ML	5	QL (2.4 ML mỗi 56 ngày) PA MO
SKYRIZI INJ 600MG/10ML	5	QL (60 ML mỗi 180 ngày) PA

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
VOWST CAPS 0	5	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA
Thuốc tăng nhu động đường tiêu hóa		
metoclopramide hcl inj 5mg/ml	4	
metoclopramide hcl soln 5mg/5ml	2	
metoclopramide hydrochloride +rfid inj 5mg/ml	4	
metoclopramide hydrochloride inj 5mg/ml	4	
metoclopramide hydrochloride soln 10mg/10ml	2	
metoclopramide hydrochloride tabs 10mg	2	
metoclopramide hydrochloride tabs 5mg	2	
Các hợp chất vàng		
Các hợp chất vàng		
AURANOFIN CAPS 3MG	5	
RIDAURA CAPS 3MG	5	MO
Các chất đối kháng kim loại nặng		
Các chất đối kháng kim loại nặng		
CUVRIOR TABS 300MG	5	PA
deferasirox pack 180mg	5	PA
deferasirox pack 360mg	5	PA
deferasirox pack 90mg	5	PA
deferasirox tabs 180mg	2	PA MO
deferasirox tabs 360mg	2	PA
deferasirox tabs 90mg	2	PA
deferasirox tbso 125mg	2	PA MO
deferasirox tbso 250mg	5	PA MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
deferasirox tbso 500mg	5	PA MO
deferiprone tabs 1000mg	5	PA MO
deferiprone tabs 500mg	5	PA MO
FERRIPROX SOLN 100MG/ML	5	PA MO
penicillamine tabs 250mg	5	
trientine hydrochloride caps 250mg	5	
Hormon và các chất thay thế tổng hợp		
Hormon tuyến thượng thận		
AGAMREE SUSP 40MG/ML	5	QL (300 ML mỗi 30 ngày) PA
ARNUITY ELLIPTA AEPB 100MCG/ACT	3	QL (30 EA mỗi 30 ngày) MO
ARNUITY ELLIPTA AEPB 200MCG/ACT	3	QL (30 EA mỗi 30 ngày) MO
ARNUITY ELLIPTA AEPB 50MCG/ACT	3	QL (30 EA mỗi 30 ngày) MO
BREO ELLIPTA AEPB 100MCG/ACT; 25MCG/ACT	3	QL (60 EA mỗi 30 ngày) MO
BREO ELLIPTA AEPB 200MCG/INH; 25MCG/INH	3	QL (60 EA mỗi 30 ngày) MO
BREO ELLIPTA AEPB 50MCG/INH; 25MCG/INH	3	QL (60 EA mỗi 30 ngày) MO
breyna aero 160mcg/act; 4.5mcg/act	1	QL (30.6 GM mỗi 30 ngày) MO
breyna aero 80mcg/act; 4.5mcg/act	1	QL (30.6 GM mỗi 30 ngày) MO
BREZTRI AEROSPHERE AERO 160MCG/ACT; 4.8MCG/ACT; 9MCG/ACT	3	QL (10.7 GM mỗi 30 ngày) MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
budesonide/formoterol fumarate dihydrate aero 160mcg/act; 4.5mcg/act	1	QL (30.6 GM mỗi 30 ngày) MO
budesonide/formoterol fumarate dihydrate aero 80mcg/act; 4.5mcg/act	1	QL (30.6 GM mỗi 30 ngày) MO
budesonide cpep 3mg	4	
budesonide susp 0.25mg/2ml	2	B/D MO
budesonide susp 0.5mg/2ml	2	B/D MO
budesonide susp 1mg/2ml	2	B/D MO
CORTISONE ACETATE TABS 25MG	4	
deflazacort susp 22.75mg/ml	5	PA
deflazacort tabs 18mg	5	PA
deflazacort tabs 30mg	5	PA
deflazacort tabs 36mg	5	PA
deflazacort tabs 6mg	5	PA
DEPO-MEDROL INJ 20MG/ML	4	B/D
dexamethasone 10-day dose pack tbpk 1.5mg	2	
dexamethasone 13-day dose pack tbpk 1.5mg	2	
dexamethasone 6-day dose pack tbpk 1.5mg	2	
dexamethasone 6-day therapy pack tbpk 1.5mg	2	
DEXAMETHASONE INTENSOL CONC 1MG/ML	4	
dexamethasone sodium phosphate inj 10mg/ml	4	
dexamethasone sodium phosphate inj 10mg/ml	4	

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
dexamethasone sodium phosphate inj 120mg/30ml	4	
dexamethasone elix 0.5mg/5ml	2	
DEXAMETHASONE SOLN 0.5MG/5ML	4	
dexamethasone tabs 0.5mg	2	
dexamethasone tabs 0.75mg	2	
dexamethasone tabs 1.5mg	2	
dexamethasone tabs 1mg	2	
dexamethasone tabs 2mg	2	
dexamethasone tabs 4mg	2	
dexamethasone tabs 6mg	2	
EOHILIA SUSP 2MG/10ML	5	QL (20 ML mỗi 1 ngày) PA
fludrocortisone acetate tabs 0.1mg	2	MO
FLUTICASONE FUROATE/VILANTEROL ELLIPTA AEPB 100MCG/INH; 25MCG/INH	3	
FLUTICASONE FUROATE/VILANTEROL ELLIPTA AEPB 200MCG/INH; 25MCG/INH	3	
FLUTICASONE PROPIONATE/SALMETEROL AEPB 113MCG/ACT; 14MCG/ACT	1	QL (2 EA mỗi 30 ngày) MO
FLUTICASONE PROPIONATE/SALMETEROL AEPB 232MCG/ACT; 14MCG/ACT	1	QL (2 EA mỗi 30 ngày) MO
FLUTICASONE PROPIONATE/SALMETEROL AEPB 55MCG/ACT; 14MCG/ACT	1	QL (2 EA mỗi 30 ngày) MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
fluticasone propionate crea 0.05%	2	
fluticasone propionate oint 0.005%	2	
hydrocortisone sodium succinate inj 100mg	4	
hydrocortisone tabs 10mg	4	
hydrocortisone tabs 20mg	4	
hydrocortisone tabs 5mg	4	
ISTURISA TABS 1MG	5	PA
ISTURISA TABS 5MG	5	QL (12 EA mỗi 1 ngày) PA
jaythari susp 22.75mg/ml	5	PA
jaythari tabs 18mg	5	PA
jaythari tabs 30mg	5	PA
jaythari tabs 36mg	5	PA
jaythari tabs 6mg	5	PA
kenalog-10 inj 10mg/ml	4	
kymbee susp 22.75mg/ml	5	PA
kymbee tabs 18mg	5	PA
kymbee tabs 30mg	5	PA
kymbee tabs 36mg	5	PA
kymbee tabs 6mg	5	PA
methylprednisolone dose pack tbpk 4mg	2	
methylprednisolone sodium succinate inj 1000mg	4	B/D
methylprednisolone sodium succinate inj 125mg	4	B/D
methylprednisolone sodium succinate inj 500mg	4	B/D
methylprednisolone sodiumsuccinate inj 40mg	4	B/D

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
methylprednisolone tabs 16mg	2	B/D
methylprednisolone tabs 32mg	2	B/D
methylprednisolone tabs 4mg	2	B/D
methylprednisolone tabs 8mg	2	B/D
prednisolone sodium phosphate soln 15mg/5ml	2	
prednisolone sodium phosphate soln 25mg/5ml	2	
prednisolone sodium phosphate soln 5mg/5ml	2	
prednisolone soln 15mg/5ml	4	
PREDNISONE SOLN 5MG/5ML	4	B/D
prednisone tabs 10mg	1	B/D
prednisone tabs 1mg	1	B/D
prednisone tabs 2.5mg	1	B/D
prednisone tabs 20mg	1	B/D
prednisone tabs 50mg	1	B/D
prednisone tabs 5mg	1	B/D
prednisone tbpk 10mg	2	
prednisone tbpk 10mg	2	
prednisone tbpk 5mg	2	
prednisone tbpk 5mg	2	
pyquvi susp 22.75mg/ml	5	PA
QVAR REDIHALER AERB 40MCG/ACT	3	QL (10.6 GM mỗi 60 ngày) MO
QVAR REDIHALER AERB 80MCG/ACT	3	QL (21.2 GM mỗi 30 ngày)
SOLU-CORTEF INJ 100MG	4	
SOLU-CORTEF INJ 250MG	4	

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
TARPEYO CPDR 4MG	5	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA
TRELEGY ELLIPTA AEPB 100MCG/ACT; 62.5MCG/ACT; 25MCG/ACT	3	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
TRELEGY ELLIPTA AEPB 200MCG/INH; 62.5MCG/INH; 25MCG/INH	3	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
triamcinolone acetonide inj 10mg/ml	4	
triamcinolone acetonide inj 40mg/ml	4	
Nội tiết tố Androgen		
danazol caps 100mg	2	
danazol caps 200mg	2	
danazol caps 50mg	2	
METHITEST TABS 10MG	4	PA MO
testosterone cypionate inj 100mg/ml	2	
testosterone cypionate inj 200mg/ml	2	
testosterone cypionate inj 200mg/ml	2	
TESTOSTERONE ENANTHATE INJ 200MG/ML	4	
testosterone pump gel 12.5mg/act	4	MO
testosterone pump gel 20.25mg/act	4	MO
testosterone gel 20.25mg/1.25gm	4	MO
testosterone gel 20.25mg/act	4	MO
testosterone gel 25mg/2.5gm	4	MO
testosterone gel 40.5mg/2.5gm	4	MO
testosterone gel 50mg/5gm	4	MO
Thuốc trị đái tháo đường		
acarbose tabs 100mg	1	QL (3 EA mỗi 1 ngày) MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
acarbose tabs 25mg	1	QL (3 EA mỗi 1 ngày)
acarbose tabs 50mg	1	QL (3 EA mỗi 1 ngày) MO
ALOGLIPTIN/METFORMIN HCL TABS 12.5MG; 500MG	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
ALOGLIPTIN/METFORMIN HYDROCHLORIDE TABS 12.5MG; 1000MG	4	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
ALOGLIPTIN/PIOGLITAZONE TABS 12.5MG; 30MG	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
ALOGLIPTIN/PIOGLITAZONE TABS 25MG; 15MG	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
ALOGLIPTIN/PIOGLITAZONE TABS 25MG; 30MG	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
ALOGLIPTIN/PIOGLITAZONE TABS 25MG; 45MG	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
ALOGLIPTIN TABS 12.5MG	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
ALOGLIPTIN TABS 25MG	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
ALOGLIPTIN TABS 6.25MG	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
BASAGLAR KWIKPEN INJ 100UNIT/ML	6	MO
CYCLOSET TABS 0.8MG	4	MO
dapagliflozin/metformin hydrochloride er tb24 10mg; 1000mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
dapagliflozin/metformin hydrochloride er tb24 10mg; 500mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
dapagliflozin/metformin hydrochloride er tb24 5mg; 1000mg	6	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
dapagliflozin/metformin hydrochloride er tb24 5mg; 500mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
dapagliflozin tabs 10mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
dapagliflozin tabs 5mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
FARXIGA TABS 10MG	3	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
FARXIGA TABS 5MG	3	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
glimepiride tabs 1mg	6	QL (8 EA mỗi 1 ngày) MO
glimepiride tabs 2mg	6	QL (4 EA mỗi 1 ngày) MO
glimepiride tabs 4mg	6	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
glipizide er tb24 10mg	6	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
glipizide er tb24 2.5mg	6	QL (8 EA mỗi 1 ngày) MO
glipizide er tb24 5mg	6	QL (4 EA mỗi 1 ngày) MO
glipizide/metformin hydrochloride tabs 2.5mg; 250mg	6	QL (8 EA mỗi 1 ngày) MO
glipizide/metformin hydrochloride tabs 2.5mg; 500mg	6	QL (4 EA mỗi 1 ngày) MO
glipizide/metformin hydrochloride tabs 5mg; 500mg	6	QL (4 EA mỗi 1 ngày) MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
glipizide tabs 10mg	6	QL (4 EA mỗi 1 ngày) MO
glipizide tabs 15mg	2	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
glipizide tabs 2.5mg	6	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
glipizide tabs 5mg	6	QL (8 EA mỗi 1 ngày) MO
GLYXAMBI TABS 10MG; 5MG	3	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
GLYXAMBI TABS 25MG; 5MG	3	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
INSULIN ASPART FLEXPEN INJ 100UNIT/ML	6	MO
INSULIN ASPART PENFILL INJ 100UNIT/ML	6	
INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART FLEXPEN INJ 30UNIT/ML; 70UNIT/ML	6	
INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART INJ 30%; 70%	6	MO
INSULIN ASPART INJ 100UNIT/ML	6	MO
INSULIN LISPRO JUNIOR KWIKPEN INJ 100UNIT/ML	6	
INSULIN LISPRO KWIKPEN INJ 100UNIT/ML	6	MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
INSULIN LISPRO PROTAMINE/INSULIN LISPRO KWIKPEN INJ 25UNIT/ML; 75UNIT/ML	6	
INSULIN LISPRO INJ 100UNIT/ML	6	MO
JANUMET XR TB24 1000MG; 100MG	3	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
JANUMET XR TB24 1000MG; 50MG	3	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
JANUMET XR TB24 500MG; 50MG	3	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
JANUMET TABS 1000MG; 50MG	3	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
JANUMET TABS 500MG; 50MG	3	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
JANUVIA TABS 100MG	3	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
JANUVIA TABS 25MG	3	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
JANUVIA TABS 50MG	3	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
JARDIANCE TABS 10MG	3	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
JARDIANCE TABS 25MG	3	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
LANTUS SOLOSTAR INJ 100UNIT/ML	6	MO
LANTUS INJ 100UNIT/ML	6	MO
metformin hydrochloride er tb24 500mg	6	QL (4 EA mỗi 1 ngày) MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
metformin hydrochloride er tb24 750mg	6	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
metformin hydrochloride tabs 1000mg	6	QL (2.5 EA mỗi 1 ngày) MO
metformin hydrochloride tabs 500mg	6	QL (5 EA mỗi 1 ngày) MO
metformin hydrochloride tabs 850mg	6	QL (3 EA mỗi 1 ngày) MO
mifepristone tabs 300mg	5	PA
MIGLITOL TABS 100MG	4	QL (3 EA mỗi 1 ngày) MO
MIGLITOL TABS 25MG	4	QL (3 EA mỗi 1 ngày) MO
MIGLITOL TABS 50MG	4	QL (3 EA mỗi 1 ngày) MO
MOUNJARO INJ 10MG/0.5ML	5	QL (2 ML mỗi 28 ngày) PA MO
MOUNJARO INJ 12.5MG/0.5ML	5	QL (2 ML mỗi 28 ngày) PA MO
MOUNJARO INJ 15MG/0.5ML	5	QL (2 ML mỗi 28 ngày) PA MO
MOUNJARO INJ 2.5MG/0.5ML	5	QL (2 ML mỗi 28 ngày) PA MO
MOUNJARO INJ 5MG/0.5ML	5	QL (2 ML mỗi 28 ngày) PA MO
MOUNJARO INJ 7.5MG/0.5ML	5	QL (2 ML mỗi 28 ngày) PA MO
nateglinide tabs 120mg	6	QL (3 EA mỗi 1 ngày) MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
nateglinide tabs 60mg	6	QL (3 EA mỗi 1 ngày) MO
NOVOLIN 70/30 FLEXPEN INJ 30UNIT/ML; 70UNIT/ML	6	MO
NOVOLIN 70/30 INJ 30UNIT/ML; 70UNIT/ML	6	MO
NOVOLIN N FLEXPEN INJ 100UNIT/ML	6	MO
NOVOLIN N INJ 100UNIT/ML	6	MO
NOVOLIN R FLEXPEN INJ 100UNIT/ML	6	MO
NOVOLIN R INJ 100UNIT/ML	6	MO
NOVOLOG FLEXPEN RELION INJ 100UNIT/ML	6	MO
NOVOLOG FLEXPEN INJ 100UNIT/ML	6	MO
NOVOLOG MIX 70/30 PREFILLED FLEXPEN RELION INJ 30UNIT/ML; 70UNIT/ML	6	MO
NOVOLOG MIX 70/30 PREFILLED FLEXPEN INJ 30UNIT/ML; 70UNIT/ML	6	MO
NOVOLOG MIX 70/30 RELION INJ 30UNIT/ML; 70UNIT/ML	6	MO
NOVOLOG MIX 70/30 INJ 30UNIT/ML; 70UNIT/ML	6	MO
NOVOLOG PENFILL INJ 100UNIT/ML	6	MO
NOVOLOG RELION INJ 100UNIT/ML	6	MO
NOVOLOG INJ 100UNIT/ML	6	MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
OZEMPIC INJ 2MG/3ML	3	QL (3 ML mỗi 28 ngày) PA MO
OZEMPIC INJ 4MG/3ML	3	QL (3 ML mỗi 28 ngày) PA MO
OZEMPIC INJ 8MG/3ML	3	QL (3 ML mỗi 28 ngày) PA MO
OZEMPIC TABS 1.5MG	3	PA
OZEMPIC TABS 4MG	3	PA
OZEMPIC TABS 9MG	3	PA
pioglitazone hcl/metformin hcl tabs 500mg; 15mg	6	QL (3 EA mỗi 1 ngày) MO
pioglitazone hcl/metformin hcl tabs 850mg; 15mg	6	QL (3 EA mỗi 1 ngày) MO
pioglitazone hcl tabs 45mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
pioglitazone hydrochloride tabs 15mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
pioglitazone hydrochloride tabs 30mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
pioglitazone hydrochloride tabs 45mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
repaglinide tabs 0.5mg	6	QL (4 EA mỗi 1 ngày) MO
repaglinide tabs 1mg	6	QL (4 EA mỗi 1 ngày) MO
repaglinide tabs 2mg	6	QL (8 EA mỗi 1 ngày) MO
saxagliptin hydrochloride/metformin hydrochloride er tb24 1000mg; 2.5mg	6	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
saxagliptin hydrochloride/metformin hydrochloride er tb24 1000mg; 5mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
saxagliptin hydrochloride/metformin hydrochloride er tb24 500mg; 5mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
saxagliptin hydrochloride tabs 2.5mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
saxagliptin hydrochloride tabs 5mg	6	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
SYNJARDY XR TB24 10MG; 1000MG	3	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
SYNJARDY XR TB24 12.5MG; 1000MG	3	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
SYNJARDY XR TB24 25MG; 1000MG	3	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
SYNJARDY XR TB24 5MG; 1000MG	3	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
SYNJARDY TABS 12.5MG; 1000MG	3	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
SYNJARDY TABS 12.5MG; 500MG	3	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
SYNJARDY TABS 5MG; 1000MG	3	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
SYNJARDY TABS 5MG; 500MG	3	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
TOUJEO MAX SOLOSTAR INJ 300UNIT/ML	6	MO
TOUJEO SOLOSTAR INJ 300UNIT/ML	6	MO
TRADJENTA TABS 5MG	3	

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
TRESIBA FLEXTOUCH INJ 100UNIT/ML	6	
TRESIBA FLEXTOUCH INJ 200UNIT/ML	6	
TRESIBA INJ 100UNIT/ML	6	
TRIJARDY XR TB24 10MG; 5MG; 1000MG	3	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
TRIJARDY XR TB24 12.5MG; 2.5MG; 1000MG	3	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
TRIJARDY XR TB24 25MG; 5MG; 1000MG	3	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
TRIJARDY XR TB24 5MG; 2.5MG; 1000MG	3	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
TRULICITY INJ 0.75MG/0.5ML	3	QL (2 ML mỗi 28 ngày) PA MO
TRULICITY INJ 1.5MG/0.5ML	3	QL (2 ML mỗi 28 ngày) PA MO
TRULICITY INJ 3MG/0.5ML	3	QL (2 ML mỗi 28 ngày) PA MO
TRULICITY INJ 4.5MG/0.5ML	3	QL (2 ML mỗi 28 ngày) PA MO
WEGOVY INJ 0.25MG/0.5ML	3	PA
WEGOVY INJ 0.5MG/0.5ML	3	PA
WEGOVY INJ 1.7MG/0.75ML	3	PA
WEGOVY INJ 1MG/0.5ML	3	PA
WEGOVY INJ 2.4MG/0.75ML	3	PA
WEGOVY TABS 1.5MG	3	PA
WEGOVY TABS 25MG	3	PA
WEGOVY TABS 4MG	3	PA
WEGOVY TABS 9MG	3	PA

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
Thuốc trị hạ đường huyết		
BAQSIMI ONE PACK POWD 3MG/DOSE	3	
BAQSIMI TWO PACK POWD 3MG/DOSE	3	
diazoxide susp 50mg/ml	5	MO
GLUCAGON EMERGENCY KIT FOR LOW BLOOD SUGAR INJ 1MG/ML	3	
glucagon emergency kit for low blood sugar inj 1mg	4	
GVOKE HYPOPEN 1-PACK INJ 0.5MG/0.1ML	3	
GVOKE HYPOPEN 1-PACK INJ 1MG/0.2ML	3	
GVOKE HYPOPEN 2-PACK INJ 0.5MG/0.1ML	3	
GVOKE HYPOPEN 2-PACK INJ 1MG/0.2ML	3	
GVOKE KIT INJ 1MG/0.2ML	3	
GVOKE PFS INJ 1MG/0.2ML	3	
ZEGALOGUE INJ 0.6MG/0.6ML	4	
ZEGALOGUE INJ 0.6MG/0.6ML	4	
Thuốc tránh thai		
altavera tabs 30mcg; 0.15mg	2	MO
alyacen 1/35 tabs 35mcg; 1mg	2	MO
apri tabs 0.15mg; 30mcg	2	MO
aranelle tabs 0; 0	2	MO
ashlyna tabs 0; 0	2	MO
aubra eq tabs 20mcg; 0.1mg	2	MO
aviane tabs 20mcg; 0.1mg	2	MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
azurette tabs 0; 0	2	MO
balziva tabs 35mcg; 0.4mg	2	MO
blisovi 24 fe tabs 20mcg; 75mg; 1mg	2	MO
blisovi fe 1.5/30 tabs 30mcg; 75mg; 1.5mg	2	MO
briellyn tabs 35mcg; 0.4mg	2	MO
camila tabs 0.35mg	2	MO
camrese lo tabs 0; 0	2	MO
cryselle tabs 30mcg; 0.3mg	2	MO
cyred eq tabs 0.15mg; 30mcg	2	MO
deblitane tabs 0.35mg	2	MO
dolishale tabs 20mcg; 90mcg	2	MO
drospirenone/ethinyl estradiol/levomefolate calcium tabs 3mg; 0.02mg; 0.451mg	2	MO
drospirenone/ethinyl estradiol tabs 3mg; 0.02mg	2	MO
drospirenone/ethinyl estradiol tabs 3mg; 0.03mg	2	MO
eluryng ring 0.015mg/24hr; 0.12mg/24hr	2	MO
enilloring ring 0.015mg/24hr; 0.12mg/24hr	2	MO
enskyce tabs 0.15mg; 0.03mg	2	MO
errin tabs 0.35mg	2	MO
estarylla tabs 35mcg; 0.25mg	2	MO
etonogestrel/ethinyl estradiol ring 0.015mg/24hr; 0.12mg/24hr	2	MO
falmina tabs 20mcg; 0.1mg	2	MO
feirza 1.5/30 tabs 30mcg; 75mg; 1.5mg	2	MO
feirza 1/20 tabs 20mcg; 75mg; 1mg	2	MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
finzala chew 20mcg; 75mg; 1mg	2	MO
galbriela chew 25mcg; 75mg; 0.8mg	2	MO
gemmily caps 20mcg; 75mg; 1mg	4	MO
hailey 24 fe tabs 20mcg; 75mg; 1mg	2	MO
hailey fe 1/20 tabs 20mcg; 75mg; 1mg	2	MO
haloette ring 0.015mg/24hr; 0.12mg/24hr	2	
heather tabs 0.35mg	2	MO
iclevia tabs 0.03mg; 0.15mg	2	MO
incassia tabs 0.35mg	2	MO
introvale tabs 0.03mg; 0.15mg	2	MO
isibloom tabs 0.15mg; 30mcg	2	MO
jaimiess tabs 0; 0	2	MO
jasmiel tabs 3mg; 0.02mg	2	MO
joyeaux tabs 20mcg; 75mg; 0.1mg	2	MO
juleber tabs 0.15mg; 30mcg	2	MO
junel 1.5/30 tabs 30mcg; 1.5mg	2	MO
junel 1/20 tabs 20mcg; 1mg	2	MO
junel fe 1.5/30 tabs 30mcg; 75mg; 1.5mg	2	MO
junel fe 1/20 tabs 20mcg; 75mg; 1mg	2	MO
junel fe 24 tabs 20mcg; 75mg; 1mg	2	MO
kaitlib fe chew 25mcg; 75mg; 0.8mg	2	MO
kariva tabs 0; 0	2	MO
kelnor 1/35 tabs 35mcg; 1mg	2	MO
kurvelo tabs 0.03mg; 0.15mg	2	MO
KYLEENA IUD 19.5MG	3	QL (1 EA mỗi 365 ngày)
larin 1.5/30 tabs 30mcg; 1.5mg	2	MO
larin 1/20 tabs 20mcg; 1mg	2	MO
larin fe 1.5/30 tabs 30mcg; 75mg; 1.5mg	2	MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
larin fe 1/20 tabs 20mcg; 75mg; 1mg	2	MO
lessina tabs 20mcg; 0.1mg	2	MO
levonest tabs 0; 0	2	MO
levonorgestrel and ethinyl estradiol tabs 0; 0	2	MO
levonorgestrel and ethinyl estradiol tabs 20mcg; 90mcg	2	MO
levonorgestrel/ethinyl estradiol/ferrous bisglycinate tabs 0.02mg; 36.5mg; 0.1mg	2	MO
levonorgestrel/ethinyl estradiol tabs 0.03mg; 0.15mg	2	MO
levonorgestrel/ethinyl estradiol tabs 0; 0	2	MO
levonorgestrel/ethinyl estradiol tabs 20mcg; 0.1mg	2	MO
LILETTA IUD 20.1MCG/DAY	3	QL (1 EA mỗi 365 ngày)
LO LOESTRIN FE TABS 10MCG; 75MG; 1MG	4	MO
lojaimiess tabs 0; 0	2	MO
loryna tabs 3mg; 0.02mg	2	MO
low-ogestrel tabs 30mcg; 0.3mg	2	MO
luizza 1.5/30 tabs 30mcg; 1.5mg	2	MO
luizza 1/20 tabs 20mcg; 1mg	2	MO
lutera tabs 20mcg; 0.1mg	2	MO
lyleq tabs 0.35mg	2	MO
lyza tabs 0.35mg	2	MO
marlissa tabs 0.03mg; 0.15mg	2	MO
meleya tabs 0.35mg	2	MO
mibelas 24 fe chew 20mcg; 75mg; 1mg	2	MO
microgestin 1.5/30 tabs 30mcg; 1.5mg	2	MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
microgestin 1/20 tabs 20mcg; 1mg	2	MO
microgestin fe 1.5/30 tabs 30mcg; 75mg; 1.5mg	2	MO
microgestin fe 1/20 tabs 20mcg; 75mg; 1mg	2	MO
mili tabs 35mcg; 0.25mg	2	MO
minzoya tabs 0.02mg; 36.5mg; 0.1mg	2	MO
MIRENA IUD 21MCG/DAY	3	QL (1 EA mỗi 365 ngày)
NATAZIA TABS 0; 0	4	MO
necon 0.5/35-28 tabs 35mcg; 0.5mg	2	MO
NEXPLANON INJ 68MG	3	
nikki tabs 3mg; 0.02mg	2	MO
nora-be tabs 0.35mg	2	MO
norelgestromin/ethinyl estradiol ptwk 35mcg/24hr; 150mcg/24hr	2	MO
norethindrone acetate/ethinyl estradiol/ferrous fumarate caps 20mcg; 75mg; 1mg	4	MO
norethindrone acetate/ethinyl estradiol/ferrous fumarate chew 20mcg; 75mg; 1mg	2	MO
norethindrone acetate/ethinyl estradiol/ferrous fumarate tabs 20mcg; 75mg; 1mg	2	MO
norethindrone acetate/ethinyl estradiol/ferrous fumarate tabs 30mcg; 75mg; 1.5mg	2	MO
norethindrone acetate/ethinyl estradiol tabs 20mcg; 1mg	2	MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
norethindrone acetate/ethinyl estradiol tabs 30mcg; 1.5mg	2	MO
norethindrone/ethinyl estradiol/ferrous fumarate chew 35mcg; 0; 0.4mg	2	MO
norethindrone tabs 0.35mg	2	MO
norgestimate/ethinyl estradiol tabs 0; 0	2	MO
norgestimate/ethinyl estradiol tabs 0; 0	2	MO
norgestimate/ethinyl estradiol tabs 35mcg; 0.25mg	2	MO
nortrel 0.5/35 (28) tabs 35mcg; 0.5mg	2	MO
nortrel 1/35 tabs 35mcg; 1mg	2	MO
nortrel 1/35 tabs 35mcg; 1mg	2	MO
nortrel 7/7/7 tabs 35mcg; 0	2	MO
nylia 1/35 tabs 35mcg; 1mg	2	MO
nylia 7/7/7 tabs 35mcg; 0	2	MO
orquidea tabs 0.35mg	2	MO
philith tabs 35mcg; 0.4mg	2	MO
pimtrea tabs 0; 0	2	MO
portia-28 tabs 0.03mg; 0.15mg	2	MO
reclipsen tabs 0.15mg; 0.03mg	2	MO
rivelsa tabs 0; 0	2	MO
rosyrah tabs 0; 0	2	MO
setlakin tabs 0.03mg; 0.15mg	2	MO
sharobel tabs 0.35mg	2	MO
SKYLA IUD 13.5MG	3	QL (1 EA mỗi 365 ngày)
sprintec 28 tabs 35mcg; 0.25mg	2	MO
sronyx tabs 20mcg; 0.1mg	2	MO
syeda tabs 3mg; 0.03mg	2	MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
tarina 24 fe tabs 20mcg; 75mg; 1mg	2	MO
tarina fe 1/20 eq tabs 20mcg; 75mg; 1mg	2	MO
tilia fe tabs 0; 75mg; 1mg	2	MO
tri-estarylla tabs 0; 0	2	MO
tri-legest fe tabs 0; 75mg; 1mg	2	MO
tri-lo-estarylla tabs 0; 0	2	MO
tri-lo-sprintec tabs 0; 0	2	MO
tri-mili tabs 0; 0	2	MO
tri-sprintec tabs 0; 0	2	MO
tri-vylibra lo tabs 0; 0	2	MO
tri-vylibra tabs 0; 0	2	MO
turqoz tabs 30mcg; 0.3mg	2	MO
TYBLUME CHEW 20MCG; 0.1MG	4	MO
tydemy tabs 3mg; 0.03mg; 0.451mg	2	MO
valtya 1/35 tabs 35mcg; 1mg	2	MO
valtya 1/50 tabs 50mcg; 1mg	2	MO
velivet tabs 0; 0	2	MO
vestura tabs 3mg; 0.02mg	2	MO
vienva tabs 20mcg; 0.1mg	2	MO
viorele tabs 0; 0	2	MO
vyfemla tabs 35mcg; 0.4mg	2	MO
vylibra tabs 35mcg; 0.25mg	2	MO
wera tabs 35mcg; 0.5mg	2	MO
wymzya fe chew 35mcg; 0; 0.4mg	2	MO
xarah fe tabs 0; 75mg; 1mg	2	MO
xelria fe chew 35mcg; 75mg; 0.4mg	2	MO
xulane ptwk 35mcg/24hr; 150mcg/24hr	2	MO
zafemy ptwk 35mcg/24hr; 150mcg/24hr	2	MO
zovia 1/35 tabs 35mcg; 1mg	2	MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
zumandimine tabs 3mg; 0.03mg	2	MO
Estrogen, thuốc kháng estrogen & chất chủ vận-đối kháng estrogen		
abigale lo tabs 0.5mg; 0.1mg	2	MO
abigale tabs 1mg; 0.5mg	2	MO
anastrozole tabs 1mg	1	MO
CLIMARA PTWK 0.025MG/24HR	2	QL (4 EA mỗi 28 ngày)
CLIMARA PTWK 0.05MG/24HR	2	QL (4 EA mỗi 28 ngày)
CLIMARA PTWK 0.06MG/24HR	2	QL (4 EA mỗi 28 ngày)
CLIMARA PTWK 0.075MG/24HR	2	QL (4 EA mỗi 28 ngày)
CLIMARA PTWK 0.1MG/24HR	2	QL (4 EA mỗi 28 ngày)
CLIMARA PTWK 37.5MCG/24HR	2	QL (4 EA mỗi 28 ngày)
dotti pttw 0.025mg/24hr	2	QL (16 EA mỗi 28 ngày) MO
dotti pttw 0.0375mg/24hr	2	QL (16 EA mỗi 28 ngày) MO
dotti pttw 0.05mg/24hr	2	QL (16 EA mỗi 28 ngày) MO
dotti pttw 0.075mg/24hr	2	QL (16 EA mỗi 28 ngày) MO
dotti pttw 0.1mg/24hr	2	QL (16 EA mỗi 28 ngày) MO
estradiol valerate inj 10mg/ml	4	
estradiol valerate inj 20mg/ml	4	
estradiol valerate inj 40mg/ml	2	
estradiol/norethindrone acetate tabs 0.5mg; 0.1mg	2	MO
estradiol/norethindrone acetate tabs 1mg; 0.5mg	2	MO
estradiol crea 0.1mg/gm	2	MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
estradiol gel 0.06%	2	
estradiol gel 0.25mg/0.25gm	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
estradiol gel 0.5mg/0.5gm	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
estradiol gel 0.75mg/0.75gm	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
estradiol gel 1.25mg/1.25gm	2	QL (1.25 GM mỗi 1 ngày) MO
estradiol gel 1mg/gm	2	QL (1 GM mỗi 1 ngày) MO
estradiol pttw 0.025mg/24hr	2	QL (16 EA mỗi 28 ngày) MO
estradiol pttw 0.0375mg/24hr	2	QL (16 EA mỗi 28 ngày) MO
estradiol pttw 0.05mg/24hr	2	QL (16 EA mỗi 28 ngày) MO
estradiol pttw 0.075mg/24hr	2	QL (16 EA mỗi 28 ngày) MO
estradiol pttw 0.1mg/24hr	2	QL (16 EA mỗi 28 ngày) MO
estradiol ptwk 0.025mg/24hr	2	QL (4 EA mỗi 28 ngày) MO
estradiol ptwk 0.05mg/24hr	2	QL (4 EA mỗi 28 ngày) MO
estradiol ptwk 0.06mg/24hr	2	QL (4 EA mỗi 28 ngày) MO
estradiol ptwk 0.075mg/24hr	2	QL (4 EA mỗi 28 ngày) MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
estradiol ptwk 0.1mg/24hr	2	QL (4 EA mỗi 28 ngày) MO
estradiol ptwk 37.5mcg/24hr	2	QL (4 EA mỗi 28 ngày) MO
estradiol tabs 0.5mg	1	MO
estradiol tabs 1mg	1	MO
estradiol tabs 2mg	1	MO
estradiol tabs 10mcg	2	MO
ESTRING RING 7.5MCG/24HR	4	MO
exemestane tabs 25mg	4	MO
FEMRING RING 0.05MG/24HR	4	QL (1 EA mỗi 90 ngày) ST
FEMRING RING 0.1MG/24HR	4	QL (1 EA mỗi 90 ngày) ST
letrozole tabs 2.5mg	1	MO
lyllana pttw 0.025mg/24hr	2	QL (16 EA mỗi 28 ngày) MO
lyllana pttw 0.0375mg/24hr	2	QL (16 EA mỗi 28 ngày) MO
lyllana pttw 0.05mg/24hr	2	QL (16 EA mỗi 28 ngày) MO
lyllana pttw 0.075mg/24hr	2	QL (16 EA mỗi 28 ngày) MO
lyllana pttw 0.1mg/24hr	2	QL (16 EA mỗi 28 ngày) MO
MENEST TABS 1.25MG	4	MO
mimvey tabs 1mg; 0.5mg	2	MO
MINIVELLE PTTW 0.025MG/24HR	2	QL (16 EA mỗi 28 ngày)

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
MINIVELLE PTTW 0.0375MG/24HR	2	QL (16 EA mỗi 28 ngày)
MINIVELLE PTTW 0.05MG/24HR	2	QL (16 EA mỗi 28 ngày)
MINIVELLE PTTW 0.075MG/24HR	2	QL (16 EA mỗi 28 ngày)
MINIVELLE PTTW 0.1MG/24HR	2	QL (16 EA mỗi 28 ngày)
PREMARIN CREA 0.625MG/GM	4	MO
raloxifene hydrochloride tabs 60mg	2	MO
SOLTAMOX SOLN 10MG/5ML	5	PA MO
tamoxifen citrate tabs 10mg	2	MO
tamoxifen citrate tabs 20mg	2	MO
toremifene citrate tabs 60mg	4	PA MO
yuvafem tabs 10mcg	2	MO
Gonadotropin và thuốc kháng gonadotropin		
ELIGARD INJ 22.5MG	3	PA
ELIGARD INJ 30MG	3	PA
ELIGARD INJ 45MG	3	PA
ELIGARD INJ 7.5MG	3	PA
FIRMAGON INJ 120MG/VIAL	5	PA
FIRMAGON INJ 80MG	4	PA
leuprolide acetate inj 1mg/0.2ml	5	PA
LEUPROLIDE ACETATE INJ 22.5MG	4	PA
LUPRON DEPOT (1-MONTH) INJ 3.75MG	5	PA
LUPRON DEPOT (1-MONTH) INJ 7.5MG	5	PA

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
LUPRON DEPOT (3-MONTH) INJ 11.25MG	5	PA
LUPRON DEPOT (3-MONTH) INJ 22.5MG	5	PA
LUPRON DEPOT (4-MONTH) INJ 30MG	5	PA
LUPRON DEPOT (6-MONTH) INJ 45MG	5	PA
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH) INJ 11.25MG	5	PA
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH) INJ 15MG	5	PA
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH) INJ 7.5MG	5	PA
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) INJ 11.25MG	5	PA
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) INJ 30MG	5	PA
MYFEMBREE TABS 1MG; 0.5MG; 40MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
ORGOVYX TABS 120MG	5	PA
ORIAHNN CPPK 300MG; 1MG; 0.5MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
ORILISSA TABS 150MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
ORILISSA TABS 200MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
SYNAREL SOLN 2MG/ML	5	PA
TRELSTAR MIXJECT INJ 11.25MG	3	PA
TRELSTAR MIXJECT INJ 22.5MG	5	PA

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
TRELSTAR MIXJECT INJ 3.75MG	3	PA
Leptins		
MYALEPT INJ 11.3MG	5	PA
Các thuốc tác động lên tuyến cận giáp và thuốc kháng tuyến cận giáp		
BONSITY INJ 560MCG/2.24ML	5	QL (2.48 ML mỗi 28 ngày) PA
calcitonin salmon inj 200unit/ml	5	
calcitonin salmon soln 200unit/act	2	MO
calcitonin-salmon soln 200unit/act	2	MO
cinacalcet hydrochloride tabs 30mg	2	MO
cinacalcet hydrochloride tabs 60mg	2	MO
cinacalcet hydrochloride tabs 90mg	2	MO
TERIPARATIDE INJ 560MCG/2.24ML	5	QL (2.48 ML mỗi 28 ngày) PA MO
TYMLOS INJ 3120MCG/1.56ML	5	QL (1.56 ML mỗi 30 ngày) PA MO
YORVIPATH INJ 168MCG/0.56ML	5	QL (1.12 ML mỗi 28 ngày) PA
YORVIPATH INJ 294MCG/0.98ML	5	QL (1.96 ML mỗi 28 ngày) PA
YORVIPATH INJ 420MCG/1.4ML	5	QL (2.8 ML mỗi 28 ngày) PA
Tuyến yên		
ACTHAR INJ 80UNIT/ML	5	PA
CORTROPHIN INJ 40UNIT/0.5ML	5	PA
CORTROPHIN INJ 80UNIT/ML	5	PA
CORTROPHIN INJ 80UNIT/ML	5	PA
CRENESSITY CAPS 100MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
CRENESSITY CAPS 25MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
CRENESSITY CAPS 50MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
CRENESSITY SOLN 50MG/ML	5	QL (4 ML mỗi 1 ngày) PA
desmopressin acetate inj 4mcg/ml	4	
desmopressin acetate inj 4mcg/ml	4	MO
desmopressin acetate soln 0.01%	4	MO
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN 0.01%	2	
desmopressin acetate tabs 0.1mg	2	MO
desmopressin acetate tabs 0.2mg	2	MO
Progestins		
DEPO-SUBQ PROVERA 104 INJ 104MG/0.65ML	3	QL (0.65 ML mỗi 84 ngày)
gallifrey tabs 5mg	2	
medroxyprogesterone acetate inj 150mg/ml	4	
medroxyprogesterone acetate inj 150mg/ml	2	
medroxyprogesterone acetate tabs 10mg	2	MO
medroxyprogesterone acetate tabs 2.5mg	2	MO
medroxyprogesterone acetate tabs 5mg	2	MO
megestrol acetate susp 40mg/ml	4	
MEGESTROL ACETATE SUSP 625MG/5ML	4	
megestrol acetate tabs 20mg	4	
megestrol acetate tabs 40mg	4	
norethindrone acetate tabs 5mg	2	MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
progesterone caps 100mg	2	MO
progesterone caps 200mg	2	MO
Chất chủ vận và chất đối kháng somatostatin		
lanreotide acetate inj 120mg/0.5ml	5	PA
MYCAPSSA CPDR 20MG	5	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA
octreotide acetate inj 1000mcg/ml	4	MO
octreotide acetate inj 100mcg/ml	4	MO
octreotide acetate inj 10mg	5	PA
octreotide acetate inj 200mcg/ml	4	MO
octreotide acetate inj 20mg	5	PA
octreotide acetate inj 30mg	5	PA
octreotide acetate inj 500mcg/ml	5	MO
octreotide acetate inj 50mcg/ml	4	MO
SIGNIFOR INJ 0.3MG/ML	5	PA MO
SIGNIFOR INJ 0.6MG/ML	5	PA MO
SIGNIFOR INJ 0.9MG/ML	5	PA MO
SOMATULINE DEPOT INJ 60MG/0.2ML	5	PA
SOMATULINE DEPOT INJ 90MG/0.3ML	5	PA
Các chất chủ vận và đối kháng Somatotropin		
EGRIFTA SV INJ 2MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
GENOTROPIN MINIQUICK INJ 0.2MG	3	PA MO
GENOTROPIN MINIQUICK INJ 0.4MG	5	PA MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
GENOTROPIN MINIQUICK INJ 0.6MG	5	PA MO
GENOTROPIN MINIQUICK INJ 0.8MG	5	PA MO
GENOTROPIN MINIQUICK INJ 1.2MG	5	PA MO
GENOTROPIN MINIQUICK INJ 1.4MG	5	PA MO
GENOTROPIN MINIQUICK INJ 1.6MG	5	PA MO
GENOTROPIN MINIQUICK INJ 1.8MG	5	PA MO
GENOTROPIN MINIQUICK INJ 1MG	5	PA MO
GENOTROPIN MINIQUICK INJ 2MG	5	PA MO
GENOTROPIN INJ 12MG	5	PA MO
GENOTROPIN INJ 5MG	5	PA MO
HUMATROPE INJ 12MG	5	PA MO
HUMATROPE INJ 24MG	5	PA MO
HUMATROPE INJ 6MG	5	PA MO
INCRELEX INJ 40MG/4ML	5	PA LA MO
NORDITROPIN FLEXPRO INJ 10MG/1.5ML	5	PA MO
NORDITROPIN FLEXPRO INJ 15MG/1.5ML	5	PA MO
NORDITROPIN FLEXPRO INJ 30MG/3ML	5	PA MO
NORDITROPIN FLEXPRO INJ 5MG/1.5ML	5	PA MO
NUTROPIN AQ NUSPIN 10 INJ 10MG/2ML	5	PA MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
OMNITROPE INJ 10MG/1.5ML	5	PA MO
OMNITROPE INJ 5.8MG	5	PA MO
OMNITROPE INJ 5MG/1.5ML	5	PA MO
SOMAVERT INJ 10MG	5	PA LA MO
SOMAVERT INJ 15MG	5	PA LA MO
SOMAVERT INJ 20MG	5	PA LA MO
SOMAVERT INJ 25MG	5	PA LA MO
SOMAVERT INJ 30MG	5	PA LA MO
Các thuốc tác động lên tuyến giáp và thuốc kháng giáp		
ARMOUR THYROID TABS 120MG	4	MO
ARMOUR THYROID TABS 15MG	4	MO
ARMOUR THYROID TABS 180MG	4	MO
ARMOUR THYROID TABS 240MG	4	MO
ARMOUR THYROID TABS 300MG	4	MO
ARMOUR THYROID TABS 30MG	4	MO
ARMOUR THYROID TABS 60MG	4	MO
ARMOUR THYROID TABS 90MG	4	MO
EVEXITHROID TABS 120MG	4	MO
EVEXITHROID TABS 15MG	4	MO
EVEXITHROID TABS 180MG	4	MO
EVEXITHROID TABS 30MG	4	MO
EVEXITHROID TABS 45MG	4	MO
EVEXITHROID TABS 60MG	4	MO
EVEXITHROID TABS 75MG	4	MO
EVEXITHROID TABS 90MG	4	MO
levo-t tabs 100mcg	1	MO
levo-t tabs 112mcg	1	MO
levo-t tabs 125mcg	1	MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
levo-t tabs 137mcg	1	MO
levo-t tabs 150mcg	1	MO
levo-t tabs 175mcg	1	MO
levo-t tabs 200mcg	1	MO
levo-t tabs 25mcg	1	MO
levo-t tabs 300mcg	1	MO
levo-t tabs 50mcg	1	MO
levo-t tabs 75mcg	1	MO
levo-t tabs 88mcg	1	MO
levothyroxine sodium inj 100mcg	5	
levothyroxine sodium inj 200mcg	5	
levothyroxine sodium inj 500mcg	5	
levothyroxine sodium tabs 100mcg	1	MO
levothyroxine sodium tabs 112mcg	1	MO
levothyroxine sodium tabs 125mcg	1	MO
levothyroxine sodium tabs 137mcg	1	MO
levothyroxine sodium tabs 150mcg	1	MO
levothyroxine sodium tabs 175mcg	1	MO
levothyroxine sodium tabs 200mcg	1	MO
levothyroxine sodium tabs 25mcg	1	MO
levothyroxine sodium tabs 300mcg	1	MO
levothyroxine sodium tabs 50mcg	1	MO
levothyroxine sodium tabs 75mcg	1	MO
levothyroxine sodium tabs 88mcg	1	MO
levoxyl tabs 100mcg	4	MO
levoxyl tabs 112mcg	4	MO
levoxyl tabs 125mcg	4	MO
levoxyl tabs 137mcg	4	MO
levoxyl tabs 150mcg	4	MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
levoxyl tabs 175mcg	4	MO
levoxyl tabs 200mcg	4	MO
levoxyl tabs 25mcg	4	MO
levoxyl tabs 50mcg	4	MO
levoxyl tabs 75mcg	4	MO
levoxyl tabs 88mcg	4	MO
liothyronine sodium tabs 25mcg	2	MO
liothyronine sodium tabs 50mcg	2	MO
liothyronine sodium tabs 5mcg	2	MO
methimazole tabs 10mg	2	MO
methimazole tabs 5mg	2	MO
NP THYROID 120 TABS 120MG	4	MO
NP THYROID 15 TABS 15MG	4	MO
NP THYROID 30 TABS 30MG	4	MO
NP THYROID 60 TABS 60MG	4	MO
NP THYROID 90 TABS 90MG	4	MO
propylthiouracil tabs 50mg	4	MO
RENTHYROID TABS 120MG	4	MO
RENTHYROID TABS 15MG	4	MO
RENTHYROID TABS 30MG	4	MO
RENTHYROID TABS 45MG	4	MO
RENTHYROID TABS 60MG	4	MO
RENTHYROID TABS 75MG	4	MO
RENTHYROID TABS 90MG	4	MO
REZDIFFRA TABS 100MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
REZDIFFRA TABS 60MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
REZDIFFRA TABS 80MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
SYNTHROID TABS 100MCG	3	MO
SYNTHROID TABS 112MCG	3	MO
SYNTHROID TABS 125MCG	3	MO
SYNTHROID TABS 137MCG	3	MO
SYNTHROID TABS 150MCG	3	MO
SYNTHROID TABS 175MCG	3	MO
SYNTHROID TABS 200MCG	3	MO
SYNTHROID TABS 25MCG	3	MO
SYNTHROID TABS 300MCG	3	MO
SYNTHROID TABS 50MCG	3	MO
SYNTHROID TABS 75MCG	3	MO
SYNTHROID TABS 88MCG	3	MO
TIROSINT-SOL SOLN 100MCG/ML	4	PA MO
TIROSINT-SOL SOLN 112MCG/ML	4	PA MO
TIROSINT-SOL SOLN 125MCG/ML	4	PA MO
TIROSINT-SOL SOLN 137MCG/ML	4	PA MO
TIROSINT-SOL SOLN 13MCG/ML	4	PA MO
TIROSINT-SOL SOLN 150MCG/ML	4	PA MO
TIROSINT-SOL SOLN 175MCG/ML	4	PA MO
TIROSINT-SOL SOLN 200MCG/ML	4	PA MO
TIROSINT-SOL SOLN 25MCG/ML	4	PA MO
TIROSINT-SOL SOLN 37.5MCG/ML	4	PA MO
TIROSINT-SOL SOLN 44MCG/ML	4	PA MO
TIROSINT-SOL SOLN 50MCG/ML	4	PA MO
TIROSINT-SOL SOLN 62.5MCG/ML	4	PA MO
TIROSINT-SOL SOLN 75MCG/ML	4	PA MO
TIROSINT-SOL SOLN 88MCG/ML	4	PA MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
unithroid tabs 100mcg	4	MO
unithroid tabs 112mcg	4	MO
unithroid tabs 125mcg	4	MO
unithroid tabs 137mcg	4	MO
unithroid tabs 150mcg	4	MO
unithroid tabs 175mcg	4	MO
unithroid tabs 200mcg	4	MO
unithroid tabs 25mcg	4	MO
unithroid tabs 300mcg	4	MO
unithroid tabs 50mcg	4	MO
unithroid tabs 75mcg	4	MO
unithroid tabs 88mcg	4	MO
Các thuốc điều hòa miễn dịch		
Các thuốc điều trị bệnh Alzheimer		
LEQEMBI IQLIK INJ 360MG/1.8ML	5	QL (7.2 ML mỗi 28 ngày) PA
Các thuốc tác động lên xương		
EVENITY INJ 105MG/1.17ML	5	QL (2.34 ML mỗi 28 ngày) PA
JUBBONTI INJ 60MG/ML	3	QL (1 ML mỗi 180 ngày)
OSENVELT INJ 120MG/1.7ML	5	PA
STOBOCLO INJ 60MG/ML	3	QL (1 ML mỗi 180 ngày)
WYOST INJ 120MG/1.7ML	5	PA
Các thuốc ức chế bổ thể		
FABHALTA CAPS 200MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
TAVNEOS CAPS 10MG	5	QL (6 EA mỗi 1 ngày) PA

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
Thuốc chống thấp khớp làm thay đổi diễn tiến bệnh (DMARDs)		
ACTEMRA ACTPEN INJ 162MG/0.9ML	5	PA
ACTEMRA INJ 162MG/0.9ML	5	PA
ADALIMUMAB-AATY 1-PEN KIT INJ 40MG/0.4ML	5	QL (4 EA mỗi 28 ngày) PA
ADALIMUMAB-AATY 1-PEN KIT INJ 80MG/0.8ML	5	QL (3 EA mỗi 28 ngày) PA
ADALIMUMAB-AATY 2-PEN KIT INJ 40MG/0.4ML	5	QL (4 EA mỗi 28 ngày) PA
ADALIMUMAB-AATY 2-SYRINGE INJ 20MG/0.2ML	5	QL (2 EA mỗi 28 ngày) PA
ADALIMUMAB-AATY 2-SYRINGE INJ 40MG/0.4ML	5	QL (4 EA mỗi 28 ngày) PA
ADALIMUMAB-AATY CD/UC/HS STARTER INJ 80MG/0.8ML	5	QL (3 EA mỗi 180 ngày) PA
ADALIMUMAB-ADBM PSORIASIS/UVEITIS STARTER INJ 40MG/0.8ML	5	QL (4 EA mỗi 180 ngày) PA
ADALIMUMAB-ADBM STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS INJ 40MG/0.4ML	5	QL (6 EA mỗi 180 ngày) PA
ADALIMUMAB-ADBM STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS/UVEITIS INJ 40MG/0.4ML	5	QL (4 EA mỗi 180 ngày) PA
ADALIMUMAB-ADBM INJ 10MG/0.2ML	5	QL (2 EA mỗi 28 ngày) PA
ADALIMUMAB-ADBM INJ 20MG/0.4ML	5	QL (2 EA mỗi 28 ngày) PA

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
ADALIMUMAB-ADBM INJ 40MG/0.4ML	5	QL (6 EA mỗi 28 ngày) PA
ADALIMUMAB-ADBM INJ 40MG/0.4ML	5	QL (6 EA mỗi 28 ngày) PA
ADALIMUMAB-ADBM INJ 40MG/0.8ML	5	QL (6 EA mỗi 28 ngày) PA
ADALIMUMAB-ADBM INJ 40MG/0.8ML	5	QL (6 EA mỗi 28 ngày) PA
AVSOLA INJ 100MG	5	PA
AVTOZMA INJ 200MG/10ML	5	PA
AVTOZMA INJ 400MG/20ML	5	PA
AVTOZMA INJ 80MG/4ML	5	PA
BENLYSTA INJ 120MG	5	PA
BENLYSTA INJ 200MG/ML	5	QL (8 ML mỗi 28 ngày) PA MO
BENLYSTA INJ 200MG/ML	5	QL (8 ML mỗi 28 ngày) PA MO
BENLYSTA INJ 400MG	5	PA
CIMZIA (1 SYRINGE) INJ 200MG/ML	5	QL (4 EA mỗi 28 ngày) PA MO
CIMZIA (2 SYRINGE) INJ 200MG/ML	5	QL (2 EA mỗi 28 ngày) PA MO
CIMZIA STARTER KIT INJ 200MG/ML	5	QL (3 EA mỗi 180 ngày) PA MO
CIMZIA INJ 200MG	5	QL (2 EA mỗi 28 ngày) PA MO
COSENTYX SENSOREADY PEN INJ 150MG/ML	5	PA MO
COSENTYX SENSOREADY PEN INJ 150MG/ML	5	PA MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
COSENTYX UNOREADY INJ 300MG/2ML	5	PA
COSENTYX INJ 125MG/5ML	5	PA
COSENTYX INJ 150MG/ML	5	PA MO
COSENTYX INJ 150MG/ML	5	PA MO
COSENTYX INJ 75MG/0.5ML	5	PA MO
ENBREL MINI INJ 50MG/ML	5	QL (8 ML mỗi 28 ngày) PA MO
ENBREL SURECLICK INJ 50MG/ML	5	QL (8 ML mỗi 28 ngày) PA MO
ENBREL INJ 25MG/0.5ML	5	QL (4 ML mỗi 28 ngày) PA MO
ENBREL INJ 25MG/0.5ML	5	QL (4 ML mỗi 28 ngày) PA
ENBREL INJ 50MG/ML	5	QL (8 ML mỗi 28 ngày) PA MO
ENTYVIO PEN INJ 108MG/0.68ML	5	QL (1.36 ML mỗi 28 ngày) PA
INFLECTRA INJ 100MG	5	PA
KINERET INJ 100MG/0.67ML	5	QL (18.76 ML mỗi 28 ngày) PA MO
leflunomide tabs 10mg	2	MO
leflunomide tabs 20mg	2	MO
LUPKYNIS CAPS 7.9MG	5	QL (6 EA mỗi 1 ngày) PA
ORENCIA CLICKJECT INJ 125MG/ML	5	PA MO
ORENCIA INJ 125MG/ML	5	PA MO
ORENCIA INJ 250MG	5	PA MO
ORENCIA INJ 50MG/0.4ML	5	PA MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
ORENCIA INJ 87.5MG/0.7ML	5	PA MO
OTEZLA XR TB24 75MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
OTEZLA/OTEZLA XR 28 DAY TREATMENT INITIATION PACK TBPK 0	5	QL (41 EA mỗi 180 ngày) PA
OTEZLA TABS 20MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
OTEZLA TABS 30MG	5	QL (60 EA mỗi 30 ngày) PA MO
OTEZLA TBPK 0	5	QL (110 EA mỗi 365 ngày) PA
OTEZLA TBPK 0	5	QL (55 EA mỗi 180 ngày) PA
RINVOQ LQ SOLN 1MG/ML	5	QL (12 ML mỗi 1 ngày) PA
RINVOQ TB24 15MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
RINVOQ TB24 30MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
RINVOQ TB24 45MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
SAPHNELO INJ 300MG/2ML	5	PA
SIMPONI ARIA INJ 50MG/4ML	5	PA MO
SIMPONI INJ 100MG/ML	5	QL (1 ML mỗi 28 ngày) PA MO
SIMPONI INJ 100MG/ML	5	QL (1 ML mỗi 28 ngày) PA MO
SIMPONI INJ 50MG/0.5ML	5	QL (0.5 ML mỗi 30 ngày) PA MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
SIMPONI INJ 50MG/0.5ML	5	QL (0.5 ML mỗi 30 ngày) PA MO
STEQEYMA INJ 130MG/26ML	4	QL (104 ML mỗi 180 ngày) PA
STEQEYMA INJ 45MG/0.5ML	3	QL (1.5 ML mỗi 84 ngày) PA
STEQEYMA INJ 45MG/0.5ML	3	QL (3 ML mỗi 84 ngày) PA
STEQEYMA INJ 90MG/ML	5	QL (2 ML mỗi 56 ngày) PA
tofacitinib citrate er tb24 11mg	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
tofacitinib citrate er tb24 22mg	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
tofacitinib citrate soln 1mg/ml	5	QL (10 ML mỗi 1 ngày) PA
tofacitinib citrate tabs 10mg	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
tofacitinib citrate tabs 5mg	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
YESINTEK INJ 130MG/26ML	5	QL (104 ML mỗi 180 ngày) PA
YESINTEK INJ 45MG/0.5ML	3	QL (1.5 ML mỗi 84 ngày) PA
YESINTEK INJ 45MG/0.5ML	3	QL (1.5 ML mỗi 84 ngày) PA
YESINTEK INJ 90MG/ML	5	QL (2 ML mỗi 56 ngày) PA
ZYMFENTRA 2-PEN INJ 120MG/ML	5	QL (2 EA mỗi 28 ngày) PA

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
ZYMFENTRA 2-SYRINGE INJ 120MG/ML	5	QL (2 EA mỗi 28 ngày) PA
Các thuốc điều hòa miễn dịch		
everolimus tabs 0.25mg	4	B/D MO
everolimus tabs 0.5mg	4	B/D MO
everolimus tabs 0.75mg	5	B/D MO
everolimus tabs 1mg	5	B/D MO
Liệu pháp ức chế miễn dịch		
ATGAM INJ 50MG/ML	5	PA
AZATHIOPRINE INJ 100MG	4	B/D
azathioprine tabs 100mg	2	B/D MO
azathioprine tabs 50mg	2	B/D MO
azathioprine tabs 75mg	2	B/D MO
cyclosporine modified caps 100mg	2	B/D MO
cyclosporine modified caps 25mg	2	B/D MO
cyclosporine modified caps 50mg	2	B/D MO
cyclosporine modified soln 100mg/ml	2	B/D MO
cyclosporine caps 100mg	2	B/D MO
cyclosporine caps 25mg	2	B/D MO
ENVARSUS XR TB24 0.75MG	4	B/D
ENVARSUS XR TB24 1MG	4	B/D
ENVARSUS XR TB24 4MG	4	B/D
gengraf caps 100mg	2	B/D MO
gengraf caps 25mg	2	B/D MO
mycophenolate mofetil caps 250mg	2	B/D MO
NULOJIX INJ 250MG	5	PA
PROGRAF PACK 0.2MG	4	B/D MO
PROGRAF PACK 1MG	4	B/D MO
sirolimus soln 1mg/ml	4	B/D MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
sirolimus tabs 0.5mg	4	B/D MO
sirolimus tabs 1mg	4	B/D MO
sirolimus tabs 2mg	4	B/D MO
TACROLIMUS ER CP24 0.5MG	4	B/D MO
TACROLIMUS ER CP24 1MG	4	B/D MO
TACROLIMUS ER CP24 5MG	4	B/D MO
tacrolimus caps 0.5mg	2	B/D MO
tacrolimus caps 1mg	2	B/D MO
tacrolimus caps 5mg	2	B/D MO
THYMOGLOBULIN INJ 25MG	5	PA
VOYXACT INJ 400MG/2ML	5	QL (2 ML mỗi 28 ngày) PA
XOLAIR INJ 150MG/ML	5	PA
XOLAIR INJ 150MG/ML	5	PA LA
XOLAIR INJ 150MG	5	PA LA
XOLAIR INJ 300MG/2ML	5	PA
XOLAIR INJ 300MG/2ML	5	PA
XOLAIR INJ 75MG/0.5ML	5	PA
XOLAIR INJ 75MG/0.5ML	5	PA
Các thuốc điều trị bệnh đa xơ cứng		
AVONEX PEN INJ 30MCG/0.5ML	5	QL (1 EA mỗi 28 ngày) MO
AVONEX INJ 30MCG/0.5ML	5	QL (1 EA mỗi 28 ngày) MO
BETASERON INJ 0.3MG	5	QL (14 EA mỗi 28 ngày) MO
fingolimod hydrochloride caps 0.5mg	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
glatiramer acetate inj 20mg/ml	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
glatiramer acetate inj 40mg/ml	5	QL (12 EA mỗi 28 ngày) MO
glatopa inj 20mg/ml	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
glatopa inj 40mg/ml	5	QL (12 EA mỗi 28 ngày) MO
MAYZENT STARTER PACK TBPK 0.25MG	4	QL (7 EA mỗi 180 ngày) PA
MAYZENT STARTER PACK TBPK 0.25MG	4	QL (12 EA mỗi 180 ngày) PA
MAYZENT TABS 0.25MG	5	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA MO
MAYZENT TABS 1MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
MAYZENT TABS 2MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
teriflunomide tabs 14mg	4	PA MO
teriflunomide tabs 7mg	4	PA MO
Các thuốc điều trị bệnh nhược cơ		
VYVGART HYTRULO INJ 1000MG/5ML; 10000UNIT/5ML	5	QL (20 ML mỗi 28 ngày) PA
ZILBRYSQ INJ 16.6MG/0.416ML	5	QL (0.42 ML mỗi 1 ngày) PA
ZILBRYSQ INJ 23MG/0.574ML	5	QL (0.58 ML mỗi 1 ngày) PA
ZILBRYSQ INJ 32.4MG/0.81ML	5	QL (0.81 ML mỗi 1 ngày) PA
Các thuốc điều trị rối loạn phổ viêm tủy thị thần kinh (NMOSD)		

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
ENSPRYNG INJ 120MG/ML	5	QL (3 ML mỗi 28 ngày) PA
Các thuốc điều trị khác		
Các thuốc ức chế 5-alpha-reductase		
dutasteride caps 0.5mg	2	MO
finasteride tabs 5mg	2	MO
Các thuốc điều trị gout		
allopurinol tabs 100mg	1	MO
allopurinol tabs 300mg	1	MO
colchicine tabs 0.6mg	2	
febuxostat tabs 40mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
febuxostat tabs 80mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
Các oligonucleotide antisense		
EXONDYS 51 INJ 100MG/2ML	5	PA
EXONDYS 51 INJ 500MG/10ML	5	PA
WAINUA INJ 45MG/0.8ML	5	QL (0.8 ML mỗi 28 ngày) PA
WAINUA INJ 45MG/0.8ML	5	QL (0.8 ML mỗi 28 ngày) PA
Các thuốc ức chế tiêu xương		
alendronate sodium soln 70mg/75ml	4	MO
alendronate sodium tabs 10mg	1	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
alendronate sodium tabs 35mg	1	QL (4 EA mỗi 28 ngày) MO
alendronate sodium tabs 70mg	1	QL (4 EA mỗi 28 ngày) MO
ibandronate sodium inj 3mg/3ml	4	

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
ibandronate sodium tabs 150mg	1	QL (1 EA mỗi 28 ngày) MO
pamidronate disodium inj 30mg/10ml	4	PA
PAMIDRONATE DISODIUM INJ 6MG/ML	4	PA
pamidronate disodium inj 90mg/10ml	4	PA
risedronate sodium tabs 150mg	2	QL (1 EA mỗi 28 ngày) PA MO
risedronate sodium tabs 30mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
risedronate sodium tabs 35mg	2	QL (4 EA mỗi 28 ngày) PA MO
risedronate sodium tabs 35mg	2	QL (4 EA mỗi 28 ngày) PA MO
risedronate sodium tabs 35mg	2	QL (4 EA mỗi 28 ngày) PA MO
risedronate sodium tabs 5mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
ZOLEDRONIC ACID INJ 4MG/100ML	4	PA
zoledronic acid inj 4mg/5ml	4	PA
zoledronic acid inj 5mg/100ml	4	PA
Các thuốc chống sâu răng		
DENTAGEL GEL 1.1%	3	
PREVIDENT 5000 DRY MOUTH GEL 1.1%	3	
PREVIDENT FLUORIDE GEL 1.1%	3	
SF 5000 PLUS CREA 1.1%	3	
SF GEL 1.1%	3	
SODIUM FLUORIDE 5000 PLUS CREA 1.1%	3	

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
SODIUM FLUORIDE CREA 1.1%	3	
SODIUM FLUORIDE GEL 1.1%	3	
Các thuốc điều hòa miễn dịch		
ACTIMMUNE INJ 100MCG/0.5ML	5	PA LA MO
dimethyl fumarate starterpack cdpk 0	4	
dimethyl fumarate cpdr 120mg	2	MO
dimethyl fumarate cpdr 240mg	2	MO
JOENJA TABS 70MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
OCREVUS ZUNOVO INJ 23000UNIT/23ML; 920MG/23ML	5	QL (23 ML mỗi 180 ngày) PA
OCREVUS INJ 300MG/10ML	5	QL (20 ML mỗi 180 ngày) PA
THALOMID CAPS 100MG	5	PA MO
THALOMID CAPS 50MG	5	PA MO
TYSABRI INJ 300MG/15ML	5	PA LA
ZEPOSIA 7-DAY STARTER PACK CPPK 0	5	QL (14 EA mỗi 365 ngày) PA
ZEPOSIA STARTER KIT CPPK 0	5	QL (56 EA mỗi 365 ngày) PA
ZEPOSIA CAPS 0.92MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
Các thuốc ức chế miễn dịch		
mycophenolate mofetil susr 200mg/ml	5	B/D MO
mycophenolate mofetil tabs 500mg	2	B/D MO
mycophenolic acid dr tbec 180mg	2	B/D MO
mycophenolic acid dr tbec 360mg	2	B/D MO
MYHIBBIN SUSP 200MG/ML	5	B/D
Các chất ức chế hệ thống Kallikrein-Kinin		

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
EMPAVELI INJ 1080MG/20ML	5	QL (160 ML mỗi 30 ngày) PA
HAEGARDA INJ 2000UNIT	5	PA
HAEGARDA INJ 3000UNIT	5	PA
VOYDEYA TABS 100MG	5	QL (6 EA mỗi 1 ngày) PA
VOYDEYA TBPK 0	5	QL (6 EA mỗi 1 ngày) PA
Các thuốc điều trị khác		
AQNEURSA PACK 1GM	5	PA
betaine anhydrous powd 0	5	PA MO
BOTOX INJ 100UNIT	4	PA
BOTOX INJ 200UNIT	4	PA
CYSTAGON CAPS 150MG	4	LA MO
CYSTAGON CAPS 50MG	4	LA MO
DUVYZAT SUSP 8.86MG/ML	5	QL (12 ML mỗi 1 ngày) PA
ELMIRON CAPS 100MG	4	PA
EVRYSDI SOLR 0.75MG/ML	5	QL (6.67 ML mỗi 1 ngày) PA
EVRYSDI TABS 5MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
l-glutamine pack 5gm	5	PA
levocarnitine sf soln 1gm/10ml	4	MO
levocarnitine soln 1gm/10ml	4	MO
levocarnitine tabs 330mg	4	MO
LODOCO TABS 0.5MG	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
REZUROCK TABS 200MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
RIVFLOZA INJ 128MG/0.8ML	5	QL (0.8 ML mỗi 28 ngày) PA
RIVFLOZA INJ 160MG/ML	5	QL (1 ML mỗi 28 ngày) PA
RIVFLOZA INJ 80MG/0.5ML	5	QL (1 ML mỗi 28 ngày) PA
SKYCLARYS CAPS 50MG	5	QL (3 EA mỗi 1 ngày) PA
SOHONOS CAPS 1.5MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
SOHONOS CAPS 10MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
SOHONOS CAPS 1MG	5	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA
SOHONOS CAPS 2.5MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
SOHONOS CAPS 5MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
TYBOST TABS 150MG	3	MO
VIJOICE PACK 50MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
VIJOICE TBPK 0	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
VIJOICE TBPK 125MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
VIJOICE TBPK 50MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
VOXZOGO INJ 0.4MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
VOXZOGO INJ 0.56MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
VOXZOGO INJ 1.2MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
XEOMIN INJ 100UNIT	4	PA
XEOMIN INJ 200UNIT	4	PA
XEOMIN INJ 50UNIT	4	PA
Các thuốc bảo vệ		
dalfampridine er tb12 10mg	2	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA MO
mesna tabs 400mg	4	
Thuốc kích thích co bóp tử cung		
Thuốc kích thích co bóp tử cung		
mifepristone tabs 200mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày)
Thuốc tác dụng trên đường hô hấp		
Thuốc kháng viêm		
ARCALYST INJ 220MG	5	PA LA MO
BRINSUPRI TABS 10MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
BRINSUPRI TABS 25MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
cromolyn sodium conc 100mg/5ml	4	MO
cromolyn sodium nebu 20mg/2ml	2	B/D MO
FASENRA PEN INJ 30MG/ML	5	PA
FASENRA INJ 10MG/0.5ML	4	PA
FASENRA INJ 30MG/ML	5	PA
montelukast sodium chew 4mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
montelukast sodium chew 5mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
montelukast sodium pack 4mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
montelukast sodium tabs 10mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
NUCALA INJ 100MG/ML	5	QL (3 ML mỗi 28 ngày) PA MO
NUCALA INJ 100MG/ML	5	QL (3 ML mỗi 28 ngày) PA MO
NUCALA INJ 100MG	5	QL (3 EA mỗi 28 ngày) PA MO
NUCALA INJ 40MG/0.4ML	5	QL (0.4 ML mỗi 28 ngày) PA MO
zafirlukast tabs 10mg	4	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
zafirlukast tabs 20mg	4	QL (2 EA mỗi 1 ngày) MO
Thuốc chống xơ hóa		
nintedanib esylate caps 100mg	5	PA MO
nintedanib esylate caps 150mg	5	PA MO
OFEV CAPS 100MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA MO
OFEV CAPS 150MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA MO
pirfenidone caps 267mg	5	QL (9 viên cho 1 ngày) PA MO
pirfenidone tabs 267mg	5	QL (6 EA mỗi 1 ngày) PA MO
PIRFENIDONE TABS 534MG	5	QL (3 EA mỗi 1 ngày) PA MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
pirfenidone tabs 801mg	5	QL (3 EA mỗi 1 ngày) PA MO
Thuốc giảm ho		
promethazine hydrochloride/dextromethorphan hydrobromide syrp 15mg/5ml; 6.25mg/5ml	2	QL (900 ML mỗi 30 ngày) ED
promethazine/codeine soln 10mg/5ml; 6.25mg/5ml	2	QL (900 ML mỗi 30 ngày) ED
Các chất điều hòa protein điều hòa dẫn truyền qua màng trong bệnh xơ nang (CFTR)		
ALYFTREK TABS 125MG; 50MG; 10MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA
ALYFTREK TABS 50MG; 20MG; 4MG	5	QL (3 EA mỗi 1 ngày) PA
KALYDECO PACK 13.4MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA MO
KALYDECO PACK 25MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA MO
KALYDECO PACK 5.8MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA MO
KALYDECO PACK 50MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA MO
KALYDECO PACK 75MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA MO
KALYDECO TABS 150MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA MO
ORKAMBI PACK 125MG; 100MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
ORKAMBI PACK 188MG; 150MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA MO
ORKAMBI PACK 94MG; 75MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA MO
ORKAMBI TABS 125MG; 100MG	5	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA MO
ORKAMBI TABS 125MG; 200MG	5	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA MO
SYMDEKO TBPK 150MG; 100MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA MO
SYMDEKO TBPK 75MG; 50MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA MO
TRIKAFTA TBPK 100MG; 0; 50MG	5	QL (3 EA mỗi 1 ngày) PA MO
TRIKAFTA TBPK 50MG; 0; 25MG	5	QL (3 EA mỗi 1 ngày) PA MO
TRIKAFTA THPK 100MG; 0; 50MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA MO
TRIKAFTA THPK 80MG; 0; 40MG	5	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA MO
Thuốc tiêu nhầy		
PULMOZYME SOLN 2.5MG/2.5ML	5	QL (150 ML mỗi 30 ngày) B/D MO
Các chất ức chế phosphodiesterase loại 4		
roflumilast tabs 250mcg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
roflumilast tabs 500mcg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
Các thuốc tác dụng trên đường hô hấp (nhóm khác)		

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
BRONCHITOL CAPS 40MG	5	QL (560 EA mỗi 28 ngày) PA
WINREVAIR INJ 45MG	5	QL (1 EA mỗi 21 ngày) PA
WINREVAIR INJ 45MG	5	QL (1 EA mỗi 21 ngày) PA
WINREVAIR INJ 60MG	5	QL (1 EA mỗi 21 ngày) PA
WINREVAIR INJ 60MG	5	QL (1 EA mỗi 21 ngày) PA
Thuốc giãn mạch		
ADEMPAS TABS 0.5MG	5	PA MO
ADEMPAS TABS 1.5MG	5	PA MO
ADEMPAS TABS 1MG	5	PA MO
ADEMPAS TABS 2.5MG	5	PA MO
ADEMPAS TABS 2MG	5	PA MO
alyq tabs 20mg	4	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA MO
ambrisentan tabs 10mg	5	PA LA MO
ambrisentan tabs 5mg	5	PA LA MO
bosentan tabs 125mg	5	PA LA MO
bosentan tabs 62.5mg	5	PA LA MO
bosentan tbso 32mg	5	QL (4 EA mỗi 1 ngày) PA MO
FILSPARI TABS 200MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
FILSPARI TABS 400MG	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
macitentan tabs 10mg	5	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
ORENITRAM TITRATION KIT MONTH 1 TEPK 0	5	QL (336 EA mỗi 365 ngày) PA
ORENITRAM TITRATION KIT MONTH 2 TEPK 0	5	QL (672 EA mỗi 365 ngày) PA
ORENITRAM TITRATION KIT MONTH 3 TEPK 0	5	QL (504 EA mỗi 365 ngày) PA
ORENITRAM TBCR 0.125MG	4	PA
ORENITRAM TBCR 0.25MG	5	PA
ORENITRAM TBCR 1MG	5	PA
ORENITRAM TBCR 2.5MG	5	PA
ORENITRAM TBCR 5MG	5	PA
riociguat tabs 0.5mg	5	PA MO
riociguat tabs 1.5mg	5	PA MO
riociguat tabs 1mg	5	PA MO
riociguat tabs 2.5mg	5	PA MO
riociguat tabs 2mg	5	PA MO
sildenafil citrate susr 10mg/ml	4	QL (6 ML mỗi 1 ngày) PA MO
sildenafil citrate tabs 20mg	2	QL (3 EA mỗi 1 ngày) PA MO
tadalafil tabs 20mg	4	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA MO
TADLIQ SUSP 20MG/5ML	5	QL (10 ML mỗi 1 ngày) PA
treprostinil inj 100mg/20ml	5	PA LA
treprostinil inj 200mg/20ml	5	PA LA
treprostinil inj 20mg/20ml	5	PA LA
treprostinil inj 50mg/20ml	5	PA LA
TRYVIO TABS 12.5MG	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
VANRAFIA TABS 0.75MG	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
YUTREPIA CAPS 106MCG	5	QL (8 EA mỗi 1 ngày) PA
YUTREPIA CAPS 26.5MCG	5	QL (5 EA mỗi 1 ngày) PA
YUTREPIA CAPS 53MCG	5	QL (5 EA mỗi 1 ngày) PA
YUTREPIA CAPS 79.5MCG	5	QL (5 EA mỗi 1 ngày) PA
Thuốc tác dụng trên da và niêm mạc		
Thuốc chống nhiễm khuẩn		
acyclovir crea 5%	4	PA
acyclovir oint 5%	4	PA
ciclodan soln 8%	2	
ciclopirox nail lacquer soln 8%	2	
ciclopirox olamine crea 0.77%	2	
ciclopirox gel 0.77%	2	
ciclopirox sham 1%	2	
ciclopirox susp 0.77%	2	
clindamycin phosphate (một lần mỗi ngày) gel 1%	2	
clindamycin phosphate (hai lần mỗi ngày) gel 1%	2	
clindamycin phosphate crea 2%	4	
clindamycin phosphate lotn 1%	2	
clindamycin phosphate soln 1%	2	
clotrimazole/betamethasone dipropionate crea 0.05%; 1%	2	

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
CLOTRIMAZOLE/BETAMETHASONE DIPROPIONATE LOTN 0.05%; 1%	4	
clotrimazole crea 1%	2	
clotrimazole soln 1%	2	
clotrimazole troc 10mg	2	
econazole nitrate crea 1%	2	
gentamicin sulfate crea 0.1%	4	
gentamicin sulfate oint 0.1%	2	
ketoconazole crea 2%	2	
ketoconazole sham 2%	2	
klayesta powd 100000unit/gm	2	
metronidazole vaginal gel 0.75%	2	
metronidazole crea 0.75%	2	
metronidazole gel 0.75%	4	
metronidazole gel 1%	4	
metronidazole lotn 0.75%	2	
MICONAZOLE 3 SUPP 200MG	4	
mupirocin oint 2%	2	
nyamyc powd 100000unit/gm	2	
nystatin crea 100000unit/gm	2	
nystatin oint 100000unit/gm	2	
nystatin powd 100000unit/gm	2	
nystop powd 100000unit/gm	2	
penciclovir crea 1%	2	PA
permethrin crea 5%	2	
selenium sulfide lotn 2.5%	2	
silver sulfadiazine crea 1%	2	
ssd crea 1%	2	
terconazole crea 0.4%	2	

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
terconazole crea 0.8%	2	
ZELSUVMI GEL 10.3%	5	PA
Thuốc kháng viêm		
ADBRY INJ 300MG/2ML	5	QL (6 ML mỗi 28 ngày) PA
ala-cort crea 1%	2	
alclometasone dipropionate crea 0.05%	2	
ALCLOMETASONE DIPROPIONATE OINT 0.05%	4	
AMCINONIDE OINT 0.1%	4	
ANZUPGO CREA 20MG/GM	5	QL (60 GM mỗi 30 ngày) PA
betamethasone dipropionate augmented crea 0.05%	2	
BETAMETHASONE DIPROPIONATE AUGMENTED GEL 0.05%	4	
betamethasone dipropionate augmented lotn 0.05%	2	
betamethasone dipropionate augmented oint 0.05%	2	
betamethasone dipropionate crea 0.05%	2	
betamethasone dipropionate lotn 0.05%	2	
betamethasone dipropionate oint 0.05%	2	
betamethasone valerate crea 0.1%	2	
BETAMETHASONE VALERATE LOTN 0.1%	4	
betamethasone valerate oint 0.1%	2	
brimonidine tartrate/timolol maleate soln 0.2%; 0.5%	4	ST MO
budesonide foam 2mg	2	

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
clobetasol propionate emollient base crea 0.05%	2	
clobetasol propionate emollient foam 0.05%	4	
clobetasol propionate crea 0.05%	2	
clobetasol propionate foam 0.05%	2	
clobetasol propionate foam 0.05%	4	
clobetasol propionate gel 0.05%	2	
clobetasol propionate lotn 0.05%	4	
clobetasol propionate oint 0.05%	2	
clobetasol propionate sham 0.05%	2	
clobetasol propionate soln 0.05%	2	
clodan sham 0.05%	2	
desonide crea 0.05%	2	
desonide lotn 0.05%	2	
desonide oint 0.05%	2	
diclofenac sodium gel 3%	2	QL (100 GM mỗi 30 ngày) PA
diclofenac sodium soln 1.5%	2	PA
DUPIXENT INJ 200MG/1.14ML	5	PA
DUPIXENT INJ 200MG/1.14ML	5	PA MO
DUPIXENT INJ 300MG/2ML	5	PA
DUPIXENT INJ 300MG/2ML	5	PA
EBGLYSS INJ 250MG/2ML	5	PA
EBGLYSS INJ 250MG/2ML	5	PA
EUCRISA OINT 2%	4	PA
fluocinolone acetonide body oil 0.01%	2	
fluocinolone acetonide scalp oil 0.01%	2	
fluocinolone acetonide topical oil 0.01%	2	

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
fluocinolone acetonide crea 0.01%	2	
fluocinolone acetonide crea 0.025%	2	
fluocinolone acetonide oint 0.025%	2	
fluocinolone acetonide soln 0.01%	2	
fluocinonide emulsified base crea 0.05%	4	
fluocinonide crea 0.05%	2	
fluocinonide crea 0.1%	2	
fluocinonide gel 0.05%	2	
fluocinonide oint 0.05%	2	
fluocinonide soln 0.05%	2	
halobetasol propionate crea 0.05%	2	
halobetasol propionate oint 0.05%	2	
HYDROCORTISONE BUTYRATE CREA 0.1%	4	
HYDROCORTISONE BUTYRATE OINT 0.1%	4	
HYDROCORTISONE BUTYRATE SOLN 0.1%	4	
hydrocortisone valerate crea 0.2%	2	
hydrocortisone valerate oint 0.2%	4	
hydrocortisone crea 1%	2	
hydrocortisone crea 1%	2	
hydrocortisone crea 2.5%	2	
hydrocortisone crea 2.5%	2	
hydrocortisone enem 100mg/60ml	2	
hydrocortisone lotn 2.5%	2	
hydrocortisone oint 1%	2	QL (100 GM mỗi 30 ngày)

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
hydrocortisone oint 2.5%	2	QL (100 GM mỗi 30 ngày)
kourzeq pste 0.1%	2	
mometasone furoate crea 0.1%	2	
mometasone furoate oint 0.1%	2	
mometasone furoate soln 0.1%	2	
nystatin/triamcinolone acetonide crea 100000unit/gm; 1mg/gm	2	
nystatin/triamcinolone acetonide oint 100000unit/gm; 0.1%	2	
nystatin/triamcinolone crea 100000unit/gm; 1mg/gm	2	
nystatin/triamcinolone oint 100000unit/gm; 0.1%	2	
oralone dental paste pste 0.1%	2	
procto-med hc crea 2.5%	2	
proctosol hc crea 2.5%	2	
proctozone-hc crea 2.5%	2	
tovet foam 0.05%	4	
TREMFYA INDUCTION PACK FOR CROHNS DISEASE/ULCERATIVE COLITIS INJ 200MG/2ML	5	PA
TREMFYA PEN INJ 100MG/ML	5	PA
TREMFYA INJ 200MG/20ML	5	PA
TREMFYA INJ 200MG/2ML	5	PA
TREMFYA INJ 200MG/2ML	5	PA
triamcinolone acetonide dental paste pste 0.1%	2	
triamcinolone acetonide crea 0.025%	2	
triamcinolone acetonide crea 0.1%	2	

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
triamcinolone acetonide crea 0.5%	2	
triamcinolone acetonide lotn 0.025%	2	
triamcinolone acetonide lotn 0.1%	2	
triamcinolone acetonide oint 0.025%	2	
triamcinolone acetonide oint 0.1%	2	
triamcinolone acetonide oint 0.5%	2	
triamcinolone acetonide pste 0.1%	2	
triderm crea 0.5%	2	
Thuốc ức chế tăng sinh		
bexarotene gel 1%	5	PA
fluorouracil crea 5%	2	
fluorouracil soln 2%	2	
fluorouracil soln 5%	2	
imiquimod crea 5%	2	
PANRETIN GEL 0.1%	5	PA
VALCHLOR GEL 0.016%	5	PA
Thuốc giảm ngứa và thuốc tê tại chỗ		
doxepin hydrochloride crea 5%	4	QL (90 GM mỗi 30 ngày)
glydo prsy 2%	2	
lidocaine hcl jelly prsy 2%	2	
lidocaine hcl prsy 2%	2	
LIDOCAINE HYDROCHLORIDE JELLY GEL 2%	4	
lidocaine hydrochloride soln 4%	2	QL (250 ML mỗi 30 ngày)
lidocaine/prilocaine crea 2.5%; 2.5%	2	QL (60 GM mỗi 30 ngày)

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
lidocaine oint 5%	2	QL (70.88 GM mỗi 30 ngày)
lidocaine ptch 5%	4	QL (3 EA mỗi 1 ngày) PA
phenazopyridine hydrochloride tabs 100mg	2	
PHENAZOPYRIDINE HYDROCHLORIDE TABS 200MG	2	
Thuốc làm se		
QBREXZA PADS 2.4%	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA
SOFDRA GEL 12.45%	5	QL (40.2 ML mỗi 30 ngày) PA
Thuốc kích thích và thúc đẩy tăng sinh tế bào		
finasteride tabs 1mg	2	QL (1 EA mỗi 1 ngày) ED
tretinoin crea 0.025%	2	QL (45 GM mỗi 30 ngày)
tretinoin crea 0.05%	2	QL (45 GM mỗi 30 ngày)
tretinoin crea 0.1%	2	QL (45 GM mỗi 30 ngày)
tretinoin gel 0.01%	2	QL (45 GM mỗi 30 ngày)
tretinoin gel 0.025%	2	QL (45 GM mỗi 30 ngày)
Thuốc làm mất sắc tố và thuốc tạo sắc tố		
METHOXSALEN CAPS 10MG	5	

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
Thuốc làm mềm, làm dịu và bảo vệ da/niêm mạc		
ammonium lactate crea 12%	2	
ammonium lactate lotn 12%	2	
calcipotriene crea 0.005%	4	QL (120 GM mỗi 30 ngày)
calcipotriene oint 0.005%	4	QL (120 GM mỗi 30 ngày)
CALCIPOTRIENE SOLN 0.005%	4	QL (120 ML mỗi 30 ngày)
nitroglycerin oint 0.4%	4	QL (30 GM mỗi 30 ngày)
SANTYL OINT 250UNIT/GM	4	
Thuốc tiêu sừng		
accutane caps 10mg	2	PA
accutane caps 20mg	2	PA
accutane caps 30mg	2	PA
accutane caps 40mg	2	PA
acitretin caps 10mg	2	
acitretin caps 17.5mg	2	
acitretin caps 25mg	2	
adapalene gel 0.1%	2	
adapalene gel 0.3%	2	
amnesteem caps 10mg	2	PA
amnesteem caps 20mg	2	PA
amnesteem caps 30mg	2	PA
amnesteem caps 40mg	2	PA
claravis caps 10mg	2	PA
isotretinoin caps 10mg	2	PA

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
isotretinoin caps 20mg	2	PA
isotretinoin caps 30mg	2	PA
isotretinoin caps 40mg	2	PA
PODOFILOX SOLN 0.5%	4	
tazarotene crea 0.05%	4	PA
tazarotene crea 0.1%	4	PA
tazarotene gel 0.05%	4	QL (30 GM mỗi 30 ngày) PA
tazarotene gel 0.1%	4	QL (30 GM mỗi 30 ngày) PA
VEREGEN OINT 15%	5	
zenatane caps 10mg	2	PA
zenatane caps 20mg	2	PA
zenatane caps 30mg	2	PA
zenatane caps 40mg	2	PA
Thuốc tác dụng trên da và niêm mạc (nhóm khác)		
ADBRY INJ 150MG/ML	5	QL (6 ML mỗi 28 ngày) PA MO
FILSUVEZ GEL 10%	5	PA
HYFTOR GEL 0.2%	5	PA
pimecrolimus crea 1%	4	PA
SKYRIZI PEN INJ 150MG/ML	5	QL (1 ML mỗi 28 ngày) PA MO
SKYRIZI INJ 150MG/ML	5	QL (1 ML mỗi 28 ngày) PA MO
tacrolimus oint 0.03%	4	
tacrolimus oint 0.1%	4	
TREMFYA INJ 100MG/ML	5	PA
TREMFYA INJ 100MG/ML	5	PA

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
Thuốc giãn cơ trơn		
Thuốc giãn cơ trơn đường tiết niệu - sinh dục		
flavoxate hcl tabs 100mg	2	MO
GEMTESA TABS 75MG	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
MYRBETRIQ TB24 25MG	3	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
MYRBETRIQ TB24 50MG	3	QL (1 EA mỗi 1 ngày) MO
oxybutynin chloride er tb24 10mg	4	PA MO
oxybutynin chloride er tb24 15mg	4	PA MO
oxybutynin chloride er tb24 5mg	4	PA MO
oxybutynin chloride soln 5mg/5ml	2	PA MO
oxybutynin chloride tabs 5mg	4	PA MO
solifenacin succinate tabs 10mg	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
solifenacin succinate tabs 5mg	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
tolterodine tartrate er cp24 2mg	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
tolterodine tartrate er cp24 4mg	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO
tolterodine tartrate tabs 1mg	4	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA MO
tolterodine tartrate tabs 2mg	4	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA MO
trospium chloride er cp24 60mg	4	QL (1 EA mỗi 1 ngày) PA MO

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
trospium chloride tabs 20mg	4	QL (2 EA mỗi 1 ngày) PA MO
VESICARE LS SUSP 5MG/5ML	4	PA MO
Thuốc giãn cơ trơn đường hô hấp		
aminophylline inj 25mg/ml	4	
THEO-24 CP24 100MG	4	MO
THEO-24 CP24 200MG	4	MO
THEO-24 CP24 300MG	4	MO
THEO-24 CP24 400MG	4	MO
THEOPHYLLINE ER TB12 100MG	4	MO
THEOPHYLLINE ER TB12 200MG	4	MO
theophylline er tb12 300mg	4	MO
theophylline er tb12 450mg	4	MO
theophylline er tb24 400mg	2	MO
theophylline er tb24 600mg	4	MO
theophylline elix 80mg/15ml	2	MO
theophylline soln 80mg/15ml	2	MO
Thuốc bổ		
Các chế phẩm đa bổ		
PNV PRENATAL PLUS MULTIVITAMIN + DHA MISC 120MG; 0; 200MG; 400UNIT; 2MG; 12MCG; 250MG; 27MG; 1MG; 20MG; 312MG; 10MG; 4000UNIT; 3MG; 1.84MG; 22MG; 25MG	4	PA
PRENATAL TABS 120MG; 0; 200MG; 10MCG; 2MG; 12MCG; 27MG; 1MG; 20MG; 10MG; 1200MCG; 3MG; 1.84MG; 10MG; 25MG	4	PA
Thuốc bổ D		

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
calcitriol caps 0.25mcg	2	MO
calcitriol caps 0.5mcg	2	MO
CALCITRIOL INJ 1MCG/ML	4	
calcitriol soln 1mcg/ml	2	MO
DOXERCALCIFEROL CAPS 0.5MCG	4	MO
DOXERCALCIFEROL CAPS 1MCG	4	MO
DOXERCALCIFEROL CAPS 2.5MCG	4	MO
doxercalciferol inj 4mcg/2ml	4	
paricalcitol caps 1mcg	2	PA MO
paricalcitol caps 2mcg	2	PA MO
paricalcitol caps 4mcg	2	PA MO
paricalcitol inj 2mcg/ml	4	PA
paricalcitol inj 5mcg/ml	4	PA

Sản phẩm không cần kê đơn

Tên thuốc	Nhóm thuốc	Yêu cầu/Giới hạn
Thiết bị		
Thiết bị		
BD AUTOSHIELD DUO 30G X 5MM MISC	6	QL (200 EA mỗi 30 ngày) PA
Hormon và các chất thay thế tổng hợp		
Thuốc trị đái tháo đường		
NOVOLIN 70/30 FLEXPEN RELION INJ 30UNIT/ML; 70UNIT/ML	6	MO
NOVOLIN 70/30 RELION INJ 30UNIT/ML; 70UNIT/ML	6	MO
NOVOLIN N FLEXPEN RELION INJ 100UNIT/ML	6	MO
NOVOLIN N RELION INJ 100UNIT/ML	6	MO
NOVOLIN R FLEXPEN RELION INJ 100UNIT/ML	6	MO
NOVOLIN R RELION INJ 100UNIT/ML	6	MO

Mục lục

Tên thuốc	Số trang
abacavir	18
abacavir sulfate	18
abacavir sulfate/lamivudine	18
abigale	204
abigale lo	204
ABILIFY ASIMTUFII	129
ABILIFY MAINTENA	129
ABILIFY MYCITE MAINTENANCE KIT	129
ABILIFY MYCITE STARTER KIT	129
abiraterone acetate	26
abirtega	27
ABRAXANE	27
ABRYSVO	56
acamprosate calcium dr	25
acarbose	187
accutane	245
acebutolol hydrochloride	75
ACETAMINOPHEN/CODEINE	97
acetaminophen/codeine phosphate	97
acetazolamide	172
acetazolamide er	172
acetic acid	173
acetylcysteine	25
acitretin	245
ACTEMRA	218
ACTEMRA ACTPEN	218
ACTHAR	209
ACTHIB	56
ACTIMMUNE	228
acyclovir	18
acyclovir	237
acyclovir sodium	18
ADACEL	55
ADALIMUMAB-AATY 1-PEN KIT	218
ADALIMUMAB-AATY 2-PEN KIT	218
ADALIMUMAB-AATY 2-SYRINGE	218
ADALIMUMAB-AATY CD/UC/HS STARTER	218
ADALIMUMAB-ADBM	218
ADALIMUMAB-ADBM PSORIASIS/UVEITIS STARTER	218
ADALIMUMAB-ADBM STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS	218
ADALIMUMAB-ADBM STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS/UVEITIS	218
adapalene	245
ADBRY	239
ADBRY	246
adefovir dipivoxil	18
ADEMPAS	235

Tên thuốc	Số trang
ADVAIR HFA	62
AGAMREE	182
AIMOVIG	119
AKEEGA	27
ala-cort	239
albendazole	1
albuterol sulfate	62
albuterol sulfate hfa	62
alclometasone dipropionate	239
ALCOHOL PREP PADS	150
ALDURAZYME	168
ALECENSA	27
alendronate sodium	226
alfuzosin hcl er	62
aliskiren	89
allopurinol	226
ALOGLIPTIN	188
ALOGLIPTIN/METFORMIN HCL	188
ALOGLIPTIN/METFORMIN HYDROCHLORIDE	188
ALOGLIPTIN/PIOGLITAZONE	188
alosetron hydrochloride	174
alprazolam	124
ALPRAZOLAM INTENSOL	124
altavera	197
ALUNBRIG	27
alyacen 1/35	197
ALYFTREK	233
alyq	235
amantadine hcl	121
amantadine hydrochloride	121
ambrisentan	235
AMCINONIDE	239
amikacin sulfate	1
amiloride hcl	88
amiloride hydrochloride	88
AMILORIDE/HYDROCHLOROTHIAZIDE	160
aminophylline	248
aminosyn ii	152
AMINOSYN-PF	153
AMINOSYN-PF 7%	153
amiodarone hcl	82
amiodarone hydrochloride	82
amitriptyline hcl	130
amitriptyline hydrochloride	130
amlodipine besylate	80
amlodipine besylate/atorvastatin calcium	78
amlodipine besylate/benazepril hcl	79
amlodipine besylate/benazepril hydrochloride	79
amlodipine besylate/valsartan	80
amlodipine/olmesartan medoxomil	80

Tên thuốc	Số trang
amlodipine/valsartan/hydrochlorothiazide	80
ammonium lactate	245
amnesteem	245
amoxapine	130
amoxicillin	1
amoxicillin/clavulanate potassium	1
AMOXICILLIN/CLAVULANATE POTASSIUM ER	1
amphetamine/dextroamphetamine	105
AMPHOTERICIN B	14
amphotericin b liposome	14
ampicillin	2
ampicillin sodium	2
ampicillin/sulbactam	2
ampicillin-sulbactam	2
anagrelide hydrochloride	65
anastrozole	204
ANORO ELLIPTA	58
ANZUPGO	239
apomorphine hydrochloride	121
APRACLONIDINE	172
aprepitant	174
apri	197
APTIVUS	18
AQNEURSA	229
AQVESME	69
ARALAST NP	64
aranelle	197
ARCALYST	231
AREXVY	56
arformoterol tartrate	62
argatroban	65
ARIKAYCE	2
aripiprazole	130
aripiprazole odt	130
ARISTADA	131
ARISTADA INITIO	131
armodafinil	106
ARMOUR THYROID	213
ARNUITY ELLIPTA	182
arsenic trioxide	27
ascomp/codeine	97
asenapine maleate sl	131
ashlyna	197
aspirin/dipyridamole	65
aspirin/dipyridamole er	65
atazanavir	18
atazanavir sulfate	18
atenolol	75
atenolol/chlorthalidone	75
ATGAM	223
atomoxetine	107
atomoxetine hydrochloride	106
atorvastatin calcium	72
atovaquone	17
atovaquone/proguanil hcl	17
atovaquone/proguanil hydrochloride	17
ATROPINE SULFATE	58

Tên thuốc	Số trang
atropine sulfate	173
ATTRUBY	82
aubra eq	197
AUGTYRO	27
AURANOFIN	181
AUSTEDO	149
AUSTEDO XR	149
AUSTEDO XR PATIENT TITRATION KIT	148
AUVELITY	131
AUVELITY TITRATION PACK	131
AVASTIN	27
aviane	197
AVMAPKI FAKZYNJA CO-PACK	27
AVONEX	224
AVONEX PEN	224
AVSOLA	219
AVTOZMA	219
AYVAKIT	27
azacitidine	28
AZATHIOPRINE	223
azelastine hcl	171
azelastine hydrochloride	172
azithromycin	2
aztreonam	3
azurette	198
bac	97
BACITRACIN	169
bacitracin/polymyxin b	169
baclofen	61
balsalazide disodium	174
BALVERSA	28
balziva	198
BAQSIMI ONE PACK	197
BAQSIMI TWO PACK	197
BARACLUDE	18
BASAGLAR KWIKPEN	188
BAVENCIO	28
BCG VACCINE	56
BD AUTOSHIELD DUO 30G X 5MM	250
BD INSULIN SYRINGE SAFETYGLIDE/1ML/29G X 1/2"	150
B-D INSULIN SYRINGE ULTRAFINE II/0.3ML/31G X 5/16"	150
BD INSULIN SYRINGE ULTRA-FINE/0.5ML/30G X 12.7MM	150
BD INSULIN SYRINGE ULTRA-FINE/1ML/31G X 8MM	150
BD PEN NEEDLE/ORIGINAL/ULTRA-FINE/29G X 12.7MM	150
BELEODAQ	28
benazepril hydrochloride	90

Tên thuốc	Số trang
benazepril hydrochloride/hydrochlorothiazide	89
bendamustine hydrochloride	28
BENLYSTA	219
BENZNIDAZOLE	17
benztropine mesylate	121
BESREMI	28
BESREMI PEN	28
betaine anhydrous	229
betamethasone dipropionate	239
betamethasone dipropionate augmented	239
betamethasone valerate	239
BETASERON	224
BETAXOLOL HCL	172
bethanechol chloride	59
bexarotene	28
bexarotene	243
BEXSERO	56
BEYFORTUS	18
bicalutamide	28
BICILLIN L-A	3
BIKTARVY	19
bimatoprost	172
bismuth subcitrate pot/metronidazole/tetracycline hydrochlo	176
bisoprolol fumarate	76
bisoprolol fumarate/hydrochlorothiazide	75
BIVIGAM	53
bleomycin sulfate	28
blisovi 24 fe	198
blisovi fe 1.5/30	198
BONSITY	209
BOOSTRIX	55
bortezomib	28
bosentan	235
BOSULIF	28
bosutinib	29
BOTOX	229
BRAFTOVI	29
BREO ELLIPTA	182
breyna	182
BREZTRI AEROSPHERE	182
briellyn	198
brimonidine tartrate	172
brimonidine tartrate/timolol maleate	239
BRINSUPRI	231
brinzolamide	172
brivaracetam	111
BRIXADI	97
bromocriptine mesylate	121
BRONCHITOL	235
BRUKINSA	29
budesonide	183
budesonide	239

Tên thuốc	Số trang
budesonide/formoterol fumarate dihydrate	183
bumetanide	88
buprenorphine	98
buprenorphine hcl	98
buprenorphine hcl/naloxone hcl	98
buprenorphine hydrochloride/naloxone hydrochloride	98
bupropion hydrochloride	132
bupropion hydrochloride er (sr)	61
bupropion hydrochloride er (sr)	131
bupropion hydrochloride er (xl)	131
buspirone hcl	124
buspirone hydrochloride	124
busulfan	29
butalbital/acetaminophen	99
butalbital/acetaminophen/caffeine	99
butalbital/acetaminophen/caffeine/codeine	99
butalbital/aspirin/caffeine/codeine	99
BYSANTI	132
BYSANTI TITRATION PACK A	132
BYSANTI TITRATION PACK B	132
BYSANTI TITRATION PACK C	132
CABENUVA	19
cabergoline	121
CABLIVI	65
CABOMETYX	29
calcipotriene	245
calcitonin salmon	209
calcitonin-salmon	209
calcitriol	249
calcium acetate	161
CALQUENCE	29
camila	198
camrese lo	198
CAMZYOS	82
candesartan cilexetil	90
candesartan cilexetil/hydrochlorothiazide	90
CAPLYTA	132
CAPRELSA	29
captopril	90
carbamazepine	111
carbamazepine er	111
carbidopa	122
carbidopa/levodopa	122
carbidopa/levodopa er	121
carbidopa/levodopa/entacapone	121
carboplatin	29

Tên thuốc	Số trang
CARDAMYST	83
carglumic acid	151
carmustine	29
CARTEOLOL HCL	172
cartia xt	83
carvedilol	76
caspofungin acetate	14
cavhanza	30
CAYSTON	3
CEFACLOR	3
cefadroxil	3
cefazolin	4
cefazolin sodium	3
CEFAZOLIN SODIUM/DEXTROSE	3
CEFAZOLIN/DEXTROSE	3
cefdinir	4
CEFEPIME	4
cefepime hydrochloride	4
CEFEPIME/DEXTROSE	4
cefixime	4
CEFOTAXIME SODIUM	4
cefoxitin sodium	4
CEFPODOXIME PROXETIL	4
cefprozil	5
CEFTAROLINE FOSAMIL	5
ceftazidime	5
CEFTRIAXONE IN ISO-OSMOTIC DEXTROSE	5
ceftriaxone sodium	5
CEFTRIAXONE/DEXTROSE	5
cefuroxime axetil	5
cefuroxime sodium	6
celecoxib	99
cephalexin	6
CEQUA	170
CERDELGA	167
CEREZYME	168
cevimeline hydrochloride	59
CHENODAL	177
CHLORAMPHENICOL SODIUM SUCCINATE	6
chlordiazepoxide hcl	124
chlordiazepoxide hydrochloride	124
CHLORDIAZEPOXIDE/AMITRIPTYLINE	133
chlorhexidine gluconate	169
chloroquine phosphate	17
chlorothiazide sodium	88
chlorpromazine hcl	133
chlorpromazine hydrochloride	133
chlorthalidone	88
chlorzoxazone	61
CHOLBAM	177
cholestyramine	72
cholestyramine light	72
ciclodan	237
ciclopirox	237

Tên thuốc	Số trang
ciclopirox nail lacquer	237
ciclopirox olamine	237
cidofovir	19
cilostazol	65
CIMDUO	19
cimetidine	176
cimetidine hydrochloride	176
CIMZIA	219
CIMZIA (1 SYRINGE)	219
CIMZIA (2 SYRINGE)	219
CIMZIA STARTER KIT	219
cinacalcet hydrochloride	209
ciprofloxacin hcl	6
ciprofloxacin hydrochloride	6
ciprofloxacin hydrochloride	169
CIPROFLOXACIN I.V.-IN D5W	6
ciprofloxacin/dexamethasone	170
cisplatin	30
citalopram hydrobromide	133
cladribine	30
claravis	245
CLARITHROMYCIN	6
clarithromycin er	6
CLEMASTINE FUMARATE	26
CLIMARA	204
clindamycin hcl	6
clindamycin hydrochloride	6
clindamycin palmitate hydrochloride	7
clindamycin phosphate	7
clindamycin phosphate	237
clindamycin phosphate (một lần mỗi ngày)	237
clindamycin phosphate (twice-daily)	237
clindamycin phosphate in d5w	7
clindamycin phosphate/dextrose	7
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10%	153
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5%	154
CLINIMIX 5%/DEXTROSE 15%	154
CLINIMIX 5%/DEXTROSE 20%	154
CLINIMIX E 2.75%/DEXTROSE 5%	155
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10%	155
CLINIMIX E 4.25%/DEXTROSE 5%	156
CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 15%	156
CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20%	157
clinisol sf 15%	157
CLINOLIPID	157
clobazam	111

Tên thuốc	Số trang
clobetasol propionate	240
clobetasol propionate emollient	240
clobetasol propionate emollient base	240
clodan	240
clofarabine	30
clomipramine hcl	133
clomipramine hydrochloride	133
clonazepam	112
clonazepam odt	111
clonidine	87
clonidine hydrochloride	87
clopidogrel	65
clorazepate dipotassium	124
clotrimazole	238
clotrimazole/betamethasone dipropionate	237
clozapine	134
clozapine odt	134
COARTEM	17
COBENFY	134
COBENFY STARTER PACK	134
CODEINE SULFATE	99
colchicine	226
colesevelam hydrochloride	72
colestipol hydrochloride	72
colistimethate sodium	7
COMBIVENT RESPIMAT	63
COMETRIQ	30
compro	134
constulose	151
COPIKTRA	30
CORLANOR	83
CORTISONE ACETATE	183
CORTROPHIN	209
COSENTYX	220
COSENTYX SENSOREADY PEN	219
COSENTYX UNOREADY	220
COTELLIC	30
CRENESSITY	209
CREON	179
CRESEMBA	14
cromolyn sodium	172
cromolyn sodium	231
cryselle	198
CTEXLI	178
CURITY GAUZE PADS 2"X2" 12 PLY	150
CUVRIOR	181
cyclobenzaprine hydrochloride	61
cyclopentolate hcl	173
cyclopentolate hydrochloride	173
cyclophosphamide	30
CYCLOSERINE	16
CYCLOSET	188
cyclosporine	170
cyclosporine	223
cyclosporine modified	223

Tên thuốc	Số trang
CYRAMZA	30
cyred eq	198
CYSTADROPS	173
CYSTAGON	229
CYSTARAN	173
cytarabine	30
cytarabine aqueous	30
dabigatran etexilate	65
dacarbazine	30
dactinomycin	31
dalfampridine er	231
danazol	187
DANZITEN	31
dapagliflozin	189
dapagliflozin/metformin hydrochloride er	188
dapsone	16
DAPTACEL	55
DAPTOMYCIN	7
darunavir	19
DARZALEX	31
DARZALEX FASPRO	31
dasatinib	31
DAURISMO	31
DAWNZERA	89
DAYBUE	127
DAYBUE STIX	127
deblitane	198
decitabine	31
deferasirox	181
deferiprone	182
deflazacort	183
DELSTRIGO	19
DENGVAXIA	56
DENTAGEL	227
DEPO-MEDROL	183
DEPO-SUBQ PROVERA 104	210
DESCOVY	19
desipramine hcl	134
desipramine hydrochloride	134
desloratadine	26
desmopressin acetate	210
desonide	240
desvenlafaxine er	135
dexamethasone	184
dexamethasone 10-day dose pack	183
dexamethasone 13-day dose pack	183
dexamethasone 6-day dose pack	183
dexamethasone 6-day therapy pack	183
DEXAMETHASONE INTENSOL	183
DEXAMETHASONE SODIUM PHOSPHATE	170
dexamethasone sodium phosphate	183
dexmethylphenidate hcl	107

Tên thuốc	Số trang
dexmethylphenidate hydrochloride	108
dexmethylphenidate hydrochloride er	107
dexrazoxane	25
dexrazoxane hydrochloride	25
dextroamphetamine sulfate	108
dextroamphetamine sulfate er	108
dextromethorphan hydrobromide/quinidine sulfate	127
DEXTROSE	158
DEXTROSE 5% /ELECTROLYTE #48 VIAFLEX	162
DEXTROSE 10%	157
DEXTROSE 10%/SODIUM CHLORIDE 0.2%	162
DEXTROSE 10%/SODIUM CHLORIDE 0.45%	162
DEXTROSE 2.5%/SODIUM CHLORIDE 0.45%	162
DEXTROSE 25%	157
DEXTROSE 30%	157
dextrose 5%	157
dextrose 5%/lactated ringers	162
DEXTROSE 5%/SODIUM CHLORIDE 0.2%	162
DEXTROSE 5%/SODIUM CHLORIDE 0.33%	162
DEXTROSE 5%/SODIUM CHLORIDE 0.45%	162
dextrose 5%/sodium chloride 0.9%	162
DEXTROSE 50%	157
DEXTROSE 70%	158
dextrose/sodium chloride	162
DIACOMIT	112
diazepam	112
diazepam	125
diazepam intensol	125
diazoxide	197
dichlorphenamide	88
diclofenac potassium	99
diclofenac sodium	170
diclofenac sodium	240
diclofenac sodium dr	99
diclofenac sodium er	99
dicloxacillin sodium	7
dicyclomine hcl	58
dicyclomine hydrochloride	58
DIFICID	7
difluprednate	170
digoxin	83
dihydroergotamine mesylate	62
DILANTIN	112
dilantin infatabs	112
dilantin-125	112
DILTIAZEM HCL	83
diltiazem hcl er	83
diltiazem hydrochloride	84

Tên thuốc	Số trang
diltiazem hydrochloride er	84
dilt-xr	83
dimethyl fumarate	228
dimethyl fumarate starterpack	228
DIPENTUM	174
diphenhydramine hydrochloride	26
diphenoxylate hydrochloride/atropine sulfate	174
DIPHENOXYLATE/ATROPINE	174
dipyridamole	65
disopyramide phosphate	84
disulfiram	25
divalproex sodium dr	112
divalproex sodium er	112
DOCETAXEL	31
dofetilide	85
DOJOLVI	158
dolishale	198
donepezil hcl	59
donepezil hydrochloride	60
donepezil hydrochloride odt	60
DOPTELET	70
DOPTELET SPRINKLE	70
dorzolamide hcl/timolol maleate	172
dorzolamide hydrochloride	172
dotti	204
DOVATO	19
doxazosin	72
doxazosin mesylate	71
doxepin hcl	135
doxepin hydrochloride	135
doxepin hydrochloride	243
DOXERCALCIFEROL	249
doxycycline	8
doxycycline hyclate	7
doxycycline monohydrate	7
DRIZALMA SPRINKLE	135
dronabinol	180
drospirenone/ethinyl estradiol	198
drospirenone/ethinyl estradiol/levomefolate calcium	198
DROXIA	31
droxidopa	63
duloxetine hydrochloride dr	135
DUPIXENT	240
DURAMORPH	99
dutasteride	226
DUVYZAT	229
E.E.S. 400	8
EBGLYSS	240
econazole nitrate	238
EDURANT PED	19
efavirenz	20
efavirenz/emtricitabine/tenofovir disoproxil fumarate	19

Tên thuốc	Số trang
efavirenz/lamivudine/tenofovir disoproxil fumarate	19
EGRIFTA SV	211
EKTERLY	89
ELAPRASE	168
eletriptan hydrobromide	119
ELIGARD	207
ELIQUIS	66
ELIQUIS STARTER PACK	66
ELMIRON	229
eltrombopag olamine	70
eluryng	198
EMEND	175
EMGALITY	120
EMPAVELI	229
EMPLICITI	32
EMSAM	122
emtricitabine	20
emtricitabine/rilpivirine/tenofovir disoproxil fumarate	20
emtricitabine/tenofovir disoproxil	20
emtricitabine/tenofovir disoproxil fumarate	20
EMTRIVA	20
EMVERM	1
enalapril maleate	91
enalapril maleate/hydrochlorothiazide	90
ENBREL	220
ENBREL MINI	220
ENBREL SURECLICK	220
endocet	100
ENGERIX-B	56
enilloring	198
enoxaparin sodium	66
ENSACOVE	32
enskyce	198
ENSPRYNG	226
entacapone	122
entecavir	20
ENTRESTO	91
ENTYVIO PEN	220
enulose	151
ENVARSUS XR	223
EOHILIA	184
EPCLUSA	20
EPIDIOLEX	112
epinastine hcl	172
epinephrine	63
epitol	112
eplerenone	91
ERAXIS	14
ERBITUX	32
eribulin mesylate	32
ERIVEDGE	32
ERLEADA	32
erlotinib hydrochloride	32
errin	198
ertapenem sodium	8
ERYTHROCIN LACTOBIONATE	8

Tên thuốc	Số trang
erythromycin	169
erythromycin base	8
ERYTHROMYCIN DR	8
erythromycin ethylsuccinate	8
erythromycin lactobionate	8
escitalopram oxalate	136
eslicarbazepine acetate	112
esomeprazole magnesium	176
esomeprazole magnesium dr	176
estarylla	198
estradiol	204
estradiol valerate	204
estradiol/norethindrone acetate	204
ESTRING	206
eszopiclone	125
ethambutol hydrochloride	16
ethosuximide	113
etodolac	100
etonogestrel/ethinyl estradiol	198
etravirine	20
EUCRISA	240
EULEXIN	32
EVENITY	217
everolimus	32
everolimus	223
EVEXITHROID	213
EVOTAZ	20
EVRYSDI	229
exemestane	206
EXONDYS 51	226
EXXUA	136
EXXUA TITRATION PACK	136
ezetimibe	73
ezetimibe/simvastatin	73
FABHALTA	217
FABRAZYME	168
falmina	198
famciclovir	20
famotidine	176
FANAPT	136
FANAPT TITRATION PACK A	136
FANAPT TITRATION PACK B	136
FANAPT TITRATION PACK C	136
FARXIGA	189
FASENRA	231
FASENRA PEN	231
febuxostat	226
feirza 1.5/30	198
feirza 1/20	198
felbamate	113
felodipine er	81
FEMRING	206
fenofibrate	73
fenofibrate micronized	73
fenofibric acid dr	73
fentanyl	100
FERRIPROX	182

Tên thuốc	Số trang
FETZIMA	137
FETZIMA TITRATION PACK	137
fidaxomicin	8
FILSPARI	235
FILSUVEZ	246
finasteride	226
finasteride	244
fingolimod hydrochloride	224
FINTEPLA	113
finzala	199
FIRDAPSE	60
FIRMAGON	207
flac	170
flavoxate hcl	247
FLEBOGAMMA DIF	53
flecainide acetate	85
fluconazole	15
fluconazole in nacl	15
fluconazole in sodium chloride	15
flucytosine	15
FLUDARABINE PHOSPHATE	33
fludrocortisone acetate	184
flunisolide	170
fluocinolone acetonide	170
fluocinolone acetonide	241
fluocinolone acetonide body	240
fluocinolone acetonide ear drops	170
fluocinolone acetonide scalp	240
fluocinolone acetonide topical	240
fluocinonide	241
fluocinonide emulsified base	241
fluoride	150
fluorometholone	170
fluorouracil	33
fluorouracil	243
FLUOXETINE DR	137
fluoxetine hydrochloride	137
fluphenazine decanoate	137
FLUPHENAZINE HCL	137
FLUPHENAZINE HYDROCHLORIDE	137
flurbiprofen	100
FLURBIPROFEN SODIUM	170
FLUTICASONE FUROATE/VILANTEROL ELLIPTA	184
fluticasone propionate	170
fluticasone propionate	185
fluticasone propionate/salmeterol	63
FLUTICASONE PROPIONATE/SALMETEROL	184
fluticasone propionate/salmeterol diskus	63
fluvoxamine maleate	138
FML FORTE	170

Tên thuốc	Số trang
FOLOTYN	33
fondaparinux sodium	66
fosamprenavir calcium	20
fosfomycin tromethamine	24
fosinopril sodium	91
fosinopril sodium/hydrochlorothiazide	91
fosphenytoin sodium	113
FOSRENOL	160
FOTIVDA	33
FRUZAQLA	33
FULPHILA	70
fulvestrant	33
furosemide	88
gabapentin	113
GALAFOLD	167
GALANTAMINE HYDROBROMIDE	60
galantamine hydrobromide er	60
galbriela	199
gallifrey	210
GAMASTAN	53
GAMMAGARD LIQUID	53
GAMMAGARD LIQUID ERC	53
GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML	54
GAMMAKED	54
GAMMAPLEX	54
GAMUNEX-C	54
ganciclovir	20
GARDASIL 9	56
gatifloxacin	169
GATTEX	179
gavilyte-c	177
gavilyte-g	177
gavilyte-n/flavor pack	177
GAVRETO	33
gefitinib	33
gemcitabine hcl	33
gemcitabine hydrochloride	33
gemfibrozil	73
gemmily	199
GEMTESA	247
generlac	151
gengraf	223
GENOTROPIN	212
GENOTROPIN MINIQUICK	211
gentamicin sulfate	9
gentamicin sulfate	169
gentamicin sulfate	238
gentamicin sulfate pediatric	8
gentamicin sulfate/0.9% sodium chloride	8
GENVOYA	20
GILOTRIF	34
glatiramer acetate	224
glatopa	225
glimepiride	189
glipizide	190

Tên thuốc	Số trang
glipizide er	189
glipizide/metformin hydrochloride	189
GLUCAGON EMERGENCY KIT FOR LOW BLOOD SUGAR	197
GLUCOSE (DEXTROSE) 50%	158
glycerol phenylbutyrate	151
glycopyrrolate	58
glydo	243
GLYXAMBI	190
GOMEKLI	34
granisetron hcl	175
granisetron hydrochloride	175
GRANIX	70
GRASTEK	53
griseofulvin microsize	15
griseofulvin ultramicrosize	15
guanfacine hydrochloride	88
guanfacine hydrochloride er	127
GVOKE HYPOPEN 1-PACK	197
GVOKE HYPOPEN 2-PACK	197
GVOKE KIT	197
GVOKE PFS	197
HAEGARDA	229
hailey 24 fe	199
hailey fe 1/20	199
halobetasol propionate	241
haloette	199
haloperidol	138
haloperidol decanoate	138
haloperidol lactate	138
HAVRIX	56
heather	199
heparin sodium	67
HEPARIN SODIUM/D5W	66
HEPARIN SODIUM/DEXTROSE	67
HEPARIN SODIUM/NACL 0.45%	67
HEPARIN SODIUM/SODIUM CHLORIDE	67
heparin sodium/sodium chloride 0.9%	67
heparin sodium/sodium chloride 0.9% premix	67
HEPLISAV-B	56
HERNEXEOS	34
HETLIOZ LQ	125
HIBERIX	56
HUMATROPE	212
hydralazine hydrochloride	95
hydrochlorothiazide	88
hydrocodone bitartrate/acetaminophen	100
hydrocodone/acetaminophen	101
HYDROCODONE/IBUPROFEN	101

Tên thuốc	Số trang
hydrocortisone	185
hydrocortisone	241
HYDROCORTISONE BUTYRATE	241
hydrocortisone sodium succinate	185
hydrocortisone valerate	241
hydrocortisone/acetic acid	170
hydromorphone hcl	101
hydromorphone hydrochloride	101
hydroxychloroquine sulfate	17
hydroxyurea	34
hydroxyzine hcl	125
HYDROXYZINE HYDROCHLORIDE	125
HYDROXYZINE PAMOATE	125
HYFTOR	246
HYRNUO	34
ibandronate sodium	226
IBRANCE	34
IBTROZI	35
ibu	102
ibuprofen	101
icatibant acetate	89
iclevia	199
ICLUSIG	35
icosapent ethyl	73
idarubicin hcl	35
idarubicin hydrochloride	35
IDHIFA	35
IDVYNSO	20
ifosfamide	35
imatinib mesylate	35
IMBRUVICA	35
IMFINZI	36
IMIPENEM/CILASTATIN	9
imipramine hcl	138
imipramine hydrochloride	138
imiquimod	243
IMKELDI	36
IMOVAX RABIES (H.D.C.V.)	56
IMPAVIDO	17
INBRIJA	122
incassia	199
INCRELEX	212
INCRUSE ELLIPTA	58
indapamide	88
INFANRIX	55
INFLECTRA	220
INGREZZA	149
INLURIYO	36
INLYTA	36
INQOVI	36
INREBIC	36
INSULIN ASPART	190
INSULIN ASPART FLEXPEN	190
INSULIN ASPART PENFILL	190

Tên thuốc	Số trang
INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART	190
INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART FLEXPEN	190
INSULIN LISPRO	191
INSULIN LISPRO JUNIOR KWIKPEN	190
INSULIN LISPRO KWIKPEN	190
INSULIN LISPRO PROTAMINE/INSULIN LISPRO KWIKPEN	191
INTELENCE	21
INTRALIPID	158
introvale	199
INVEGA HAFYERA	138
INVEGA SUSTENNA	139
INVEGA TRINZA	139
IOPIDINE	172
IPOL INACTIVATED IPV	56
ipratropium bromide	58
ipratropium bromide hfa	58
ipratropium bromide/albuterol sulfate	63
IQIRVO	178
irbesartan	91
irbesartan/hydrochlorothiazide	91
ISENTRESS	21
ISENTRESS HD	21
isibloom	199
ISOLYTE-P/DEXTROSE 5%	162
ISOLYTE-S	163
ISOLYTE-S PH 7.4	162
ISONIAZID	16
isosorbide dinitrate	95
isosorbide mononitrate	95
isosorbide mononitrate er	95
isotonic gentamicin	9
isotretinoin	245
ISTURISA	185
ITOVEBI	36
itraconazole	15
ivabradine hydrochloride	85
ivermectin	1
IWILFIN	36
IXIARO	56
jaimiess	199
JAKAFI	37
JAKAFI XR	36
jantoven	68
JANUMET	191
JANUMET XR	191
JANUVIA	191
JARDIANCE	191
jasmiel	199
JAYPIRCA	37
jaythari	185
JIDEYTRO	37

Tên thuốc	Số trang
JOENJA	228
JOURNAVX	102
joyeaux	199
JUBBONTI	217
juleber	199
JULUCA	21
junel 1.5/30	199
junel 1/20	199
junel fe 1.5/30	199
junel fe 1/20	199
junel fe 24	199
JUXTAPID	74
JYLAMVO	37
JYNNEOS	56
kaitlib fe	199
KALETRA	21
KALYDECO	233
kariva	199
kcl 0.075%/d5w/nacl 0.45%	163
kcl 0.15%/d5w/nacl 0.2%	163
kcl 0.15%/d5w/nacl 0.225%	163
kcl 0.15%/d5w/nacl 0.45%	163
kcl 0.15%/d5w/nacl 0.9%	163
kcl 0.3%/d5w/nacl 0.45%	163
kcl 0.3%/d5w/nacl 0.9%	163
kelnor 1/35	199
kenalog-10	185
KERENDIA	91
ketoconazole	15
ketoconazole	238
ketorolac tromethamine	170
KEYTRUDA	37
KINERET	220
KINRIX	55
kionex	160
KISQALI	37
klayesta	238
klor-con	163
klor-con 10	163
klor-con 8	163
klor-con m10	163
klor-con m15	163
klor-con m20	163
KLOXXADO	128
KOMZIFTI	38
KOSELUGO	38
kourzeq	242
KRAZATI	38
KRINTAFEL	17
kurvelo	199
KYLEENA	199
kymbee	185
KYPROLIS	38
LABETALOL HYDROCHLORIDE	76
lacosamide	113
LACTATED RINGERS	163
lactated ringers/dextrose 5%	163
lactulose	151
LAGEVRIO	21
lamivudine	21
lamivudine/zidovudine	21

Tên thuốc	Số trang
lamotrigine	114
lamotrigine er	113
lamotrigine odt	114
lamotrigine starter kit/blue	114
lamotrigine starter kit/green	114
lamotrigine starter kit/orange	114
LAMPIT	17
lanreotide acetate	211
lansoprazole	176
lansoprazole odt	176
lanthanum carbonate	161
LANTUS	191
LANTUS SOLOSTAR	191
lapatinib ditosylate	38
larin 1.5/30	199
larin 1/20	199
larin fe 1.5/30	199
larin fe 1/20	200
latanoprost	172
LAZCLUZE	38
leflunomide	220
lenalidomide	38
LENVIMA 10 MG DAILY DOSE	38
LENVIMA 12MG DAILY DOSE	38
LENVIMA 14 MG DAILY DOSE	39
LENVIMA 18 MG DAILY DOSE	39
LENVIMA 20 MG DAILY DOSE	39
LENVIMA 24 MG DAILY DOSE	39
LENVIMA 4 MG DAILY DOSE	39
LENVIMA 8 MG DAILY DOSE	39
LEQEMBI IQLIK	217
lessina	200
letrozole	206
leucovorin calcium	25
LEUKERAN	39
LEUKINE	70
leuprolide acetate	207
levalbuterol	64
levalbuterol hcl	63
levalbuterol hydrochloride	64
LEVALBUTEROL TARTRATE HFA	64
levetiracetam	115
levetiracetam er	114
levetiracetam/sodium chloride	114
LEVOBUNOLOL HCL	172
levocarnitine	229
levocarnitine sf	229
levocetirizine dihydrochloride	26
LEVOFLOXACIN	9
levofloxacin	169

Tên thuốc	Số trang
levofloxacin in d5w	9
LEVOLEUCOVORIN	25
levoleucovorin calcium	25
levonest	200
levonorgestrel and ethinyl estradiol	200
levonorgestrel/ethinyl estradiol	200
levonorgestrel/ethinyl estradiol/ferrous bisglycinate	200
levo-t	213
levothyroxine sodium	214
levoxyl	214
l-glutamine	229
LIBTAYO	39
lidocaine	244
lidocaine hcl	243
lidocaine hcl in d5w	85
lidocaine hcl jelly	243
lidocaine hcl/dextrose	85
lidocaine hydrochloride	243
LIDOCAINE HYDROCHLORIDE JELLY	243
lidocaine hydrochloride viscous	173
lidocaine viscous	173
lidocaine/prilocaine	243
LIFYORLI	39
LILETTA	200
lincomycin hydrochloride	9
linezolid	9
LINZESS	178
liothyronine sodium	215
lisdexamfetamine dimesylate	108
lisinopril	92
lisinopril/hydrochlorothiazide	92
LITHIUM	119
lithium carbonate	119
lithium carbonate er	119
LIVDELZI	178
LIVMARLI	178
LIVMARLI	180
LIVTENCITY	21
LO LOESTRIN FE	200
LODOCO	229
lofexidine hydrochloride	64
lojaimiess	200
LOKELMA	161
lomustine	39
LONSURF	40
loperamide hydrochloride	174
lopinavir/ritonavir	21
lorazepam	126
lorazepam intensol	125
LORBRENA	40
loryna	200
losartan potassium	92
losartan potassium/hydrochlorothiazide	92
lovastatin	74

Tên thuốc	Số trang
low-ogestrel	200
loxapine	139
loxapine succinate	139
lubiprostone	178
luizza 1.5/30	200
luizza 1/20	200
LUMAKRAS	40
LUMIGAN	172
LUMIZYME	168
LUPKYNIS	220
LUPRON DEPOT (1-MONTH)	207
LUPRON DEPOT (3-MONTH)	208
LUPRON DEPOT (4-MONTH)	208
LUPRON DEPOT (6-MONTH)	208
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH)	208
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH)	208
lurasidone hydrochloride	139
lutera	200
LYBALVI	140
lyleq	200
lyllana	206
LYNPARZA	40
LYSODREN	40
LYTGOBI	40
lyza	200
macitentan	235
magnesium sulfate	115
maraviroc	21
marlissa	200
MARPLAN	140
MATULANE	40
matzim la	85
MAVYRET	21
MAXIDEX	170
MAYZENT	225
MAYZENT STARTER PACK	225
meclizine hcl	175
meclizine hydrochloride	175
medroxyprogesterone acetate	210
mefloquine hydrochloride	17
megestrol acetate	210
MEKINIST	40
MEKTOVI	41
meleya	200
meloxicam	102
melphalan hydrochloride	41
memantine hcl titration pak	128
memantine hydrochloride	128
MENEST	206
MENQUADFI	56
MENVEO	56
mercaptopurine	41
meropenem	9
MEROPENEM/SODIUM CHLORIDE	9

Tên thuốc	Số trang
mesalamine	174
mesalamine dr	174
mesalamine er	174
mesna	231
metformin hydrochloride	192
metformin hydrochloride er	191
METHADONE HCL	102
methadone hydrochloride	102
methadone hydrochloride intensol	102
METHADOSE	102
METHADOSE SUGAR-FREE	102
methazolamide	89
methenamine hippurate	24
methimazole	215
METHITEST	187
methocarbamol	61
methotrexate	41
methotrexate sodium	41
METHOXSALEN	244
methsuximide	115
methyldopa	88
methylphenidate hydrochloride	110
METHYLPHENIDATE HYDROCHLORIDE ER	110
methylphenidate hydrochloride er (cd)	109
methylphenidate hydrochloride er (dif)	109
methylphenidate hydrochloride er (la)	109
methylphenidate hydrochloride er (osm)	110
methylprednisolone	186
methylprednisolone dose pack	185
methylprednisolone sodium succinate	185
methylprednisolone sodiumsuccinate	185
metoclopramide hcl	181
metoclopramide hydrochloride	181
metoclopramide hydrochloride +rfid	181
metolazone	89
metoprolol succinate er	76
metoprolol tartrate	76
metoprolol/hydrochlorothiazide	76
metronidazole	17
metronidazole	238
metronidazole vaginal	238
metyrosine	151
mexiletine hydrochloride	85
mibelas 24 fe	200
micafungin	15
micafungin sodium/sodium chloride	15

Tên thuốc	Số trang
MICAFUNGIN/SODIUM CHLORIDE	15
MICONAZOLE 3	238
microgestin 1.5/30	200
microgestin 1/20	201
microgestin fe 1.5/30	201
microgestin fe 1/20	201
midazolam hcl	126
midazolam hydrochloride	126
midazolam hydrochloride +rfid	126
midodrine hydrochloride	64
mifepristone	192
mifepristone	231
MIGERGOT	120
MIGLITOL	192
miglustat	167
mili	201
milnacipran hydrochloride	128
milnacipran hydrochloride titration pack	128
mimvey	206
MINIVELLE	206
minocycline hcl	9
minocycline hydrochloride	10
minoxidil	95
minzoya	201
MIPLYFFA	167
MIRENA	201
mirtazapine	140
mirtazapine odt	140
misoprostol	176
mitomycin	41
mitoxantrone hydrochloride	41
M-M-R II	56
modafinil	110
MODEYSO	41
moexipril hydrochloride	92
MOLINDONE HYDROCHLORIDE	140
mometasone furoate	242
montelukast sodium	231
morphine sulfate	103
morphine sulfate er	102
MOUNJARO	192
MOVANTIK	179
MOXIFLOXACIN HYDROCHLORIDE/SODIUM HYDROCHLORIDE	10
MOXIFLOXACIN HYDROCHLORIDE	10
moxifloxacin hydrochloride	169
MRESVIA	56
MULPLETA	70
MULTAQ	85
MULTIPLE ELECTROLYTES INJECTION TYPE 1	164
mupirocin	238
mutamycin	41
MYALEPT	209
MYCAPSSA	211

Tên thuốc	Số trang
mycophenolate mofetil	223
mycophenolate mofetil	228
mycophenolic acid dr	228
MYFEMBREE	208
MYHIBBIN	228
MYLOTARG	41
MYQORZO	85
MYRBETRIQ	247
nabumetone	103
nadolol	77
NAFCILLIN	10
nafcillin sodium	10
NAGLAZYME	168
nalbuphine hydrochloride	103
naloxone hcl	128
naloxone hydrochloride	128
naltrexone hydrochloride	129
naproxen	103
naproxen dr	103
naratriptan hcl	120
NATACYN	169
NATAZIA	201
nateglinide	192
NAYZILAM	115
nebivolol hydrochloride	77
necon 0.5/35-28	201
NEFAZODONE HYDROCHLORIDE	140
nelarabine	41
neomycin sulfate	10
neomycin/polymyxin/bacitracin	169
neomycin/polymyxin/bacitracin/hydrocortisone	170
neomycin/polymyxin/dexamethasone	170
NEOMYCIN/POLYMYXIN/GRAMICIDIN	169
neomycin/polymyxin/hc	171
neomycin/polymyxin/hydrocortisone	171
NERLYNX	42
NEULASTA	70
NEVIRAPINE	21
nevirapine er	21
NEXLETOL	74
NEXLIZET	74
NEXPLANON	201
niacin er	74
nicardipine hcl	81
nicardipine hydrochloride	81
nicotrol ns	59
nifedipine er	81
nikki	201
nilotinib hydrochloride	42
nilutamide	42
NINLARO	42
nintedanib esylate	232
NIPENT	42
nitazoxanide	17
nitisinone	167

Tên thuốc	Số trang
nitrofurantoin macrocrystals	24
nitrofurantoin monohydrate	24
nitrofurantoin monohydrate/macrocrystals	24
NITROGLYCERIN	95
nitroglycerin	245
nitroglycerin transdermal	95
NITYR	168
nora-be	201
NORDITROPIN FLEXPRO	212
norelgestromin/ethinyl estradiol	201
norethindrone	202
norethindrone acetate	210
norethindrone acetate/ethinyl estradiol	201
norethindrone acetate/ethinyl estradiol/ferrous fumarate	201
norethindrone/ethinyl estradiol/ferrous fumarate	202
norgestimate/ethinyl estradiol	202
NORMOSOL -R	164
NORMOSOL-M/D5W	164
NORMOSOL-R	164
NORPACE CR	86
nortrel 0.5/35 (28)	202
nortrel 1/35	202
nortrel 7/7/7	202
nortriptyline hcl	141
nortriptyline hydrochloride	141
NORVIR	22
NOVOLIN 70/30	193
NOVOLIN 70/30 FLEXPEN	193
NOVOLIN 70/30 FLEXPEN RELION	250
NOVOLIN 70/30 RELION	250
NOVOLIN N	193
NOVOLIN N FLEXPEN	193
NOVOLIN N FLEXPEN RELION	250
NOVOLIN N RELION	250
NOVOLIN R	193
NOVOLIN R FLEXPEN	193
NOVOLIN R FLEXPEN RELION	250
NOVOLIN R RELION	250
NOVOLOG	193
NOVOLOG FLEXPEN	193
NOVOLOG FLEXPEN RELION	193
NOVOLOG MIX 70/30	193
NOVOLOG MIX 70/30 PREFILLED FLEXPEN	193
NOVOLOG MIX 70/30 PREFILLED FLEXPEN RELION	193
NOVOLOG MIX 70/30 RELION	193
NOVOLOG PENFILL	193
NOVOLOG RELION	193
NOXAFIL	16

Tên thuốc	Số trang
NP THYROID 120	215
NP THYROID 15	215
NP THYROID 30	215
NP THYROID 60	215
NP THYROID 90	215
NUBEQA	42
NUCALA	232
NULOJIX	223
NUPLAZID	141
NURTEC	120
NUTRILIPID	158
NUTROPIN AQ NUSPIN 10	212
nyamyc	238
nylia 1/35	202
nylia 7/7/7	202
nystatin	16
nystatin	238
nystatin/triamcinolone	242
nystatin/triamcinolone acetonide	242
nystop	238
OCREVUS	228
OCREVUS ZUNOVO	228
OCTAGAM	54
octreotide acetate	211
ODACTRA	53
ODEFSEY	22
ODOMZO	42
OFEV	232
ofloxacin	169
OGSIVEO	42
OJEMDA	42
OJJAARA	43
olanzapine	142
olanzapine odt	141
olanzapine/fluoxetine	141
olmesartan medoxomil	93
olmesartan medoxomil/amlodipine/hydrochlorothiazide	81
olmesartan medoxomil/hydrochlorothiazide	92
omega-3-acid ethyl esters	74
omeprazole	176
omeprazole dr	176
OMNIPOD 5 DEXCOM G7G6 INTRO KIT (GEN 5) KIT	150
OMNIPOD 5 DEXCOM G7G6 PODS (GEN 5)	150
OMNIPOD 5 LIBRE INTRO KIT	150
OMNIPOD 5 LIBRE PODS	151
OMNIPOD CLASSIC PODS (GEN 3)	151
OMNIPOD DASH INTRO KIT (GEN 4)	151
OMNIPOD DASH PDM KIT (GEN 4)	151
OMNIPOD DASH PODS (GEN 4)	151

Tên thuốc	Số trang
OMNITROPE	213
ondansetron hcl	175
ondansetron hydrochloride	175
ondansetron hydrochloride +rfid	175
ondansetron odt	175
ONGENTYS	122
ONUREG	43
OPDIVO	43
OPFOLDA	168
OPIPZA	142
opium	104
opium tincture	104
OPVEE	129
oralone dental paste	242
ORENCIA	220
ORENCIA CLICKJECT	220
ORENITRAM	236
ORENITRAM TITRATION KIT MONTH 1	236
ORENITRAM TITRATION KIT MONTH 2	236
ORENITRAM TITRATION KIT MONTH 3	236
ORFADIN	168
ORGOVYX	208
ORIAHNN	208
ORILISSA	208
ORKAMBI	233
orquidea	202
ORSERDU	43
oseltamivir phosphate	22
OSENVELT	217
OTEZLA	221
OTEZLA XR	221
OTEZLA/OTEZLA XR 28 DAY TREATMENT INITIATION PACK	221
oxacillin sodium	10
oxcarbazepine	115
OXERVATE	171
oxybutynin chloride	247
oxybutynin chloride er	247
oxycodone hcl	104
oxycodone hydrochloride	104
oxycodone/acetaminophen	104
OXYCONTIN	104
OZEMPIC	194
pacerone	86
PACLITAXEL	43
PACLITAXEL PROTEIN-BOUND PARTICLES	43
paliperidone er	142
PALYNZIQ	168
pamidronate disodium	227
PANRETIN	243
pantoprazole sodium	177
paricalcitol	249
paroxetine	142
paroxetine hcl	142
paroxetine hydrochloride	142
PAXLOVID	22

Tên thuốc	Số trang
pazopanib hydrochloride	43
PEDIARIX	57
PEDVAXHIB	57
peg-3350/electrolytes	177
peg-3350/nacl/na bicarbonate/kcl	177
PEGASYS	22
PEMAZYRE	43
pemetrexed	44
pemetrexed disodium	44
PENBRAYA	57
penciclovir	238
penicillamine	182
penicillin g potassium	10
PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO-OSMOTIC DEXTROSE	10
PENICILLIN G SODIUM	11
penicillin v potassium	11
PENMENVY	57
PENTACEL	57
pentamidine isethionate	17
pentoxifylline er	71
perampanel	116
perindopril erbumine	93
periogard	169
PERJETA	44
permethrin	238
perphenazine	143
PERPHENAZINE/AMITRIPTYLINE	142
phenazopyridine hydrochloride	244
PHENELZINE SULFATE	143
phenobarbital	126
phenytek	116
phenytoin	116
phenytoin infatabs	116
phenytoin sodium	116
phenytoin sodium extended	116
philith	202
PIFELTRO	22
pilocarpine hcl	172
pilocarpine hydrochloride	60
pilocarpine hydrochloride	172
pimecrolimus	246
PIMOZIDE	143
pimtrea	202
pindolol	77
pioglitazone hcl	194
pioglitazone hcl/metformin hcl	194
pioglitazone hydrochloride	194
piperacillin sodium/tazobactam sodium	11
piperacillin sodium/tazobactam sodium/nacl	11
PIQRAY 200MG DAILY DOSE	44
PIQRAY 250MG DAILY DOSE	44

Tên thuốc	Số trang
PIQRAY 300MG DAILY DOSE	44
pirfenidone	232
piroxicam	105
plenamine	158
plerixafor	71
PNV PRENATAL PLUS MULTIVITAMIN + DHA	248
PODOFILOX	246
polymyxin b sulfate/trimethoprim sulfate	169
pomalidomide	44
POMALYST	44
portia-28	202
posaconazole	16
posaconazole dr	16
POTASSIUM CHLORIDE	166
potassium chloride cr	164
potassium chloride er	164
potassium chloride/dextrose	165
POTASSIUM CHLORIDE/DEXTROSE/LACTATED RINGERS	165
potassium chloride/dextrose/sodium chloride	165
potassium chloride/sodium chloride	165
potassium citrate er	151
pralatrexate	44
PRALUENT	74
pramipexole dihydrochloride	122
prasugrel hydrochloride	68
pravastatin sodium	74
praziquantel	1
prazosin hydrochloride	72
PRED MILD	171
prednisolone	186
prednisolone acetate	171
PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	171
prednisolone sodium phosphate	186
PREDNISONE	186
pregabalin	116
PREHEVBRIO	57
PREMARIN	207
PREMASOL	158
PRENATAL	248
PRETOMANID	16
prevalite	74
PREVIDENT 5000 DRY MOUTH	227
PREVIDENT FLUORIDE	227
PREVYMIS	22
PREZCOBIX	22
PREZISTA	22
PRIMAQUINE PHOSPHATE	17
PRIMIDONE	117
PRIORIX	57
PRIVIGEN	55

Tên thuốc	Số trang
probenecid	167
probenecid/colchicine	167
procainamide hydrochloride	86
prochlorperazine	143
prochlorperazine edisylate	143
prochlorperazine maleate	143
PROCRIT	71
procto-med hc	242
proctosol hc	242
proctozone-hc	242
progesterone	211
PROGRAF	223
PROLASTIN-C	64
PROLEUKIN	44
promethazine hcl	26
promethazine hcl	127
promethazine hydrochloride	26
promethazine hydrochloride	127
promethazine hydrochloride plain	26
promethazine hydrochloride/dextromethorphan hydrobromide	233
PROMETHAZINE HYDROCHLORIDE/PHENYLEPHRINE HYDROCHLORIDE	26
promethazine/codeine	233
propafenone hcl	86
propafenone hydrochloride	86
proparacaine hcl	173
proparacaine hydrochloride	173
PROPRANOLOL HCL	77
PROPRANOLOL HYDROCHLORIDE	77
propranolol hydrochloride er	77
propylthiouracil	215
PROQUAD	57
PROSOL	159
protriptyline hcl	143
prucalopride	180
PULMOZYME	234
pyquvi	186
pyrazinamide	16
pyridostigmine bromide	60
pyridostigmine bromide er	60
pyrimethamine	18
PYRUKYND	69
PYRUKYND TAPER PACK	69
QBREXZA	244
QINLOCK	44
QUADRACEL	55
quetiapine fumarate	143
quetiapine fumarate er	143
quinapril hydrochloride	93
quinapril/hydrochlorothiazide	93
quinidine gluconate cr	86
quinidine gluconate er	86
QUINIDINE SULFATE	86
quinine sulfate	18
QVAR REDIHALER	186

Tên thuốc	Số trang
RABAVERT	57
rabeprazole sodium	177
RADICAVA ORS	96
RADICAVA ORS STARTER KIT	96
RALDESY	144
raloxifene hydrochloride	207
ramelteon	127
ramipril	93
ranolazine er	86
rasagiline mesylate	123
reclipsen	202
RECOMBIVAX HB	57
REDEMPLO	75
REGONOL	60
RELENZA DISKHALER	22
RELISTOR	179
RENTHYROID	215
repaglinide	194
REPATHA	75
REPATHA SURECLICK	75
RETACRIT	71
RETEVMO	44
RETROVIR IV INFUSION	23
REVCOVI	168
REVUFORJ	45
REXTOVY	129
REXULTI	144
REYATAZ	23
REZDIFFRA	215
REZLIDHIA	45
REZUROCK	229
RHOPRESSA	173
RIABNI	45
ribavirin	23
RIDAURA	181
rifabutin	16
rifampin	16
rifapentine	17
rilpivirine hydrochloride	23
riluzole	96
RIMANTADINE HYDROCHLORIDE	23
ringers injection	166
RINGERS IRRIGATION	161
RINVOQ	221
RINVOQ LQ	221
riociguat	236
risedronate sodium	227
risperidone	144
risperidone er	144
risperidone odt	144
ritonavir	23
RITUXAN	45
rivaroxaban	68
rivastigmine tartrate	61
rivastigmine transdermal system	61
rivelsa	202
RIVFLOZA	230
rizatriptan benzoate	120
rizatriptan benzoate odt	120

Tên thuốc	Số trang
ROCKLATAN	173
roflumilast	234
romidepsin	45
ROMVIMZA	45
ropinirole hcl	123
ropinirole hydrochloride	123
rosuvastatin calcium	75
rosyrah	202
ROTARIX	57
ROTATEQ	57
roweepra	117
ROZLYTREK	45
RUBRACA	46
rufinamide	117
RUKOBIA	23
RUXIENCE	46
RYDAPT	46
RYTARY	123
sacubitril/valsartan	93
SANTYL	245
SAPHNELO	221
sapropterin dihydrochloride	167
saxagliptin hydrochloride	195
saxagliptin hydrochloride/metformin hydrochloride er	194
SCEMBLIX	46
scopolamine	58
SECUADO	145
selegiline hcl	123
selegiline hydrochloride	124
selenium sulfide	238
SELZENTRY	23
SEPHIENCE	167
SEREVENT DISKUS	64
sertraline hcl	145
sertraline hydrochloride	145
setlakin	202
sevelamer carbonate	161
SF	227
SF 5000 PLUS	227
sharobel	202
SHINGRIX	57
SIGNIFOR	211
SIKLOS	46
sildenafil	96
sildenafil citrate	96
sildenafil citrate	236
silver sulfadiazine	238
SIMPONI	221
SIMPONI ARIA	221
simvastatin	75
sirolimus	223
SIRTURO	17
SIVEXTRO	11
SKYCLARYS	230
SKYLA	202
SKYRIZI	180
SKYRIZI	246
SKYRIZI PEN	246
sodium bicarbonate	151
sodium chloride	166

Tên thuốc	Số trang
sodium chloride 0.45%	166
sodium chloride 0.9%	161
sodium fluoride	150
SODIUM FLUORIDE	228
SODIUM FLUORIDE 5000 PLUS	227
SODIUM OXYBATE	111
sodium phenylbutyrate	152
sodium polystyrene sulfonate	161
sodium sulfate/potassium sulfate/magnesium sulfate	177
SOFDRA	244
SOFOSBUVIR/VELPATASVIR	23
SOHONOS	230
solifenacin succinate	247
SOLTAMOX	207
SOLU-CORTEF	186
SOMATULINE DEPOT	211
SOMAVERT	213
sorafenib	46
sorafenib tosylate	46
sotalol hcl	78
sotalol hcl (af)	78
sotalol hcl af	78
sotalol hydrochloride	78
sotalol hydrochloride (af)	78
sotalol hydrochloride af	78
SOTYLIZE	78
SPIRIVA RESPIMAT	59
spironolactone	94
spironolactone/hydrochlorothiazide	94
SPRAVATO 56MG DOSE	145
SPRAVATO 84MG DOSE	145
sprintec 28	202
sps	161
sronyx	202
ssd	238
STEQEYMA	222
sterile water for irrigation	161
STIMUFEND	71
STIOLTO RESPIMAT	59
STIVARGA	46
STOBOCLO	217
STRENSIQ	168
STREPTOMYCIN SULFATE	11
STRIBILD	23
SUBLOCADE	105
subvenite	117
SUCRAID	168
sucralfate	177
sulfacetamide sodium	169
SULFACETAMIDE SODIUM/PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	171
sulfadiazine	11
sulfamethoxazole/trimethoprim	11
sulfamethoxazole/trimethoprim ds	11

Tên thuốc	Số trang
sulfasalazine	12
sulindac	105
sumatriptan	120
sumatriptan succinate	120
sunitinib malate	46
SUNLENCA	23
syeda	202
SYMDEKO	234
SYMPAZAN	117
SYMPROIC	179
SYMTUZA	23
SYNAREL	208
SYNJARDY	195
SYNJARDY XR	195
SYNTHROID	216
TABLOID	47
TABRECTA	47
tacrolimus	224
tacrolimus	246
TACROLIMUS ER	224
tadalafil	96
tadalafil	236
TADLIQ	236
TAFINLAR	47
TAGRISSO	47
TAKHZYRO	89
TALZENNA	47
tamoxifen citrate	207
tamsulosin hydrochloride	62
tarina 24 fe	203
tarina fe 1/20 eq	203
TARPEYO	187
tasimelteon	127
TAVALISSE	69
TAVNEOS	217
tazarotene	246
taziceF	12
TAZVERIK	47
TDVAX	55
TECENTRIQ	48
TECENTRIQ HYBREZA	48
telmisartan	94
telmisartan/amlodipine	82
telmisartan/hydrochlorothiazide	94
temazepam	127
temsirolimus	48
TENCON	105
TENIVAC	55
tenofovir disoproxil fumarate	23
TEPMETKO	48
terazosin hcl	72
terazosin hydrochloride	72
terbinafine hcl	16
terbinafine hydrochloride	16
terbutaline sulfate	64
terconazole	238
teriflunomide	225
TERIPARATIDE	209
testosterone	187
testosterone cypionate	187

Tên thuốc	Số trang
TESTOSTERONE ENANTHATE	187
testosterone pump	187
TETANUS/DIPHTHERIA TOXOIDS-ADSORBED ADULT	56
tetrabenazine	149
tetracycline hydrochloride	12
TEVIMBRA	48
THALOMID	228
THEO-24	248
theophylline	248
THEOPHYLLINE ER	248
thioridazine hydrochloride	145
thiotepa	48
thiothixene	145
THYMOGLOBULIN	224
tiadylt er	86
tiagabine hydrochloride	117
TIBSOVO	48
ticagrelor	68
TICOVAC	57
tigecycline	12
tilia fe	203
timolol maleate	78
timolol maleate	173
timolol maleate ophthalmic gel forming	173
tinidazole	18
tiotropium bromide	59
TIROSINT-SOL	216
tis-u-sol	161
TIVICAY	23
TIVICAY PD	23
tizanidine hcl	61
tizanidine hydrochloride	61
TOBI PODHALER	12
TOBRADEX	171
TOBRADEX ST	171
tobramycin	12
tobramycin	169
tobramycin sulfate	12
tobramycin/dexamethasone	171
tofacitinib citrate	222
tofacitinib citrate er	222
tolterodine tartrate	247
tolterodine tartrate er	247
tolvaptan	160
TONMYA	128
topiramate	117
topotecan hcl	48
topotecan hydrochloride	48
toremifene citrate	207
torsemide	160
TOUJEO MAX SOLOSTAR	195
TOUJEO SOLOSTAR	195
tovet	242
TPN ELECTROLYTES	166
TRADJENTA	195
tramadol hydrochloride	105

Tên thuốc	Số trang
tramadol hydrochloride/acetaminophen	105
trandolapril	94
tranexamic acid	65
tranylcypromine sulfate	146
TRAVASOL	159
travoprost	173
trazodone hydrochloride	146
TRELEGY ELLIPTA	187
TRELSTAR MIXJECT	208
TREMFYA	242
TREMFYA	246
TREMFYA INDUCTION PACK FOR CROHNS DISEASE/ULCERATIVE COLITIS	242
TREMFYA PEN	242
treprostinil	236
TRESIBA	196
TRESIBA FLEXTOUCH	196
tretinoin	48
tretinoin	244
triamcinolone acetonide	187
triamcinolone acetonide	242
triamcinolone acetonide dental paste	242
triamterene/hydrochlorothiazide	160
triderm	243
trientine hydrochloride	182
tri-estarylla	203
trifluoperazine hcl	146
trifluoperazine hydrochloride	146
TRIFLURIDINE	169
TRIHEXYPHENIDYL HYDROCHLORIDE	124
TRIJARDY XR	196
TRIKAFTA	234
tri-legest fe	203
tri-lo-estarylla	203
tri-lo-sprintec	203
trimethoprim	25
tri-mili	203
trimipramine maleate	146
TRINTELLIX	146
tri-sprintec	203
TRIUMEQ	24
TRIUMEQ PD	24
tri-vylibra	203
tri-vylibra lo	203
TROPHAMINE	159
trospium chloride	248
trospium chloride er	247
TRULICITY	196
TRUMENBA	57
TRUQAP	48
TRUXIMA	48
TRYNGOLZA	75
TRYVIO	236
TUKYSA	48
TURALIO	48

Tên thuốc	Số trang
turqoz	203
TWINRIX	57
TYBLUME	203
TYBOST	230
tydemy	203
TYMLOS	209
TYPHIM VI	57
TYRVAYA	173
TYSABRI	228
UBRELVY	120
UDENYCA	71
UDENYCA ONBODY	71
unithroid	217
ursodiol	178
UZEDY	146
valacyclovir hydrochloride	24
VALCHLOR	243
valganciclovir	24
valganciclovir hydrochloride	24
valproate sodium	118
valproic acid	118
valsartan	95
valsartan/hydrochlorothiazide	94
VALTOCO 10 MG DOSE	118
VALTOCO 15 MG DOSE	118
VALTOCO 20 MG DOSE	118
VALTOCO 5 MG DOSE	118
valtya 1/35	203
valtya 1/50	203
VANCOMYCIN	14
VANCOMYCIN HCL	12
vancomycin hydrochloride	13
VANCOMYCIN HYDROCHLORIDE/DEXTROSE	12
VANFLYTA	49
VANRAFIA	237
VAQTA	57
varenicline starting month	59
varenicline tartrate	59
varenicline tartrate continuing month	62
VARIVAX	58
VARIZIG	55
VAXCHORA	58
VECTIBIX	49
velivet	203
VELTASSA	161
VENCLEXTA	49
VENCLEXTA STARTING PACK	49
VENLAFAXINE BESYLATE ER	147
venlafaxine hydrochloride	147
venlafaxine hydrochloride er	147
VEOZAH	128
VEPPANU	49
verapamil hcl er	87
verapamil hcl sr	87
verapamil hydrochloride	87
verapamil hydrochloride er	87

Tên thuốc	Số trang
verapamil hydrochloride sr	87
VEREGEN	246
VERKAZIA	171
VERQUVO	96
VERSACLOZ	147
VERZENIO	49
VESICARE LS	248
vestura	203
VIBERZI	174
vienva	203
vigabatrin	118
VIGAFYDE	118
VIJOICE	230
vilazodone hydrochloride	147
VIMKUNYA	58
VINBLASTINE SULFATE	49
vinorelbine tartrate	49
viorele	203
VIRACEPT	24
VIREAD	24
VITRAKVI	50
VIVITROL	129
VIVOTIF	58
VIZIMPRO	50
VONJO	50
VOQUEZNA DUAL PAK	14
VOQUEZNA TRIPLE PAK	14
VORANIGO	50
voriconazole	16
VOSEVI	24
VOWST	181
VOXZOGO	230
VOYDEYA	229
VOYXACT	224
VPRIV	169
VRAYLAR	147
vyfemla	203
vylibra	203
VYNDAMAX	87
VYVGART HYTRULO	225
VYXEOS	50
WAINUA	226
WAKIX	111
warfarin sodium	68
WAYRILZ	69
WEGOVY	196
WELIREG	50
wera	203
WINREVAIR	235
wixela inhub	64
wymzya fe	203
WYOST	217
XALKORI	50
xarah fe	203
XARELTO	69
XARELTO STARTER PACK	69
XATMEP	50
XCOPRI	118
XDEMVY	169
xelria fe	203
XEOMIN	231

Tên thuốc	Số trang
XERMELO	174
xifaxan	14
XIIDRA	171
XOLAIR	224
XOLREMDI	71
XOSPATA	51
XPOVIO	51
XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY	51
XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY	51
xromi	51
XTANDI	51
xulane	203
XURIDEN	25
XYWAV	128
yargesa	168
YERVOY	51
YESINTEK	222
YF-VAX	58
YONDELIS	51
YONSA	52
YORVIPATH	209
yulithira	52
YUTREPIA	237
yuvafem	207
zafemy	203
zafirlukast	232
zaleplon	127
ZALTRAP	52
ZARXIO	71
ZEGALOGUE	197
ZEJULA	52
ZELBORAF	52
ZELSUVMI	239
zelvysia	167
ZEMAIRA	65
zenatane	246
ZENBEXUS	52
ZENPEP	179
ZEPOSIA	228
ZEPOSIA 7-DAY STARTER PACK	228
ZEPOSIA STARTER KIT	228
ZERBAXA	14
zidovudine	24
ZILBRYSQ	225
ZIMHI	129
ZINPLAVA	55
ziprasidone hcl	148
ziprasidone mesylate	148
ZIRGAN	170
ZOKINVY	168
ZOLEDRONIC ACID	227
ZOLINZA	52
zolmitriptan	121
zolmitriptan odt	121
zolpidem tartrate	127
ZONISADE	119
zonisamide	119
ZOSYN	14
zovia 1/35	203

Tên thuốc	Số trang
ZTALMY	119
zumandimine	204
ZURNAI	129
ZURZUVAE	148
ZYCUBO	166
ZYDELIG	52
ZYKADIA	52
ZYMFENTRA 2-PEN	222
ZYMFENTRA 2-SYRINGE	223
ZYPREXA RELPREVV	148

Danh mục thuốc này đã được cập nhật vào tháng 9 năm 2026. Để biết thông tin mới nhất hoặc nếu có thắc mắc khác, vui lòng liên lạc Bộ phận Dịch vụ Khách hàng Dược phẩm của CareOregon Advantage theo số 866-325-7344 (người dùng TTY vui lòng gọi số 711), từ 8 giờ sáng đến 8 giờ tối, bảy ngày một tuần, từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 31 tháng 3, và từ 8 giờ sáng đến 8 giờ tối, từ Thứ Hai đến Thứ Sáu, từ ngày 1 tháng 4 đến ngày 30 tháng 9.

CareOregon Advantage Plus là HMO D-SNP có hợp đồng Medicare/Medicaid. Việc đăng ký CareOregon Advantage Plus phụ thuộc vào việc gia hạn hợp đồng.

Dịch vụ Khách hàng Tiệm thuốc tây CareOregon Advantage

Gọi miễn phí: 866-325-7344, TTY 711

Giờ làm việc:

8:00 sáng - 8:00 tối, bảy ngày một tuần, từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 31 tháng 3

8:00 sáng - 8:00 tối, Thứ Hai đến Thứ Sáu, từ ngày 1 tháng 4 đến ngày 30 tháng 9

H5859_CO2027_CFO_C

careoregonadvantage.org

COA-261245500-VI-0929